

Hòa Thượng Duy Lực Khai Thị CUỐI CÙNG TẠI HOA KỲ

--o0o--

Mục lục:

Trang 1

- Khai thị tham Tổ Sư thiên.
- Thế nào là vạn pháp quy tâm?
- Trách nhiệm và vô trách nhiệm.
- Tham thiền không đọc kinh phải không?
- Tại sao Phật nói nhiều kinh?
- Tại sao các thừa lại có cao thấp?
- Châu Lợi Bàn Đạc Ca tu Sở Tứ quán.
- Chánh biến tri và vô sư trí là như thế nào?
- Cần phải nhớ hay không?
- Giác và tri như thế nào?
- Có người hỏi Hòa Thượng Hư Vân.
- Làm sao tin một pháp môn để tu?
- Tự lực và tha lực của Ngài Hư Vân.
- Quán chúng sanh như nhà ảo thuật.
- Kiết tập có phân ra kinh không?
- Cúng dường Phật không bằng tu tứ cú kệ.
- Tâm không định làm sao tham thiền được?
- Tận cùng cái biết sẽ đến chỗ không biết.
- Đã Giác sao chia kiến, văn, giác, tri.
- Có phải Tam Ma Địa là đại định không?
- Ngũ thời, bát giáo là gì?
- Thế nào là không tịch?
- Không tịch thì ai còn có phiền não?
- Chẳng lấy bất liễu nghĩa của Như Lai.
- Khuyến niệm danh hiệu Phật A Di Đà.
- Thế nào ấn chứng chơn tam muội?
- Nhập định không thấy mình định.
- Khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa.
- Tiểu thừa chưa dứt nhất niệm vô minh.
- Tối Thượng thừa gồm tất cả thiên.

Trang 2

- Thoại đầu của Ngài Lâm Tế đúng không?
- Có Tối Thượng Thừa thiên nào khác?
- Trung thừa dùng kinh nào để tu?
- Không bắt đầu, không cuối cùng.
- Pháp giả huyền, nên chẳng cấp bậc.
- 4 bài kệ chữ TRI của Ngài Vĩnh Gia.
- Nam Tuyên ngữ lục.
- Có câu thoại đầu thấy mình còn tỉnh.
- Tham câu thoại đầu là khởi nghi tình.
- Đi kinh hành tham thiền như thế nào?

Trang 3

- Sao Thầy chỉ dạy 1 pháp môn?
- Tối Thượng thừa thích hợp xã hội nào?

- Thầy nói ngộ hay đệ tử nói ngộ?
- Kiến tánh không ăn chứng thì biết không?
- Thưa Thầy, Tôi nghĩ như thế này.
- Thế nào là vô tu vô chứng?
- Bạc Thánh, phàm phu phải hai chãng?
- Thế nào là tháo đĩnh gỡ chốt?
- Thắc mắc khác, muốn tìm hiểu.
- Trung âm chết 7 lần giống nhau không?
- Con cháu hướng về Phật vì người chết.
- Tịnh Độ cầu Tây Phương, Tổ Sư thiên?
- Tu đến đâu giải ngộ rồi kiến tánh.
- Dẫn thần thức đi đâu thai đến chỗ tốt.
- Thế nào là lia ý thức?
- Làm sao đến chỗ vô niệm?
- Khai thị đoạn văn của Ngài Trung Phong.
- Tại sao Phật nhập Niết Bàn sớm?
- Thế nào là du hý thần thông?
- Xưa chứng quả nhiều, nay ít chứng quả.

Trang 4

- Tìm hiểu, vậy có thể chứng ngộ không?
- Tu chặt chẽ để kiến tánh phải không?
- Thế nào là thể, tướng, dụng?
- Thế nào là giữ giới?
- Nói tội bạn, có để ý người khác không?
- Nếu không ngộ thì chặt đầu lão Tăng.
- Thế nào là Mật tông?
- Tội từ khởi lậy tâm sám.
- Sự đi khát thực của các thừa.
- Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa.
- Phân biệt khai ngộ và liễu ngộ.
- Huệ Năng nghe kinh Kim Cang khai ngộ.
- Lý do ngộ không cần kinh điển?
- Giúp người tu Tổ Sư thiên có niềm tin.
- Thế nào là khai, giá, tri, phạm?
- Thọ tam quy ngũ giới nên ăn chay trường.
- Giới ảnh hưởng tu Tổ Sư thiên không?
- “Vô trụ” có phải là biên kiến không?
- Có nghi tình thì vọng tưởng lạng mất.
- Nghi tình thì không có gì cả.
- Không biết nghi tình, phải vô niệm không?
- Tâm lo mất thì tâm loạn.
- Giúp người thì có kiến thức phải không?
- Phương pháp nào để tham thiền dễ dàng?
- Thế nào tham, sân, si giảm bớt?
- Nói đến tâm thì có cái ta phải không?
- Tham nổi lên thì quán vô thường.
- Mình làm người ta chướng ngại.
- Nam Tuyền chém mèo.
- Những người tu vì thần thông.
- Sao Tham thiền dễ mà người ta không tu?

- Thế nào là tứ cú và có từ đâu?
- Nhiều câu thoại đầu, ý khác không?
- Có phải thấy được là nhờ bộ óc không?
- Thức nào khi thân chết vẫn còn?
- Giữ oai nghi từ cấp mà lên.
- Tiệm giáo đều phải phá ngã chấp.
- Lia tứ cú là có ý niệm lia phải không?
- Phật tử có quyền nuôi mèo không?
- Giận, ghét,... nguyên nhân từ đâu?

Trang 5

- Thọ Tỳ Kheo, có quy định không?
- Có phải tâm là bộ não không?
- Thế nào là nghi tình?
- Phương pháp của Tào Sơn như thế nào?
- Cảnh giới làm sở chứng Tổ Sư thiên.
- Thế nào là chữ “KHÔNG” của nhà Phật?
- Tin tự tâm thì không nhân quả.
- Có ai ra khỏi chiêm bao chưa?
- Tham thiền sao biết tiến bộ đến đâu?
- Mặc chiếu là nhìn lại tâm của mình.
- Tánh là gì?
- Tại sao tham thiền hay chán?
- Ngồi hay đi thì vọng tưởng làm sao bỏ?
- Con trâu qua song cửa sổ.
- Biết thế nào là tà thiên và chánh thiên?

Trang 6

- Cho người đó thuộc đệ tử mình.
- Ai đầu tiên khởi xưng Tổ Sư thiên?
- Đi tham được thì lúc ngồi làm thế nào?
- Đầu óc tán loạn thì nghi tình nổi lên.
- Đôi câu thoại đầu được không?
- Lo lắng có phải là chấp ngã không?
- Nghi tình chưa đủ thì tâm chấp còn.
- Ví dụ trong động có tịnh.
- Phật pháp đi ngược dòng phải không?
- Tu Tổ Sư thiên bị gió nghiệp thổi không?
- Lời khai thị.
- Bốn lai vô nhất vật, cái gì để lia cái gì?
- Xá lợi, phân chia bốn hướng tám phương.
- Có cách nào để phá ngã chấp?
- Phật pháp có cái gì tuyệt đối không?
- Tu pháp nào để làm vua làm giàu?
- Người đầu thai thú thì người ra sao?
- Thế nào là ngày hội Long Hoa?
- Dùng không biết để chấm dứt biết.
- Chơn Tâm hiện thành Đại Viên Cảnh Trí.
- Sao trong Phật học có nhiều cái ‘không’?
- Sắc tức là không, không tức là sắc.
- Cái ‘không’ nương vào đâu?
- Tại sao còn phá luôn Niết Bàn?

- Nhiều xá lợi không bằng câu chuyện ngữ.
- Trí huệ và từ bi, cái nào quan trọng hơn?
- Có phải kiến tánh mới độ gia đình?
- Muốn xuất gia phải có điều kiện gì?
- Thuyết pháp cho người nghe là đã độ.
- Tứ tướng.

Trang 7

- Khởi niệm đều là tương đối.
- Sao nói là nhận giặc làm con?
- Dùng định huệ song tu được không?
- Có phải quán là đã khởi niệm?
- Sao không thấy Lục Tổ tu pháp nào?
- Người đó thì chướng ngại cái gì?
- Thế nào niệm Phật đúng ý Lục Tổ?
- Truyền thừa Ngũ gia tông phái.
- Cư sĩ phạm giới tà dâm thì phải làm sao?
- Thế nào là khai, giá, trì, phạm?
- Vọng tưởng hết có phải vào định chưa?
- Hoi và nhìn không chỗ tập trung.
- Chân lý vũ trụ chỉ có một.

Trang 8

- Tham thiền không cầu, chỉ hỏi và nhìn.
- Tham thiền chấp chỗ không cầu thì sao?
- Giải ngộ dễ dứt tập khí không?
- Động đất là nhân quả của loài người.
- Vậy làm sao hết cái nhân quả đó?
- Nếu còn nhớ tham thoại đầu thì sao?
- Hành khởi giải tuyệt.
- Sinh viên còn học, tìm hiểu và ghi nhớ.
- Sự phát triển của mạng lưới internet.
- Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.
- Giữ giới để định rồi mới có huệ.
- Thế nào Tổ Sư thiền của Lâm Tế?
- Tại sao Thiền quán tưởng không ngộ?
- Sức tâm Niệm Phật và tham thiền.
- Thế nào là Đệ Nhất Nghĩa Đế?
- Đọc phân Bá Trượng ngữ lục.
- Đệ tử kiến tánh về chùa độ bốn Sư.
- Hàng nhị thừa sau phá pháp chấp.

Lời Nói Đầu

Năm 1988 Hòa thượng Duy Lực đến Hoa Kỳ sáng lập Thiền đường Từ Ân và hoàng pháp nơi đây, còn đi thuyết pháp Thiền tông trên thế giới, như các nước Ca Na Da, Đài Loan, Úc,... rồi cuối năm 1999 Ngài viên tịch.

Phần nhiều các vị ở các nước ngoài cũng như trong nước dạy Tổ Sư thiền đều giải công án hay giải thoại đầu, cũng có vị nhìn câu thoại đầu như một hồng danh Phật để dứt trừ vọng tưởng, ấy là sai lầm.

Tất cả kinh điển đại thừa Phật Giáo và ngữ lục của Tổ kiến tánh triệt để, đều mục đích chấm dứt nguồn suối ý thức, vì “nhất thiết duy tâm, vạn pháp duy thức”, mà bấy chỗ tìm tâm của A Nan chẳng được.

Bởi vậy, Hòa thượng Duy Lực khai thị cho đồ chúng là để tăng cường niềm tin tự tâm, cho người tham học tin sâu “chính mình là Phật”, chỉ vì do “biết” và “không biết” của ý thức làm chướng ngại nên Phật tánh không được hiện ra.

Chúng tôi ghi chép lại lời khai thị trong 20 cuốn băng cuối cùng tại Từ Ân Hoa Kỳ, để thuận tiện cho người tu học Phật pháp và nhất là người tu Tổ Sư Thiền được rõ ràng chính xác thực hành. Việc làm này không khỏi sai sót, xin các độc giả biết chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

Trang 1

Khai thị:

Thoại đầu là trước khi chưa có lời nói, nghĩa là chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoại đầu, nếu khởi ý niệm lên là thoại vị; tham là hỏi câu thoại để kích thích lên niệm không hiểu không biết, khán là nhìn chỗ không biết, muốn biết chỗ không biết đó là gì? Chỗ không biết đó thì không có chỗ, không có chỗ nên không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không biết gì thì chỗ không biết đó là nghi tình.

Hành giả tham thiền hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu, 2 cái đi song song để giữ nghi tình, nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu, thoại đầu là vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào trăm thước, cũng là nguồn gốc ý thức, từ đầu sào trăm thước bước thêm một bước là sát na lia ý thức gọi là kiến tánh.

Hỏi: Thế nào là vạn pháp quy tâm?

Đáp: Vạn pháp quy tâm là người có tư tưởng chấp thật mới nói như vậy. Vạn pháp là tâm, tâm là vạn pháp thì mới đúng, vạn pháp với tâm không có hai. Nếu tâm là tâm, vạn pháp là vạn pháp, tức có hai là tương đối.

Bản lai diện mục của bản tâm không có tương đối, tức vạn pháp là tâm, tâm là vạn pháp, chứ không phải hai cái. Cho nên, tất cả đều do tâm tạo, năng lượng đều phát từ tâm. Vật chất là do nhiều nguyên tử tổ chức thành, như cái bàn này yên tịnh, nhà khoa học biết cái bàn có hai thứ lay động:

1. Lay động xoay theo quả đất, quả đất xoay xung quanh mặt trời, vận tốc 180.000 km/giờ.
2. Mỗi hạt nguyên tử ở giữa có một trung tử, chu vi có nhiều điện tử cũng đang xoay, ngày đêm xoay hoài không bao giờ ngưng; bây giờ đem cái bàn này chặt tan nát, nhưng mỗi hạt nguyên tử vẫn còn xoay không bao giờ ngưng, vận tốc là ½ ánh sáng, vận tốc ánh sáng 300.000 km/giây. Chiếc xe hơi chạy vận tốc 100 miles/giờ đã thấy nhanh quá rồi. Còn vận tốc điện tử chớp mắt là 150.000 km/giây. Nhà khoa học mang kính hiển vi thấy rõ ràng.

Sức xoay phải có năng lượng, vậy năng lượng của nó từ đâu mà có? Tốc độ nó xoay nhanh như vậy, có năng lượng cung cấp nó xoay không? Theo mình thấy rõ ràng không có năng lượng. Không có năng lượng tại sao có sức xoay vậy? Không có ai giải đáp được.

Phật đã nói: “Tất cả do tâm tạo”, tức năng lượng là tâm; Lục Tổ nói rõ trong Pháp Bảo Đàn: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động”, tức là năng lượng từ tâm, tâm động thì gió mới động, tâm động thì phướn mới động. Nhưng người ta tin không nổi, nên phải ngộ mới được.

Mình ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh được tự chứng phần mới chứng tỏ, còn bây giờ Phật nói thì không tin, vì chưa được tự chứng phần nên tin không nổi. Phật muốn mình tự chứng phần rồi được chứng tỏ. Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ và ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phỉ báng Phật”.

Sự thật, mình đang dùng cái tâm này, tâm như hư không vô sở hữu. Nếu không có hư không vô sở hữu thì mình không thể thấy nhau, không thể nói chuyện với nhau được, hàng ngày nói năng tiếp khách, ăn uống đều không được. Cho nên, Phật pháp nói không là dụng của tâm, không cũng là cái thể của tâm, vạn pháp cũng là thể của tâm, cũng là dụng của tâm.

Vì tâm cùng khắp không gian khắp thời gian thì vạn pháp đều ở trong tâm, không có cái nào ở ngoài tâm. Nên nói: “Ngoài tâm không có pháp”, tại sao còn nói ‘vạn pháp quy tâm’? Vậy những người nói ‘vạn pháp quy tâm’ là tư tưởng chấp thật thì còn nằm trong tương đối.

Hỏi: Có phải trách nhiệm và vô trách nhiệm đều không có chăng?

Đáp: Vì chấp thật nên mới có trách nhiệm hay vô trách nhiệm, cái đó là tương đối. Nếu hiện được bản lai diện mục của tâm thì không còn tương đối, cái dụng đặt tên là bát nhã luôn luôn khắp không gian khắp thời gian. Vậy đâu có ngoài trách nhiệm? Khởi cần dùng nhưng nó vẫn dùng.

Cảm giác của lớp da gọi là xúc giác khắp không gian và khắp thời gian của cơ thể, nếu tiếp xúc nó thì nó biết, nhưng không có tiếp xúc nó, vậy nó có biết không? Nó cũng biết. Vì cái dụng của nó sẵn sàng tự động, đánh mạnh nó cũng biết đau, đánh nhẹ nó cũng biết không đau, ngứa nó cũng biết, không ngứa nó cũng biết, nửa đêm mình ngủ bị muỗi cắn thì tay tự động gãi chỗ đó; tức là 24/24 ngày đêm cảm giác không gián đoạn, không phải qua bộ óc suy nghĩ rồi mới dùng, dụng của nó tự động khắp không gian khắp thời gian của cơ thể.

Bát Nhã của tâm mình dùng luôn luôn khắp không gian khắp thời gian, làm sao có trách nhiệm hay vô trách nhiệm? Như nói cảm giác của lớp da là trách nhiệm hay vô trách nhiệm thì không đúng. Vì nó luôn luôn dùng, mình có trách nhiệm nó cũng dùng, không có trách nhiệm nó cũng dùng, nó đâu có liên quan đến trách nhiệm hay vô trách nhiệm! Nó không khi nào bỏ trách nhiệm, mà nó không khi nào nói là có trách nhiệm. Bản lai diện mục cũng như vậy, kiến tánh là hiện bản lai diện mục của tâm.

Chấp thật mới có tương đối, tranh biện, thị phi, tốt xấu, yêu ghét,... Có kiến lập lý hay không lý thì phải có sở hữu nên bị hạn chế cái dụng. Bởi vì, hư không trống rỗng thì không có nghĩa lý, rồi đem hư không hạn chế lại đủ thứ nghĩa lý giảng ra rất hay. Nếu mình tin được tự tâm thì tất cả không có cái nào ở ngoài tâm.

Tâm có tánh giác ngộ nên gọi là Phật tánh, tâm cùng khắp hư không chẳng có khứ lai nên gọi là Như Lai, tâm khắp thời gian không gián đoạn, không sanh diệt nên gọi là Niết Bàn; cái dụng gọi là Bát Nhã vì không cần tác ý, khởi cần dùng mà tự động dùng. Như cảm giác của lớp da không cần dùng nó vẫn dùng.

Luân hồi là do chấp tâm mới có, tức là tâm mình hoạt động, như thân mình xoay mới thấy căn nhà xoay, nhưng căn nhà không có xoay. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, tại tâm mình hoạt động nên mới thấy sanh tử luân hồi.

Tiểu thừa tu Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo), có pháp thiền là Ngũ Định Tâm Quán để định chỉ tâm hoạt động. Bây giờ phần nhiều người ta thực hành Sổ Tức Quán là đếm hơi thở từ 1 đến 10, rồi ngược lại từ 10 lui về 1, một số ít tu Bất Tịnh Quán, còn 3 thứ quán kia là Lục Thức Quán, Nhân Duyên Quán, Từ Bi Quán, ít thấy người ta tu. Đó là 5 thiền quán của thừa Thanh Văn. Mục đích thừa Thanh Văn là dứt lục căn, vì họ chấp thật lục căn thì phải có lục trần, theo triết lý gọi là Chủ Quan Duy Vật Luận.

Trung thừa là thừa Duyên Giác tu Thập Nhị Nhân Duyên (quán từ vô minh đến lão tử, 12 nhân duyên tuần hoàn). Mục đích thừa Duyên Giác dứt nhất niệm vô minh; cuộc sống hàng ngày mình đều dùng nhất niệm vô minh, từ niệm này qua niệm khác liên tiếp không ngừng, so với Thanh Văn thì tiến hơn một bước, nhưng vẫn còn ở trong tương đối. Thừa Thanh Văn chỉ phá nhân ngã chấp, tới Duyên Giác thì phá luôn pháp chấp, nên gọi là Chủ Quan Duy Tâm Luận.

Đại thừa là Bồ Tát thừa tu 6 Ba La Mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ), có 3 thứ thiền quán ghi ở trong kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác, mà người dịch không dịch nghĩa, chỉ có dịch âm, gọi là: Sa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na. Trong kinh Viên Giác đem 3 thứ thiền quán này đảo đi đảo lại thành 25 thứ, ở kinh Lăng Nghiêm chỉ nói 3 thứ này. Trong kinh Viên Giác diễn tả kỹ hơn. Đáng lẽ, tâm pháp không thí dụ, nhưng Phật miễn cưỡng ở trong kinh này mà thí dụ:

- Sa Ma Tha như gương soi các tướng, là cực tịnh nhưng nó đang dùng, như người nam đến hiện người nam, người nữ đến hiện người nữ, bất cứ cái gì đến đều hiện.

- Tam Ma Bát Đề còn gọi là Tam Ma Đề, như lúa mạ dần dần tăng trưởng, vì cái này biến hóa. Biến hóa từng sát na nhưng mình không thấy biến hóa, thực tế mình thấy lúa mạ tăng trưởng. Đó gọi là thiền quán Tam Ma Bát Đề.

- Thiền Na thí dụ âm thanh trong chuông trống, chuông trống có âm thanh, nhưng mình không thấy nghe được, khi đánh thì âm thanh ra, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhẹ thì tiếng nhỏ, mà lại không bị chuông trống hạn chế, vượt ra ngoài xa chuông trống.

Đại thừa của Trung Quốc có 4 tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức.

Tam quán của tông Thiên Thai giống như 3 thiền quán kinh Lăng Nghiêm, giống chứ không phải thay thế được. Sa Ma Tha giống như Không Quán (quán không), Tam Ma Bát Đề giống như Giả Quán, Thiền Na giống như Trung Quán. Vì thực tế không có danh từ để dịch, nên người ta chỉ dịch âm. Sắc pháp thì có danh từ mới có thể dịch, còn tâm pháp không hình tướng không có số lượng nên rất khó dịch.

Từ tiếng Phạn dịch sang qua tiếng Trung Hoa còn dễ, vì thời xưa có Lão Tử, Trang Tử cũng có nhiều danh từ tâm pháp, nếu bây giờ dịch sang tiếng Anh rất khó. Vì khoa học là những thứ có hình tướng, về danh từ tâm pháp rất ít.

Vừa rồi nói Tiểu thừa là Duy Vật, Trung thừa là Duy Tâm, Đại thừa là Tâm và vật hợp một. Lục Tổ nói Thiền tông (Tối Thượng thừa) là phi Tâm phi vật, tức là siêu việt tâm và vật, cách tu là tham công án, tham thoại đầu.

Hỏi: Tham Tổ Sư thiền không còn đọc kinh phải không?

Đáp: Kinh là dạy tu phá chấp của tất cả chúng sanh, cho đến những người chứng quả cũng phá luôn. Như Tâm Kinh của tôi lược giải phá từ phàm phu, Tiểu thừa, ... cho đến Nhất Phật thừa, có tri giải đều phá. Phá hết tất cả không còn cái gì nữa (trống rỗng) thì cái dụng cùng khắp không gian và thời gian, tức là những cái đó là do ý thức kiến lập. Nếu sát na lìa ý thức thì được kiến tánh. Bây giờ mình theo ý thức từ niệm này qua niệm khác.

Tánh con người nghe đến đâu thì chấp đến đó. Có Tăng hỏi, Nam Tuyên đáp, đáp cái nào thì Tăng chấp đến đó. Bất cứ chấp vào cái gì đều không được. Vì tánh con người hay muốn tri giải, nhưng cái đó là chướng ngại sự kiến tánh, nên ngài Long Thọ thí dụ “Tâm như hư không vô sở hữu”. Nếu tâm mình vô sở hữu thì cái dụng bằng Phật khắp không gian khắp thời gian không có gì hạn chế.

Vô sở hữu thì không có, hư không vô sở hữu thì không có hư không, tâm vô sở hữu thì không có tâm. Không có tâm là lời nói, chứ tâm thì không thể tiêu diệt được, cũng như hư không thì không thể tiêu diệt, nhưng chẳng thể dính líu có, không. Cho nên, kinh Phật hay ngữ lục của chư Tổ nói đến ‘không’ là dụng, dụng thì phải ‘không’, ‘không’ thì phải trống rỗng, trống rỗng mới hiển bày được cái dụng. Cuộc sống hàng ngày mình đang dùng cái tâm mình mà mình không biết.

Hỏi: Tại sao Phật nói nhiều kinh?

Đáp: Vì muốn phá cái biết của bộ não, chư Tổ cũng vậy. Cái biết của bản tâm luôn luôn dùng, nhưng không phải cái biết và không biết của bộ óc (ý thức). Vì cái biết và không biết của ý thức làm chướng ngại cái biết của bản tâm. Cho nên, sát na lìa ý thức là bản tâm hiện ra.

Người tham học mới vào cửa, Lâm Tế liền hét. Người tham học mới vào cửa, Đức Sơn liền đánh. Những hành động của Tổ là muốn chặn ngang đường suối ý thức. Nếu lúc đó lìa được ý thức thì ngay đó kiến tánh. Còn lìa ý thức chưa được thì phải phát nghi (không hiểu), như Lâm Tế bị Hoàng Bá đánh 3 lần phát nghi nặng, rồi sau này ngộ triệt để. Tất cả công án, thoại đầu của chư Phật chư Tổ đều vậy. Ngộ là hiện lên bản tâm của mình, chứ không phải ngộ đáp án của câu thoại hay công án.

Sự hiểu biết của ý thức là biết những danh từ, như tâm mà ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì không ai biết! Người ta thường nói ‘trí Bát Nhã’, trí Bát Nhã là cái gì? Trí Bát Nhã chỉ là danh từ, mà mình đang dùng cũng chẳng tự biết. Trí Bát Nhã luôn luôn khắp thời gian, khắp thời gian thì nó đang dùng, khắp không gian thì chỗ nào cũng hiện cái dụng.

Như cảm giác của lớp da của cơ thể không bao giờ ngưng, nếu có ngủ mê cũng không ngưng cảm giác. Mình tiếp xúc thì nó biết tiếp xúc, mình không tiếp xúc thì nó cũng biết không tiếp xúc; nếu tiếp xúc đau thì nó cũng biết đau, đau nhiều đau ít nó đều biết, ngứa nó biết ngứa, không ngứa nó cũng biết không ngứa. Như đụng đến tay, không những tay biết, mà những chỗ khác đều cũng biết. Vì nó khắp không gian, không phải chỉ có một chỗ.

Cho nên, dụng chỗ nào thì toàn thân đều biết, bất cứ thời gian nào nó cũng đang dùng. Như ban đêm mình ngủ mê bị muỗi cắn, tự động gãi chỗ đó. Không phải có tiếp xúc mới hiện ra cái dụng, mà không tiếp xúc cũng hiện ra dụng. Nếu không dùng thì sao biết không tiếp xúc? Nó làm sao biết không đau không ngứa? Tiếp xúc lạnh nó biết lạnh, tiếp xúc không lạnh nó biết không lạnh. Nóng nó biết nóng, không nóng nó biết không nóng; nên cái dụng nó không bao giờ ngưng, mới là khắp thời gian. Trí Bát Nhã của mình cũng vậy.

Bây giờ, mình là phàm phu nhưng cũng có hiện ra cái dụng chút ít, nếu quét sạch những chướng ngại được trống nhiều thì có cái dụng lớn, trống rỗng không còn cái gì nữa thì bằng cái dụng của Phật. Mục đích tất cả kinh của Phật là quét sạch những chướng ngại mà thôi.

Hỏi: Tại sao các thừa lại có cao thấp?

Đáp: Tiểu thừa chưa đến cứu cánh, chỉ phá nhân ngã chấp được ra khỏi phần đoạn sanh tử, không đi đâu thai trong lục đạo (trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục), nhưng biến dịch sanh tử chưa dứt, cần phải tiến thêm nữa. Họ cất nhà ở giữa đường mà cho là đã đến nơi, kinh Pháp Hoa nói: “Tiểu thừa chưa đến bảo sở”. Nên bị Phật quở: “Không thể làm hạt giống Phật”, như hạt lúa bị cháy không làm hạt giống được.

Quả A La Hán là cao nhất của thừa Thanh Văn, chỉ thấy được 1 tam thiên đại thiên thế giới, còn 1 tam thiên đại thiên thế giới khác không biết. Về thời gian chỉ biết 8 muôn kiếp trước và 8 muôn kiếp sau, quả 8 muôn kiếp thì không biết, vì cái dụng của họ có hạn chế.

Cái dụng của Phật không hạn chế, không bị cái gì làm chướng ngại, A La Hán còn chướng ngại, vì có kiến lập Niết Bàn của A La Hán, họ bỏ ngũ uẩn ngã nhưng còn ôm Niết Bàn ngã cho là ta chúng, tức cái ngã vi tế. Nên bị Phật quở, phải bỏ A La Hán tiến lên Đại thừa.

Tiểu thừa phá nhân ngã chấp, Trung thừa phá pháp ngã chấp, Đại thừa phá hết nhân ngã chấp và phá luôn pháp ngã chấp, nhưng lọt vào không chấp (chấp không). Nếu còn chấp cái gì đều không được là có sở trụ, có sở trụ thì chướng ngại cái dụng bản tâm, phải đến cứu kính không còn một chút chướng ngại gì nữa, miễn cưỡng gọi là vô sở hữu.

Vì con người muốn kiến lập sở hữu, luôn cả hư không cũng muốn kiến lập, nên ngài Long Thọ nói: “Hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật”. Bây giờ con người muốn lia cái sở hữu không được, như cho tiền và nhà là sở hữu của tôi,... có sở hữu mới được. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự tâm buộc tự tâm”.

Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói “Châu Lợi Bàn Đặc Ca bạch Phật rằng: Con kém trí nhớ chẳng thể phụng trì, khi mới gặp Phật phát tâm xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai trong một trăm ngày mà chẳng thuộc lòng, hề nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước, Phật thương xót dạy con tu Sổ Tức Quán, con quán hơi thở đến chỗ cùng tột, thấy các hành tướng vi tế dời đổi từng sát na nơi sanh trụ dị diệt tâm, con bỗng ngộ được đại vô ngại phiền não được dứt sạch đắc quả A La Hán, trước mắt của Phật được ấn chứng bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con là xoay về tánh Không là hơn cả”.

Sư Phụ nói Sổ Tức Quán là đếm từ 1 đến 10, rồi đếm ngược từ 10 lại 1. Như trong đây nói là quán hơi thở thay đổi từng sát na thì con thấy giống như Tiểu thừa của thầy Minh Triệu dạy “Khi thở vô biết thở vô, khi thở ra biết thở ra, thở vô ngăn biết thở vô ngăn, thở ra ngăn biết thở ra ngăn”. Sổ Tức Quán theo dõi từng sát na hơi thở, như Sư Phụ nói đếm không cần theo dõi từng sát na của hơi thở đó là ngắn, dài, ra, vào, chậm, nhanh. Như vậy như thế nào?

Đáp: Giống thì giống nhưng chưa phải, như Châu Lợi Bàn Đặc Ca biết từng sát na, còn cô nói là chưa đến từng sát na. Mỗi sát na đều có sanh, trụ, dị, diệt, mà không phải chỉ sát na thôi. Như nhà Phật đem 1 giây chia ra làm 60 sát na và chia thêm là 1 sát na làm thành 60 A, 1 A thành 60 B, 1 B thành 60 C.

Theo toán học biểu thị thời gian 1 C, nhưng tôi vừa nói hiện tại mà chưa nói dứt thì đã qua biết bao nhiêu trăm C rồi. Tôi chỉ mới chia 3 lần, nếu tôi chia thêm 30 lần, 300 lần vẫn còn con số, con số biểu thị thời gian đó, thời gian đó vẫn còn sanh, trụ, dị, diệt. Nhưng ý thức đã không biết (bộ óc không biết), còn cái kia dùng ý thức để biết.

Đếm từ 1 đến 10, rồi đếm ngược từ 10 lại 1, đây là tu bước đầu tiên. Ban đầu từ thô vào tế, như bây giờ từ phút đến giây, đến sát na, sát na đến A đến B đến C,... đó là thiền của Tiểu thừa muốn đình chỉ cái tâm. Còn cô nói là không đình chỉ được cái tâm, cái tâm còn hoạt động rất nhiều, vì còn dùng nó để nhớ để biết, làm sao đình chỉ tâm được?

Nói tổng danh là Ngũ Đình Tâm Quán, đình là đình chỉ, quán chiếu đó là đình chỉ cái tâm. Cách quán này vẫn còn nhất niệm vô minh, chưa đến vô tử vô minh. Bởi họ cứ giữ nhất niệm đó mãi. Còn Trung thừa phá được nhất niệm vô minh, Tiểu thừa chỉ phá được lục căn. Cách tu cô nói là chưa dứt được lục căn, mà cái đó vẫn còn thô chưa đến tế nữa. Châu Lợi Bàn Đạc Ca quán hơi thờ đến chỗ tế rồi.

Quán từ thô vào tế, đi sâu vô mãi, từ tế đến chỗ vi tế. Như cô nói biết được những cái thô, biết dài biết ngắn,... Quán là không cần phải biết những cái cô nói, quán chứ không phải dùng cái biết!

Hỏi: Chánh biến tri và vô sư trí là như thế nào?

Đáp: Chánh biến tri là trí Bát Nhã, vô sư trí là trí không do ai dạy, Phật Thích Ca nói là Pháp Bản Trụ, nó tự như vậy, không phải do thầy truyền cho.

Hỏi: Cần phải nhớ hay không?

Đáp: Không phải nhớ hay quên, tức là chỉ cần giữ không biết (nghĩ tình là không hiểu không biết), hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, khán thoại đầu là nhìn chỗ không biết, chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, không có mục tiêu để nhìn thì nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, vẫn còn không biết mới gọi là nghĩ tình. Không phải không biết của người ngủ mê, chết giấc, bệnh tâm thần.

Nghĩ tình là thắc mắc muốn biết nhưng không biết nổi, không cho tìm hiểu, không cho suy nghĩ, không cho ghi nhớ. Tức là tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt (chấm dứt hoạt động của ý thức).

-Vậy có giống như niệm không?

- Niệm không có nghĩ tình, không có dấu hỏi, còn tham thiền luôn luôn có dấu hỏi.

- Khi mình khởi lên suy nghĩ thì đã có dấu hỏi phải không?

- Không phải, vì không cho suy nghĩ mà lại có thắc mắc muốn biết, nên mới khác hơn hồ nghi. Suy nghĩ của nhà khoa học gọi là hồ nghi, còn tham thiền là chánh nghi. Chánh nghi mới ngộ được tâm mình, còn hồ nghi là ngộ được cái ở ngoài. Như nhà khoa học chỉ ngộ ở ngoài tâm, có giá trị ở thế gian, không ngộ tâm mình nên không làm chủ chính mình. Tham thiền là ngộ chính mình mới giải thoát được tự do tự tại.

- Nếu mình hỏi trở thành thói quen có phải giống như niệm không?

- Không cho trở thành niệm, luôn luôn phải giữ nghĩ tình, nên mới nói là nghĩ tình, nghĩ tình là có dấu hỏi, còn niệm là không có dấu hỏi.

- Như mình đang làm việc, nhưng trong đầu khởi lên câu thoại đầu, có phải lúc đó là niệm không?

- Lúc đó là niệm, ban đầu tập tham khi làm việc thì ngưng tham, còn tự động khởi lên thì mặc kệ nó.

Hỏi: Kiến là nhìn, văn là nghe, còn giác và tri như thế nào?

Đáp: Khứ giác, thiết giác, xúc giác, 3 thứ này gọi là giác; tri là ý thức (thức thứ 6). Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân là 5 thứ này đối với cảnh trước mắt, còn ý căn đối với pháp trần là quá khứ, vị lai, khỏi căn trước mắt, như mình ngủ mê không thấy trong phòng, nhưng thấy được xa.

Phật Thích Ca lúc ấy không nói Đại thừa hay Tiểu thừa, nếu người nào không lãnh hội Đại thừa thì Phật mới thuyết pháp Tiểu thừa, thuyết pháp Tiểu thừa nhưng không nói pháp đó là pháp Tiểu thừa. Sau này người ta đem lời thuyết pháp của Phật chia ra thành nhiều thời, ở Trung Quốc gọi là pháp giáo.

Hỏi: Đọc trong một quyển sách:

- Có người hỏi Hòa Thượng Hư Vân: Phải chăng chùa này tu thiền?

- Đúng đấy, đây là một trung tâm Thiền tông Trung Hoa.

- Như vậy, trong chùa có thờ Phật A Di Đà và có các thời khóa tụng niệm không?

- Hòa Thượng Hư Vân ngạc nhiên, nhưng vẫn trả lời: Tại sao lại không? Chúng tôi cũng thờ Phật A Di Đà và hàng ngày khuya sớm đều có các khóa lễ.

- Nếu như thế nơi đây đâu phải chuyên về tu thiền?

- Tại sao như vậy? Chùa nào chẳng thờ Phật và có các thời khóa tụng kinh!

- Nhưng tôi nghe nói Thiền tông chủ trương là giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự kia mà?

- Đến khi đó Hòa Thượng Hư Vân mới hiểu ra rồi bật cười ha hả!! Mấy trăm năm trước có một số tu viện có đường lối chủ trương riêng, nhưng theo thời gian có sự thay đổi, hiện nay không còn phân chia nữa, hiển nhiên là như thế rồi, đường lối chủ trương đều là phương tiện hình thức bên ngoài.

- Phải chăng khi nói đến chữ 'thiền' là ám chỉ thiền trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật?

- Đúng vậy.

- Dĩ nhiên Phật tánh thì ai cũng có, các hạng người căn cơ khác nhau đâu có thể ai cũng ngộ được đỉnh cao để quán triệt phương pháp cao siêu tối thượng? Chùa dạy các pháp môn như Tịnh Độ niệm hồng danh Phật A Di Đà để cầu vãng sanh, như vậy có mâu thuẫn không? Như trung tâm thiền mà dạy về Tịnh Độ. Tôi chưa dứt lời thì Hòa Thượng cười mãi không thôi.

- Thí chủ khéo nói lắm, mâu thuẫn ư! Làm gì có chuyện mâu thuẫn? Không bao giờ. Mặc dù, Phật Thích Ca đã dạy 84.000 pháp môn khác nhau, nhưng tất cả chỉ con đường duy nhất là thoát khổ, tùy theo căn cơ của chúng sanh thích hợp theo một phương pháp khác nhau.

- Nhưng nếu đã gặp cõi Tây Phương Cực Lạc có đức Phật A Di Đà và lời nguyện thuyết diễn của ngài thì tại sao Hòa Thượng còn giảng dạy về thiền? Vì Tịnh Độ và Thiền đâu có gì khác biệt?

- Nhưng hai pháp môn đó hoàn toàn khác nhau, phải chăng Thí chủ nói rằng Thiền chú trọng về tự lực, Tịnh Độ chú trọng vào tha lực?

- Vừa nghe đến đó, tôi ngắt lời ngay. Đúng vậy. Tự lực và tha lực làm sao giống nhau được? Ngay lúc đó tôi cảm thấy hình như các căn khó chịu vì cứ chỉ bắt kính của tôi, một người lịch sự không bao giờ chắt vắn và ngắt lời người khác, hơn nữa trước mặt tôi không phải là một Tu Sĩ bình thường! Mà là một vị Tổ đức cao đạo trọng được tôn kính khắp nơi.

- Tuy nhiên, Hòa Thượng Hư Vân thân nhiên không trách, vì thiếu lễ độ của tôi. Ngài mỉm cười một cách thích thú và nói: Này Thí chủ! Mặc công để ý sự khác biệt đó làm chi? Khi còn phân biệt chấp trước, có phải, có trái, có trước, có sau, có cái

này, có cái kia. Nhưng khi đã vượt ra đối đãi nhị nguyên thì tất cả chỉ có một kia mà!

Chắc hẳn Thí chủ cũng biết tâm Phật và tâm chúng sanh vốn không hai, Thí chủ có thể xem tâm như một cái gì ở bên trong hay bên ngoài, nhưng trong hay ngoài thì đâu có nghĩa tuyệt đối, mà chỉ là tương đối nhị nguyên mà thôi.

Từ vô thủy đến nay tâm vốn không sanh diệt, không hình tướng, không thuộc có không, không hề cũ mới. Chỉ vì chúng sanh chấp hình tướng bên ngoài mà đi tìm Phật, nên chư Phật và chúng sanh mới xa cách muôn trùng, ta và tha nhân là hai chủ thể khác nhau.

Này Thí chủ, Tổ Bồ Đề Đạt Ma suốt 9 năm ngồi quay vào vách để suy nghĩ gì?

Phải chăng ngài thấy tâm là Phật, Phật tức là chúng sanh, khi mê có Phật có chúng sanh, khi ngộ thì chúng sanh và chư Phật nào có khác! Chơn tâm này vốn không sanh, không diệt, không dơ, không sạch. Khi làm chúng sanh, tâm không tăng giảm, khi làm chư Phật, tâm cũng không thêm bớt. Do đó, ngài vượt thoát ra ngoài sự khổ đau phiền não, vượt ra ngoài bánh xe luân hồi đạt đến Niết Bàn giải thoát.

- Nhưng Tổ Bồ Đề Đạt Ma đâu có đề cập Phật A Di Đà hay cõi Cực Lạc?

- Đúng thế, nhưng ngài không đề cập về vấn đề đó, như Thí chủ hãy thử nghĩ coi! Khi những dân quê hiền lành chất phát đến nghe ta thuyết pháp, phải chăng ta phải giảng cho họ thực tại vô ngã, về tánh không hay con đường bất nhị. Những điều này có ý nghĩa gì với họ, phải chăng chỉ là những danh từ trừu tượng trống rỗng không thể hiểu và không ích lợi gì!

- Nhưng ta giảng về đức Phật A Di Đà, những hạnh nguyện của ngài thì họ sẽ hiểu, sẽ tin và phát tâm sanh về cõi đó. Nếu suốt ngày họ trì niệm đức A Di Đà và chú tâm vào hồng danh. Lúc làm ruộng, lúc nghỉ ngơi, khi gặt lúa, khi lừa trâu về chuồng, họ trì niệm đến nhất tâm bất loạn thì ảo ảnh nhị nguyên vô minh, cái tâm phân biệt có chúng sanh có chư Phật sẽ chấm dứt thì họ sẽ chứng ngộ được thực tại mâu nhiệm ngay.

- Dù người ta gọi đó là tha lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà hoặc là thiền hoặc là nhất tâm thì điều này có gì khác biệt đâu? Cái khả năng giải thoát mà người ta rằng vốn ở bên ngoài tha lực, thật ra ở bên trong tự lực lúc nào cũng sẵn có kia mà! À, thì ra vậy! Điều Tổ Bồ Đề Đạt Ma tìm ra trong lúc ngồi thiền, người dân quê chất phát tìm ra được trong khi niệm hồng danh Phật A Di Đà đều giống như nhau, cả hai đều tìm được nhất tâm.

Như thế, tôi hiểu rồi. Bất chợt, Hòa thượng Hư Vân quát ngay: Không tìm được điều gì cả, vì tâm thanh tịnh vốn sẵn có kia mà! Làm gì phải đi tìm ở đâu? Nếu lấy tâm đi tìm tâm thì làm sao thấy?

Câu trả lời của ngài khiến tôi giật mình vì tôi được cải chính, như tôi thấy ngài mỉm cười có vẻ đã hài lòng về điều gì, phải chăng ngài đã biết tôi đã sử dụng những gì một cách nhầm lẫn và thế tôi đã sử dụng cái gì bên ngoài mà người ta đã tìm thấy được. Đáng lẽ ra tôi có thể dùng danh từ khác như quán chiếu, thấy,...

Tôi nói ngay: Như thế là những danh từ thôi!

Đoạn văn trên, theo Sư Phụ nghĩ sao?

Đáp: Tâm của mỗi người và tâm của chư Phật đều bằng nhau, nhưng ý thức của mỗi người lại khác nhau. Nên Phật tùy theo ý thức của chúng sanh mà thuyết ra có 84.000 pháp môn khác nhau. Như ở Trung Quốc có 5 hệ: Thiền, Tịnh, Luật, Giáo, Mật.

Mật tông là giáo mật truyền thọ nên tôi không thể nói được, Thiền là Tổ Sư thiền. Luật tông là trì giới luật, Tịnh Độ là cầu vãng sanh, Giáo môn ở Trung Quốc có 4 tông (Thiền Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức).

Như Thiên Thai tông có tam chỉ tam quán giống như kinh Phật. Tông Hiền Thủ có Pháp Giới Quán Thiên lại khác, có 4 pháp giới (lý pháp giới, sự pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới). Duy thức có Duy thức Quán Thiên. Tam Luận thì có Tánh Không Quán Thiên. Mỗi tông mỗi phái đều có thiên quán riêng biệt của tông phái đó.

Mặc dầu, Phật nói nhiều kinh, nhưng truyền dạy trực tiếp là Tổ Sư thiên. Mấy pháp kia chỉ nói ở trong kinh mà không có thân truyền.

Phật giáo đồ tu Tịnh Độ là hết 80%, nhưng sự thật nhiều người còn chưa biết Tịnh Độ, luôn cả ông này hỏi cũng không biết và cũng không biết Thiên. Nói đến Thiên là Tổ Sư thiên, không phải các Thiên kia, mà Tịnh Độ cũng có Thiên. Cho nên, Ngài Hư Vân chỉ có thể cười ha hả thôi, biết y là người Tây phương chỉ biết hiểu theo ý thức.

Theo Giáo môn thì không chê bai quở trách người hỏi pháp, còn Thiên tông thì lại khác, vào cửa liền đánh, vào cửa liền hét cho đến bạt tai và đá nữa, đủ thứ cơ xảo khác nhau. Nên gọi là pháp thiên trực tiếp để cắt ngang đường suối ý thức ngay nơi đó mà được ngộ.

Phật muốn cho người ta ngộ, không muốn cho người ta hiểu. Theo bậc hữu học thấp hơn bậc vô học, như ông này hỏi cũng lọt vào hữu học. Vô học còn ở trong phạm vi Tiểu thừa, hữu học chưa có tư cách vào cửa Tiểu thừa. Tuy ngài Hư Vân cười ha hả và cũng nói ít lời cho người hỏi được thỏa mãn. Bây giờ, tất cả Phật tử đều như vậy.

Hỏi: Ngài Hư Vân nói chuyện nhị nguyên với người dân quê thì người ta không hiểu, nên nói cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà. Như Sư Phụ hoàng pháp ở Việt Nam, tất cả mọi tầng lớp giai cấp làm sao tin một pháp môn mà tu?

Đáp: Tôi đến thuyết pháp các Trường Hạ và các Phật Học Viện, người ta hỏi cái gì thì tôi giảng cái đó, không phải tôi bảo ai cũng tu Tổ Sư thiên, tôi biết người có căn cơ Tổ Sư thiên rất ít. Người ta hỏi Tịnh Độ thì giải thích Tịnh Độ, tôi nghĩ sau này có thể làm ra Đường Lối Thực Hành Tịnh Độ của Ngài Ấn Quang là Tổ 13 Tịnh Độ, để người ta biết đường lối tu cho đúng.

Bây giờ Phật giáo đồ có 80% tu Tịnh Độ, như phần nhiều không biết Tịnh Độ, mà lại chỉ trích Thiên. Có số người đem ý của mình thay cho ý Phật để dạy người, làm cho người ta bị hiểu lầm ý của Phật.

Có người đến nhà giúp đỡ người ta cho là hạnh Bồ Tát, nhưng không phải, vì họ làm việc phát xuất từ cái ngã, tức là có tôi đi giúp. Đúng hạnh Bồ Tát là phá ngã chấp, như ông ăn cơm vì chúng sanh mà ăn cơm, mặc áo vì chúng sanh mà mặc áo, bất cứ làm cái gì cũng vì chúng sanh, không phải vì ta.

Nếu thực hành như vậy thì lâu ngày sẽ phá được ngã chấp. Tức là không nghĩ đến mình mà chỉ nghĩ đến chúng sanh, nghĩa là nuôi thân này rồi để giúp đỡ người ta. Tuy chưa làm, nhưng có tư tưởng như vậy cũng là tốt.

Hỏi: Đối với việc làm đó không thấy cái lợi cho người phải không?

Đáp: Sao không có lợi cho người! Mình gặp việc gì cũng đều giúp, chứ không phải không giúp. Như ăn cơm cũng là giúp, mặc áo cũng là giúp, không nghĩ ăn cơm vì mình, mặc áo vì mình. Tức là luyện tư tưởng không nghĩ đến mình, vì người ta lâu đời thường nghĩ đến mình trước, rồi nghĩ đến người khác. Bây giờ, mình tập nghĩ đến người khác, chứ không nghĩ đến mình thì lâu ngày cũng thành thói quen. Tôi nói cái này là giáo môn.

Theo Tổ Sư thiên thì khác, chỉ cần hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu. Vì những cái kia còn đối đãi, như vô ngã thì đối với ngã. Thực tế ngã không thành lập thì vô ngã cũng không thành lập, tại kiến lập cái ngã, rồi phá cái ngã nói là vô ngã. Kỳ thật, có ngã nên mới có vô ngã thì còn nằm trong tương đối. Tổ Sư thiên thì tất cả tương đối đều quét sạch.

Hỏi: Tự lực và tha lực của Ngài Hư Vân nói ở đoạn văn trên, theo Sư Phụ nghĩ sao?

Đáp: Tự lực và tha lực ở trong Hư Vân Niên Phổ không nói giống như vậy. Bởi vì cái nào cũng phải nhờ tự lực là chính, chứ không phải nhờ tha lực là chính. Nếu mình nhờ tha lực được thì tự mình khỏi tu, không có cái nào nhờ tha lực được đều phải nhờ tự lực, mà cũng nhờ tha lực nữa. Tổ Sư thiên và Tịnh Độ đều nhờ tự lực và tha lực, đâu phải chỉ nhờ tha lực không?

Tổ Sư thiên nhờ tự lực, rồi cũng nhờ tha lực, như bạn đồng tham, thầy dạy, thầy y chỉ,... đến lúc được cơ duyên ngộ cũng là nhờ tha lực. Không có pháp môn nào mà chỉ nhờ tự lực mà không nhờ tha lực, cũng không có pháp môn nào chỉ nhờ tha lực mà không nhờ tự lực. Pháp môn nào đều cũng nhờ tha lực và tự lực.

Không những như vậy, mà tất cả vạn vật đều có nhân duyên với nhau, chứ không có pháp nào mà độc lập được! Tất cả đều làm nhân quả với nhau. Vì người này có tâm chấp, nên nói ra đều là theo ý của mình để thêm vô, không phải hoàn toàn ý của Ngài Hư Vân.

Hỏi: “Văn Thù hỏi Duy Ma Cật rằng: Bồ Tát quán chúng sanh như thế nào? Duy Ma Cật đáp: Ví như nhà huyền thuật thấy người huyền của mình hóa ra, Bồ Tát nên quán chúng sanh như thế! Văn Thù nói: Bồ Tát quán như thế làm sao hành việc từ?” Tại sao quán chúng sanh như nhà ảo thuật thấy người huyền hóa do mình làm ra?

Đáp: Vì không chấp chúng sanh. Chúng sanh tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh. Nếu thật có chúng sanh thì không đúng, tại thực tế không có chúng sanh. Phật nói 2 chữ “vô thi” tức là không có bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh (không có sự sanh khởi). Vì có sanh nên có sự bắt đầu, không có sanh làm sao có chúng sanh? Cho nên, người chứng quả ngộ pháp vô sanh. Nếu chấp có chúng sanh là sở trụ, không phải vô trụ.

Hỏi: Khi kiết tập kinh điển có phân ra kinh Đại thừa và kinh Tiểu thừa không?

Đáp: Lúc kiết tập thì không có phân ra kinh Đại thừa và kinh Tiểu thừa. Ban đầu kiết tập kinh Tiểu thừa, mà Tiểu thừa hồi đó có 2 bộ phái (Đại chúng và Thượng tọa), một bộ chia ra 11 phái và còn một bộ chia ra 9 phái, cộng chung là 20 bộ phái. Sau này, tuy là kinh của Phật nhưng mỗi bộ phái cũng có hơi khác, gọi là đại đồng tiểu dị (tổng quát thì giống nhau, có một chút lại khác).

Như Phật đản cũng có mấy chục thứ, sau này hội nghị quốc tế ở Nam Vang thống nhất ngày Phật đản là ngày 15 tháng 4 âm lịch, trước đó là ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch. Nay Phật lịch 2540, nhưng Tổ bên Thiên tông tính đến bây giờ đã hơn 3.000 năm rồi. Thành ra thấy chênh lệch nhau gần 500 năm.

- Có người hỏi tôi: Trong kinh Pháp Hoa, Phật sanh ra vô số trần kiếp và bây giờ Phật sanh cách nay là 2540 năm. Vậy Phật sanh ra năm nào đúng?

- Tôi nói: Đúng thì cái nào cũng đúng, còn sai thì cái nào cũng sai. Vì Phật đã nói là “vô thi”, vô thi thì không có đúng sai. Nếu trước vô thi làm sao có trước? Và nói từ vô

thi (sau vô thi), vô thi không có sau. Trước và sau không được, phải hữu thi rồi mới có trước sau. Bởi vì lời nói ra đều là bệnh (ngữ bệnh).

- Đức Phật từ cung trời Đâu Suất xuống cõi Ta Bà có 8 tướng thị hiện. Chính Phật Thích Ca nói: “Hiện nay, ta ở cõi Ta Bà giảng kinh Pháp Hoa, mà đồng thời ta hóa thân giảng kinh Pháp Hoa ở thế giới khác, nhưng tuổi tác và hiệu Phật không đồng nhau, rất nhiều không thể tính được”. Như Phật nói là thiên bá ức hóa thân, bây giờ nói Phật nào thật và không phải thật? Phật nào không phải hóa thân? Ở chỗ nào cũng thật và ở chỗ nào cũng hóa thân.

Hỏi: Tại sao trong kinh nói “Cúng dường vô số chư Phật không bằng thực hành tứ cú kệ”?

Đáp: Cúng dường chư Phật là chỉ được phước đức thì hưởng lâu ngày cũng phải hết, vì phước đức này còn ở trong số lượng. Nếu thực hành tứ cú kệ, tức là tu được chánh nhân thì sau này sẽ được thành Phật có công đức của tự tánh, nên hưởng không bao giờ hết, vì công đức này vượt ra ngoài số lượng.

Tứ cú kệ không phải 4 câu của kinh Kim Cang và kinh Pháp Hoa, mà là tứ cú. Nguồn gốc đều thuộc về tứ cú là hữu và vô. Tại sao nói 62 kiến chấp? Vì: Tứ cú X ngũ uẩn = 20 X tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai) = 60 + nguồn gốc (hữu và vô) = 62. Bất cứ cái gì đều ở trong 62 kiến chấp này.

Hỏi: Tâm không định làm sao tham thiền được?

Đáp: Đừng để ý tâm định hay không định, nên phải tập tham, nếu tham thiền mỗi ngày tăng được 1 phút thì 1 tháng tăng được 30 phút, 1 năm được 6 giờ, 4 năm tham được 24 giờ trong 1 ngày đêm thì đến thoại đầu. Đến thoại đầu trong thời gian ngắn sẽ được kiến tánh. Nếu 1 ngày tăng được nửa phút thì 8 năm đến thoại đầu, 1 ngày tăng được ¼ phút thì 16 năm đến thoại đầu.

Tại sao dùng cái không biết để chấm dứt tất cả biết (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết)? Vì cái biết đó là ý thức hoạt động. Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu thừa mục đích đình chỉ hoạt động của tâm, hiện nay có người đang tu Sở Tức Quán, nhưng họ tu còn rất thô nên không được chứng quả.

Không biết là phiền não chướng, biết là sở tri chướng. Những người tu Sở Tức Quán còn dùng cái biết thô, chưa đến chỗ vi tế. Vi tế sở tri ngu, cần tiến thêm là cực vi tế sở tri ngu. Vừa rồi nói sở tri chướng là ngu, nhưng người ta chưa tu đến mức đó.

Hỏi: Nếu người có công phu đến tận cùng cái biết thì tự nhiên họ sẽ đến chỗ không biết (nghi tình) phải không?

Đáp: Tận cùng cái biết là dùng hết sức ý thức, nhưng làm sao biết là tận cùng? Bình thường 1 phút là 17 hơi thở, người có tu cũng có thể 1 phút 10 hơi thở (hơi thở dài). 1 hơi thở được 6 giây, 1 giây nhà Phật chia ra 60 sát na. 6 giây = 360 sát na. Nếu ở trong hơi thở cứ quán hơi thở dài ngắn thì ý thức dễ biết, nên không đến chỗ vi tế được.

Như đem 1 sát na chia làm 60 A, 1 A chia làm 60 B, 1 B làm 60 C; đến C là vi tế nhưng chưa thật vi tế. Chia lại là: 1 sát na = 60 A 1, 1 A 1 = 60 A 2, 1 A 2 = 60 A 3, 1 A 3 = 60 A 4, rồi chia đến A 10 thì rất vi tế. Rồi đem 1 A 10 chia = 60 B 1, 1 B 1 = 60 B 2, 1 B 2 = 60 B 3, rồi chia đến B 10. B 10 chia = 60 C 1, ... nhưng mỗi thời gian đều có sanh, trụ, dị, diệt. Nếu đến C 9 không có sanh, trụ, dị, diệt thì không đến C 10. Thời gian thật nhanh nhưng vẫn có sanh, trụ, dị, diệt.

Bây giờ mình nói ra một tiếng thì trái qua biết bao nhiêu C 9 biết không? Cả tỷ C 9 rồi. Nhưng mỗi C đều có sanh, trụ, dị, diệt. Cứ chia mãi thì có con số biểu thị sanh, trụ, dị, diệt. Trong lúc đó ý thức đã kiệt sức, đến chỗ vi tế thì đã mơ hồ, tức là không thể dùng ý thức được nữa, nhưng còn biết mơ hồ thì thấy mênh mông, như nhìn ra biển không thấy bờ bến, nên có thể lọt vào vô ký không hoặc là lọt vào không chấp.

Như Đại thừa lọt vào không chấp, vì mênh mông không thấy gì, còn không lọt vào không chấp thì lọt vào vô ký không.

Các pháp môn khác tu đến cuối cùng đều phải phát nghi, còn Thiên tông bước đầu tiên là phát nghi. Pháp môn Tịnh Độ đến Tây Phương Cực Lạc nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền rồi mới phát nghi.

Pháp tu Tiểu thừa là cuối cùng dứt được lục căn, nhưng bây giờ chưa thấy ai tu chứng quả. Theo cách tu người dạy hiện nay chứng sơ quả còn thấy khó!

Hỏi: Giác là xúc giác, kiến là thị giác, văn là thính giác, đã là giác sao còn chia ra là kiến, văn, giác, tri?

Đáp: Kiến là thấy thuộc về nhãn thức, văn là nghe thuộc về nhĩ thức, tỷ là khứu giác, thân là xúc giác, thiệt là vị giác. Nếu gọi chung là giác tri, nhưng chia có 4 loại (kiến, văn, giác, tri), như kinh Lăng Nghiêm nói là ‘tri giác nãi chúng sanh’. Vì chia như vậy là do thị giác, thính giác thì cần có không gian, mà 3 giác kia không cần có không gian.

Hỏi: Có phải Tam Ma Địa là đại định không?

Đáp: Đại định là Na Già định (Pháp Bảo Đàn Kinh), Tam Ma Đề là thiền giả quán (biến hóa), nguyên 4 âm là Tam Ma Bát Đề, Tam Ma Địa và Tam Ma Đề theo chữ Hán là một âm, nên người ta dịch là Tam Ma Địa hay là Tam Ma Đề.

- Trong này nhắc đi nhắc lại các vị chứng Tam Ma Địa thì được vào đại định, vậy nghĩa như thế nào?

- Theo tông Thiên Thai dùng giả quán là thiền có biến hóa dời đổi sanh, trụ, dị, diệt từng sát na mà mình không hay. Trong kinh Viên Giác nói: “Như lúa mạ dần dần tăng trưởng”, mình biết dần dần tăng trưởng đang biến hóa, nhưng nhìn không thấy nó biến hóa. Như cơ thể mình đang biến hóa mà mình không thấy được. Thiền quán đó gọi là Tam Ma Đề.

Hỏi: Ngũ thời, bát giáo là gì?

Đáp: Ngũ giáo ở Trung Quốc có 5 hệ phái (Tổ Sư thiền, Giáo môn, Tịnh Độ, Mật tông, Luật tông).

Phật thuyết pháp chia ra làm 3 giáo thời:

- Giáo thời thứ nhất: Khi Phật mới thành đạo, vì muôm phá chấp trước của phàm phu và ngoại đạo nên nói các pháp tứ đại ngũ uẩn để sáng tỏ không thật là những bộ kinh Tứ A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Trường A Hàm, Trung A Hàm và Tạp A Hàm (Tiểu thừa).

- Giáo thời thứ hai: Phật vì phá chấp pháp của Tiểu thừa nên thuyết pháp tất cả pháp đều không thật là những bộ kinh Bát Nhã.

- Giáo thời thứ ba: Phật vì phá sự chấp có của Tiểu thừa và phá chấp không của Đại thừa nên thuyết pháp chẳng có chẳng không để sáng tỏ nghĩa bất nhị của trung đạo, như những bộ kinh thâm mật Pháp Hoa,...

Đây là theo thời gian mà chia ra làm 3 thời.

Còn 3 loại khác biệt:

- Giải thích các pháp có là đệ nhất thời.
- Giải thích các pháp không là đệ nhị thời.
- Giải thích giáo pháp trung đạo bất nhị là đệ tam thời.

Ba thời này không phải y theo thời gian, chẳng kể thời gian trước hay sau, mà chỉ phân theo nghĩa loại. Đây gọi là 3 thời giáo.

Không có bát giáo, bát khổ thì có, từ tam khổ cho đến vô lượng khổ.

Hỏi: Thế nào là không tịch?

Đáp: Không tịch như tịch lặng là hình dung bản thể của tâm, vô sở hữu là không tịch, như hư không này mình thấy là không tịch. Tịch là không động, không là trống rỗng. Nên Ngài Long Thọ đem hư không trống rỗng để hình dung cho tâm mình, thì tâm mình cũng là vô sở hữu.

Hỏi: Phiền não có 2:

- **Nhuận nghiệp vô minh, nhuận là thắm nhuận phiền não quá khứ.**
- **Nhuận sanh vô minh là đi đầu thai nơi tình thức sanh khởi yêu ghét đối với cha mẹ.**

Hai phiền não này vốn không có tự tánh, nếu ngộ được tự tánh thì chẳng có việc gì, tức là ngay đó không tịch thì ai còn có phiền não?

Đáp: Không phải chỉ có hai pháp này không có tự tánh, mà tất cả đều không có tự tánh, chúng sanh và Phật cũng không có tự tánh. Tức là không có pháp nào mà có tự tánh! Vì tự tánh vô sở hữu, tất cả pháp đều là tâm, tâm đã vô sở hữu thì các pháp đều vô sở hữu.

- Thiền Sư Bồn Tịnh là họ Trương, quê Hán Châu, xuất gia lúc còn nhỏ, nơi Tào Khê được Lục Tổ ấn chứng, ẩn núi Tư Phong. Sau này, được nhà vua mời vào hoàng cung đàm luận với các vị cao Tăng.

- *Thiền Sư Viễn hỏi: Ý của Thiền Sư cho thế nào là đạo?*

Sư nói: Vô tâm là đạo.

Viễn nói: Đạo vì tâm mới có, đâu thế nói vô tâm là đạo?

Sư nói: Đạo vốn vô sanh, bởi tâm mới gọi là đạo. Tâm chỉ tên gọi, nếu mà thật có thì đạo cũng thật có. Tâm đã không tìm ra thì đạo do đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, thấy là giả danh.

Viễn nói: Thiền Sư thấy có thân tâm là đạo hay không?

Sư nói: Thân tâm của sơn Tăng vốn là đạo.

Viễn nói: Vừa mới nói vô tâm là đạo, nay lại nói thân tâm vốn là đạo, há chẳng phải ngược nhau u!

Sư nói: Vô tâm là đạo, tâm diệt, đạo vô; tâm và đạo nhất như. Như nói vô tâm là đạo, thân tâm vốn là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm; thân tâm vốn là không thì tìm cội nguồn của đạo cũng chẳng có.

Viễn nói: Thấy hình tướng Thiền Sư rất nhỏ mà lại hiểu lý này.

Sư nói: Đại Đức chỉ thấy tướng của sơn Tăng, chẳng thấy vô tướng của sơn Tăng, kẻ thấy tướng là Đại Đức cảm thấy. Kinh nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nếu thấy tướng phi tướng tức là thấy đạo, nếu cho tướng là thật thì cũng chẳng thể thấy đạo.

Viễn nói: Nay Thiên Sư ở nơi tướng mà thuyết nơi vô tướng!

Sư nói: Kinh Duy Ma Cật nói: “Tứ đại vô chủ, thân cũng vô ngã thì sở thấy cùng đạo tương ưng. Đại đức! Nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu có ngã kiến thì suốt kiếp chẳng ngộ đạo vậy.

Viễn nghe xong tâm không còn thắc mắc. Sư có kệ rằng:

*Tứ đại vô chủ, lại như thủy,
Gập cong gập thẳng chẳng bi thử.
Hai chỗ tịnh uế chẳng sanh tâm,
Thông nhãn đâu từng có ý khác.
Gập cánh chỉ như thủy vô tâm,
Tung hoành trên đời có việc gì?*

- Trí Minh Thiên Sư hỏi: Nếu vô tâm là đạo thì ngôi đá vô tâm cũng là đạo, lại nói thân tâm vốn là đạo, tứ sanh thập loại có thân tâm cũng là đạo?

Sư nói: Nếu hiểu theo kiến, văn, giác, tri thì càng xa với đạo, tức là kẻ cầu kiến, văn, giác, tri, chứ không phải kẻ cầu đạo. Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”, lục căn còn không có thì kiến, văn, giác, tri do đâu mà kiến lập? Tim nguồn đã chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu thể đồng với cây cỏ ngôi đá!

Trí Minh bịt miệng,

Sư có kệ rằng:

*Kiến, văn, giác, tri vô chướng ngại,
Thanh, hương, vị, xúc thường tam muội.
Như ở nơi ‘không’ đều sanh ra,
Chẳng lấy chẳng xả chẳng yêu ghét.
Nếu nơi tiếp xúc vốn vô tâm,
Mới được gọi là Quán Tự Tại.*

- Chân Thiên Sư hỏi: Đạo đã vô tâm, vậy Phật có tâm chăng? Phật với đạo là một hay là hai?

Sư đáp: Chẳng một cũng chẳng hai.

Hỏi: Phật độ chúng sanh là có tâm, đạo chẳng độ người là vô tâm; một độ một chẳng độ thì đâu thể chẳng hai?

Sư đáp: Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo thì chẳng độ, ấy là Đại Đức sanh vọng sanh nhị kiến, còn sơn Tăng không phải vậy! Phật là hư danh, đạo cũng vọng lập, cả hai đều chẳng thật, thầy đều là vọng sanh. Trong một cái giả làm sao phân ra làm hai?

Hỏi: Phật với đạo tuy là giả danh thì giả danh này ai lập? Nếu có kẻ lập thì đâu thể nói không?

Sư đáp: Phật với đạo bởi tâm mà lập, tuy lập nhưng tâm vẫn là không, tâm đã là không liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyễn thì ngộ vốn không, cưỡng lập hai tên thật với giả, ấy là kiến giải của Nhị thừa.

Do đó, Sư thuyết kệ vô tu vô tác rằng:

*Thấy đạo mới tu đạo,
Chẳng thấy là sao tu?
Tánh đạo như hư không,
Hư không lấy gì tu?
Quán khắp người tu đạo,*

Vạch lửa tìm bọt nước.
Thấy xem hát múa rồi,
Dây đứt hết cả thôi.

- *Pháp Không Thiên Sư hỏi: Phật với đạo đều là giả danh, vậy 12 phân giáo cũng không phải thật. Tại sao các tôn túc xưa kia đều nói tu đạo?*

Sư đáp: Đại Đức hiểu lầm ý người xưa rồi, đạo vốn vô tu, mà Đại Đức cưỡng tu! Đạo vốn vô tác, mà Đại Đức cưỡng tác! Đạo vốn vô sự, mà lại cưỡng sanh nhiều sự, đạo vốn vô tri, mà cưỡng sanh nhiều tri. Kiến giải như thế là trái ngược với đạo. Các tôn túc xưa chẳng nên như thế, chỉ vì Đại đức chẳng hiểu thôi, suy nghĩ kỹ xem!

Sư có kệ rằng:

Đạo thể vốn vô tu,
Vô tu tự hợp đạo.
Nếu khởi tâm tu đạo,
Người ấy chẳng hiểu đạo.
Bỏ mất tánh nhất chân,
Lại vào chỗ náo nhiệt.
Bỗng gặp người tu đạo,
Tốt nhất chớ hướng đạo.

- *Am Thiên Sư hỏi: Đạo đã giả danh, Phật cũng vọng lập, 12 phân giáo dùng để thuyết Phật độ sanh, tất cả đều vọng thì lấy gì độ sanh?*

Sư đáp: Vì có vọng nên mới lập chân để đối trị cái vọng, nay truy tìm tánh vọng vốn không thì chân cũng đâu có. Nên biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị với nhau nên chẳng thật thể. Suy tìm cội gốc thì tất cả đều không.

Hỏi: Đã nói tất cả đều vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng chẳng khác, vậy là vật gì?

Sư đáp: Nếu nói vật gì thì vật gì cũng vọng, khi nói không tương tự chẳng so sánh, đường ngôn ngữ đứt, như chim bay trên hư không thì chẳng có dấu vết.

- *Am cảm thấy hổ thẹn kính phục.*

Sư có kệ rằng:

Suy chân chân vô tướng,
Tìm vọng vọng giả danh.
Ngộ đạo cũng như thế,
Rốt cuộc chỉ là vậy.

- *Đại Tánh Thiên Sư hỏi: Lời Thiên Sư rất vi diệu, chân vọng đều diệt, Phật đạo đồng quy, tu hành tánh không, nên tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả giả danh, lúc hiểu theo như thế, chẳng phải đoạn đứt hai gốc thiện ác của chúng sanh ư?*

Sư đáp: Hai gốc thiện ác bởi tâm mới có, tìm tâm có thì gốc mới có, suy tâm đã không thì gốc do đâu mà lập? Kinh nói: “Pháp thiện và pháp bất thiện từ nơi tâm hóa sanh, thiện ác nghiệp duyên vốn chẳng có thật.

Sư có kệ rằng:

Thiện cũng từ tâm sanh,
Ác cũng chẳng lìa tâm.
Thiện ác là ngoại duyên,
Nơi tâm thật chẳng có.
Bỏ ác về chỗ nào?
Lấy kiến để ai giữ?

Than ôi! Người giữ kiến!
Phan duyên chạy hai đầu,
Nếu ngộ tâm vốn không,
Mới biết trước lỗi lầm.

- *Có Đại Thần hỏi: Thân này từ đâu đến, trăm năm sau đi về đâu?*

Sư đáp: Như người lúc mơ từ đâu đến, lúc thức tỉnh đi về đâu?

*Hỏi: Lúc mơ chẳng thể nói không, lúc thức tỉnh chẳng thể nói có. Dù có nhưng vô
vãng lai, mà chẳng xử sở.*

Sư đáp: Thân của sơn Tăng này cũng giống như mộng. Khai thị kệ rằng:

Nhân sanh như trong mộng,
Trong mộng thật náo nhiệt.
Bồng giác vạn sự như,
Đồng như người mới thức,
Người trí ngộ việc mộng.
Kẻ mê tin mộng thật,
Tinh mộng như là hai.
Khế ngộ thì chẳng khác,
Phú quý với bản tiện,
Chẳng có đường phân biệt.

Năm thứ 2 niên hiệu Thượng Nguyên nhà Đường. Sư viên tịch, vua ban hiệu Đại Hiệu
Thiền Sư.

***Hỏi: - Người dạy người tu Tam Ma Địa thì phải dứt tâm trộm cắp, ấy là lời dạy rõ
ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ 3 của chư Phật.***

***- A Nan! Không dứt tâm trộm cắp mà tu thiền định, như người lấy nước rót vào
bình chảy, mong cho đầy bình, dù trải qua bao số kiếp, cũng không thể đầy.***

***- Nếu hàng Tỳ Kheo ngoài y bát ra, may may không tích trữ, xin ăn có dư bố thí
cho kẻ đói, giữa nơi nhóm họp, chấp tay lễ chúng, có người đánh mắng, đồng như
khen ngợi, quyết định xả bỏ thân tâm, với tất cả chúng sanh cộng chung một da
thịt xương máu. Chẳng lấy thuyết bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của
mình, rồi dạy làm mà hại cho kẻ sơ học thì Phật ẩn chứng người ấy được chơn tam
muội.***

***Kính xin Sư Phụ khai thị: “Chẳng lấy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu
của mình”?***

Đáp: Pháp của Tiểu thừa là pháp bất liễu nghĩa, vì pháp này không đến chỗ cứu kính.
Nhưng pháp nào cho là thật đều bất liễu nghĩa, như các kinh Địa Tạng, kinh Dược Sư,
kinh A Di Đà,... đều là kinh bất liễu nghĩa. Kinh Lăng Nghiêm, kinh Lăng Già, kinh
Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm,... đều là kinh liễu nghĩa. Thiền tông là ở ngoài giáo
điền, tức là bất lập văn tự thì liễu nghĩa và bất liễu nghĩa đều quét sạch. Vì liễu nghĩa
đối với bất liễu nghĩa còn ở trong tương đối.

Nếu giảng kinh bất liễu nghĩa cho người nghe thì phải nói trước để cho người ta biết
là kinh bất liễu nghĩa. Tuy là kinh này để độ những người hạ căn, nhưng phải chừa
con đường đi thông vào liễu nghĩa.

***Hỏi: Nếu người ta chỉ dạy người khác tin cõi Phật A Di Đà và khuyến khích niệm
danh hiệu Phật A Di Đà, không còn pháp nào khác nữa. Vậy thì như thế nào?***

Đáp: Phật có quy định cho người thuyết pháp là đại khai duyên giải, tức là giải ngộ tất cả các pháp đều không có khác, nếu không thì lọt vào một bên, lọt vào một bên gọi là biên kiến ở trong 5 năm thứ ác kiến. Nhiều người lọt vào biên kiến mà tự mình không biết. Nên Ngài Bá Trượng nói: “Nếu Pháp Sư thuyết pháp chỉ giảng được một câu hay hai câu là nằm trong tương đối thì Pháp Sư đó bị tội địa ngục, nếu giảng thấu 3 câu, mà người nghe hiểu lầm là lỗi của người nghe, không dính dáng với Pháp Sư”.

Phật trong kinh Pháp Hoa quy định tư cách Pháp Sư giảng kinh. Nếu Pháp Sư không biết mà giảng bậy bạ, gọi là cuồng vọng thuyết pháp bị tội địa ngục. Như Pháp Sư thuyết pháp không người nào tin thì Pháp Sư đó không có tội, vì không hại đến ai. Ngược lại, người tin nhiều thì Pháp Sư bị tội lớn, người tin nhiều chừng nào thì tội lớn chừng ấy.

Hỏi: Thế nào ẩn chứng chơn tam muội?

Đáp: Ngộ triệt để thì mới ẩn chứng được, chữ “ẩn” là con dấu để cho người ta tin. Bây giờ các cơ quan đều phải dùng con dấu để cho người ta dễ tin. Tam muội là chánh định, tà ma ngoại đạo đều có định, nhưng cái định đó không phải là chơn tam muội, vì họ còn ở trong luân hồi. Nếu được chơn tam muội thì được giải thoát các khổ của luân hồi.

Hỏi: Có phải nhập định thì không thể thấy mình định phải không?

Đáp: Người định thì không biết mình định, như Hòa thượng Hư Vân ở núi Chung Nam thời tiết rất lạnh, trong khi nấu khoai, Ngài ngồi nhập định không biết, lúc đó gần tết nhập định qua tết. Các người ở gần không thấy Ngài đi ra, bèn đến thăm thấy Ngài đang nhập định, rồi mới làm cho Ngài xuất định.

Hỏi Ngài nhập định được bao lâu? Ngài Hư Vân nói: “Vừa rồi tôi nấu khoai chắc là khoai chín rồi!” Người ta đến nồi khoai, mở nắp ra thấy mọc lên cao, người ta tính ra đã qua nửa tháng. Nên người nhập định không biết, tưởng là chỉ có một chút thời gian.

Hỏi: Có chỗ nói bát giáo là: Tạng Giáo, Thông Giáo, Liệt Giáo, Tiên Giáo, Thần Giáo, Tiệm Giáo, Phật Giáo, Bất Định Giáo. Vậy những thứ này như thế nào?

Đáp: Những thứ này là do tông đó chia ra như vậy, chứ Phật Giáo không chia. Như trong kinh Lăng Già chia theo căn tánh của chúng sanh, gồm có: Thanh Văn chủng tánh, Duyên Giác chủng tánh, Bồ Tát chủng tánh, Bất định chủng tánh, Ngoại đạo chủng tánh.

Vừa rồi nói giáo pháp tam thời là có nghĩa khác biệt mới chia làm tam thời. Theo thời gian chia ra làm tam thời, đó là người đời sau chia ra tổng quát, để các tông phái nào cũng đều thích hợp.

“Đốn, tiệm, thiên, viên”, những thứ này có thể còn có nghĩa. Kỳ thật không có nghĩa để kiến lập. Kinh liễu nghĩa đều bao gồm “Đốn, tiệm, thiên, viên”, như 5 quyển trước kinh Lăng Nghiêm tiếp người thượng căn, gần như pháp đốn; còn 5 quyển sau tiếp người trung, hạ căn. Mà bao gồm hết gọi là viên, nghiêng về mê gọi là thiên, tiệm tu và đốn ngộ gọi là đốn tiệm. Trong quyển kinh liễu nghĩa nào cũng bao gồm đầy đủ.

Tạng pali của Tiểu thừa không có Đại thừa, mà lại không nhìn nhận có Đại thừa.

Kinh Hoa Nghiêm bao gồm lục tướng (đồng, dị, tổng, biệt, thành, hoại). Ở trong lục tướng chia ra làm 2: Sai biệt và bình đẳng. Tướng thành, tướng đồng và tổng tướng là thuộc về bình đẳng; còn tướng biệt, tướng dị và tướng hoại là thuộc về sai biệt.

Hỏi: Khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa là như thế nào?

Đáp: 1. Tiểu thừa ở trong giai đoạn ngã chấp, theo triết lý là Chủ Quan Duy Vật Luận. Phật nói tâm mà tại sao Tiểu thừa gọi là Duy Vật? Vì Tiểu thừa cho lục căn là thật, muốn dứt lục căn. Lục căn đối với lục trần, mà lục trần là vật. Như nhãn căn đối với sắc trần, sắc trần có hình tướng vật chất; nhĩ căn đối với thanh trần bên ngoài, hương, vị, xúc đều là vật, nên nói là vật. Ở trong phạm vi tương đối, tu Tứ Diệu Đế, mà cuộc sống hàng ngày đều ở trong nhất niệm vô minh, tức là từ niệm này qua niệm kia. Thừa này gọi là thừa Thanh Văn, mục đích cuối cùng là dứt lục căn.

2. Trung thừa là giai đoạn pháp chấp, theo triết học là Chủ Quan Duy Tâm Luận. Nhưng vẫn còn ở trong phạm vi tương đối, cách tu là Thập Nhị Nhân Duyên, cũng ở trong nhất niệm vô minh. Thừa này gọi là thừa Duyên Giác, mục đích là dứt nhất niệm vô minh.

3. Đại thừa là ở trong giai đoạn không chấp (chấp không), phá được ngã chấp, phá được pháp chấp lọt vào không chấp. Đến Đại thừa là Tâm Và Vật Hợp Một, khác hơn Nhị thừa. Cũng còn ở trong phạm vi tương đối, cách tu là 6 Ba La Mật (bố thí, trì giới, tinh tấn, thiền định, trí huệ). Đến đây là vô thi vô minh, tức là thoát đầu. Thừa này gọi là Bồ Tát thừa. Mục đích thừa này phá vô thi vô minh là kiến tánh.

4. Tổ Sư thiên gọi là Tối Thượng thừa ở giai đoạn thật tướng. Thừa này là đến Phi Tâm Phi Vật (chẳng phải tâm cũng chẳng phải vật), muốn vào phạm vi tuyệt đối, cách tu tham thoát đầu, công án. Mục đích là hiện Chơn Như Phật Tánh, gọi là Phật thừa. Khi kiến tánh rồi gọi là vạn đức viên mãn, vô tu vô chứng.

Vì kiến tánh rồi mới biết không có cái gì để dứt để phá! Chỉ là y như cũ, không phải tu mới thành, chứng mới đắc. Bởi Phật đã thành sẵn, đã đắc sẵn, chỉ bị biết và không biết của bộ não che khuất, nên không được hiện ra.

Hỏi: Tiểu thừa chưa dứt nhất niệm vô minh, vậy làm sao thoát được vòng sanh tử?

Đáp: Tiểu thừa chỉ thoát được phần đoạn sanh tử, mà chưa dứt được biến dịch sanh tử. Ở trong Phật pháp có hai thứ sanh tử: Phần đoạn sanh tử và Biến dịch sanh tử.

Hỏi: “Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa”, lối chia này của người Tối Thượng thừa. Như vậy người Tiểu thừa có công nhận lối chia này không?

Đáp: Lối chia này không phải Phật Thích Ca chia, mà người đời sau chia. Phật Thích Ca ban đầu thuyết liễu nghĩa, nhưng người nghe không chấp nhận được, nên phải thuyết bất liễu nghĩa, rồi mới thuyết liễu nghĩa. Tam thừa giáo là đối tượng khác nhau, ban đầu phá chấp phàm phu với ngoại đạo, thời thứ nhì là phá chấp của Tiểu thừa, giáo thời thứ ba là phá chấp Đại thừa.

Phật thuyết pháp là để khế hợp với căn cơ, chứ không phải có chia. Những việc này là những giai đoạn, Đại thừa không phải thật, vì Phật cũng phủ định. Nên Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ”. Tất cả lời của Phật nói, Phật đều phủ định hết, như các người dịch kinh chấp có pháp thật, tại họ không hiểu căn bản Phật pháp, cũng có ý của mình xen vào.

Như tông Thiên Thai, đến Tổ thứ 3 là Trí Giả đại sư mới được hoàn thành đầy đủ giáo lý của tông Thiên Thai. Trí Giả đại sư ở trên núi Thiên Thai, nên người ta gọi là tông Thiên Thai. Tông Hoa Nghiêm cũng vậy, Hiền Thủ đại sư mới hoàn thành giáo lý của tông Hoa Nghiêm, vì Tổ thứ 3 tông Hoa Nghiêm là Hiền Thủ, nên người ta gọi là tông Hiền Thủ.

Tông Thiên Thai căn cứ kinh Pháp Hoa tu, cũng gọi là Pháp Hoa Tông. Tông Hiền Thủ căn cứ kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm tông, đều là kinh liễu nghĩa. Nói về giáo lý đầy đủ phong phú thì kinh Hoa Nghiêm hơn kinh Pháp Hoa.

Hỏi: *Tổ Sư thiên có câu thoại đầu làm phương tiện, tông Hiền Thủ có kinh Hoa Nghiêm để tu, vậy nên bỏ và lấy cái nào? Cái nào nào hơn cái nào?*

Đáp: Không bỏ và lấy cái nào cả, cũng không có cái nào hơn cái nào. Pháp thiên của tông Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới Quán Thiên có chia làm 4 loại: Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới.

Sau 49 năm Phật thuyết pháp, trong hội Linh Thứu Sơn Phật đưa cành hoa lên, Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười, lúc đó Thiên tông ra đời, còn gọi là pháp thiên trực tiếp, cũng là pháp Tổ Sư thiên.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem Tổ Sư thiên qua Trung Quốc truyền cho Huệ Khả,... sau Lục Tổ Huệ Năng mới có 5 phái thiên đều là Tổ Sư thiên, nhưng mỗi gia phong có khác, mà ngộ đạo thì không khác. Như Lâm Tế dạy người tham học vô cửa liền hét, Đức Sơn dạy người tham học vô cửa liền đánh. Mục đích niêm hoa thị chúng của Phật và gia phong của chư Tổ đều không khác.

Trang 2

Hỏi: *Tối Thượng thừa thiên bao gồm tất cả thiên, trừ ra thiên ngoại đạo, có phải vậy không?*

Đáp: Không phải vậy, Tổ Sư thiên là pháp thiên trực tiếp không có cấp bậc, còn tất cả thiên kia (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa) đều có cấp bậc và có giáo lý, theo giáo lý để thực hành pháp thiên.

Tứ Niệm Xứ ở trong 37 phẩm trợ đạo của Tiểu thừa, Tiểu thừa có thiên quán là Ngũ Đình Tâm quán, Tứ Niệm Xứ là giúp cho thiên quán để được thành tựu, chứ không phải pháp tu chánh, pháp tu chánh là Ngũ Đình Tâm Quán. Bây giờ người ta lấy tên Tứ Niệm Xứ để tu, nhưng không phải Tứ niệm Xứ của Phật. Tứ Niệm Xứ của Phật đều dùng để phá chấp, còn Tứ Niệm Xứ của người ta thì lại chấp thêm.

Hỏi: *Có phải pháp thoại đầu của Ngài Lâm Tế không?*

Đáp: Pháp tham thoại đầu, công án không phải chỉ thuộc về phái Lâm Tế hay phái Tào Động, tức là 5 phái (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng) đều tham thoại đầu, công án. Từ đời nhà Tống Trung Hoa, bộ Truyền Đăng Lục (lịch sử Phật giáo đầu tiên) ra đời, lúc ấy niên hiệu Cảnh Đức đời nhà Tống, gọi là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, tất cả cơ xảo của chư Tổ đều ghi trong đó; hành giả tham thiên coi rồi, nên cơ xảo của Chư Tổ không dùng được nữa. Như Tổ đánh, hét cách mấy, nhưng người ta không phát nghi lên được, vì họ đã biết là cơ xảo. Bất đắc dĩ chư Tổ mới dạy tham thoại đầu, công án.

Hỏi: *Ngoài pháp tham thoại đầu, công án, còn có pháp Tối Thượng Thừa thiên nào khác không?*

Đáp: Không có pháp Tối Thượng Thừa thiên nào khác, các pháp môn khác đều cũng có thiên, nhưng chỉ Tổ Sư thiên mới gọi là Thiên tông, còn các phái kia không được gọi là Thiên tông. Tối Thượng thừa thiên là do Lục Tổ nói, kỳ thật không phải là Tối Thượng Thừa, vì đó là pháp thiên trực tiếp, các thiên kia là pháp thiên gián tiếp, nên gọi pháp thiên trực tiếp là Tối Thượng Thừa thiên. Vì không qua giai cấp, không cần học giáo lý.

Bây giờ Tổ Sư thiền không có nhiều phái và không có cơ xảo khác biệt. Hồi xưa có nhiều phái là do có nhiều cơ xảo khác biệt, như Lâm Tế hét, Đức Sơn phảng. Tổ Sư thiền thời nay đều tham thoại đầu, công án.

Hiện nay tham công án, thoại đầu truyền qua Nhật Bản, Đại Hàn lại khác. Vì muốn cho bậc trí thức thỏa mãn tìm hiểu, các Thiền Sư giải đáp công án làm lấp bít cửa ngõ của người tham thiền, nên người tham thiền không bao giờ ngộ được.

Tham công án, không cho tìm hiểu công án, vì tác dụng công án là để ngộ, nếu ngộ không được thì không hiểu nên phải nghi, giữ cái nghi đó sau này sẽ được ngộ.

Hỏi: Trung thừa dùng kinh nào để tu?

Đáp: Trung thừa dùng Thập Nhị Nhân Duyên, nên gọi là Duyên Giác, vì do nhân duyên mà được ngộ đạo. Lúc không có Phật mà họ ngộ đạo thì gọi là Độc Giác, họ không cần kinh điển, họ quán vũ trụ vạn hữu có thành, trụ, hoại, không hay sanh, trụ, dị, diệt.

- Thập Nhị Nhân Duyên ở trong kinh nào?

- Thập Nhị Nhân Duyên không ở trong kinh nào ghi, nhưng tất cả kinh nào cũng có cái đó. Vì đó là nhân duyên, Phật pháp là do nhân duyên hợp nên sanh, nhân duyên tan thì diệt. Phật pháp nói đến nhân duyên, nhưng nhân duyên là tánh không để phá chấp của ngoại đạo, phá chấp của Tiểu thừa.

Ngưỡng Sơn thí dụ: Lục căn như cái nhà có 6 cửa sổ, giữa nhà thắp một cây đèn, ánh sáng rọi ra 6 cửa sổ ra ngoài. Tiểu thừa đem màn đen che 6 cửa sổ, để cho ánh sáng khỏi tiếp xúc cảnh ngoài, cũng có thể ánh sáng lọt ra ngoài. Tối Thượng thừa khỏi cần che cửa sổ, chỉ cần tắt cây đèn là xong thì đâu còn ánh sáng để tiếp xúc bên ngoài. Cửa sổ vẫn y nguyên và ánh sáng trong nhà và ánh sáng ngoài nhà đều giống nhau.

Hỏi: Nói là từ không chỗ bắt đầu, rồi đến chỗ không cuối cùng. Nhưng Phật Giáo chia ra nhiều thừa (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa). Như vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: Phật thuyết pháp vừa xong liền phủ định không có thừa nào cả. Thiền Sư Bồn Tịnh nói: “Phật còn không có, Tâm cũng không có”. Giáo pháp là để hiển bày tâm, nếu tâm còn không có thì hiển bày cái gì?

Hỏi: Sư Phụ nói: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, chỉ có Tối Thượng thừa tham thoại đầu, công án. Như vậy con thấy cái nào cũng giống nhau phải không?

Đáp: Phải, cuối cùng cái nào cũng đều giống nhau. Vì hỏi sự khác biệt của các thừa, nên Phật dùng phương tiện để giải thích, cuối cùng Phật đã phủ định. Nếu đến chỗ cuối cùng thì chẳng có cái gì, như hư không vô sở hữu dung nạp tất cả, dùng hư không để thí dụ tâm mình cũng vô sở hữu. Tâm đã vô sở hữu thì lấy cái gì để lập ra giai cấp? Ông đã có tư tưởng chấp thật, tôi giải thích chỗ cuối cùng là vô tu vô chứng, Bồ Đề viên mãn thì không tu không chứng. Không tu làm sao có giai cấp, có bậc Trung thừa, Đại thừa? Làm sao có tu chứng?

Hỏi: Vì các pháp đều giả huyễn, nên chẳng có cấp bậc nào. Vậy có đúng không?

Đáp: Nói giả huyễn cũng không đúng, vì có thật nên mới nói giả huyễn. Thật không thể thành lập thì giả huyễn làm sao thành lập? Cho nên, kinh Lăng Nghiêm nói: “Phi huyễn (chẳng phải huyễn) không thành lập được, vậy pháp huyễn làm sao có?” Bởi vậy, kinh nói: “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”.

Hỏi: Nếu tham thoại đầu để phát nghị, nhưng đời này chưa ngộ và nhiều đời sau cũng không ngộ. Vậy người đó sẽ đi về đâu?

Đáp: Đừng nói đầu xa, gần đây như: Ngài Lai Quả, Ngài Hư Vân đều có hình. Ngài Lai Quả mới tịch năm 1953 là người đã ngộ, Ngài Hư Vân đã tịch năm 1960 là người đã ngộ. Chứ không phải không có người nào ngộ! Nhưng theo ông nói thì kiếp này qua kiếp kia không thể ngộ.

Còn Ngài Nguyệt Khê đã ngộ và tịch năm 1965, nhục thân hiện nay để thờ tại chùa Vạn Phật ở Cửu Long, Hồng Kông. Ở đây cũng có đến đó thăm nhục thân của Ngài Nguyệt Khê. Nếu theo ông hiểu thì những vị này không ngộ! Phật pháp không phải nói suông là sự chân thật phải có thực dụng.

Hỏi: Thế nào 4 bài kệ chữ TRI của Ngài Vĩnh Gia?

Đáp: Bốn bài kệ chữ “tri” của Huyền Giác Vĩnh Gia đại sư dùng cánh tay để thí dụ vô duyên tri của Phật tánh, cũng gọi là Chánh Biến Tri, cũng là Trí Bát Nhã. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn”. Nay ngài Vĩnh Gia dùng cánh tay để thí dụ sự tri chẳng kiến lập, vì có kiến lập thì có nhân duyên đối đãi, chẳng thể gọi là Vô Duyên Tri. Nói vô duyên là không có nhân duyên đối đãi.

Bài kệ thứ nhất:

Tịch lặng làm sở biết,
Chẳng phải vô duyên tri.
Như tay cầm Như ý,
Không bằng tay chẳng cầm.

Nếu kiến lập sở tri, dù sở tri là tịch lặng, những người tu đến tâm tịch lặng, cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh; hề kiến lập sở tri thì có năng sở đối đãi, làm chướng ngại dụng hoạt bát vạn năng của bản tri (vô duyên tri).

Như tay cầm như ý thì trụ nơi ngoại cảnh, đánh mất dụng hoạt bát vạn năng của tay. Tay chẳng cầm cây như ý, muốn lấy gì cũng được, tay cầm cây như ý thì không thể lấy gì được.

Bài kệ thứ hai:

Nếu biết có năng tri,
Chẳng phải vô duyên tri.
Như tay làm nắm tay,
Làm tay mất tác dụng.

Bài kệ thứ hai là tiến thêm một bước, dù chẳng lập sở tri, nhưng biết mình có năng tri, vẫn là kiến lập sự tri. Có tri thì có bất tri đối đãi, nên chẳng phải vô duyên tri.

Như tay chẳng cầm vật bên ngoài, mà tự làm nắm tay, làm nắm tay rồi (tức là trụ nơi cái tri của tự mình kiến lập) thì mất hết dụng hoạt bát vạn năng của tay, nên chẳng cầm được đồ vật nào cả.

Bài kệ thứ ba:

Chẳng trụ nơi tịch lặng,
Cũng không trụ năng biết.
Chẳng phải là vô tri,
Vì tự tánh rõ ràng,
Không đồng như gỗ đá.

Vậy chẳng biết ngoại cảnh, cũng chẳng tự có biết. Người ta cho như thế là lọt vào vô tri như gỗ đá chẳng biết gì cả, nên có bài kệ thứ ba: Vì tự tánh rõ ràng, chẳng đồng như gỗ đá. Thế thì làm sao chứng minh được?

Bài kệ thứ tư:

Tay chẳng cầm như ý,
Không tự làm nắm tay,
Chẳng phải là không tay,
Vì tay vẫn an nhiên,
Không đồng như sừng thỏ.

Dùng cánh tay để chứng tỏ: Như tay chẳng cầm vật ngoài, cũng không tự làm nắm tay, chẳng phải là không tay. Vì tay vẫn an nhiên chưa hề bị mất, nên chẳng đồng như sừng thỏ. Tại sừng thỏ chỉ có tên gọi, mà không có vật thật vậy.

Tham thiền là quét sạch năng sở, nếu có năng tri thì thành sở tri ngu, mặc dầu có sở tri cao tột. Lấy tịch lặng làm sở tri còn không được, huống là lấy cái vọng làm sở tri!

Nam Tuyền ngũ lục Trích dịch trong Chí Nguyệt Lục.

- o o o -

Trì Châu Nam Tuyền Phổ Nguyệt Thiền Sư, người quê Tân Trịnh, Trịnh Châu, họ Vương theo Đại Huệ Thiền Sư xuất gia, đến Ung Nhạn thọ giới Cụ Túc, ban sơ theo Pháp Tướng Tông học giáo lý và giới luật. Sư đi các nơi nghe giảng kinh pháp, như kinh Lăng Già, kinh Lăng Nghiêm,... rồi đi sâu vào Trung Quán Luận, Bách Môn Luận. Sư thấu suốt diệu nghĩa tất cả kinh luận, sau cùng đến Mã Tổ Đạo Nhất Thiền Sư tham vấn bỗng nhiên được khai ngộ đắc du hí tam muội. Sư làm hành đơn (làm việc trong phòng ăn).

Nơi thiền hội của Mã Tổ, sư đang dọn cháo cho Tăng. Mã Tổ hỏi: Trong thùng đựng (cháo) là cái gì?

Sư đáp: Ông Già này bịt miệng đi! Nói lời thế này!

Mã Tổ bèn thôi, từ đó chẳng ai dám cất vấn sư.

Năm 11 niên hiệu Trinh Quang, Sư làm trụ trì Trì Vương, ba mươi mấy năm chẳng xuống núi Nam Tuyền. Các Tông Lâm tôn ngài là một vị Thiền Sư nổi bậc, dưới núi Nam Tuyền có một Am Chủ, có người nói với Am Chủ rằng: Gần đây có Hòa Thượng Nam Tuyền ra đời, tại sao không ra đi để yết kiến?

Am Chủ nói: Chẳng những Nam Tuyền ra đời, dẫu cho ngàn Phật ra đời tôi cũng không đi.

Sư nghe rồi sai đệ tử Triệu Châu khám xét, Triệu Châu đi từ đông qua tây, từ tây qua đông, Am Chủ cũng chẳng màng. Châu nói: “Thảo tặc đại bại”, rồi buông rèm xuống đi về kể lại với Sư.

Sư nói: Xưa nay ta ngheu ngạnh.

Ngày hôm sau, Sư cùng Sa Di đem một bình trà với 3 cái chén đến am liệng xuống đất, liền nói: Hôm qua đó! Hôm qua đó!

Am Chủ hỏi: Hôm qua đó là cái gì?

Sư đánh vào lưng Sa Di và nói: Chớ gạt ta! Chớ gạt ta! Và liền quay đầu trở về.

Sư thượng đường rằng: Như Tăng đã nói rồi, nếu như tâm xuất suy nghĩ sanh ra các pháp đều hư giả chẳng đồng. Tại sao? Vì tâm còn chẳng có làm sao sanh ra các pháp? Như lấy huệ nhãn để phân biệt hư không, như lấy âm thanh để trong rương, như thổi màng lưới muốn cho đầy!

Sư đem lời Mã Tổ nói: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”, để dạy các anh em thực hành, căn cứ lời Phật, Thập Địa Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm tam muội, các pháp tạng bí mật của chư Phật, tất cả thiên định giải thoát, thần thông diệu dụng đến tất cả thế giới thổ địa các âm, khi hiện hành Đẳng Chánh Giác chuyên đại pháp luân, nhập Niết Bàn như một lỗ chân lông, giảng một câu kinh trải qua vô lượng kiếp nghĩa cũng chưa hết, giáo hóa vô lượng chúng sanh đắc vô sanh pháp nhãn, còn gọi là sở tri ngu, cực vi tế sở tri ngu thì còn trái với đạo.

Thật khó! Thật khó! Trân trọng (cáo biệt). (Nếu chấp theo những lời kể trên làm sở tri thì bị gọi là sở tri ngu).

Sư thượng đường rằng: Các ông lão Tăng lên 18 tuổi đã biết làm kế sống, nay kẻ nào biết làm kế sống thì hãy ra đây cùng nhau thương lượng! Phải là người trụ núi mới được (người trụ núi là người sau khi ngộ). Cách một lúc sau, Sư nhìn khắp đại chúng, nói: Trân trọng! Mỗi mỗi tu hành đi. Đại chúng đứng yên chẳng giải tán.

Sư nói: Thánh quả rất đáng sợ, người siêu việt số lượng còn nhẫn nại hà! Giống như không có cách nào để đối phó, ta chẳng phải nó, nó cũng chẳng phải ta, nó làm sao nại hà ta? Những nhà kinh luận nói pháp tâm là cùng tột, gọi là lý tận tam muội, nghĩa tận tam muội. Như lão Tăng khi xưa bị tẩy cách phản bốn hoàn nguyên, hiểu theo như thế là việc tai họa.

Các anh em! Gần đây Thiên Sư quá nhiều, muốn tìm một người ngu độn chẳng thể được. Chẳng phải hoàn toàn không có, nhưng có thì rất ít. Nếu có thì hãy ra đây cùng ta thương lượng. Dưới thời phong kiến có người tu hành hay không? Sao chẳng ai đáp? Các ông bình thường lưỡi như dao bén, nay ta hỏi đều không mở miệng. Tại sao không ra đây nói?

Các anh em! Chẳng kể việc lúc Phật ra đời, mọi người hiện nay cứ gánh Phật trên vai mà đi. Nghe lão Tăng nói: Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo, bèn rủ nhau suy đoán. Lão Tăng chẳng có chỗ cho các ông suy đoán. Nếu các ông rút hư không làm cây gậy đánh được lão Tăng thì mặc kệ cho các ông suy đoán.

Lúc ấy, có Tăng hỏi: Từ xưa chư Tổ cho đến Giang Tây Mã Tổ đều nói: “Tức tâm là Phật, bình thường tâm là đạo”. Nay Hòa Thượng nói “Tâm chẳng phải Phật, Trí chẳng phải Đạo”, khiến học nhân sanh tâm nghi hoặc, xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy?

Sư lớn tiếng đáp rằng: Ông nếu là Phật thì còn nghi Phật như thế! Lão Tăng chẳng phải Phật, cũng chẳng gặp Tổ Sư. Ông nói như thế! Hãy tìm Tổ Sư đi.

Tăng nói: Hòa Thượng dạy thế này, bảo học nhân làm sao chỉ ra được?

Sư nói: Ông mau dùng tay nâng hư không đi!

Tăng nói: Hư không chẳng tướng động làm sao nâng?

Sư nói: Ông nói chẳng tướng đâu đúng! Hư không làm sao biết nói chẳng tướng động? Đây là kiến giải tình chấp của ông thôi!

Tăng nói: Hư không chẳng tướng động còn là tình chấp, vậy bảo con nâng vật gì?

Sư nói: Ông đã biết chẳng nên nói nâng còn tính ở đâu hộ trì nó!

Tăng hỏi: Tức Tâm là Phật, Tâm ấy làm Phật được chẳng?

Sư đáp: Tức Tâm là Phật, Tâm ấy là Phật thuộc về tình chấp, nếu do suy tưởng mà thành, Phật là trí nhân, Tâm là chủ, lúc đối Phật mới có diệu dụng. Đại Đức chớ có nhận tâm nhận Phật, nếu nhận được là cảnh thì gọi là sở tri ngu. Nên Giang Tây Mã Tổ nói: “Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”, để dạy người đời thực hành. Hiện nay người học đạo đáp y đi khắp nơi nghi việc không đáng kể như thế này còn được chăng?

Tăng nói: Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật; nay Hòa Thượng còn nói “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo” thật chưa rõ như thế nào?

Sư nói: Ông chẳng nhận Tâm là Phật, Trí là Đạo. Lão Tăng chỉ thì chẳng ra Tâm. Vậy còn dính mắc chỗ nào?

Tăng nói: Thấy đều không được, đâu khác gì thái hư?

Sư nói: Đã chẳng phải vật, so thái hư cái gì? Lại bảo khác hay chẳng khác.

Tăng nói: Chẳng lẽ cũng không có "chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật chẳng phải Vật" luôn chẳng?

Sư nói: Ông nếu nhận cái này thì lại thành Tâm thành Phật rồi!

Tăng nói: Xin Hòa thượng giải thích.

Sư nói: Lão tăng tự chẳng biết.

Tăng nói: Tại sao chẳng biết?

Sư nói: Bảo ta nói gì?

Tăng nói: Chẳng lẽ không cho học nhân hội đạo?

Sư nói: Hội đạo nào? Làm sao mà hội?

Tăng nói: Con không biết!

Sư nói: Không biết thì tốt. Nếu chấp lấy lời lão tăng thì gọi là người y thông (y là dựa theo). Nếu gặp Di Lặc ra đời thì sẽ bị ngài nắm tóc.

Tăng nói: Làm sao dạy kẻ hậu học đời sau?

Sư nói: Ông hãy tự khán, chớ lo người đời sau!

Tăng nói: Hồi nãy không cho con hội đạo, nay lại bảo con tự khán, thực con chưa rõ.

Sư nói: Âm thầm hội, diệu hội. Cho ông hội thế này.

Tăng nói: Thế nào là diệu hội?

Sư nói: Còn muốn học lời lão tăng! Dẫu nói được, cũng là lời của lão tăng, ông còn muốn làm sao?

Tăng nói: Con nếu tự hội được thì chẳng phiền hòa thượng. Nay con xin hòa thượng dạy bảo.

Sư nói: Chẳng lẽ chỉ đông chỉ tây để gạt người. Lúc ông còn mới bập bẹ sao không đến hỏi lão tăng, nay lại làm tài khôn nói ta chẳng hội, mong muốn cái gì? Ông ló đầu ra nói ta xuất gia làm thiền sư, vậy lúc chưa xuất gia đã từng làm cái gì? Hãy thử nói xem, ta sẽ cùng người thương lượng.

Tăng nói: Lúc bấy giờ con không biết.

Sư nói: Đã không biết thì nay nhận được này nọ là phải chăng?

Tăng nói: Nhận được đã chẳng phải, chẳng nhận phải chẳng?

Sư nói: Nhận với chẳng nhận là lời nói gì?

Tăng nói: Đến chỗ này con càng chẳng hội được.

Sư nói: Ông nếu chẳng hội ta còn chẳng hội hơn.

Tăng nói: Con là học nhân nên chẳng hội, còn hòa thượng là thiện tri thức thì phải hội.

Sư nói: Ông này! Đã nói với ông chẳng hội thì còn ai mà luận thiện tri thức. Chớ làm tài khôn! Xem khi Mã Tổ còn tại thế, có một học sĩ hỏi "Nhu nước không gân xương, nâng ghe muôn ngàn tấn. Lý này là thế nào? Mã Tổ nói: Ở đây chẳng nước cũng chẳng ghe, luận gì gân xương." Học sĩ liền thôi. Như thế phải ít phí sức không? Cho nên ta thường nói: "Phật chẳng hội đạo, ta tự tu hành, vậy cần biết làm gì?"

Tăng nói: Thế thì làm sao tu hành?

Sư nói: Không thể suy lường được. Nói với người tu như vậy, hành như vậy, thực khó.

Tăng nói: Vậy còn cho học nhân tu hành hay không?

Sư nói: Lão tăng chẳng thể chương ngại người.

Tăng nói: Con làm sao tu hành?

Sư nói: Muốn hành thì hành, cứ tìm hỏi người khác.

Tăng nói: Nếu chẳng nhờ thiện tri thức chỉ thị, làm sao hội được. Như hòa thượng thường nói tu hành cần phải hiểu mới được. Nếu không hiểu thì e lọt vào nhân quả, chẳng có phần tự do. Chưa rõ tu hành thế nào mới khỏi lọt vào nhân quả.

Sư nói: Chẳng cần thương lượng. Nếu nói đi tu hành, chỗ nào không đi được.

Tăng nói: Làm sao đi được?

Sư nói: Chẳng lẽ tùy người mà tìm được.

Tăng nói: Hòa thượng chưa nói, bảo con làm sao tìm?

Sư nói: Dẫn cho nói, đi chỗ nào tìm? Như ông từ sáng tới chiều đi đông đi tây, thương lượng với ai? Được hay không được. Người khác làm sao mà biết.

Tăng nói: Lúc đi đông đi tây đều không suy nghĩ, phải chẳng?

Sư nói: Lúc ấy ai nói phải với chẳng phải.

Tăng nói: Hòa thượng thường nói "Ta ở tất cả nơi mà vô sở hành, tất cả nơi câu thúc ta chẳng được, gọi là biến hành tam muội, phổ hiện sắc thân", tức là lý này chẳng?

Sư nói: Nếu kẻ tu hành chỗ nào chẳng đi được, chẳng nói câu với bất câu, cũng chẳng nói tam muội.

Tăng nói: Vậy khác gì có pháp để đắc bồ đề đạo?

Sư nói: Chẳng kể khác hay chẳng khác.

Tăng nói: Cái thuyết tu hành của hòa thượng siêu việt và khác với đại thừa, chưa rõ thế nào?

Sư nói: Chẳng quản khác hay chẳng khác. Ta chưa từng học. Nếu muốn xem giáo thì có tọa chủ, kinh luận. Các nhà giáo môn thật rất đáng sợ. Ông hãy đi nghe tốt hơn.

Tăng nói: Rốt cuộc khiến học nhân làm sao mà hội?

Sư nói: Theo sự hỏi của ông vốn chỉ ở bên nhân duyên, thấy ông còn chẳng nại hà. Duyên là nhận được vật trên sáu cửa. Ông hãy hội bên Phật rồi đến thương lượng với ta. Chớ truy tìm thể này, chẳng phải thể này, chớ lấy lời cổ nhân hành hạnh bồ tát. Duy có một người hành thiền, ma Ba Tuần lãnh các quyền thuộc thường theo dõi sau lưng Bồ Tát, tìm chỗ tâm hành khởi lên liền chộp ngã.

Nhưng trải qua vô lượng kiếp tìm chỗ một niệm khởi cũng chẳng thể được, mới cùng quyền thuộc lễ tạ, tán thán cúng dường, ấy còn là cấp bậc tiến tu, người trung hạ căn lại chẳng nại hà, huống là chỗ tuyệt công dụng, như Văn Thù, Phổ Hiền thì khởi cần nói. Thế nào là đạo hành của ông? Là có hay không? Tìm người hành một ngày cũng chẳng thể được. Hiện nay cứ từ đầu năm đến cuối năm đi khắp nơi chỉ là tìm cứu cánh làm cái gì? chỉ là đầu môi chót lưỡi sinh ra kiến giải.

Tăng nói: Lúc bấy giờ chẳng tên Phật, chẳng tên chúng sanh, khiến con làm sao suy nghĩ thực hành?

Sư nói: Ông nói chẳng tên Phật chẳng tên chúng sanh đã là suy nghĩ rồi, cũng là nhớ lời người khác.

Tăng nói: Nếu như thế tất cả đều thuộc về việc lúc Phật ra đời, chẳng thể không nói.

Sư nói: Ông làm sao nói?

Tăng nói: Giả sử nói, nói cũng không tới.

Sư nói: Nếu nói là nói không tới, là lời tới. Ông uống công truy tìm, ai làm cảnh cho ông tìm.

Tăng nói: Đã không vì làm cảnh, ai là người bên kia?

Sư nói: Nếu ông không dẫn chứng giáo lý thì nơi nào để luận Phật. Đã chẳng luận Phật, lão tăng luận với ai mà nói bên đây bên kia.

Tăng nói: Quả dù chẳng trụ đạo, nhưng đạo hay làm nhân, là nghĩa thế nào?

Sư nói: Ấy là lời cổ nhân. Hiện nay không thể không tri giới. Ta chẳng phải nó, nó chẳng phải ta. Cứ làm theo như con trâu con chồn! Hễ nổi lên một niệm thấy khác thì khó mà tu hành.

Tăng nói: Một niệm thấy khác thì khó mà tu hành là thế nào?

Sư nói: Mới một niệm thấy khác liền có hai gốc tốt xấu. Chẳng phải tình kiến đuổi theo nhân quả họ, lại còn có phần tự do gì?

Tăng nói: Thường nghe hòa thượng dạy Báo thân Hóa thân đã chẳng phải Phật thật, vậy Pháp thân là Phật thật chẳng?

Sư nói: Đã là Ứng thân rồi!

Tăng nói: Nếu như thế này thì Pháp thân cũng chẳng phải Phật thật.

Sư nói: Pháp thân là thật hay chẳng thật, lão tăng không lưỡi, không nói được, ông bảo ta nói là được thì được.

Tăng nói: Ngoài lìa tam thân, pháp nào là Phật thật?

Sư nói: Ông này! Cùng ông già tám chín chục tuổi chửi lộn, nói với ông rồi đó, còn hỏi gì lìa, chẳng lìa, bộ muốn đem đình đống hư không hay sao?

Tăng nói: Theo kinh Hoa Nghiêm là Pháp thân Phật thuyết, là thế nào?

Sư nói: Ông vừa nói lời gì?

Tăng nhắc lại.

Sư nhìn qua nhìn lại rồi than: Nếu là Pháp thân thuyết, ông hướng vào chỗ nào để nghe?

Tăng nói: Con chẳng hội.

Sư nói: Thực khó, thực khó. Ông xem Tọa chủ Lượng là người Tứ Xuyên biết giảng ba mươi hai bộ kinh luận, lúc đang giảng ở tỉnh Giang Tây, có dịp đến tham vấn Mã Tổ trong Khai Nguyên Tự. Mã Tổ hỏi: "Nghe nói Tọa chủ hay giảng kinh, phải chăng?" Tọa chủ nói: "Không dám". Mã Tổ nói: "Đem cái gì để giảng?" Tọa chủ nói: "Đem tâm để giảng". Mã Tổ nói: "Tâm như người múa rối, ý như người hòa nhạc, làm sao giảng được?" Tọa chủ nói: "Vậy có lẽ hư không giảng được chăng?" Mã Tổ nói: "Đúng là hư không giảng được". Tọa chủ quay lưng đi liền. Mã Tổ lớn tiếng gọi: "Tọa chủ!" Tọa chủ quay đầu lại.

Mã Tổ lớn tiếng: "Là cái gì?", tọa chủ liền khai ngộ. Ông xem thử, mau không?

Tăng nói: Căn cứ lời Hòa thượng tức là Pháp thân thuyết pháp.

Sư nói: Nếu hội như thế đã là Ứng thân rồi.

Tăng nói: Đã là Ứng thân há chẳng có người thuyết pháp?

Sư nói: Ta không biết.

Tăng nói: Con không hội.

Sư nói: Không hội thì tốt, khỏi cùng nó phân giải nữa.

Tăng hỏi: Trong kinh nói chỗ Pháp thân Đại Sĩ hội ngộ tức thấy Pháp thân Phật. Địa vị Bồ tát tức thấy Báo thân Phật. Nhị thừa chỉ thấy Hóa thân Phật là lý này chăng?

Sư nói: Mắt ta chưa từng xem kinh giáo, lỗ tai cũng chưa từng nghe. Ông tự xem lấy. Nếu ghi nhớ như thế thì sau này mới chẳng nại hà. Giống như người chơi hạt châu, nói ánh sáng hạt châu chiếu cùng khắp, có đĩa vàng thì phản chiếu được, bỗng bị lấy mất đĩa vàng thì chỗ nào chơi châu, chỗ nào tìm ánh sáng khắp với chẳng khắp.

Tăng lễ bái.

Sư cười rằng: Thực khó, thực khó. Cổ nhân mắng ông là hạng thợ săn ngư phủ, cũng là người đem phần vào. Trân trọng.

Triệu Châu hỏi: Đạo chẳng phải ngoài vật. Ngoài vật chẳng phải đạo. Thế nào là đạo ngoài vật?

Sư liền đánh.

Triệu Châu nắm lấy gậy rằng: Về sau chớ đánh lầm người.

Sư nói: Ròng rã dễ phân biệt. Nạp tử (tu sĩ) khó lừa gạt.

Bình:

Tuyệt Đâu Hiền thiên sư nói: "Triệu Châu như rồng không sừng, như rắn có chân. Lúc ấy không kể "tận pháp vô dân", cần phải cho ăn gậy rồi đuổi ra".

* * *

Lúc đang thương trăng, Tăng hỏi: Bao giờ được giống như cái này?

Sư nói: Vương lão sư hai mươi năm trước cũng như thế này.

Tăng nói: Vậy hiện nay thì làm sao?

Sư bèn về phương trượng.

* * *

Một hôm sư hỏi Huỳnh Bá: Vàng vòng làm thế giới. Bạc trắng làm vách tường. Đây là chỗ người gì ở?

Bá nói: Là chỗ thánh nhân ở.

Sư nói: Còn có một người ở quốc độ nào?

Bá Khoanh tay đứng yên.

Sư nói: Nói chẳng được sao không hỏi Vương lão sư?

Bá hỏi lại: Còn có một người ở quốc độ nào?

Sư nói: Đáng tiếc thay!

* * *

Sư hỏi Huỳnh Bá: Định huệ đấng học, minh kiến Phật tánh, lý này thế nào?

Bá nói: Trong mười hai thời chẳng y dựa một vật.

Sư nói: Ấy là chỗ thấy của Trương lão chăng?

Hoàng Bá nói: Không dám.

Sư nói: Tiền nước tương tạm gác một bên. Tiền dếp cỏ bảo ai trả?

Bình:

Diệu Hỷ Đại Huệ thiền sư nói: Không thấy lời rằng "Lộ phùng Kiềm Khách tu trình Kiềm, Bất thị thi nhân mạc hiến thi".

* * *

Sư tham vấn Bá Trượng Niết Bàn hòa thượng. Trượng hỏi: Từ xưa chư thánh còn có pháp nào chẳng vì người mà thuyết chăng?

Sư nói: Có.

Trượng nói: Thế nào là Pháp chẳng vì người mà thuyết?

Sư nói: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật chẳng phải Vật.

Trượng nói: Đã thuyết rồi đó.

Sư nói: Con chỉ biết như thế. Hòa thượng làm thế nào?

Trượng nói: Ta chẳng phải Đại thiện tri thức, đâu biết thuyết hay chẳng thuyết.

Sư nói: Con chẳng hội.

Trượng nói: Ta đã quá sức vì người mà nói rồi vậy.

Bình:

Tuyệt Đạu Hiển thiền sư tụng rằng:

Phật Tổ từ xưa chẳng vì người.
Nạp tăng xưa nay đua nhau chạy.
Trên đài gương sáng tượng khác biệt.
Mỗi mỗi hướng Nam nhìn Bắc Đẩu,
Chuôi Bắc Đẩu không chỗ lấy,
Bắt được lỗ mũi lại mất khẩu.

* * *

Sư và Lỗ Tổ, Qui Tông, Sam Sơn bốn người lia nơi Mã Tổ, mỗi người đều muốn đi tìm nơi ở. Nửa đường chia tay, Sư cầm cây gậy xuống nói: Nói được cũng bị cái này chướng ngại, nói không được cũng bị cái này chướng ngại.

Qui Tông nhổ cây gậy lên, đánh Sư rồi nói: Cũng chỉ là Vương lão sư này thôi. Nói gì ngại, chẳng ngại.

Lỗ Tổ nói: Chỉ một lời nói này, truyền bá khắp thiên hạ.

Qui Tông nói: Còn có kẻ không truyền bá chẳng?

Lỗ Tổ nói: Có!

Qui Tông nói: Thế nào là kẻ không truyền bá?

Lỗ Tổ làm thế muốn bạt tai.

* * *

Sư cùng Lỗ Tổ, Sam Sơn, Qui Tông đang uống trà. Lỗ Tổ giơ chén trà lên nói: Lúc thế giới chưa thành đã có cái này.

Sư nói: Người thời nay chỉ biết cái này, chưa biết thế giới.

Qui Tông nói: Phải!

Sư nói: Bộ Sư huynh đồng ý kiến này chẳng?

Qui Tông lại nâng chén trà lên nói: Hướng vào lúc thế giới chưa thành, nói được chẳng?

Sư giơ tay làm thế muốn bạt tai.

Qui Tông đưa mặt làm thế muốn nhận.

* * *

Ma Cốc cầm tích trượng đến Chương Kinh, nhiều thiền sàng ba vòng rồi động tích trượng một cái, nghiêm mặt đứng thẳng.

Chương Kinh nói: Phải! Phải!

Bình:

Tuyết Đậu nói: Sai!

Ma Cốc lại đến chỗ Sư, cũng nhiều thiền sàng ba vòng rồi cũng động tích trượng một cái, nghiêm mặt đứng thẳng.

Sư nói: Chẳng phải! Chẳng phải!

Bình:

Tuyết Đậu nói: Sai!

Ma Cốc nói: Chương Kinh nói phải, tại sao hòa thượng lại nói chẳng phải?

Sư nói: Chương Kinh thì phải, là ông chẳng phải. Đó là sức gió sở chuyên, chung qui bại hoại.

Bình:

Tuyết Đậu tụng:

Này sai kia sai
Rất kị liệng bỏ
Bốn biển sóng yên

Trăm sông triều xuống
Cổ sắc phong cao thập nhị môn
Môn môn hữu lộ không tiêu điều.
Phi tiêu điều
Trăm năm ham cầu thuốc không bịnh.

* * *

Viên Ngộ Càn thiên sư rằng: Càn phải nhận lấy hai "Sai" mới được.

Tuyết Đậu muốn đề chỗ hoạt bát nên như thế. Nếu mà thằng dưới da có máu, tự nhiên chẳng hướng vào ngôn cú để hiểu. Có người nói Tuyết Đậu thay cho Ma Cốc dùng hai chữ "Sai" này, có dính dáng gì đâu! Đâu biết cổ nhân dùng lời nói là khóa chặt quan ải. Bên đây cũng phải, bên kia cũng phải, rốt cuộc chẳng ở hai đầu này.

Khánh tạng chủ nói: Càn tích trượng nhiều thiên sàng như phải và chẳng phải đều sai. Kỳ thực ý cũng chẳng ở đây.

Quy Sơn Mai thiên sư rằng: Chương Kinh nói "phải" cũng lọt vào trong vòng của Ma Cốc. Nam Tuyên nói "chẳng phải" cũng lọt vào trong vòng của Ma Cốc. Đại Quy thì không như vậy. Bỗng có người cầm tích trượng, nhiều thiên sàng ba vòng, nghiêm mặt đứng thẳng, chỉ hướng họ rằng: Khi chưa đến đây, nên cho ba chục gậy.

* * *

Diêm Quan thiên sư dạy chúng rằng: Hư không làm trống, tu đi làm chùy. Người nào đánh được? Không ai trả lời.

Có tăng kể lại với Sư. Sư nói: Vương lão sư không đánh cái trống bễ này!

Bình:

Pháp Nhân thiên sư nói cách khác rằng: Vương lão sư không đánh.

Huỳnh Long Tâm thiên sư rằng: Nam Tuyên Pháp Nhân chỉ biết nhìn trước, chẳng biết dòm sau. Cũng như Diêm Quan nói hư không làm trống Tu Di làm chùy, chỗ nào là chỗ bễ. Còn kiểm điểm ra được chẳng? Dẫn cho kiểm điểm được chỗ bễ rõ ràng, ta còn muốn hỏi người tìm trống đó!

* * *

Sư với Qui Tông, Ma Cốc cùng nhau đi tham lễ Nam Dương quốc sư. Sư ở trên đường vẽ một vòng tròn, rằng: Nói được thì đi.

Qui Tông liền ngồi trong vòng tròn Ma Cốc bèn lạy kiêu người nữ.

Sư nói: Thế này thì không đi.

Qui Tông nói: Là tâm hạnh gì?

Sư liền rũ tất cả quay về, không đi tham lễ quốc sư nữa.

Bình:

Tuyết Đậu tụng rằng:

Dưỡng Do Cơ bắn vượn,
Nhiều cây sao quá thẳng!
Ngàn con và muôn con,
Ấy là ai bị trúng?
Gọi nhau, rủ nhau,
Đi về đi!
Trên đường Tào Khê chớ leo dốc.

Lại nói đường Tào Khê bằng phẳng,
Tại sao chớ leo dốc.

* * *

Có một tọa chủ từ già Sư. Sư hỏi: Đi chỗ nào?

Đáp: Đi dưới núi.

Sư nói: Đệ nhất không được báng Vương lão sư?

Đáp: Đâu dám báng hòa thượng!

Sư làm bộ hất xì, hỏi: Bao nhiêu?

Tọa chủ bèn ra đi.

Bình:

Vân Cơ Ân thiền sư rằng: Phi Sư bốn ý.

Tiên Tào Sơn rằng: Li!

Thạch Sơn thiền sư rằng: Chẳng vì người thương lượng.

Trường Khánh thiền sư rằng: Xin lãnh lời.

Vân Cơ Tích thiền sư rằng: Tọa chủ lúc ấy ra đi là hội hay chẳng hội?

* * *

Ngài khai thị rằng:

- Chân lý nhất như (bất nhị) mạc hạnh, mạc dụng, chẳng có người biết gọi là vô lậu trí, cũng là tánh bất động, vô lậu bất khả tư nghì, tánh không v.v...

Chẳng phải dòng sanh tử, đạo là đại đạo vô ngại niết bàn, diệu dụng tự đầy đủ mới được chỗ hành khắp nơi mà được tự tại. Nên nói nơi chư hành xứ mà vô sở hành, cũng gọi là biến hành tam muội, phổ hiện sắc thân.

Chỉ vì chẳng có người biết chỗ dụng của nó vốn chẳng có tông tích, chẳng thuộc kiến văn giác tri, chân lý tự thông, diệu dụng tự đầy đủ. Đại đạo vô hình, chân lý vô đối, nên chẳng thuộc kiến văn giác tri, chẳng có tư tưởng thô hay tế, như nói chẳng nghe mà nghe là đại niết bàn. Cái việc này chẳng phải nghe hay không nghe.

Tăng hỏi: Đại đạo chẳng thuộc kiến văn giác tri, vậy làm sao khế hội?

Ngài đáp: Cần âm thầm khế hội thì tự thông. Cũng nói liễu nhân chẳng từ kiến văn giác tri mà có, kiến văn giác tri thuộc về duyên, đối vật mới có, Đại đạo linh diệu, bất khả tư nghì, chẳng phải có đối nên nói diệu dụng tự thông, chẳng y dựa vật nào, cho nên đạo thông chẳng phải y thông. Y thông phải nhờ vật mới được sự thấy, đại đạo thì chẳng nhờ vật.

Nên nói đạo chẳng phải pháp sáng tối, lia có lia không, lý tiềm ẩn âm thầm tự thông, chẳng có người biết, cũng nói thâm hội chân lý, chẳng phải kiến văn giác tri. "Tâm ngưng đặc bản nguyên, nên gọi như như Phật, là người tự tại cứu cánh vô y cũng gọi là bản quả, chẳng từ nhân sanh mà sanh. Văn thù nói: "Chỉ liễu nhân mà liễu, chẳng từ nhân sanh mà sanh" (liễu nhân là chẳng có nhân sanh khởi, sanh nhân là có cái nhân sanh khởi).

Sư Nam Tuyên nói tiếp: Từ xưa đến nay chỉ bảo người ngộ đạo, chớ nên cầu cái khác. Nếu suy nghĩ ra được đạo lý cao siêu đều thuộc về cú nghĩa (nghĩa chữ). Nghĩa lý tam thừa ngũ tánh là chỗ hành, nói chỗ thọ dụng hằng ngày đầy đủ thì được, nói đạo thì chẳng phải. Nếu chấp thật thì bị ý thức trói buộc, gọi là thế gian trí.

Theo giáo môn nói: Nếu học giả cứ chấp thật tam tạng giáo điển (kinh luật luận) thì thành thợ săn, ngư phủ vì lợi dưỡng mà tổn hại đại thừa, cũng là tập khí tham dục.

Cho nên Cổ Đức nói: Phật chẳng hội đạo ta tự tu hành, ta tự có diệu dụng cũng gọi là chánh nhân, liễu sáu ba la mật đều không, cảnh vật lồi cuốn ta chẳng được.

Tổ Sư từ Tây Trúc đến, e sợ các người mê chấp nhân quả, địa vị, nên "Truyền pháp cứu mê tình, đốn ngộ hoa tình vĩ (vĩ tức là xong)". (Tánh là chủng tánh hoa, cũng là bồ đề hoa), nên Mã Tổ nói: Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật; dù Tổ trước kia từng nói: Tức tâm, tức Phật. Ấy là lời phương tiện tạm thời như dùng nắm tay không, lá cây vàng để dụ con nít nín khóc.

Nhưng hiện nay có người gọi Tâm là Phật, gọi trí là Đạo, cho kiến văn giác tri cũng là đạo. Nếu hội đạo như thế khác gì Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng, phát điên bỏ chạy. Dẫn cho nhận được bóng cũng chẳng phải cái đầu bản lai của mình. Nên Duy Ma Cật quả Ca Chiên Diên dùng tâm sanh diệt thuyết pháp thực tướng, ấy đều là tình chấp kiến giải.

Nếu nói: Tức tâm tức Phật, cũng như nói: Thỏ ngựa có sừng; nói: Phi tâm phi Phật, như nói trâu dê không sừng. Tâm người nếu là Phật, thì đâu cần phải "tức nó hay là phi nó". Hình tướng có hay không, lấy tướng gì làm đạo? Nên Giáo môn cũng chẳng cho.

"Thà làm thầy cho tâm, chẳng cho tâm làm thầy". "Tâm như đóng vai chánh, ý như đóng vai phụ", nếu nói Phật có tâm đạo, ấy là chẳng lia được kiến văn giác tri, là do nhân duyên mà có, đều là soi vật mới có chẳng thể thường soi, cho nên tâm trí đều chẳng phải đạo, lại đại đạo chẳng phải pháp sáng tối, lia số hữu vô, số lượng chẳng thể đến, như lúc kiếp không (chưa có trời đất), chẳng có tên Phật, chẳng có tên chúng sanh, ngay lúc ấy chính là đạo. Chỉ là không ai biết, không ai thấy, số lượng chẳng tiếp xúc nó được, gọi là vô danh đại đạo. Nói vậy đã lọt vào danh cú rồi!

Cho nên chân lý nhất như, chẳng có tư tưởng, vừa có tư tưởng liền bị ám (ngũ ám) trói, sau đó mới có tên chúng sanh, mới có tên Phật. Phật ra đời gọi là tam giới trí nhân, khi Phật chưa ra đời gọi là gì? Phật ra đời chỉ khiến người ngộ đạo, bản thể chẳng phải thánh phàm, gọi là "hoàn nguyên qui bản, thể giải đại đạo". Hôm nay đã ngộ đạo như thế, tức từ vô lượng kiếp đến nay, lục đạo tứ sanh đều có khứ lai, là chỗ hành tạm thời.

Bản Hành Tập của bậc Thánh xưa có nói: Ta vô sở bất hành.

Tất cả chúng sanh dù đang ở chỗ hành như thế vì không biết liễu nhân, nên sinh ra tham dục, đó chỉ là tạm thời lạc đường ở nơi trói buộc, chẳng được tự tại. Thật ra cũng như thấy mây trôi cho là trắng động, thấy thuyền xuôi cho là bờ chuyển. Chúng sanh vọng tưởng, vật vốn vô trụ, huông là có lý hay biến đổi. Nay đã ngộ như thế, cứ theo đó thực hành, chẳng giống như lúc xưa, vì nay đã ngộ liễu nhân bản quả, nên liễu được ngũ ám không, thập bát giới không, sáu ba la mật đều không, cho nên được tự tại.

Nếu chẳng theo đó thực hành, làm sao thái trừ năm thứ tham, hai thứ dục. Chẳng trụ thanh văn, chẳng tùy số kiếp, vì chur Phật, Bồ Tát đầy đủ phúc trí. Do liễu nhân, liễu sáu ba la mật không, theo thọ dụng này, chẳng còn tri kiến mới được tự tại.

Nếu có tri kiến thì lọt vào địa vị (có giai cấp), bèn có ngăn mé của tâm lượng, bị nhân quả ngăn cách, gọi là thù nhân đáp quả Phật, chẳng được tự tại. Đại thánh quả là: Nội kiến ngoại kiến, tình lượng chưa sạch. Kẹt nơi nhị chương nhị ngu, cho nên dòng

sông kiến chấp hay trôi hương tượng; chân lý vô hình làm sao thấy biết, đại đạo vô hình, lý tuyệt suy lường.

Hôm nay hành sáu ba la mật, trước tiên dùng liễu nhân ngộ bản quả, biết liễu vật này chỉ là phương tiện thọ dụng, mới được tự do, đi ở tự tại vô chướng ngại, cũng gọi là phương tiện cần trang nghiêm, cũng là vi diệu tịnh pháp thân, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, chỉ là không cho có ngăn mé của tâm lượng.

Nếu chẳng có tâm như thế thì tất cả chỗ hành, cho đến búng tay hiệp chưởng đều là chánh nhân, muôn thiện thầy đồng vô tặc, vậy mới được tự tại, cho nên thiên ma ngoại đạo tìm ta chẳng thể được, gọi là vô trụ tâm, cũng là vô lậu trí, diệu dụng tự tại bất khả tư nghị, bồ đề niết bàn đều là cảnh giới của người tu hành đều thuộc danh cú.

Nếu ngộ bốn lai chẳng phải vật phàm, thì như nước chẳng thể rửa nước. Tại sao vậy? Vì vốn chẳng có vật. Như kinh nói: Trong kho vua thật chẳng có đạo này; cũng nói: Đối với công đức thiên, hắc ám nữ, vị chủ nhân có trí, cả hai đều không nhận. Vì đạo chẳng phải sáng tối, nên nói tánh phải chẳng hải giác hải, giác hải thuộc duyên cần phải đối vật, tánh hải luôn luôn diệu dụng chẳng có ai biết, gọi là cực vi tế thâu kim sắc thủy trần (nghĩa là không bị vật nào chướng ngại).

Sở nhân của Bồ Tát gọi là đồ thọ dụng, nếu nước chẳng rửa nước, tức bản thể chẳng phải sáng tối, cũng gọi là vô lậu trí, vô ngại trí. Nếu như thế thì chỗ nào cũng câu thúc ta chẳng được.

Hiện nay lại đuổi theo tri giải ngữ ngôn, kiến lập nghĩa cú để tìm hơn thua, cho là chúng sanh hạ liệt, nói có Phật Thánh cứu độ chúng sanh, cho đến câu Phật Bồ đề, đều thuộc tham dục, cũng là tỳ kheo phá giới, cách xa với đạo. Đại đạo chẳng có sáng cũng chưa từng có tối, chẳng thuộc tam giới, chẳng quá khứ hiện tại vị lai. Như lai tạng thực chẳng che lấp, sư tử đầu từng ở hang, ngũ âm vốn không, đâu có xứ sở, lại pháp thân vô vi, chẳng đọa số lượng.

Pháp chẳng lay động, chẳng dựa lục trần, nên kinh mới nói: Phật tánh là thường, tâm là vô thường, cho nên trí chẳng phải đạo, tâm chẳng phải Phật. Nay chớ nên gọi tâm là Phật, chớ hiểu theo kiến văn giác tri. Vật này vốn chẳng danh tự, diệu dụng tự thông, số lượng hạn chế nó chẳng được, gọi là đại giải thoát. Đạo nhân tâm vô sở trụ, dấu tích chẳng thể tìm, nên gọi vô lậu trí là trí bất tư nghị.

Thôi Sứ Quân hỏi Ngũ Tổ rằng: "Năm trăm tăng chúng tại sao chỉ có Huệ Năng đại sư được truyền y bát, còn những người khác đều chẳng được?" Ngũ Tổ đáp: "Bốn trăm chín mươi chín người kia đều hiểu Phật pháp, chỉ có Huệ Năng là người siêu việt số lượng nên được truyền y bát". Thôi nói: Vậy nên biết đạo chẳng trí ngu và liền bảo đại chúng: "Trọn phải ghi nhớ!"

Ngài Nam Tuyền nói: "Ghi nhớ thuộc thức thứ sáu, dùng không được!" Lại nói:

- Tam thời đắp y cầu bản, vì các người nói trắng ra, chẳng phải vật thánh phàm, đâu có làm nhân cho người cũng đâu có làm quả cho người. Nếu làm nhân cho người thì chẳng tự tại, bị nhân quả trói buộc, chẳng được tự do. Khi Phật chưa ra đời không ai hiểu được, sau Phật ra đời mới cho hiểu được ít phần, hễ thăm hội chí lý thì vô sự tự thông, biết vốn tự vô vật, nếu hiểu theo kiến văn giác tri, tức là báo thân hóa thân, vì có ba mươi hai tướng khác nhau. Nếu báo, hóa đều lìa hết, chẳng còn chỗ kiến lập, tức đồng Như Lai.

Thực chẳng phải không cho kiến lập, cũng như Di Lạc trở lại làm phàm phu, nhưng Ngài vẫn hành sáu ba la mật, gặp cái nào cũng chẳng chướng ngại, sao mà chẳng cho kiến lập? Ngài chưa từng kẹt nơi thánh phàm, ở bên kia ngộ rồi qua bên này thực

hành mới được phần tự do. Hiện nay người học Phật phần nhiều xuất gia không chịu nhập gia, chỗ tốt thì nhận, chỗ xấu thì không nhận, như thế làm sao được!

Bồ Tát hành nơi phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo. Họ đi ở tự do là thế nào? Nếu biết thì bị chỗ biết sở trí, nếu không như vậy thì làm sao chẳng cho! Cái định của họ không có biến đổi. Nếu không định thì thuộc về tạo hóa rồi! Vì ta không bao giờ biến đổi nên mười hai phần giáo quyết định chẳng phải ta, nhưng ta lại hướng vào mười hai phần giáo mà thực hành. Nếu mười hai phần giáo là ta thì phải chịu biến đổi rồi!

Nói đại đạo nhất như, vô sự tự như thế, vì như như bất biến nên chưa từng mê, báo thân hóa thân chẳng phải chân Phật, chớ làm nhận pháp thân. Quả báo thánh phàm đều là bóng, nếu nhận lấy thì thuộc sanh diệt vô thường rồi. Theo thô tế mà nói thì mây may chẳng lập. Lý cùng tánh tận thì tất cả đều không, như lúc thế giới chưa thành, hư vô trống rỗng, chẳng tên Phật, chẳng tên chúng sanh.

Như vậy mới có phần tương ứng, ở bên kia ngộ rồi thì ở bên này thực hành, chẳng chứng quả thánh phàm. Theo căn bản mà nói, thực chẳng có pháp nào để đắc, huống là có những tên gọi sai biệt như tam thừa ngũ tánh ư! Hễ có nhân có quả đều thuộc sanh diệt vô thường, tâm như cây khô mới có ít phần tương ứng.

Phải biết từ vô lượng kiếp đến nay tánh không biến đổi tức là tu hành, diệu dụng mà chẳng trụ là hạnh Bồ Tát. Thông đạt các pháp không, diệu dụng tự tại là sắc thân tam muội, luôn luôn hành sáu ba la mật không, nơi nào cũng vô ngại, đạo nơi địa ngục cũng như vườn hoa, chẳng thể nói họ không có tác dụng.

Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mê tự bản tánh, chẳng tự liễu ngộ, bị mây trần che khuất, dính mắc các thứ ác dục, cũng như thấy mây bay cho là trắng động, thấy thuyền xuôi cho là bờ chuyển, tạm thời lạc đường chẳng được tự tại, chịu đủ thứ khổ mà chẳng tự biết. Nay nếu ngộ được thì bản tánh xưa nay chẳng khác.

Ngài sắp tịch, thủ tọa hỏi: Hòa thượng trăm năm sau đi về đâu?

Ngài nói: Đi dưới núi làm một con trâu.

Thủ tọa nói: Con theo hòa thượng đi được chăng?

Ngài nói: Nếu theo ta thì phải gặm một cọng cỏ lại đây!

Xong, Ngài thị hiện có bệnh, ngày 25 tháng chạp, năm Giáp Dần, thuộc năm thứ tám niên hiệu Đại Hòa. Tảng sáng, bảo môn đồ rằng: "Cái thân huyễn hóa đã lâu rồi, đừng cho ta có khư lai!" Nói xong, Ngài liền tịch, tuổi đời tám mươi bảy, tuổi tăng năm mươi tám.

Hỏi: Khi có câu thoại đầu thấy mình còn tỉnh, như vậy đúng hay sai?

Đáp: Có cái biết thì sai, như Thập Địa Bồ Tát có cái biết cũng còn gọi là sở tri ngu, nếu biết chút xíu cũng là cực vi tế sở tri ngu, vì thuộc về sở tri chướng.

- Vậy làm sao mình thoát khỏi những cái biết đó?

- Khỏi cần làm sao, chỉ giữ niệm không biết. Tổ Sư thiền là dùng niệm không biết để tu. Hỏi câu thoại kích thích lên niệm không biết, khán là nhìn niệm không biết, giữ niệm không biết gọi là nghi tình. Khán chỗ không biết thì không có chỗ, khán không thấy cái gì.

- Khi nổi lên nghi tình thì mình đã biết là sao?

- Bây giờ mới tập tham, tập tham một thời gian lâu không có mục tiêu để nhìn, vì có

năng nhìn mà không có sở nhìn, sở nhìn đã mất thì năng nhìn cũng phải mất. Nếu năng sở đều mất thì sẽ đến thoái đầu.

- Khi mình khởi câu thoái đầu mà nhìn nó thì mình nhìn câu thoái đầu, vậy là sao?

- Vì cô còn muốn giữ cái năng biết, như bài kệ của Ngài Vĩnh Gia là “dùng cái biết để biết tịch lặng thì không được” và “dùng cái biết để biết mình có cái biết, tức là không có tịch lặng để làm đối đãi sở biết, nhưng có năng biết vẫn không được”. Có sở biết như tay cầm đồ vật, không có sở biết như tay tự làm nắm tay, tức là không có cảnh để làm tương đối, nhưng tự cho ta có cái biết thì so cái biết tịch lặng cao hơn một bước. Nếu không cầm vật bên ngoài và không tự làm nắm tay, không phải là không tay. Như không biết tịch lặng và không tự mình có cái biết, không phải là không biết. Đây là cái biết của bản lai diện mục.

Đến thoái đầu là đến chỗ nguồn gốc ý thức, nên cần phải lìa ý thức mới gọi là kiến tánh thành Phật. Cho nên, có một chút xúu biết gọi là cực vi tế sở tri ngu, nên vẫn còn chướng ngại.

Hỏi: Tham thoái đầu là đã khởi nghi tình phải không?

Đáp: Hỏi câu thoái là kích thích niệm không biết chưa phải nghi tình, đến khi nhìn chỗ không biết mà không thấy gì vẫn còn không biết mới gọi là nghi tình. Cho nên, cái không biết đó khác với cái không biết của người ngủ mê, chết giấc, bệnh tâm thần (cái không biết này là không biết chết).

Vì cái không biết (nghi tình) là muốn biết, biết không nổi. Nhưng không cho tìm hiểu, không cho có sở biết, lại không cho có năng biết. Chỗ này người ta cho là mâu thuẫn, nhưng phải thực hành thì được tự ngộ.

Hỏi: Cách đi kinh hành tham thiền như thế nào?

Đáp: Ngồi cũng hỏi và nhìn song song, đi cũng hỏi và nhìn song song. Ngồi và đi là để điều thân, tức là đi mỗi chân thì ngồi, ngồi tê chân rồi đi. Nhưng đừng người phải có quy định thời giờ, ngày xưa đốt một cây hương đi, hết cây hương đi rồi đốt cây hương để ngồi. Cho nên, lúc ngồi gọi là tọa hương, lúc đi gọi là đi hương.

Vua Ung Chính dự thiên thất trong hoàng cung 2 ngày được kiến tánh, ông đọc ngữ lục Ngọc Lâm Quốc Sư (thầy của vua cha ông là Khang Hy), lúc này Ngọc Lâm đã tịch rồi, không có người kiến tánh để kế thừa. Vua Ung chính hạ lệnh toàn quốc tìm đệ tử Ngọc Lâm để kế thừa. Cuối cùng gặp Tổ Thiên Triệt, công phu đến mức nhưng chưa kiến tánh.

Tổ Thiên Triệt được vua mời vào cung thành tham vấn, khi vua Ung chính hỏi thì mới biết Tổ Thiên Triệt chưa kiến tánh. Vua Ung Chính rút kiếm ra nói: “Mời ông vô Thiên Đường, hẹn cho ông 7 ngày phải biết ý của Tiên Sư, nếu 7 ngày ông không biết ý của Tiên Sư thì cây kiếm này sẽ chém đầu ông”.

Vua Ung Chính sai người đến nhắc chừng Tổ Thiên Triệt: Hôm nay còn có 6 ngày nha! Rồi ngày mai nói: Hôm nay chỉ còn 5 ngày nha! Cứ nhắc như thế, cuối cùng còn 1 ngày thì mỗi tiếng đồng hồ cảnh cáo: Bây giờ, còn có 23 tiếng nha! Rồi cách một tiếng mà nói: Chỉ còn 22 tiếng nha! Đến chừng còn 7 tiếng cũng chưa kiến tánh. Lúc ấy, tâm của ông không còn biết ngoại cảnh, đang lúc đi thật nhanh tự mình cũng không biết, đụng vào cây cột thì được kiến tánh.

Tổ Thiên Triệt gặp Vua, Vua hỏi thì biết Tổ Thiên Triệt đã kiến tánh, mới nói là: “Như ý, như ý”. Rồi mời ông làm trụ trì chùa Cao Môn.

Vua Khang Hy đến Thiên Đường Cao Môn 3 lần dự thiên thất, lần thứ 3 đang tọa hương, lúc đó Trụ Trì và Duy Na đều kiến tánh, Duy Na cầm hương bản đến đánh Vua 3 cái, Vua nổi giận không nói là muốn giữ quy cũ. Khi hết giờ tham thiền Vua mới nói Trụ Trì: Vừa rồi Duy Na sao dám đánh Trẫm?

Rồi mời Duy Na lại hỏi: Tại sao khi không đánh vua?

Duy Na nói: Vừa rồi tôi thấy vua không có tham thiền, mà nghĩ nhớ đến cung phi, nên tôi muốn giúp vua.

Vua nghe nói vậy, Duy Na nói rất đúng, không trách mà kính phục.

Trang 3

Hỏi: Trong kinh nói có 84.000 pháp môn để tu, sao Thầy chỉ dạy 1 pháp môn?

Đáp: Một pháp môn cũng bao gồm tất cả các pháp môn, pháp môn nào cũng đều muốn hiển bày cái Tâm. Tổ Sư thiền là pháp thiền trực tiếp đi con đường thẳng, những pháp kia là đi con đường gián tiếp. Nhưng cuối cùng cũng từ nghĩ đến ngộ. Cho đến Tịnh Độ và các pháp thiền Đại thừa đều cũng vậy, còn thiền Tiểu thừa chưa ngộ triệt để, vì họ ngộ rồi còn chấp cái ngộ nên gọi là Niết Bàn Tiểu thừa.

Nói 84.000 pháp môn là ước số, chứ không phải thật nhất định có 84.000 pháp môn. Ở Trung Quốc gồm có 5 phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật).

Tịnh Độ phổ biến là Di Đà Tịnh Độ, nhưng có 2 thứ Tịnh Độ khác là Dược Sư Tịnh Độ (thích hợp cho những người cầu phước báo) và Đâu Suất Tịnh Độ, người ta còn hoảng dương.

Quán Sổ Tức mà người Tiểu thừa giữ theo đúng nguyên thủy, còn người Đại thừa dạy Quán Sổ Tức thì không phải, Quán Sổ Tức này không phải Đại thừa và cũng không phải Tiểu thừa, tức là pháp thế gian thì không thể chứng quả được. Vì lấy ý của mình thay cho ý của Phật để dạy người, vậy làm sao cho đúng?

Pháp của Nguyên Thủy thì đúng với thời Đức Phật, nhưng ăn mặn lại không đúng. Ăn mặn là vì pháp đi khát thực, người ta cúng cái gì đều phải ăn hết.

Hỏi: Xã hội văn minh và xã hội kém văn minh thì pháp môn Tối Thượng thừa thích hợp cho xã hội nào?

Đáp: Phổ biến là Tây phương tìm hiểu, nhưng Đông phương cũng tìm hiểu. Không những nhà triết học, khoa hoa học tìm hiểu, cho đến những người hoàng dương Tô Sư thiền phần nhiều dạy người ta tìm hiểu, cho nên tìm một người ngộ đạo thật khó. Tuy thật khó có người ngộ đạo, nhưng đời nào cũng có người ngộ đạo ở bên Thiên tông. Ở bên giáo môn không thấy người ngộ đạo.

Giáo Môn của Trung Quốc, Đại thừa có 4 tông: Thiên thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức.

Thiên Thai tông có Trí Giả đại sư ngộ, chính Trí Giả đại sư nói: “Tôi chỉ ngộ được ngũ phẩm, nếu tôi không dẫn chúng tu hành thì có thể ngộ cao hơn”. Từ Tổ thứ 3 Thiên Thai tông là Trí Giả đại sư, sau này không thấy có ai ngộ. Pháp sư tông Thiên Thai giảng kinh thuyết pháp bây giờ vẫn còn, nhưng giảng giáo lý Thiên Thai, mà lại quy về Tịnh Độ. Như Pháp sư Đê Nhân giảng giáo lý Thiên Thai, nhưng thực hành Tịnh Độ.

Bây giờ ở Việt Nam cũng có Quán Tông Thiên Thai. Quán Tông Tự của ngài Đê Nhân ở Tỉnh Chiết Giang Trung Quốc. Bên nay cũng nói là Quán Tông Thiên Thai, nhưng giáo lý Thiên Thai còn không biết.

Hiền Thủ là Tổ thứ 3 của Hoa Nghiêm tông, vì đến Tổ thứ 3 mới hoàn thành tông Hoa Nghiêm, nên người ta gọi là Hiền Thủ tông. Thiên Thai tông cũng vậy, do Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai hoàn thành Pháp Hoa tông, nên người ta gọi là Thiên Thai tông.

Duy Thức là do Đường Tam Tạng (Huyền Trang) từ Ấn Độ truyền qua, dịch kinh thì nhiều, nhưng không có nghe ai chứng quả.

Tổ của Tam Luận tông là ngài Long Thọ, sau này không nghe ai chứng quả nữa.

Thiền tông trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa có 7.000 Tổ đều có ghi tên họ và nói sự truyền thừa từ Tổ từ Tổ, làm sao ngộ? Như có người thấy con khi leo cây mà ngộ, có người thấy hoa đào nở rồi ngộ, có người đi bị vấp té được ngộ, có người bị bạt tai thì ngộ, có người nghe hát cũng ngộ,...

Như Hòa Thượng Thủy Liêm là một cao Tăng đến yết kiến Mã Tổ. Mã Tổ bảo đánh lễ, Thủy Liêm vừa quỳ xuống bị Mã Tổ đá nhào xuống đất liền ngộ.

Đệ tử của Đạo Lam Thiền sư muốn từ giả đi chỗ khác, Đạo Lam hỏi: Ông muốn đi chỗ nào?

Đệ tử nói: Thầy không dạy Phật pháp, con xuất gia là muốn giải thoát, mà không có Phật pháp làm sao giải thoát?

Thầy nói: Nếu Phật pháp thì ở đây tôi cũng có chút đỉnh vậy.

Đệ tử hỏi: Thế nào là Phật pháp của Hòa Thượng?

Đạo Lam nhổ lông áo dài thổi trước mặt Thị Giả, Thị Giả liền ngộ. Thị Giả tên là Hội Thông.

Công án giống như vậy ở trong Thiền tông rất nhiều. Những người thông giáo lý mà ngộ, như Nam Tuyền,... người không biết giáo lý cũng ngộ.

Tiểu thừa cho là người nữ không thể ngộ được, nên các nước Tiểu thừa không cho người nữ xuất gia. Còn trong Thiền tông có nhiều người nữ ngộ đạo. Trong Đường Lối Thực Hành Tham Thiền đề ra 3 đứa bé gái (8 tuổi, 13 tuổi, 15 tuổi) ngộ đạo.

Phật muốn mình ngộ, chứ không phải muốn mình hiểu. Nếu đuổi theo cái hiểu đó thì không bao giờ ngộ.

Cô Trịnh 13, lúc 12 tuổi theo Sư Cô đi tham vấn Quy Sơn. Sư Cô ấy đuổi theo lời nói, Trịnh 13 ngộ mà tự mình không biết.

Trưởng lão Bảo Phước hỏi: Có phải Trịnh 13 gặp Quy Sơn không?

Trịnh 13 đáp: Phải.

Bảo Phước hỏi: Quy Sơn đã tịch rồi sẽ đi về đâu?

Trịnh 13 không trả lời, đứng một bên thiền sàng.

Trưởng lão khác hỏi: Ngày bình thường miệng nói như suối chảy, nhưng hôm nay lại không nói?

Trịnh 13 nói: Nhức nhích hai miếng da này làm được gì?

Trưởng lão nói: Vậy không dùng hai miếng da thì làm được cái gì?

Trịnh 13 nói: Bịt miệng con chó lại.

Trịnh 13 theo đến Quy Sơn lễ bái rồi đứng dậy, Quy Sơn hỏi: Sư Cô này ở đâu?

Sư Cô nói: Ở bờ sông Nam Đài.

Quy Sơn liền hét đuổi ra, rồi hỏi: Bà sau lưng Sư Cô ở đâu?

Trịnh 13 lại gần.

Quy Sơn hỏi lại lần nữa.

Trịnh 13 nói: Đã trình cho Hòa Thượng rồi!

Quy Sơn bảo Trịnh 13 và Sư Cô đi xuống Pháp Đường. Sư Cô nói: Bình thường Trịnh 13 nói chuyện như kiếm bén, tại sao Đại Sư hỏi không trả lời được?

Trịnh 13 nói: Khổ thay! Khổ thay! Ủng công lâu nay phải đi hành cước, nên cởi áo xuất gia cho tôi mặc đi!

Sau này đem chuyện kể cho La Sơn Thiên Sư (Thiên Sư đã ngộ có danh tiếng): Tôi tham kiến Quy Sơn và trả lời như vậy được không?

La Sơn nói: Chẳng những không lỗi.

Sư Cô nói: Lỗi ở chỗ nào?

La Sơn nạt một tiếng.

Trịnh 13 nói: Cảnh thượng thiên hoa.

(Người ngộ thì khác, nếu chưa ngộ hiểu theo bộ óc, như Sư Cô đó).

Hỏi: Thầy đã nói trong sách lịch sử Thiên Tông Trung Hoa có 7.000 người đã ngộ, khi một người được ghi là ngộ do chính người đó nói là tôi ngộ hay do người khác xác nhận người đó ngộ mới được ghi vào sử. Ví dụ nhớ lại Phật Thích Ca thì Phật Thích Ca tự nói ta ngộ, chứ đâu có ai xác nhận Phật đã ngộ? Những quyển sách của người Trung Hoa hay của người Nhật Bản nói: Các đệ tử tham thoại đầu hay tham công án, rồi vô gặp Thầy trình sở đắc của mình. Đầu tiên, Thầy nói chưa ngộ gì hết. Lần thứ hai có thể gần, lần thứ ba cũng chưa, lần thứ tư nói là ngộ. Vậy chuyện trong sách do ông Thầy nói đã ngộ hay người đệ tử nói chính tôi ngộ rồi?

Đáp: Không phải ai nói, trong Pháp Bảo Đàn, có người hỏi Lục Tổ: Ngài ngộ chưa? Lục Tổ nói: Tôi chưa ngộ.

Trong Nam Tuyền ngữ lục kể công án có Ông Quan hỏi Ngũ Tổ: Tại sao 500 Tăng chỉ có Lục Tổ được truyền y bát, còn những người kia không được truyền?

Ngũ Tổ nói: 499 người kia đều biết Phật pháp, chỉ có Huệ Năng là siêu việt nên mới được truyền.

Hỏi: Thầy nói lịch sử Thiên tông có ghi 7.000 Tổ đã ngộ. Vậy ai xác nhận những người ấy đã ngộ?

Đáp: Ai xác nhận đâu! Ngày xưa, lời nói của chư Tổ không cho đệ tử ghi, nhưng do tánh con người ham biết ghi lén, mới thành Truyền Đăng Lục, lúc ấy vua niên hiệu là Cảnh Đức, còn gọi là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục. Trong này ghi 1700 công án, những người ngộ này có thầy ấn chứng, nhưng sự ấn chứng không nói ra. Như Quy Sơn và La Sơn ấn chứng Trịnh 13 đã ngộ, nhưng không có nói đã ngộ.

Có chỗ ấn chứng là phần ít, còn phần nhiều không có ấn chứng. Ngày xưa có người ra hoàng pháp không nói là được truyền pháp của ai. Đến khi người ta mời trụ trì hoàng pháp, đốt cây nhang đầu tiên mới nói “tôi được nhờ thầy... mà được ngộ đạo”. Chính thầy ấy còn chưa biết, khi gởi thư đến thầy nói rằng: “Con nói pháp của thầy” thì thầy xem thư mới biết mình có đệ tử này sao! Vì lâu quá nên quên. Có đệ tử gởi thư tới thì thầy đã tịch.

Hỏi: Nếu người đã kiến tánh mà không có thầy ấn chứng thì người đó có thể tự biết không?

Đáp: Người đó tự biết, vì cái biết đó không phải cái biết của bộ óc. Như Trịnh 13 ngộ thì tự biết, còn Sư Cô chẳng biết gì. Vì hiểu biết thế gian dùng logic để chứng minh những việc trong tương đối. Kiến tánh là phủ nhận tương đối, dùng logic và người thường không thể lấy gì để chứng minh được. Người ngộ tự biết, nhưng không thể nói cho người chưa ngộ biết.

Trong lịch Thiền tông có Thị giả đã ngộ và có một Tăng đối với Phật pháp cũng có giải ngộ cao, nhưng chưa kiến tánh, cứ tưởng là mình đã ngộ. Hai vị cùng đi chung nói chuyện với nhau, Thị giả biết ông đó chưa ngộ.

Đường lên núi được nửa đường, Thị giả lượm một cục đá để trên tảng đá, nói: Xin mời Sư huynh nói cho một chuyện ngữ? Tăng ấy nhìn đi nhìn lại nói không được. Nếu người đã ngộ đâu cần phải nhìn đi nhìn lại!

Như chuyện Quy Sơn: Lúc ấy Quy Sơn đã ngộ làm Điền Tọa (coi nhà bếp) trong thiền hội Bá Trượng.

Một hôm, Bá Trượng đưa Quy Sơn trụ trì nơi núi Đại Quy, có Thủ Tọa (chức dưới quyền trụ trì) không phục nói: Con là Thủ Tọa không đi trụ trì, sao lại Quy Sơn được đi trụ trì?

Bá Trượng nói bây giờ thử: Không cho gọi là bình nước, vậy gọi là cái gì?

Thủ Tọa nói: Không được gọi là nút chai. (Tức là ông không gọi bằng bình).

Rồi hỏi Quy Sơn: Không được gọi bằng bình, vậy gọi cái gì?

Quy Sơn đá ngã bình rồi đi ra.

Bá Trượng nói: Phải không! Khác mà!

Người chưa ngộ thì khác, lại đuổi theo lời nói, như không gọi bằng bình thì gọi cái khác, còn Quy Sơn đá ngã bình đi ra. Vừa rồi, Trịnh 13 đâu cần mở miệng! Trịnh 13 ngộ được Quy Sơn ấn chứng, nhưng Sư cô cùng đi không biết gì, còn trách Trịnh 13 bình thường nói chuyện hay mà nay không trả lời được.

Bây giờ, thiền Nhật Bản và thiền Đại Hàn, vì muốn chịu hàng trí thức tìm hiểu, thành ra cho công án để tìm hiểu đáp án. Công án là để cho ngộ là chấm dứt sự tìm hiểu, trái lại tìm hiểu làm sao ngộ được? Mọi người đi học thiền Nhật Bản, rồi về cũng dạy người ta đáp án! Cho nên, Tổ Sư thiền hiện nay muốn chấm dứt.

Kim Sơn và Cao Mân là 2 Thiền Đường nổi tiếng, ngày xưa Ngài Lai Quả ở Thiền Đường Kim Sơn kiến tánh, bây giờ chỉ còn một ông già ở đó tham thiền; Ngài Lai Quả ở Thiền Đường Cao Mân không cho giảng công án. Lúc tôi ở Thiền Đường Cao Mân một tháng, thấy đêm nào cũng có giảng công án.

Hỏi: Thưa Thầy và quý vị, Tôi nghĩ như thế này, nếu sai xin quý vị sửa giùm: Tôi nghĩ là Tổ Sư thiền có khung cảnh địa lý mới, như một tôn giáo, một tư tưởng đối chỗ sống lại. Khi sinh hoạt cùng những người địa phương đây, tôi cảm tưởng Tổ Sư thiền thích hợp với người Tây phương hơn người Á Đông trong hoàn cảnh bây giờ.

Lý do như thế này: Mấy hôm trước tôi có đi nghe thầy giảng “những người đi chùa chỉ lạy Phật, ít có tin Phật”. Tôi nghiệm lại rất đúng, vì tu Phật mà tin ở Phật là mình có Phật tánh thì người ấy được tự tin. Nhưng phần lớn những người tu Phật

là khó chứng khó ngộ khó đắc, nên không tự tin hẳn nơi chính họ. Người nào cũng mong đợi người khác kéo họ lên thôi. Điều đó biểu lộ bên ngoài nhiều lắm.

Xã hội Á Đông chịu ảnh hưởng nhiều tư tưởng triết học khác, thành ra một cá nhân đành phải chịu, như một cá nhân mà mọi người biết đến như là một thành phần trong một gia đình. Bên này, tôi quan sát một gia đình Việt Nam mới qua, họ đối với con thì khác; gia đình ở bên này lâu, họ đối với con lại khác.

Mỗi con nít bên này ở lâu, được cư xử như một người lớn, tức là cha mẹ tôn trọng nó, cha mẹ muốn làm điều gì có liên quan đến nó, cũng phải hỏi nó. Điều đó tập con nít có một sự tự tin rất cao. Như bằng tuổi của tôi hay nhỏ hơn tôi ít tuổi thì từ nhỏ đã nghe lời cha mẹ rồi. Nếu cha mẹ nói mà không nghe thì bị đánh liền tại chỗ, đi đến trường mà cãi lời thầy giáo thì cũng bị đánh liền tại chỗ. Nên mất đi sự tự tin rất nhiều.

Mình đi chùa nghe những người hay thầy nói: Đức Phật Thích Ca nói “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Đâu ai dám tin như vậy, nhiều người cho là Phật Thích Ca nói cho mình đừng sợ, mình vui vậy thôi, làm sao mình có Phật tánh được? Cả tỷ năm mới có ông Phật Thích Ca. Chính mình không tự tin có thể dẫn đến nhiều điều nguy hiểm.

Thầy đã nói hôm trước, phần lớn người đi chùa phỉ báng người xuất gia, coi thường Phật Thích Ca, bên ngoài nói tin ông, nhưng trong bụng thì không tin. Đúng là không dám tin, vì không dám tin mình. Có thể quan niệm hơi sai lầm do một số kinh sách hay một số người giảng dạy. Người nghe pháp cảm tưởng sai lầm rằng: Phật Thích Ca nói “chúng sanh đều có Phật tánh” thì người nào cũng nghĩ mình là OK, nghĩ mình tu được giác ngộ như Phật Thích Ca vậy.

Một số sách nói Phật là toàn trí, toàn bi, toàn năng. Toàn trí là hiểu hết mọi chuyện, vậy khiến cho con người sợ hãi hơn nữa. Họ nghĩ mình sao hiểu như Phật được? Làm sao ví mình như Quán Thế Âm Bồ Tát? Họ ngồi nghe tất cả mọi chuyện trên đời, không ai dám cho mình bằng Phật Thích Ca! Chính như vậy họ không dám tin vào họ.

Có lẽ, một số sách đã viết nhằm làm cho người ta sợ nên không tin. Tôi có người bạn nói như thế này nhưng có thể sai, nếu sai nhờ thầy và các vị nói ra, tôi sẽ chỉ lại người bạn. Người bạn nói “Phật Thích Ca là Phật Thích Ca, Phật là Phật”. Nếu nghĩ lại có khi mình làm là một thói quen thôi.

Như đi chùa nếu mình quên thì không hiểu tại sao mình đi chùa? Phải chi mình đi chùa đều ý thức được tại sao mình đến đây, tại sao mình hành thiền? Tại sao mình nghe Thầy giảng? Tại sao nói chuyện với bạn hữu? Nếu vậy có lợi cho mình nhiều lắm.

Lúc đó mình mới hiểu có một lý do khiến cho mình đi chùa, nhiều khi biến việc mình thành thói quen, như bình thường đi ăn hoặc chiều thứ sáu thay vì đi nhảy đầm mà đến đây thiền thì cái việc ấy mất giá trị. Tôi nghĩ những điều đó tu theo đạo Phật, nhất là tu Tổ Sư thiền, mình làm theo thói quen thì mình giết chết đạo Phật.

Những người bạn Mỹ đây, họ nắm cốt lõi tư tưởng đạo Phật rất nhanh, họ cũng nghĩ như mình, họ cũng có tự tin. Tôi nghĩ mình so với Phật Thích Ca còn rất dở. Phật Thích Ca đã tìm ra con đường, phát giác ra những kỹ thuật, để chỉ cho mình. Trước Phật Thích Ca chưa ai thấy phương pháp nào hết, mà ông đã ngồi tìm ra cái đó để ông giác ngộ.

Bây giờ, mình không cần đi tìm, vì ông đã tìm sẵn cho mình rồi, mình không dám đi theo thì đúng là quá dở thật! Tôi nghĩ những người Hoa Kỳ với bản chất họ dám làm ầu, dám làm mà họ không bị lệ thuộc bởi các việc chung quanh. Trong xã hội Hoa Kỳ, mỗi cá nhân đều xác nhận như là một cá nhân: Tôi đúng tôi sai cũng là tôi.

Người Á Đông trọng lễ, sống khuôn khổ quá! Ví dụ gia đình tôi chẳng hạn: Cha mẹ tôi đi chùa theo Tiểu thừa, Đại thừa, cúng cầu an, cầu siêu. Nếu tôi không đi cầu an, cầu siêu thì cha mẹ tôi chửi tôi. Nể cha mẹ, tôi không dám tu theo Tổ Sư thiên. Vậy quá nhiều cái ràng buộc.

Vừa rồi, Thầy nói “Tổ Sư thiên có thể chấm dứt dần”. Tôi nghĩ ở phương Đông nó ngủ đi một thời gian, nhưng có thể nó chuyển qua phương Tây. Cho đến khi nào người phương Đông họ lấy lại tự tin chính mình. Tôi nghĩ nó sẽ trở lại, như trước Phật Thích Ca đâu có ai biết Tổ Sư thiên? Rồi Phật Thích Ca cũng phát giác ra Tổ Sư thiên vậy! Thành ra tôi không có bi quan gì cả.

Đáp: Lời ông nói không phải trung tâm tư tưởng của Phật Thích Ca. Trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận đều phủ nhận những điều ông nói, vì những điều này còn ở trong tương đối. Phải phủ định hết tương đối thì tuyệt đối mới tự hiện. Bây giờ tạm đặt tên là tuyệt đối, nhưng không phải đối với tương đối mà nói tuyệt đối, vì không có danh từ để đặt và không có chuyện để thực hành.

Nói Phật Thích Ca tìm ra đường lối thực hành, sự thật thì không có. Có chỉ phủ định tương đối đến cùng không còn cái gì để phủ định thì cái tuyệt đối mới tự hiện. Nếu có đường lối để thực hành là do có bệnh chấp. Chính Phật Thích Ca nói trong kinh Lăng Nghiêm: “Phàm có lời nói đều chẳng nghĩa thật”. Kinh Kim Cang nói: “Ai nói Phật có thuyết pháp là phi báng Phật” và “không có pháp nào là vô thượng Bồ Đề, vì không chứng đắc nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho tôi sau này thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Vừa rồi tôi giảng những công án để cho người ta rõ được tất cả những hiểu biết đều không liên quan đến sự chứng ngộ. Những người viết sách và những cảm nghĩ của ông vừa trình bày đều là sự hiểu biết của ý thức. Nếu theo Bát Nhã Tâm Kinh thì không có toàn năng, không có toàn trí,... và dùng 17 chữ “vô” để quét sạch, và thêm 2 chữ “viễn ly” quét sạch tất cả không còn dấu tích, tức là quét luôn cứu kính Niết Bàn.

Mỗi người đều sẵn có vô sở hữu, tất cả tương đối đều là sản phẩm của bộ óc. Nếu dùng sản phẩm của bộ óc thì không thể đến chỗ tuyệt đối. Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”, tức là không có lục căn, không có lục trần, không có lục thức.

Thuyết pháp vốn là không có pháp để thuyết, vì có bệnh giả của chúng sanh nên Phật lập ra thuốc giả để trị. Đáng lẽ, tâm pháp không có tướng gì, nhưng phải dùng tướng để hình dung cái tâm (ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng). Trong kinh Kim Cang, kinh Lăng Già, kinh Viên Giác đều có tứ tướng.

Tứ tướng có 2 thứ:

- Mê thức tứ tướng của phàm phu: Ý thức của bộ não.
- Mê trí tứ tướng của bậc Thánh: Bậc Thánh đã chứng quả, nhưng còn chấp quả cho là ta chứng. Tuy chứng đến Niết Bàn mà trụ nơi cảnh giới này thì vẫn còn mê trí, tức là bỏ ngũ uẩn ngã (thân này) lại ôm Niết Bàn (Niết Bàn của ta chứng) thì còn ngã tướng vi tế.

Tất cả Phật pháp đều hiển bày cái Tâm, mà cuối cùng cái Tâm cũng phủ định. Ngài Nam Tuyền và Mã Tổ đều nói: “Tâm như người múa rối”. Nếu Tâm còn phủ định thì lấy gì để nói! Nên Ngài Nam Tuyền nói: “Tâm chẳng phải Phật, Trí chẳng phải Đạo”.

Hỏi: Thế nào là vô tu vô chứng?

Đáp: Ngộ triệt để mới biết là vô tu vô chứng. Nói tu là dứt tập khí thế gian, chứng quả bớt tập khí xuất thế gian, tất cả tập khí hết thì ngộ cuối cùng biết nó vốn sẵn vậy: “Không phải tu mà thành, không phải chứng mới đắc”, cho nên nói là vô tu vô chứng.

Vô tu thì không phải tu thành Phật, người ta tưởng là kiến tánh thành Phật, đến chùng ngộ biết không có Phật để thành. Phật nói trong kinh Viên Giác: “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”. Không những người thường không tin, mà Khuê Phong Tông Mật cũng không tin và cho là người dịch lộn chữ “đủ” thành chữ “đã”, nên ông dịch là: “Tất cả chúng sanh đầy đủ tánh Phật”.

Phật trong kinh Viên Giác dùng quặng vàng để giải thích thêm: Vàng thật trong quặng thì đã thành sẵn, vì lộn với đất cát tạp chất nên không thấy vàng thật. Nhưng luyện bỏ đất cát tạp chất thì vàng thật hiện ra. Nếu trong quặng không có vàng thật, dù luyện cách mấy cũng không có vàng thật hiện ra.

Luyện gọi là tu, nhưng sự thật không do tu, tại nó đã thành sẵn, không phải tu mới thành, cho nên nói là vô tu vô chứng. Phật không phải tu mà có, tức là đã có sẵn từ hồi nào đến giờ, người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh. Bây giờ mình nói tu là chấp có sanh thì có chữ “tu”.

Nếu pháp vô thì vô sanh, lấy cái gì để tu? Nếu dùng lời nói thì không phải rồi. Bản tâm không lấy cái gì để thí dụ được. Như tôi đang nói và các vị đang nghe, không có vô sở hữu nên không thể nói chuyện và nhìn với nhau được. Nó thực dụng nhưng người ta không chịu, lại kiến lập cái khác như nói “hư không quảng đại”. Không có hư không, vậy lấy cái gì để quảng đại? Có quảng đại là kiến lập hư không, nên nói hư không quảng đại.

Người ta cho tâm năng kiến để kiến tự tánh, tự tánh không phải sở kiến, tự tánh bất nhị không có năng sở. Như nói từ vô thì đến nay, vô thì làm sao đến nay được? Chư Phật chư Tổ dùng lời nói là bất đắc dĩ, vì theo thể lưu bố tướng, mà không có trước tướng. Chúng sanh gọi trâu ngựa, nhà cửa, thế giới,... là thể lưu bố tướng, sanh ra trước tướng.

Hỏi: Bậc Thánh và phàm phu có phải hai thứ chăng?

Đáp: Vốn không có hai, tại sanh bệnh giả nên mới có hai, chứ không phải bệnh thật, nếu bệnh thật thì trị không được. Bây giờ không có cái gì để xả, không cái gì để tu. Như nói tâm như hư không, vậy hư không làm sao tu? Do mình có tâm chấp nên không ứng dụng được bản tâm. Nếu mình không còn có cái gì để chấp thì bản tâm tự hiện.

Computer dùng năng lượng của tâm làm ra rất hay, nhưng người ta không nhìn nhận là của tâm. Tâm vốn trống rỗng, nhưng phải nhờ cái trống rỗng để dùng. Mình ăn cơm, mặc áo đều phải nhờ cái này, nhìn nhau nói chuyện với nhau đều phải nhờ cái trống rỗng này. Cái trống rỗng này là thực tế mình đang dùng, nhưng tại mình không chịu nhìn nhận, lại muốn tìm lý lẽ cao siêu.

Hiểu biết của bộ óc muốn tìm sự bắt đầu. Giả sử có bắt đầu thì bắt đầu phải có chỗ là không gian, có lúc là thời gian. Vậy trước thời gian có bắt đầu hay không? Không thể

nói trước bắt đầu không có thời gian. Nếu nói trước bắt đầu còn có thời gian thì không phải bắt đầu. Do mình chấp thật nên mới mê.

Theo sự hiểu biết của mình để truy cứu cũng không thể có nghĩa lý bắt đầu. Như con người không có bắt đầu tức là không có đời thứ nhất thì không có đời thứ nhì và không có đời thứ ba, ... cho đến muôn tỷ đời mình, vậy từ đâu mà có? Tại tâm chấp của mình thành lập cái ta này, dùng cái ta này để hiểu biết cái này cái kia.

Nhưng cái này cái kia đều không có sự bắt đầu, tức là lấy cái gì để hiểu? Cái năng hiểu là ta cũng không có sở hữu, vạn vật cũng không có sở hữu. Vì không có bắt đầu thì vạn vật cũng không có.

- Cuối đời nhà Minh có vua Vạn Lịch người đẹp trai, thông minh; năm 19 tuổi, ông đến Phật Hưng Tự thọ giáo với Sư Đại Trì, rồi Sư đặt cho ông pháp danh Hải Minh.

Một hôm, Hải Minh nghe giảng kinh Lăng Nghiêm đến câu: “Tất cả chúng sanh chẳng biết chân tâm thường trụ, bản tánh thanh tịnh sáng tỏ. Vì dùng vọng tưởng nên thấy tất cả có luân hồi”. Ông nghe rồi phát nghi hoài, không thể hiểu được, nên đi hỏi các vị tôn túc, mà các vị cũng không giải quyết cái nghi ấy.

Ông quyết tâm trong 7 ngày phải ngộ, đến ngày thứ 5, ông ngồi tham thiền chỗ cao trên núi, phía dưới vực thẳm; vào lúc 2 giờ, ông đến giai đoạn người với cảnh đều quên, trước mắt chỉ thấy thế giới bằng phẳng, ông lại rơi xuống vực thẳm, chân trái bị thương thì cái nghi trước kia tan rã. Ông lớn tiếng nói: “Oan uổng! Oan uổng!”, tức là đã ngộ.

- Phật Đăng Thuần phát nguyện không ngồi, không đứng chỉ đi đến khi nào ngộ mới thôi. Đi đến lúc rất mỏi mệt, dựa vào vách tường không biết. Khi thức dậy tự mình trách mình và đánh mình, ông đi không gần vách tường cho đến chân sưng, được 49 ngày thành linh ngộ.

Hỏi: Thế nào là tháo đĩnh gỡ chột?

Đáp: Tháo đĩnh gỡ chột, tức là người tham học chấp cái gì thì Tổ phá cái đó. Như người ta chấp Phật thì Tổ dạy chém Phật, người ta chấp ma thì Tổ dạy chém ma. Có người hỏi: Làm sao chém Phật được? Kỳ thật là chỉ chém tâm chấp Phật, Phật chỉ là một danh từ, vậy làm sao chém!

Hỏi: Tại sao Tổ không có phương pháp nào khác để dạy người, mà chỉ dạy tham câu thoại đầu?

Đáp: Đó cũng là tháo chột, nếu không tham thoại đầu thì ý thức hoạt động không bao giờ ngưng, mà cơ xảo của Tổ làm cho ý thức thành linh ngưng thì sát na đó sẽ được kiến tánh, vì lia được ý thức. Cơ xảo của Tổ là đánh, hét, mắng, ... làm cho người tham học phát nghi. Nhưng sau Truyền Đăng Lục ra đời, những cơ xảo của Tổ lại ghi trong ấy, làm cho người tham học biết, nên không phát nghi được. Sau này bắt đắc dĩ Chư Tổ mới dạy tham thoại đầu, công án.

Hỏi: Con có những thắc mắc khác, mà con muốn đeo đuổi theo tìm hiểu thì có nên không?

Đáp: Tìm hiểu là sai lầm, tham thiền là không cho tìm hiểu. Tác dụng nghi tình là ngăn tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Vì mình từ xưa đến giờ hay dùng bộ óc để tìm hiểu, hoặc là trước kia hiểu rồi quên, phải ghi nhớ lại, nhớ lại là muốn biết.

- Mục đích chúng con đến đây là tìm hiểu thì như thế nào?

- Các vị đến đây tìm hiểu là lòng tin tự tâm của các vị chưa đầy đủ, cho nên có thắc

mắc để hỏi. Tôi giải thích là để tăng cường lòng tin tự tâm cho các vị, chứ không phải tôi nói giáo lý cao siêu để các vị hiểu. Không có cái gì để hiểu được, chỉ là người nào chấp Phật thì phá chấp Phật, chấp Bồ Tát thì phá chấp Bồ Tát, tức là chấp cái gì thì phá cái đó.

Hỏi: Có phải thân trung âm là phải chết 7 lần giống nhau, ví dụ như đung xe 7 lần?

Đáp: Không phải, thân trung âm có 7 ngày một lần sanh tử, chứ không phải chết đi sống lại 7 lần. Trung âm: Âm là ngũ âm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) này chết, thân ngũ âm sau chưa sanh, ở giữa trước ngũ âm và sau ngũ âm gọi là trung âm. Nói đến trung âm thì không có âm (không có thân chỉ là cái bóng), cái bóng mà người không biết Phật pháp gọi là linh hồn, người biết Phật pháp gọi là thân thức (ý thức).

Người nào chết không phải đều có thân trung âm, thường là người chết đi đầu thai liền, tức giờ phút chết cũng là giờ phút đi đầu thai, rất ít có thân trung âm. Làm thiện nhiều hơn làm ác thì sanh nơi 3 đường thiện, làm ác nhiều hơn làm thiện thì sanh nơi 3 đường ác. Nghiệp thiện và nghiệp ác bằng nhau không phân biệt sanh đường thiện hay đường ác, nên mới có thân trung âm.

Nếu thân trung âm hướng về thiện một chút thì sanh nơi 3 đường thiện, hướng về ác một chút thì sanh nơi 3 đường ác. Nếu chưa quyết định được thì thân trung âm thêm 7 ngày nữa (có thể 7 lần) thì mới đi đầu thai. Cho nên, người ta làm tuấn thất là muốn hy vọng thân trung âm đi lên. Vì người ta không biết cúng gà, vịt,... làm cho thân trung âm chịu liên lụy phải đi xuống đầu thai vào 3 đường ác. Đốt vàng mã là muốn vong linh người đó ở dưới 3 đường ác mà dùng, còn 3 đường thiện không có những thứ ấy.

Chuyện có thật ở Đài Loan: Lúc giải phóng nước Trung Quốc, Ung Bá Huy được 40 tuổi, từ Trung Quốc sang qua Đài Loan quy y Pháp sư Nam Đình. Pháp sư Nam Đình thuyết pháp muốn chứng tỏ có sự nhân quả luân hồi, nên nói: “Tôi có một đệ tử biết được 3 kiếp, kiếp đầu tiên làm Giáo Viên dạy học ở thôn quê, kiếp sau đầu thai thành con heo, rồi kiếp sau nữa đầu thai người (có một tay giò heo). Tôi không tiện nói ra, các vị ra vô chùa cũng có thể biết”.

Có một người ngồi chung với Ung Bá Huy ăn cơm, người đó thấy có một cái tay của Ung Bá Huy bao lại bằng cái túi, khi bới cơm thấy khó khăn, nên người đó muốn bới cơm giùm, hai người giành qua giành lại làm cho cái túi của tay sút ra thấy bàn tay giò heo, còn lại là tay người.

Ung Bá Huy nói: “Đừng nói”, rồi ông lấy túi bao tay lại.

Lúc còn hai người, người đó hỏi: Ông phải đệ tử của Ngài Nam Đình không? Trước kia ông có đầu thai thành con heo phải không?

Ban đầu Ung Bá Huy không chịu nói.

Người đó lại nói: Tôi đã thấy rồi, nếu ông không nói thì tôi cũng biết vậy!

Ung Bá Huy nói: Kiếp đầu tiên tôi dạy học ở thôn quê, lúc chết nhưng không biết mình chết, cứ đi lang thang ngoài đường mà không biết đi đâu. Có một ngày gió bắc thổi rất lạnh, tôi đi ngang một cái nhà lớn cửa mở sẵn, vô trong nhà để tránh gió. Trong nhà không có ai, căn nhà trống rỗng có mùi mấy cái áo treo ở vách tường. Trời lạnh nên không chịu nổi mới lấy một cái áo mặc vào thấy ấm, ngủ hồi nào không hay.

Khi thức dậy thấy mình nằm với những con heo nhỏ, cùng với con heo mẹ thì biết mình đã đầu thai thành con heo. Nhưng biết rõ ràng không quên gì cả, nghĩ rằng nếu

người ta nuôi lợn sẽ làm thịt thì khổ lắm! Vậy phải làm sao? Quyết định không ăn uống để tự tử.

Người chủ heo tưởng heo bệnh, mới lấy thuốc cho uống, nhưng heo không chịu uống. Rồi qua 7 ngày thì heo chết, cũng khôi phục thân trung âm lại, đi lang thang ngoài đường gặp gió bắc, đi ngang nhà lớn, rồi vào nhà thấy treo những cái áo trên vách tường. Lúc lạnh, muốn lấy áo để mặc, khi tay vừa đụng cái áo thì nhớ “kỳ trước ăn cắp áo phải thành con heo, bây giờ muốn thành heo nữa sao”? Nên tay rút lại. Lạnh quá chịu không nổi bị chết giấc, khi thức tỉnh, nghe người ta nói sanh con trai, thấy người mẹ nằm kề bên đứa bé tay giò heo (Ung Bá Huy).

Nếu không ăn cắp là thiện, còn ăn cắp là ác. Cho nên, ăn cắp áo phải đầu thai thành heo, không ăn cắp áo chịu lạnh chết nên đầu thai thành người. Nhưng có ý muốn ăn cắp áo, tay giống như giò heo. Ung Bá Huy được 62 tuổi bệnh rồi chết ở bệnh viện Diêm Vương. Sau khi ông chết có đăng báo Nguyệt San Phật Giáo Đài Loan.

Thường thường người ta nói chết là thành quý, nhưng không phải. Mình tạo nghiệp quý mới đầu thai thành quý, nếu làm quan ở đạo quý thì cũng thuộc quý, chẳng qua họ có phước nên mới làm quan ở đạo quý thôi. Làm quan ở cõi người mà không còn làm quan nữa thì đâu khác gì người thường!

Hỏi: Nếu đến 7 lần sanh tử mà thân trung âm không đầu thai thì sẽ ra sao?

Đáp: Thường thường đến 7 lần sanh tử thì nghiệp của thân trung âm đã nghiêng về một bên. Như con cháu làm những việc ác đem cúng cho thân trung âm thì đã nghiêng về bên đường ác.

Hiểu biết của ý thức giải thích bất cứ việc gì không có lý. Vì có thân nên xúc giác biết nóng lạnh, có thể lúc nằm chiêm bao cảm thấy nóng, nhưng thời tiết hiện tại thì lạnh, như vậy là chuyện thường. Cho nên lấy ý thức để so sánh không được.

Hỏi: Trong 49 ngày mà con cháu hướng về Phật pháp thì người chết có bớt tội không?

Đáp: Trong 49 ngày của người chết, mà con cháu cúng chay không tạo tội thì thân trung âm người chết ảnh hưởng một chút sẽ sanh nơi đường thiện. Thân trung âm không biết cũng không ảnh hưởng, nhưng thường thường nhà có cúng thì nó lại thấy ham thích những điều không tốt, nên nghiệp ác thêm vào thân trung âm.

- Thay vì cúng chay, mà dùng số tiền ấy làm việc bố thí, phóng sanh thì như thế nào?

- Làm như vậy có ích hơn. Vì làm việc bố thí, phóng sanh thì trung âm thấy mừng, tuy không có thân trung âm đã đi đầu thai, nhưng mà cũng có ích lợi. Nếu do vì ngày giỗ mà con cháu bố thí, cúng dường hồi hướng cho người chết. Mặc dầu, người chết đi đầu thai, nhưng cũng gieo hạt giống tốt đến người chết thì người chết cũng được lợi ích.

Nhưng không biết đói vì nó không có thân, thành ra khó giải thích. Cũng như trong chiêm bao trải qua thời gian lâu không ăn, vậy tại sao nó không biết đói? Như người ta cúng giỗ một năm chỉ có một lần hay cúng những thứ khác, ví dụ một năm có thể là 10 lần. Như vậy, một năm nó chỉ ăn 10 lần sao?

Huệ Trì nhập định hơn 700 trăm năm không thấy đói, khi xuất định ông thấy có một chút thời gian. Theo bác sĩ nghiên cứu người nhập định không chết, thấy như vậy vô lý; vì khi người nhập định thì các đường máu không còn chạy, tim ngưng đập. Nếu tim ngưng đập thì bác sĩ cho là người đó chết. Tim ngưng đập, máu ngưng chảy trải

qua hơn 700 năm mà người đó không chết! Theo sinh lý học thì giải thích không được.

Ngài Hư Vân ở Thái Lan nhập định 9 ngày, ở núi Chung Nam nhập định 15 ngày và trong khi nhập định Ngài bị đánh, trải qua 11 ngày, người ta tưởng Ngài đã chết.

Hòa thượng Quảng Khâm ở Phúc Kiến nhập định, các chần trâu thấy Ngài ngày nào cũng ngồi đó, tưởng Ngài đã chết. Nhưng đến rờ thân Ngài còn nóng, nhờ Thiên sư làm cho Ngài xuất định, hỏi ra thì biết nhập định 4 tháng.

Đời nhà Đường nước Trung Quốc, có Huỳnh Đình Kiên 26 tuổi thi đậu tiến sĩ làm quan. Ngày sanh nhật của ông tổ chức tại Dinh Huyện. Lúc ngủ trưa, ông thấy chiêm bao, một mình đi ra cửa sau theo con đường thôn quê, mà không có vệ binh đi theo, gặp một ngôi nhà có một bà già mời vô ăn cơm, ăn xong rồi trở về thì thức dậy nghĩ lại giống như thật vậy. Như mùi đồ ăn trên miệng còn lại giống như mới ăn xong.

Ở trong lòng nghi chuyện vừa rồi có phải như vậy không? Nên một mình không cho ai biết, không có vệ binh đi theo, đi theo con đường thấy trong chiêm bao. Thật cũng có con đường đó và cũng gặp bà già đó, mới hỏi bà già: Hôm nay nhà bà có làm gì không?

Bà già nói: Có.

Huỳnh Đình Kiên hỏi: Làm việc gì vậy?

Bà già nói: Đám giỗ con gái, con gái tôi đã chết được 26 năm. Lúc con gái tôi còn sống không có lấy chồng, tu ở nhà; trước khi lâm chung, có cái rương tự nó khóa lại, ở trong đó để thứ gì cũng không biết, rồi nói với tôi kiếp sau sẽ lại mở cái rương này.

Huỳnh Đình Kiên nghe đến chỗ này thì nhớ lại kiếp trước của mình là con gái của bà già này, hỏi: Chìa khóa bà có biết để đâu không?

Bà già nói: Không biết.

Huỳnh Đình Kiên nói: Tôi biết.

Rồi tự ông đi lấy chìa khóa mở cái rương ra, ở trong đó đều là văn chương, văn bằng tú tài, văn bằng cử nhân, văn bằng tiến sĩ giống như văn bằng của ông. Bà già chỉ có một mình nên Huỳnh Đình Kiên đem bà già về nhà của ông nuôi.

Huỳnh Đình Kiên làm chức Thượng thư bằng chức Bộ trưởng bây giờ. Ở trong từ điển Từ Nguyên có ghi. Người có tu mới có cảm ứng như vậy, còn người không tu thì đâu biết. Ông ấy có nhân duyên gặp Thiên sư Huỳnh Long được kiến tánh.

Thân nhân cảm ứng, tôi có gặp hai chuyện:

- Lúc ấy, tôi làm nhà báo Viễn Đông, ông chủ nhiệm có đưa con mười mấy tuổi đi tắm sông bị chết chìm, người ta đi tìm không được xác. Ba ngày sau xác đứa bé nổi lên, người ta buộc dây tạm thời vào bờ sông, rồi cho cha mẹ y biết. Khi cha mẹ đến cái xác thấy con mắt, lỗ tai, lỗ mũi đều chảy máu. Nếu đã chết qua ba ngày thì máu đông lại, vậy làm sao chảy máu ra được? Người khác đến thì không chảy máu, mà cha mẹ lại thì chảy máu.

- Ông đánh xe ngựa bị Tây bắn chết rồi bỏ xuống sông, mắt tích mấy ngày mà vợ con không biết. Mấy ngày sau cái xác nổi lên trên sông, người ta đem lên trên cầu và nhiều người đến xem. Khi người vợ đi ra vừa thấy mặt thì các lỗ mũi, lỗ tai, lỗ miệng đều chảy máu. Nếu theo nghĩa lý thì làm sao giải thích được? Máu đã đông rồi, vậy làm sao chảy được?

Hỏi: Người tu Tịnh Độ cầu về Tây Phương, người tu Tổ Sư thiền thì như thế nào?

Đáp: Người tu Tổ Sư thiền tin Phật tánh khắp không gian không có khứ lai, nên gọi là Như Lai đúng như bản lai. Như vậy đâu cần phải đi đâu! Nếu có đi đâu thì không phải bản lai. Còn khắp thời gian không có thì chung (không có bắt đầu và cuối cùng), nên gọi là Niết Bàn (không sanh diệt). Nếu có sanh phải có bắt đầu, có bắt đầu phải có cuối cùng. Vì bản thể không có bắt đầu và không có cuối cùng.

Người tu Tịnh Độ không tin tự tâm mình có năng lực như vậy, họ chỉ chấp thân này, cho mình có linh hồn để cầu vãng sanh. Người tin tự tâm thì bắt đầu tham thiền, còn người tu Tịnh Độ đến khi vãng sanh nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền là từ nghi đến ngộ (kinh Đại A Di Đà). Bất cứ pháp môn nào cuối cùng cũng phát nghi rồi đến ngộ.

Hỏi: Minh tu đến mức độ nào được giải ngộ rồi kiến tánh?

Đáp: Giải ngộ là cái hiểu của bộ óc, không hiểu của bộ óc gọi là phiền não chướng, hiểu của bộ óc là sở tri chướng. Phiền não chướng là sự chướng, sở tri chướng gọi là lý chướng. Tuy giáo lý cao nhất cũng là chướng, có chướng nên không được kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Tu Tịnh Độ khi chết được vãng sanh, còn tham thiền chưa kiến tánh khi chết sẽ như thế nào?

Đáp: Nếu tham thiền chỉ một ngày mà ngày mai chết là chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến, vì nhân quả không bao giờ xê xích. Người tu Tịnh độ tuy được vãng sanh, nhưng còn phải học tham Tổ Sư thiền nữa. Như vậy người tu Tịnh Độ mới bắt đầu tham thiền, mà người tham thiền đã tham được một ngày.

Như người hạ phẩm hạ sanh phải trải qua 12 đại kiếp mới được từ hoa sen sanh ra. 12 đại kiếp biết bao lâu? 1 đại kiếp = 4 trung kiếp, 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp, 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm (16 x 20 x 4). 1 ngày ở cõi Cực Lạc bằng 400 ngày ở cõi Ta Bà. Người tham thiền chỉ có một ngày thì đã hơn nhiều người được hạ phẩm hạ sanh. Vì chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến, kiếp sau mình thì sẽ đi tiếp.

Hỏi: Người tham thiền chỉ một ngày chết phải đi đâu thai, còn người tu Tịnh Độ sau khi chết có vị nào đó đến hướng dẫn thân thức đi đâu thai đến chỗ tốt. Như vậy là thế nào?

Đáp: Diệu Cao Thiền Sư tham thiền rất dững mãnh, nhưng ngồi tham thiền lại buồn ngủ. Ông lên ngồi trên tảng đá, phía dưới đó là vực thẳm, lúc ngồi tham thiền cũng buồn ngủ rồi té xuống vực thẳm, nhưng lại có người đỡ. Ông hỏi: Ai cứu tôi vậy?

- Đáp: Hộ Pháp Vi Đà.

Thấy có người cứu nên có ý kiêu căng làm lấy vui và nghĩ: Khắp thiên hạ có ai bằng như tôi!

- Hộ Pháp Vi Đà nói: Ông nổi miệng kiêu căng, nên 20 năm tôi không hộ pháp cho ông nữa.

- Diệu Cao nghĩ “lần này có té xuống không có ai cứu thì phải chết, nhưng chẳng thà chết cũng ngồi nữa”. Ông đã tự sám hối, rồi ngồi tham thiền. Lúc ngồi tham thiền lại buồn ngủ té xuống vực thẳm, rốt chưa tới đất đã có người đỡ lên.

Ông hỏi: Ai cứu tôi vậy?

- Đáp: Hộ Pháp Vi Đà.

- Ông nói: Vừa rồi ông nói 20 năm không hộ tôi, mà tại sao bây giờ lại hộ?

- Hộ Pháp Vi Đà nói: Ông khởi lên một niệm sám hối thì đã hơn 20 năm.

Một niệm sám hối đã hơn 20 năm, vì thời gian tánh không.

Hỏi: Thế nào là lia ý thức?

Đáp: Phải đến thoại đầu mới lia được ý thức. Lia ý thức là lia nguồn gốc ý thức (vô thi vô minh). Ý thức gọi là nhất niệm vô minh, sanh khởi từ vô thi vô minh, vô thi vô minh là hang ổ của ý thức. Bây giờ, cuộc sống hằng ngày của mình từ niệm này qua niệm kia là nhất niệm vô minh của ý thức.

- Bất cứ làm việc gì đều trong ý thức phải không?

- Phải rồi, tất cả mọi việc trong cuộc sống đều dùng ý thức, gọi là nhất niệm vô minh, cho đến tham thiền (nghỉ tình) cũng là ý thức, nhưng đó là mặt không biết của ý thức. Khi đến thoại đầu là vô thi vô minh (nguồn gốc của ý thức). Sát na lia ý thức là lia nguồn gốc ý thức thì được ngộ (kiến tánh thành Phật).

Bây giờ, không lia được ý thức là bị chướng ngại, khó nhất là bị sở tri chướng, lý chướng. Cái gì mình cũng cho hợp lý và không hợp lý, nên gọi là lý chướng. Vì đúng lý thì phải có hai (tương đối), đúng lý với không đúng lý là tương đối, hợp lý và không hợp lý là tương đối. Đó là sản phẩm của bộ óc cũng thuộc về ý thức.

Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói: “Vô thi vô minh là màn đen che ở chính giữa tương đối và tuyệt đối”. Trong tương đối là mừng giận, buồn vui, yêu ghét,... giống như vở kịch đang diễn. Nếu mình đi đến thoại đầu lia được ý thức thì màn đen kéo ra thì tương đối ngưng, như tất cả mừng giận, buồn vui, yêu ghét,... của vở kịch bị chấm dứt.

- Chỗ vô thi vô minh có ngã chấp không?

- Chỗ vô thi vô minh chưa có ngã chấp, có ngã chấp là vô thi vô minh sanh nhất niệm vô minh. Chỗ vô thi vô minh là chỗ vô ngã, nhất niệm vô minh thì có ngã. Có ngã và vô ngã là tương đối, cuối cùng phải lia vô ngã (nguồn gốc) rồi kiến tánh thành Phật.

- Muốn lia ý thức thì phải tham câu thoại đầu đúng không?

- Hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, rồi khán thoại đầu là nhìn chỗ không biết, nhìn chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn. Nên người ta nói là nhìn không được, nói nhìn không được tức là đã nhìn được rồi. Tại sao? Vì không thấy gì, không thấy có mục tiêu để nhìn.

- Có phải là một khoảng trống không chằng?

- Không thể lấy khoảng trống không để làm mục tiêu, cứ nhìn không thấy cái gì thì nhìn mãi chỗ đó, mới đến chỗ thoại đầu.

Hỏi: Cuộc sống hằng ngày đều trong nhất niệm vô minh, làm sao đến chỗ vô niệm?

Đáp: Một ngày làm việc 8 giờ hay nhiều nữa là 10 giờ, một ngày có 24 giờ, như vậy còn dư 14 giờ. Tập tham thiền trong 14 giờ quen thuộc thì những giờ còn lại tự động nghỉ tình nổi lên, công việc do cái dụng Phật tánh thay thế bộ óc làm. Tuy bộ óc không biết, nhưng vẫn làm xong công việc của bộ óc. Chuyện đó nhiều người cũng làm được.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị 2 đoạn văn của Ngài Trung Phong dạy đồ chúng:

- Trong suốt ngày đêm chỉ muốn niệm niệm chẳng quên, lúc đi thì niệm, lúc ngồi thì ngồi niệm, lúc cử động, nói nín, nằm xuống, đứng dậy, đều niệm, lúc làm việc, tiếp vật cho đến khốn khổ hoạn nạn hiểm nguy cũng đều niệm. Thân như cây khô, như tảng đá, như thân chết, như tượng đất, chỉ tâm tâm ở tại đạo; ứng đáp với người như si, như say; nghe tiếng, thấy sắc như điếc như đui. Vì thế dụ như mèo

rình bắt chuột, tâm và mắt chăm chú nhìn vào một chỗ, lơ đãng một chút ắt chuột chạy mất. Như gà ấp trứng, hơi ấm cần phải liên tục, gián đoạn một chút là không thể thành gà con được. Vì thế niệm này là một điều khó.

- Tham thiền chẳng linh nghiệm, thường chỉ là tâm trộm cắp chưa chết. Vì thế năm tháng trôi sông, chứ không có bệnh nào khác. Nếu tâm trộm cắp nay chết ở ngày hôm nay thì ngày hôm nay liền tương ứng, chết ở ngày mai thì ngày mai bèn tương ứng.

Cái gì là tâm trộm cắp?

Hễ lià câu thoại đầu sờ tham ra, riêng thấy có tự kỷ là tâm trộm cắp. Ở ngoài cái tự kỷ bị thấy ra, riêng thấy có nhân, có ngã là tâm trộm cắp. Lúc tham được thuần thực biết thuần thực, ấy là tâm trộm cắp. Lúc tham thiền chẳng thuần thực biết chẳng thuần thực, ấy là tâm trộm cắp. Lúc trước mắt có hôn trầm, tán loạn, chỉ có câu thoại đầu sờ tham cùng nghi tình giao kết chẳng gián đoạn, ấy là tâm trộm cắp. Hễ ở chỗ khán thoại đầu chợt sanh một niệm, bất luận là phàm, là Thánh, là chân, là ngụy, nói chung đều là tâm trộm cắp.

Bỗng có người linh lợi hướng vào chỗ tôi nói đều chẳng dính dáng, riêng giúp cho một con đường là đạo, là lý, là kiến, là văn, đây gọi là tâm trộm cắp trong tâm trộm cắp. Phật chẳng thể cứu chữa, chỉ cần hết những tâm trộm cắp, chỉ thế ấy y bốn phần năm chắc câu thoại đầu sờ tham như tượng gỗ, tượng đất, như người chết có hơi thở, ngoài chẳng thấy có đại chúng, trong chẳng thấy có tự kỷ, lạnh băng băng, tuyết kiến văn, như vậy giữ đi, lâu ngày sẽ được tâm không thi đậu về.

Đáp: Nói tóm lại 2 đoạn trên: Tánh của người thì muốn cứu lý với cầu hiểu biết, nhất là người Tây phương. Nhưng bây giờ người Đông phương cũng vậy. Tổ Sư thiền thì phải lia lý, lia hiểu biết, phải ngược lại. Khoa học phải nghiên cứu lý để tìm hiểu cho hiểu biết. Phàm có biết một chút gì đều gọi là sở tri ngu, hiểu biết rất vi tế cũng gọi là cực vi tế sở tri ngu. Đó gọi là tâm trộm cắp.

Nếu có lý cao siêu lời Phật cũng là tâm trộm cắp, nhưng Pháp Sư giảng kinh có lý rất hay cũng lọt vào tâm trộm cắp. Muốn lia lý lia hiểu biết thì rất khó, vì cuộc sống hằng ngày người ta cần hiểu biết, nếu không hiểu biết thành khờ ngốc sao?

Thấy cái gì cũng như mù, nghe cái gì cũng như điếc thì không bị ngoại cảnh lôi kéo được. Nếu muốn đến chỗ vắng lặng để tu hay nhập thất, việc ấy rất là có hại, vì không thấy cảnh làm sao khởi tâm động niệm. Nhưng nhập thất một thời gian rồi ra thì thấy tâm còn động thêm nhiều. Theo Thiền Tông khi ngộ rồi mới được nhập thất.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị thêm đoạn văn của Ngài Trung Phong dạy đồ chúng dưới đây:

- Người học đạo có linh nghiệm là tâm trộm cắp chết hết. Tâm trộm cắp còn một mảy lông chết chẳng hết thì muôn kiếp không có lý tự thành. Nói thẳng ra, chết được một phần tâm trộm cắp thì học được một phần đạo. Chết được tâm trộm cắp được năm phần thì học được năm phần đạo. Tâm trộm cắp hoàn toàn không thì toàn thể là đạo. Bởi vì sự chướng đạo của tâm trộm cắp giống như bụi bặm che mất ánh sáng của gương.

Người thời nay chỉ biết có đạo để thành mà chẳng biết có tâm trộm cắp nên hết. Hoặc tâm trộm cắp chưa hết mà muốn đạo được thành, khác gì ngồi ở trong nước mà muốn đừng ướt, xưa nay trong thiên hạ không có lẽ đó.

Thuở xưa, Hòa Thượng Vĩnh Minh thống thiết nói: “Tình sanh trí cách, tướng biến thể thù”, nghĩa là: Tình nổi dậy thì trí huệ bị che lấp, tư tưởng biến đổi thì

thân thể cũng theo đó mà biến dạng, khiến công án sẵn sàng, của báu gia truyền chẳng được thọ dụng. Tình sanh tướng biến là biệt danh của tâm trộm cắp mà tôi vừa nói.

Muốn bất cứ lúc nào tình chẳng sanh, bất cứ chỗ nào tướng chẳng biến thì cần phải thật đem việc lớn sanh tử để ở trong lòng lấp bít ý căn, tình vừa muốn sanh thì bị nó ngăn, tướng toan muốn biến liền bị nó đoạt. Ông nếu chẳng vì việc lớn sanh tử, ở trong lòng khán câu thoại đầu quyết câu ngộ chứng mà chỉ là một bề đề nén cho tình tướng kia chẳng sanh chẳng biến, khác chi người đã chết mà muốn thở ra hít vô để làm gì?

Người xưa có nói: “Tham thiền không bí quyết, chỉ cần sanh tử thiết”. Lời này thật thông suốt cả ba đời, là cội gốc lớn của sự học đạo. Ví như chẳng lấy sanh tử vô thường làm trách nhiệm nặng nề của mình, nằng nặc muốn hiểu thiền hiểu đạo mà tham cứu việc này, thì giống như bảo người tịch cốc (những người suốt đời không biết đói, không cầu ăn) đi cấy trồng mà chẳng biết đó chẳng phải là việc của họ. (vì họ không cần ăn thì cấy cày để làm gì?)

Đáp: Nếu mình lấy ý thức để tìm hiểu giáo lý cao siêu của Phật Thích Ca cũng là tâm trộm cắp, còn gọi là sở tri ngu.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị đoạn văn kế tiếp của Ngài Trung Phong dạy đồ chúng:

- Bậc tiền bối ba mươi năm, năm mươi năm chí càng bền, niệm càng thiết, hạnh càng siêng và chẳng chịu có chút gián đoạn, chẳng phải do thầy bạn cảnh sách, tông lâm khuyến khích, ngôn thuyết chỉ bày, phương tiện khuyến tấn mà được như vậy. Mà bởi cội gốc của các Ngài chỉ là một cái nguyện thống thiết niệm sanh tử chưa giải quyết xong. Giả sử đời này chẳng xong thì đời nào mới xong? Niệm tấn đạo nếu tự chẳng chân thật thiết tha, dầu Phật Tổ có thân dị đối phàm thành Thánh, khiến A La Hán khởi tham sân si, tuy cố làm đó, quyết chẳng thể lâu được.

Có người vì muốn hiểu đạo mà học đạo, mà không chiếu phá được cảnh phù huyền nổi trước mắt, lại bị cảnh duyên đó làm cho vọng niệm khởi lên chẳng dừng. Vọng niệm đã khởi thì dầu sức học đạo như núi gò, sẽ thấy có ngày bị vọng niệm làm hại. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Cuồng tâm chưa ngưng nghỉ, ngưng nghỉ tức Bồ Đề”. Cái gì là cuồng tâm? Hễ ngoài việc thống thiết niệm sanh tử, đề câu thoại đầu sở tham ra, dù có làm trăm ngàn điều siêu việt thế gian, đều chẳng khởi chê là cuồng tâm.

Tổ Thiệu Lâm nói: “Ngoài dứt các duyên, trong không nghĩ tưởng, tâm như tường vách, có thể vào đạo”. Nhưng vào đạo gác lại chẳng hỏi. Tâm này có từng như tường vách hay chưa? Nếu chưa mà muốn mong nhập đạo, đó là điều chẳng tự xét.

Tham thiền cả một đời chẳng ngộ, học đạo cả một đời chẳng rõ, chỉ cần chẳng để dằng buông bỏ cái chánh niệm này, để tham để học thì chắc chắn có ngày đến chỗ cùng tột. Nếu bỏ chánh niệm này, vọng đem thức tình xuyên tạc, lấy lời người khác làm kiến giải của mình, dầu hiểu hết cổ kim, tọa đoạn (quét sạch) Phật Tổ cũng đều là đối trình cuồng kiến, tự mang tội lỗi, chẳng phải là điều của người chân thật học đạo làm.

Đáp: Nói nhiều cũng giống như ý trên, người ta chỉ biết có chánh niệm, rồi bỏ tà niệm giữ chánh niệm! Ngài Trung Phong nói: “Tà niệm là nhiễm, chánh niệm là tịnh, mà nổi lên cái nhiễm là tâm trộm cắp, nổi lên niệm tịnh cũng là tâm trộm cắp”. Người ta bỏ tà niệm còn khó huông là bỏ chánh niệm! Cho nên, khởi cần bỏ.

Cô Tâm có căn cơ tham thiền, mà anh của cô bảo cô bỏ tà niệm. Tôi nói: Khởi căn bỏ, vì không có cái gì để bỏ mà bỏ cái gì? Chỉ cần có lòng tin tự tâm, nhưng Ngài Long Thọ nói: “Tâm như hư không vô sở hữu”, chỉ cần tin vô sở hữu mà mình đang dùng. Tất cả đều ở trong vô sở hữu này, như mặt trời, mặt trăng, núi sông, đất đai,... đều ở trong vô sở hữu này.

Muốn hiển bày cái dụng đều phải nhờ cái vô sở hữu này, cho đến mình ăn cơm, mặc áo,... bất cứ làm việc gì đều phải nhờ cái vô sở hữu này. Cái vô sở hữu này là cái tâm của mình. Ngài Long Thọ dùng hư không để thí dụ tức là Phật tánh của mình đang dùng. Như bây giờ tôi đang nói và các vị đang nghe, nếu không có vô sở hữu này thì tôi không thể nói được và các vị không nghe được. Nhìn với nhau cũng phải nhờ cái vô sở hữu này, chúng ta mới nhìn với nhau được.

Kỳ thật, mình không có giây phút nào lìa cái vô sở hữu này mà được hiển bày cái dụng, bất cứ đi chỗ nào cũng vậy. Vì Phật tánh của mình khắp không gian khắp thời gian. Khắp không gian nên không có khứ lai gọi là Như Lai, khắp thời gian không gián đoạn sanh diệt gọi là Niết Bàn. Bây giờ mình đang dùng mà chẳng biết, mà lại mà đoán mò những cái khác.

Cho nên, Phật nói những cái hiểu biết trước mắt của mình đều là sai lầm, không đúng với thật tế. Vì vậy mới gọi là tâm trộm cắp, làm chướng ngại cái thật tế, thật tế là bản thể của Phật tánh. Tất cả lý cao siêu của tâm trộm cắp bị dẹp hết thì bản thể Phật tánh tự động hiện lên. Tuy Bản thể Phật tánh chưa hiện lên, nhưng mình cũng đang dùng.

Bản thể Phật tánh vốn là vô sở hữu, vì mình kiến lập nhà cửa, xe cộ, đất đai, tiền bạc,... cho là sở hữu của tôi, nên làm chướng ngại cái dụng Phật tánh. Nếu thật vô sở hữu không có chướng ngại thì cái dụng bằng Phật. Theo người thế gian có trí huệ, có năng lực để làm cái này cái kia thành sự nghiệp. Còn cái này khỏi làm cái gì hết, mà lại ngưng làm. Thành ra tất cả đều là nghịch pháp thế gian, nên gọi là pháp xuất thế gian. Nhưng sau kiến tánh thì tất cả pháp thế gian đều là Phật tánh.

Hỏi: Tại sao Phật Thích Ca nhập Niết Bàn sớm?

Đáp: Vì Phật Thích Ca nhập Niết Bàn sớm là để cảnh cáo chúng sanh. Có thí dụ: Người cha có 3 đứa con, người cha là thầy thuốc giỏi, muốn truyền nghề cho 3 đứa con, 3 đứa con đều có bệnh. Người cha cho toa thuốc cả 3 người con, người con lớn và người con giữa theo toa thuốc mà trị khỏi bệnh. Người con nhỏ tin cha mình là thầy thuốc giỏi, nhưng lại chưa chịu uống thuốc. Người cha thấy vậy bỏ đi xa, rồi nhả về nhà là cha đã chết. Trong lúc này người con nhỏ mới vội vàng uống thuốc.

Qua câu chuyện trên giống như Phật nhập Niết Bàn để cho chúng sanh khỏi ý lại Phật mà lo tu đến giác ngộ.

Hỏi: Thế nào là du hí thần thông?

Đáp: Phật tánh của mình đã sẵn, muốn hiện cái gì cũng được thì cũng như đi chơi mà khỏi cần tác ý, nên gọi là du hí thần thông.

Đặt ra tên chỉ là tên gọi, không phải là thật tế. Như Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát,... chỉ là những danh từ. Lục Tổ nói với Ấn Tông Pháp sư: “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”. Ấn Tông Pháp sư giảng kinh Niết Bàn đã trên 20 lần, nhưng Ngài đối với kinh Niết Bàn chưa còn hiểu thấu. Ngài hỏi Lục Tổ: Thế nào là pháp bất nhị?

Theo Ấn Tông và người thường cho thiền định là giải thoát, thắc mắc Lục Tổ nói “thiền định giải thoát chẳng phải Phật pháp”? Vì có định nên mới có loạn làm tương

đối, có giải thoát mới có trời buộc làm tương đối. Phật tánh bất nhị thì không có tương đối, nên Lục Tổ giải thích kinh Niết Bàn cho Ấn Tông Pháp sư hiểu. Ấn Tông Pháp sư chuyên giảng kinh Niết Bàn, mà Lục Tổ chỉ nghe người ta tụng một lần.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát hỏi Phật: Người phạm tội ngũ nghịch và không tin Phật pháp có đoạn dứt thiện căn Phật tánh không?

Phật nói: Thiện căn có 2: Thiện và bất thiện, Phật tánh chẳng phải thiện và bất thiện. Nói khắp thời gian là thường, mà Phật tánh chẳng phải thường và chẳng phải phi thường. Vì thường và phi thường là nhị, tức là Phật tánh không có tương đối. Thiên định đối với tán loạn, giải thoát đối với trời buộc đều là tương đối. Cho nên, nói “thiên định, giải thoát chẳng Phật pháp”.

Phàm có thể nói được là tương đối, Phật tánh không có bản thể, không có số lượng, suy nghĩ không đến, nên văn tự lời nói không thể diễn tả, chỉ có ngộ thì Phật tánh tự hiện mới tự biết. Nhưng tự biết là Phật tánh tự biết, không phải bộ óc tự biết. Lúc ngộ gọi là trí Bát Nhã.

Hỏi: Tại sao ngày xưa các vị chứng quả nhiều, còn ngày nay ít có người chứng quả?

Đáp: Ngày nay ít có người chứng quả là do khoa học tiến bộ, vì khoa học là cứu lý, tìm hiểu. Tiều thừa hay Đại thừa Phật pháp là ngược lại lia lý lia hiểu biết. Khoa học càng tiến bộ thì cuộc sống trong xã hội ngày càng phức tạp. Ngày xưa, trời mọc người ta đi làm việc, trời lặn người ta về nghỉ, rất là đơn giản. Bây giờ không phải vậy, cuộc sống càng phức tạp thì người chứng quả lại ít, vì dùng bộ óc để đối phó với cuộc sống, nên tu hành phải bỏ quên.

Hỏi: Ngày xưa các ngài khó hiểu biết, vì không có phương tiện nghe nhìn; còn ngày nay phương tiện nghe nhìn có nhiều, nên người tham học khởi đi hành cước. Đáng lẽ, người nay phải ngộ nhiều hơn người xưa, tại sao ngược lại?

Đáp: Nghe hiểu nhiều chùng nào thì sự chứng quả ít chùng nấy. Cứu lý để tìm hiểu là chuyện thế gian, muốn tu pháp xuất thế gian thì phải lia lý lia hiểu. Cho nên, hiểu nhiều thì phải xa sự chứng ngộ.

Trang 4

Hỏi: Ngày xưa, Ngài Hám Sơn trong khi tu có Ngài Cao Phong Diệu giúp đỡ; ngày nay, chúng con cần phải học hỏi tìm hiểu, vậy có thể chứng ngộ không?

Đáp: Ngày nay người ta tôn trọng khoa học và triết học, nhưng khoa học và triết học hiện tại thì phải cứu lý tìm hiểu. Phật pháp phải ngược lại lia lý lia tìm hiểu. Tiều thừa chấm dứt lục căn, không cho lục căn tìm hiểu. Ngũ Đỉnh Tâm Quán của Tiều thừa là ngưng hoạt động của tâm, Trung thừa và Đại thừa cuối cùng cũng đình chỉ hoạt động của tâm. Đình chỉ tâm là mục đích đến chỗ kiến tánh, đến lúc kiến tánh thì không cần đình chỉ nữa. Vì bản thể tự tánh luôn luôn khắp không gian, khắp thời gian, không bao giờ ngưng.

Như cảm giác lớp da khắp không gian và thời gian của cơ thể. Hoạt động của nó không bao giờ ngưng, mình ngủ mê nó cũng không ngưng. Người ta thường nói: “Tiếp xúc nó thì nó mới làm việc, không tiếp xúc thì nó không làm việc”, nhưng sự thật thì không phải vậy! Tiếp xúc thì nó biết có tiếp xúc, không tiếp xúc thì nó biết không tiếp xúc. Tiếp xúc đau thì nó biết đau, tiếp xúc không đau thì nó biết không đau, không có tiếp xúc mà nó biết không có tiếp xúc,... nó 24/24 giờ ngày đêm không ngưng làm việc.

Bây giờ, khoa học gọi cảm giác của lớp da là xúc giác, nhưng không phải tiếp xúc nó mới giác, không tiếp xúc nó cũng giác. Hiện nay nó đang giác, khắp cơ thể đụng chỗ nào nó cũng biết, không đụng chỗ nào nó cũng biết. Không phải đụng đầu thì đầu biết, đụng chân thì chân biết! Đụng đầu, đầu biết có đụng, tay chân không tiếp xúc thì biết không có tiếp xúc.

Dụng Bát Nhã của tự tánh cũng như vậy, mình làm phàm phu là tự hạn chế cái dụng, nhưng cái dụng vẫn đang dùng, chẳng qua cái dụng được có ít. Như thính giác, thị giác, xúc giác,... đang dùng, không có ngưng. Đó gọi là nhất niệm vô minh. Tham thiền đến thoái đầu (vô thi vô minh), vô thi vô minh tan rã là kiến tánh thành Phật thì Bát Nhã khắp không gian, khắp thời gian.

Bát Nhã khắp không gian thì cái dụng không chỗ nào thiếu sót, Bát Nhã khắp thời gian thì cái dụng không bao giờ ngưng dùng. Bây giờ khoa học cũng biết tất cả vật chất là do nhiều nguyên tử tổ chức thành. Mỗi hạt nguyên tử ở giữa có một trung tử, chu vi có nhiều điện tử. Nó ngày đêm xoay hoài không bao giờ ngưng, nếu đem cái bàn này chặt tan nát, mà nó vẫn xoay. Cái dụng Bát Nhã Phật tánh của mình cũng vậy, không bao giờ ngưng, lúc nào cũng cùng khắp không gian.

Hỏi: Người xưa đến sự kiến tánh thì dễ, còn người thời nay cần phải tu tập chặt chẽ để đưa đến sự kiến tánh phải không?

Đáp: Về việc này, Phật Thích Ca đã lo trong Tăng đoàn thật kỹ. Như Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni không có cơ hội phạm giới được, vì ở chung coi chừng với nhau, không cho sống riêng một mình. Lại nửa tháng bố tát để kiểm thảo một lần, tức là trước khi tụng giới để kiểm thảo. Làm pháp yết ma kiết giới, cũng như phạm vi trong chùa thì tất cả chúng trong chùa phải hợp lại. Nếu trong một phường thì chúng trong một phường phải hợp lại, trong một huyện thì chúng trong một huyện phải hợp lại, một tỉnh thì chúng trong một tỉnh phải hợp lại, tùy theo giới hạn. Có chỗ không có giới hành chánh thì phải cấm nêu, tức là ở trong phạm vi phải đến.

Những người bệnh nặng hoặc đi xa không thể đến, phải cử một người báo cáo đại hội, nói có nguyên do gì không thể đến. Người nói chuyện cả lăm không có tư cách để cho đại hội ủy nhiệm. Một người chỉ có thay thế một người, chứ không được thay thế cho nhiều người. Yết ma của đại hội phải nhất trí 100% mới được, chứ thiếu 1% cũng không được.

Trước khi tụng giới phải kiểm thảo, vị chủ tịch hỏi “Tất cả Tăng chúng nửa tháng nay có ai phạm giới không? Có thì ra chúng sám hối”. Nếu tự mình biết thì nói ra, mình không biết mà người ta thấy thì phải cử tội, hay là không thấy mà có nghe, hay là không thấy không nghe mà có nghi, gọi là kiến, văn, nghi.

Nếu mình dẫu tội mà người khác biết không ra cử tội, sau này người ta phát giác ra thì người biết phải cùng tội người phạm, tức là biết tội của bạn mình thì phải cử tội, không được che dấu. Cho nên, người trong Tăng đoàn không có cơ hội phạm giới. Tất cả đều phải y theo giới luật quy cũ.

Bây giờ, Tăng đoàn không có, có chỗ tự mình quyền tiền Phật tử lập ra chùa để làm chủ. Nếu có phạm giới mà người ta vẫn cúng dường, không có ai can thiệp. Thậm chí, những người dùng đồ xa xỉ mà họ cũng đem đến cúng, hay những người ăn mặn, họ cũng đem lại cúng. Tại bây giờ người ta không theo yết ma của Phật để thực hiện. Giới luật của Phật rất chặt chẽ, nên người ở trong Tăng đoàn khó buông lung.

Ngài Thái Hư đại sư định khôi phục lại Tăng đoàn, nhưng mà việc làm không thành, vì các chùa đều có tài sản riêng, nếu đem gom lại làm tài sản chung nên người ta không chịu.

Hỏi: Thế nào là thể, tướng, dụng?

Đáp: Thể, tướng, dụng, còn gọi là thể và dụng. Lục Tổ ví dụ “thể là cây đèn, ánh sáng là dụng của cây đèn”. Thật tế, thể với dụng là một. Ngài Nguyệt Khê nói: “Hiện tượng với bản thể là một”. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc; sắc bất dị không, không bất dị sắc” là bản thể với hiện tượng chẳng có khác. Hiện tượng là dụng, bản thể là thể.

Kỳ thật, thể là không, không là dụng, tất cả hiện tượng đều ở trong cái không này tức là dùng. Chỉ thấy hiện tượng, không thấy được bản thể, vậy hiện tượng là cái thể. Nếu không có hiện tượng thì không biết được bản thể. Cho nên, hiện tượng tức là bản thể, bản thể tức là hiện tượng. Nếu chia ra hiện tượng là dùng, bản thể là hư không; không có hư không trống rỗng thì hiện tượng không thể xảy ra, tất cả vũ trụ vạn hữu đều ở trong hư không trống rỗng này.

Cho nên, người kiến tánh thì tất cả hiện tượng vẫn y như cũ, chỉ là không đem tư tưởng của cá nhân xen vào. Vì vậy nói: “Núi sông vẫn là núi sông”, ban đầu cho núi sông là thật, sau cho núi sông là không thật, nhưng cuối cùng thật và không thật chỉ là của bộ óc phân biệt. Vậy núi sông vẫn là núi sông, tất cả cái gì vẫn y như cũ.

Kinh Pháp Hoa nói: “Pháp nào trụ theo pháp đó, tướng thế gian thường trụ”. Mình không đem ý của mình xen vào cho là đúng, cho là sai. Có 2 chữ “cho là” không phải bản lai diện mục, bản lai diện mục là bất nhị không có tương đối, nên phải lìa lý. Vì có lý thì phải có bất hợp lý để làm tương đối, đúng lý và không đúng lý làm tương đối. Biết và không biết làm tương đối, nên phải lìa tương đối.

Nếu lìa tương đối thì người thế gian không chịu, vì họ muốn cầu biết. Nếu vậy không có cái biết để cầu, không có cái lý để nghiên cứu, nên họ không chịu. Bây giờ khoa học cũng phải nghiên cứu tìm hiểu cái mới để phát minh cái mới, rồi không cho nghiên cứu tìm hiểu thì không được!

Hỏi: Thế nào là giữ giới?

Đáp: Giới nhà Phật gồm có 3 cấp:

- Giới phổ thông nửa tháng tụng giới để biết làm theo cho đúng, gồm có giới của cư sĩ, Sa Di, Sa Di Ni, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni. Như muốn nhớ giới phổ thông này để giữ thì rất khó.

- Thiên giới là có thiên định thời gian 24/24 giờ ngày đêm thì không phạm giới, nếu có kẻ hở không thiên định thì có thể phạm giới. Đây còn gọi là định cộng giới, tức có thiên định là giữ giới, khỏi cần biết giới luật, khỏi cần thọ giới.

- Lậu tận giới (chứng đạo) thì tự nhiên giữ giới được.

Hỏi: Nếu nói phạm tội của người bạn, có phải mình để ý đến chuyện người khác không?

Đáp: Vì sống chung nếu ai làm chuyện gì thì mọi người đều thấy biết. Cái dụng của Bát Nhã không bao giờ ngưng làm việc, ví dụ như cảm giác của lớp da không bao giờ ngưng biết, tất cả mọi việc nó đều tự động. Khi nào cái dụng Bát Nhã muốn dùng thì tự động dùng, khi chưa dùng nó không nhớ. Giống như cảm giác của lớp da thì đâu cần nhớ? Vì bản tánh nó luôn luôn khắp không gian, khắp thời gian.

Dụng Bát Nhã mình đang dùng, vì mình dùng ý thức để phân biệt nên cái dụng phải bị hạn chế. Hư không là vô sở hữu (tâm), do mình kiến lập sở hữu, cái sở hữu này thì phải nhớ. Nếu không có sở hữu thì lấy cái gì để nhớ? Vì có sở hữu thì phải có nhớ có quên. Còn bản thể không có nhớ hay quên, không cần phải qua tác ý của bộ óc, nên gọi là Bát Nhã.

Hỏi: Từ một ngày đến 7 ngày, niệm Phật được nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo thì được vãng sanh; còn Thiên tông, Ngài Cao Phong Diệu nói: “Tham thiền nghi tình được miên mật, nếu không ngộ thì chặt đầu của lão Tăng”. Như vậy 2 ý trên như thế nào?

Đáp: Đó chỉ là lời nói, chưa phải thực hành. Nếu thực hành Thiên tông dễ hơn tu Tịnh Độ. Thiên tông có vị Hải Minh quyết tâm 7 ngày sẽ kiến tánh, nhưng chỉ có 5 ngày kiến tánh và Phật Đấng Thuần tham thiền 49 ngày đêm đi liên tục, không đứng không ngồi nên được kiến tánh. Bây giờ không có ai làm nổi.

- Niệm Phật có 3 thứ niệm: Mật niệm, niệm ra tiếng và kim cang niệm (môi chỉ nhúc nhích), nhưng cái niệm không quan trọng, mà quan trọng là cái nguyện và cái tin. Vì lòng tin vững chắc thì cái nguyện mới chân thật.

Hỏi: Thế nào là Mật tông?

Đáp: Mật tông là tam nghiệp gia trì: Tay bắt ấn, miệng niệm chú, tâm quán tượng, 3 cái một lượt.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị bài kệ:

*Tội từ tâm khởi lấy tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi tội liền tiêu.
Tội tiêu tâm diệt, cả hai đều không,
Áy mới thật là chơn sám hối.*

Đáp: Đó mới thật chơn sám hối, chứ không phải đến bàn thờ Phật mà sám hối. Vì tội là do tâm tạo, nếu tâm diệt thì tội cũng diệt luôn. Còn tâm không diệt, làm sao tội diệt được?

Hỏi: Sự đi khát thực của các thừa (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Tối thượng thừa) có khác nhau không?

Đáp: Ngày xưa, Đức Phật Thích Ca cũng đi khát thực, như trong kinh Kim Cang diễn tả “Đức Phật đi vào thành Xá Vệ khát thực, rồi về Tinh Xá dùng cơm xong trải tòa thuyết pháp”. Chứ không có phân biệt Tiểu thừa, Đại thừa gì cả!

Hỏi: Cách hành trì của Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa như thế nào?

Đáp: Đại thừa gồm Tối thượng thừa, Tiểu thừa gồm Trung thừa. Có 5 thứ khác biệt:

1. Điềm xuất phát chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Bắt nguồn từ nhân sinh quan đả khổ, nghiệp cảm duyên khởi, nhằm chán phiền não mà cầu nơi thanh tịnh.

b. Đại thừa: Từ nhân sinh quan từ bi, chân như tỏa ra, lấy hóa tha tự tại làm chí nghiệp.

2. Hành vi chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Tự lợi tự độ, chỉ được giải thoát theo tiêu cực, tức là lấy đoạn dứt phiền não làm Niết bàn và mục tiêu cuối cùng.

b. Đại thừa: Tự độ độ tha, lấy hoạt động tích cực làm hành vi, đắc đại tự tại làm tư tưởng chung cuộc.

3. Cảnh giới chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Ngừng nơi hiện tượng giới.

b. Đại thừa: Vào nơi thật tại giới.

4. Phương pháp chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Dứt lục căn, đoạn nhất niệm vô minh, vào nơi đoạn diệt, chủ nghĩa cấm dục.

b. Đại thừa: Phá vô thi vô minh, kiến Phật tánh, chủ nghĩa tự tại, chủ nghĩa thật tại (Chân Như), sắc tâm và pháp đều tồn tại vĩnh viễn.

5. Lý luận chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Tầm khảo sát ngưng nơi hiện tượng và cho rằng chủ khách thực tế tồn tại, là nhị nguyên luận, ngoài ra dùng chủ nghĩa cảm giác phủ định những thật tại ngoài cảm giác.

b. Đại thừa: Siêu việt phạm vi nhận thức của bộ não, sự cùng tột của thật tại với hiện tượng giới chẳng khác, chủ khách như một, chân vọng hiệp nhất, là nhất nguyên luận, là thật tại luận siêu việt Hình Nhi Thượng.

Triết học phương Tây chỉ có hai giai đoạn: Ngã chấp và pháp chấp đều nằm trong phạm vi nhất niệm vô minh, tức là tư duy và lý niệm. Nhưng tư duy và lý niệm đều là hóa thân của nhất niệm vô minh, cũng là tác dụng của bộ não.

Mục đích triết học phương Tây là nghiên cứu lý luận để tìm hiểu nên chẳng chịu rời bỏ nhất niệm vô minh, bởi vì nếu tiến vào phạm vi của vô thi vô minh thì cảm giác trống rỗng chẳng có lý luận để truy cứu, cũng chẳng có gì để tìm hiểu, hoàn toàn trái ngược với mục đích của họ.

Cho nên, xưa nay các nhà triết học phương Tây chưa ai từng đi vào cảnh giới vô thi vô minh, hễ chưa vào cảnh giới vô thi vô minh thì chẳng thể đột phá cái chấp không, cũng chẳng vào được tuyệt đối. Phá được cái chấp không là kiến tánh, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn.

Mục đích của nhà triết học phương Tây là truy lý cầu tri, còn mục đích tu trì Phật pháp là liễu thoát sanh tử; triết học phương Tây chú trọng lý luận, Phật pháp thì chú trọng thực tiễn, tức là từ nhất niệm vô minh tiến thẳng vào tuyệt đối vậy.

Hỏi: Khai ngộ và liễu ngộ khác nhau như thế nào?

Đáp: Liễu ngộ là ngộ triệt để (phá mặt hậu lao quan), còn khai ngộ có thể là giải ngộ hay chứng ngộ (phá sơ quan, phá trùng quan).

Ngộ của giáo môn nhiều thứ bậc như:

- Đại thừa gồm có 52 cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác, Diệu Giác. Kinh Lăng Nghiêm thêm 5 cấp, cộng chung là 57 cấp.

- Tiểu thừa gồm có 4 cấp: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán.

Tổ Sư thiên không có cấp bậc, mặc dầu nói Sơ Quan, Trùng Quan, Mặt Hậu Lao Quan, nhưng có người khỏi qua Sơ Quan, Trùng Quan, từ địa vị phàm phu thẳng ngộ đến Đẳng Giác, tức là không qua những cấp bậc. Tất cả có cấp bậc hay không cấp bậc cuối cùng gặp nhau ở Đẳng Giác. Đẳng giác lên một cấp nữa là Diệu giác (quả Phật).

Sự chứng ngộ mới giải quyết được sanh tử, còn giải ngộ không thể giải quyết được sanh tử, vì giải ngộ là cái ngộ của bộ óc.

Hỏi: Ngài Huệ Năng nghe kinh Kim Cang được khai ngộ, rồi học với Ngũ Tổ một thời gian thì liễu ngộ phải không?

Đáp: Không phải, ngài Huệ Năng nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” là ngộ triệt để. Cho nên, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài và ngài kế thừa làm Tổ thứ 6. Lúc Lục Tổ chưa đến gặp Ngũ Tổ, còn đi bán củi gặp người ta tụng kinh Kim Cang được sơ ngộ, có thể phá Sơ Quan.

Ngộ rồi bảo nhậm, như Lục Tổ ngộ triệt để còn phải 15 năm bảo nhậm để dứt tập khí, không phải tu hay để học nữa. Những học giả trí thức nghiên cứu Phật pháp đuổi theo văn tự lời nói, nói ra cũng thấy có lý, như đối với Phật pháp không thể dùng được. Thiên tông nói dễ nghe là: “Nói giống thì giống, phải thì chẳng phải”, còn nói khó nghe là: “Con chó đuổi theo cục xương” hoặc là: “ăn cứt của người ta, không phải là con chó tốt”.

Hiện nay sách thiên rất nhiều mê hoặc người đọc không biết, vì trong sách đó nói có lý rất hay. Nếu ghi nhớ những cái ấy thành sở tri chướng, chướng ngại không có thể ngộ được. Chư Tổ Thiên tông quét sạch các tri chướng, không cho hiểu bất cứ lý gì. Như Tăng đọc ngữ lục của ngài Đại Huệ được giải ngộ, rồi đem trình cho ngài Đại Huệ xem coi đúng hay không?

Đại Huệ nói: Không phải, đi đi.

Tăng nói: Tôi chưa có trình mà!

Đại Huệ nói: Không phải, đi đi.

Chưa có trình mà Ngài đã biết, bởi vì người ngộ thì không phải vậy, có muốn trình kiến giải thì chưa ngộ. Như công án Quy Sơn: Người ta phát hiện núi Quy là chỗ tốt, sau này sẽ có nhiều người kiến tánh. Rồi nói với Bá Trượng: Cho người đến chỗ ấy sáng lập đạo tràng.

Bá Trượng nói: Vậy người nào đi?

Thiền Sư nói: Tự hạp chư Tăng để chọn người.

Rồi chọn Quy Sơn, lúc ấy ông quản lý nhà bếp (Điền Tọa), Thủ Tọa không vừa ý, nên nói: Tôi là Thủ Tọa còn chưa được đi, sao Điền Tọa đi?

Bá Trượng nói: Bây giờ thử coi người nào đi được? Không cho gọi là bình nước thì gọi là cái gì?

Thủ Tọa nói: Gọi là cái nút.

Bá Trượng hỏi Quy Sơn: Không gọi bình nước thì gọi là cái gì?

Quy Sơn đá ngã rồi đi ra.

Bá Trượng nói: Phải không, tôi bảo Quy Sơn đi đâu có sai!

Hỏi: Lý do gì ngộ của Thiền tông không cần kinh điển?

Đáp: Kinh chỉ là trợ duyên, công phu đến mức thì gặp cái gì cũng ngộ, cũng như có người gặp con khỉ leo cây mà ngộ, có người thấy hoa đào nở thì ngộ, có người đi bị vấp té lại ngộ, có người bị bạt tai ngộ, có người nghe hát ngộ, có người đi ngang chỗ bán thịt, nghe nói “bán cho tôi một cân thịt nạt”, người bán chặt mạnh con dao xuống bàn và nói lớn “chỗ nào không phải là thịt nạt?”, người ấy liền ngộ. Đâu phải chỉ xem kinh mới ngộ?

Như có người tham kiến Mã Tổ, Mã tổ nói: Hãy đánh lễ đi.

Người đó lạy xuống thì Mã Tổ đá một cái ngã xuống đất liền ngộ.

Nghe kinh ngộ chỉ một phần ít, cái ngộ là do cái nghi đến mức muốn bùng nổ thì không ngộ cũng không được.

Như chuyện Hội Thông làm thị giả cho Đạo Ngộ:

Mấy năm, Đạo Ngộ chẳng dạy cho Hội Thông gì cả. Nghi tình của Hội Thông muốn bùng nổ, vì cứ nghi “không dạy bảo gì hết” qua nhiều năm.

Một hôm, chịu không nổi Hội Thông từ giả thầy, thầy hỏi: Đi đâu?

Hội Thông đáp: Đi học Phật pháp.

Đạo Ngộ nói: Phật pháp ở đây tôi cũng có chút đỉnh vậy.

Hội Thông hỏi: Thế nào Phật pháp của Hòa Thượng?

Đạo Ngộ mới nhổ sợi lông trên chiếc áo của mình, rồi thổi một cái thì Hội Thông ngộ liền.

Chính Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, Ma Ha Ca Diếp ngộ đạo. Phật không nói gì, đâu phải do kinh mà ngộ? Tức là công phu đến mức rồi gặp bất cứ cái gì cũng đều ngộ. Tất cả gặp cảnh được ngộ chỉ là trợ duyên, chứ không do cái đó mà ngộ. Nếu không có công phu có đánh chết cũng không ngộ, huống là chỉ bạt tai làm sao ngộ? Và Lâm Tế hỏi Phật pháp 3 lần bị đánh 3 lần được ngộ, đâu phải do kinh mà được ngộ?

Đương thời ngài Đại Huệ có nhiều người tu thiền bày đặt bậy bạ và Ngài giải thích cho họ biết. Bây giờ những người bày đặt bậy bạ nhiều hơn nữa.

Hỏi: Các sách về thiền không nói đến kinh nhiều, mà kể lại những tình huống hay kể những câu chuyện giúp cho người tu Tổ Sư thiền để có niềm tin hơn và gần gũi với thiền hơn, hay là còn có cái gì khác nữa không?

Đáp: Không có mục đích gì hết, ngày xưa chư Tổ không cho ghi lời nói của Tổ. Vì tánh con người ham hiểu biết nên có người ghi lén, lâu ngày từ đời nhà Đường đến đời nhà Tống làm ra cuốn Cảnh Đức Truyền Đăng Lục. Ngày xưa chư Tổ dùng cơ xảo (thủ đoạn) khiến cho người tham thiền tự động phát lên nghi tình mà tự mình không biết.

Như Lâm Tế hỏi Phật pháp 3 lần bị đánh 3 lần mà phát nghi, nhưng Ngài không biết tự mình đã tham thiền. Cũng như Hội Thông phát nghi là “không dạy bảo gì?” là cơ xảo của thầy, tự mình phát nghi không biết. Ngài Lai Quả gọi đó là ‘vô tham tức chân tham’. Vô tham không phải là không có tham, đang tham thiền mà không biết mình tham thiền.

Cho nên, ngày xưa người ngộ rất nhiều, lại mau ngộ. Đến sau này cuốn Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời thì người ngộ mới ít, vì cơ xảo của chư Tổ dùng không được, nếu đánh đập đến chết mà người ta không phát nghi được, vì biết là cơ xảo của Tổ làm sao nghi được? Không có cách nào để dạy, nên Tổ bắt đắc dĩ dạy tham công án, thoại đầu. Bây giờ muốn đạt đến chân tham, ít nhất cũng phải từ tám mươi năm.

Hỏi: Thế nào là khai, giá, trì, phạm?

Đáp: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải biết khai, giá, trì, phạm, nhưng có một số người lại không biết; nhất là Tỳ Kheo phải thông suốt giới luật Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni.

Như giới uống rượu không phải tánh giới là giá giới thì có thể khai, tức là uống mà không phạm giới. Tại sao? Vì không có ý uống, uống lộn xong mới biết là rượu và cơm rượu có ăn bao nhiêu cũng không say. Làm đồ ăn bỏ vào đồ ăn một chút rượu

cho ngon cũng không phạm. Những cái đó đều có thể khai. Còn nhiều cái không đủ nhân duyên thì được khai hay khai nhẹ hơn.

Giá giới là phân biệt với tánh giới. Tánh giới là sát, đạo, dâm, vọng thì có tội nhân quả. Mặc dầu, không có thọ giới nhưng phạm cũng phải chịu quả báo. Tánh giới ở trong pháp luật của nhà nước cũng có cấm. Giá là che, Phật muốn cho Phật pháp đến chỗ nào cũng được hoan nghinh, nên phải theo phong tục tập quán của địa phương đó, Phật mới chế ra giá giới để cho người ta khỏi phê bình.

Như Tu sĩ ở Ấn Độ không được đi làm công việc sản xuất trồng trọt, nếu làm là phạm giới nên Phật phải chế ra giá giới. Tu sĩ ở Trung Quốc trồng trọt là trì giới thì người ta khen ngợi. Giá giới là phần nhiều giới oai nghi, tức là phạm không có tội nhân quả, chỉ là che chỗ địa phương đó đừng có phê bình để dễ hoằng pháp.

Trì có 2 thứ: Chỉ trì và tác trì.

- Như 5 giới của cư sĩ, 10 giới của Sa Di, Sa Di Ni, 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni đều là chỉ trì.

- Giới Bồ Tát có chỉ trì và tác trì, tức là tác (làm) là trì, không làm là phạm; chỉ trì là làm mới phạm, không làm là không phạm. Như giới trộm cắp, nếu không thọ giới Bồ Tát có ý ăn cắp cái tách này, mà tay đụng đến tách thì chưa phạm, khi nào dời cái tách khỏi chỗ khác thì mới phạm. Người thọ giới Bồ Tát có nỗi ý ăn cắp là phạm giới, chứ khỏi cần đụng đến đồ vật.

Giới Bồ Tát của cư sĩ cũng có điều thấy người gặp tai nạn nguy hiểm không có ai cứu, nên phải đi cứu. Như mình đi mua vé xe để đi đến ngoại ô thấy ở bên đường có người bị bệnh nặng mà không có ai giúp đỡ, nhưng mình đã thọ giới Bồ Tát phải bỏ vé xe ngừng xuống cứu giúp người đó, hoặc chở đi bệnh viện hay chở về nhà, rồi đoán xe khác đi tiếp. Nếu không làm là phạm, gọi là tác trì.

- Thọ giới Bồ Tát có ăn chay không?

- Tự nhiên phải ăn chay, vì muốn giúp chúng sanh mà còn ăn thịt chúng sanh làm sao được!

Hỏi: Phật tử đã thọ tam quy ngũ giới nên ăn chay trường. Vì trong ngũ giới có giới sát sanh, vậy có phải không?

Đáp: Phải rồi, cho nên sát sanh thuộc về tánh giới. 5 giới cư sĩ, 10 giới của Sa Di và Sa Di Ni, 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni đều lấy 4 giới (sát, đạo, dâm, vọng) là tánh giới làm căn bản.

Hỏi: Phật tử tại gia giữ 5 giới, khi khởi niệm có phải phạm giới không?

Đáp: Phật tử tại gia giữ 5 giới, khi khởi niệm thì không phạm, vì không thọ giới Bồ Tát, tức là chỉ có thân trì, khi nào thân làm mới phạm, thân không làm thì không phạm. Giới Bồ Tát có tâm trì.

Hỏi: Các giới luật có ảnh hưởng đến tu Tổ Sư thiền không?

Đáp: Tổ Sư thiền cũng phải giữ giới vậy! A Nan hỏi Phật sau khi Phật nhập Niết Bàn thì chúng con lấy ai làm thầy?

Phật nói: Lấy giới luật làm thầy.

- Có phải Thiền tông không tin vào kinh điển không?

- Sao nói là Thiền tông không tin vào kinh điển! Thiền tông tự nhiên ăn khớp với kinh điển, chứ không phải không tin kinh điển, chỉ là không chấp kinh điển.

- Xin Thầy nói rõ: Không tin và không chấp?

- Nếu giải thích triệt để thì Phật nói: “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Bây giờ nói không chấp là đã chấp rồi, tại có chấp nên mới nói không chấp, vì còn trong tương đối. Nếu chấp vào một bên (tương đối) thì lọt vào trong 5 thứ ác kiến (thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ).

Chấp nhất định có Phật là lọt vào biên kiến, chấp nhất định không có Phật cũng lọt vào biên kiến. Cho nên nói: “Lấy vô Trụ làm gốc”, tức là không trụ bên nào, có trụ là không được.

Hỏi: Nếu nghĩ tới nghĩ lui thì cái nào cũng là biên kiến, như nói “vô trụ” có phải là biên kiến không?

Đáp: Đó cũng là lời nói, ngài Ca Diếp hỏi Phật trong kinh Đại Niết Bàn vấn đề này:

Ngài Ca Diếp hỏi: Tại sao phàm phu có điên đảo tưởng và có phiền não, bậc Thánh cũng có điên đảo tưởng mà không có phiền não?

Phật nói: Tại sao người nói bậc Thánh có điên đảo tưởng?

Ngài Ca Diếp đáp: Phàm phu gọi con trâu là con trâu, con ngựa là con ngựa, nam là nam, nữ là nữ thì bậc Thánh cũng gọi như vậy, không phải là điên đảo tưởng sao?

Phật nói: Tưởng có 2 thứ (thế lưu bố tưởng và trước tưởng). Phàm phu ở nơi thế lưu bố tưởng sanh ra trước tưởng, nên gọi là điên đảo tưởng. Còn bậc Thánh vì thuyết pháp cho phàm phu nghe, chỉ có thể bố tưởng mà không trước tưởng, nên không có điên đảo tưởng. Không có điên đảo tưởng thì không có phiền não.

Chấp trước là chấp thật, chấp có là thật hoặc chấp không có là thật, tức là lọt vào biên kiến. Nếu bậc Thánh không gọi con trâu là con trâu, con ngựa là con ngựa, làm sao thuyết pháp cho phàm phu nghe được? Vì thế gian đã lưu hành thì bậc Thánh cũng y theo vậy mà gọi, nhưng không sanh ra trước tưởng thì không có sở trụ.

- Nói như vậy được, nhưng sao đi tới?

- Muốn đến vô sở trụ phải tham thoại đầu và khán thoại đầu, nếu không muốn tham thiền miến cưỡng làm theo cũng khó, có thực hành thì tự nhiên sẽ đưa mình đến. Cho nên, chư Phật chư Tổ là muốn mình thực hành. Người thế gian là muốn tìm hiểu lý, như học thức tìm hiểu nhiều thì cao chùng nấy, còn Phật pháp chỉ muốn ngộ, tức là ngược lại lìa lý, lìa hiểu biết. Nếu tìm lý và hiểu biết là sở tri chướng, rồi theo sự hiểu biết đi làm gọi là sự chướng (phiền não chướng).

Hỏi: Khi có nghi tình thì vọng tưởng lạng mắt giống như trạng thái nhất tâm bất loạn, vậy phải không?

Đáp: Không biết là nhất tâm bất loạn, nếu dùng cái biết để đi đến nhất tâm bất loạn thì khó. Tại sao? Vì do cái biết dễ bị ngoại cảnh lôi kéo, như ngoại cảnh vui lôi kéo hay ngoại cảnh xấu, khủng bố mà biết cũng bị lôi kéo.

Nghi tình thì không biết, vui không biết, xấu cũng không biết thì không bị ngoại cảnh lôi kéo, dễ đạt đến nhất tâm bất loạn. Nhưng cả nhất tâm cũng phải bỏ, vì nhất tâm là nhất niệm vô minh, phải đến vô thị vô minh, rồi đập tan vô thị vô minh mới được kiến tánh.

Hỏi: Nghi tình thì không có gì cả, không phải là nhất tâm, vậy có đúng không?

Đáp: Không phải, nghi tình cũng là nhất tâm nhưng là mặt không biết, chứ không phải dùng mặt biết. Nhất tâm của các pháp khác là dùng mặt biết, còn nhất tâm tham Tô Sư

thiền là mặt không biết, cũng gọi là nhất niệm vô minh. Niệm biết thì không đến chỗ thoát đầu, niệm không biết tự động đến thoát đầu.

- Khi có nghi tình thì đâu có biết là nhất tâm?

- Đúng vậy, nên để đến thoát đầu, còn dùng cái biết thì không có thể đến thoát đầu được.

Hỏi: Nghi tình khởi lên mà không biết nghi tình, có phải là trạng thái vô niệm không?

Đáp: Trạng thái vô niệm của nghi tình 24/24 giờ ngày đêm là đến thoát đầu, tức là niệm biết và niệm không biết đều sạch. Như tham thiền một lúc biết một lúc không biết chưa được kéo dài nghi tình 24/24 giờ ngày đêm thì chưa phải đến thoát đầu.

Hỏi: Khi ngồi thiền trong 40 phút, nhưng chỉ khoảng 30 phút là có nghi tình, như vậy có thể gọi là trạng thái vô niệm không?

Đáp: Nếu còn biết nghi tình chưa phải là vô niệm, vì thoát đầu là có nghi tình nhưng không biết. Dùng nghi tình để quét các niệm khác vẫn còn nhất niệm, nhất niệm này là nhất niệm không biết, chứ không phải nhất niệm biết của các thiền khác. Đến thoát đầu muốn niệm nổi lên thì không được. Đến thoát đầu sẽ kiến tánh liền, cũng có thể ở trong một tháng được kiến tánh.

Bây giờ, mình tập tham thiền là giữ nghi tình được kéo dài 24/24 giờ ngày đêm là đến thoát đầu. Thí dụ bắt đầu từ 1 phút, nếu mỗi ngày tăng nghi tình được 1 phút thì 1 năm được 6 tiếng nghi tình, 4 năm được đến thoát đầu. Còn mỗi ngày tăng ½ phút nghi tình thì 8 năm được đến thoát đầu. Nếu mỗi ngày tăng ¼ phút nghi tình thì 16 năm được đến thoát đầu.

Nếu chấp ngồi tham thiền không đến thoát đầu được, vì đứng dậy là hết tham. Như Ngài Lai Quả nói: “Đi cũng tham, ngồi cũng tham, làm công việc cũng tham, tức là tịnh không bị tịnh ảnh hưởng, động không bị động ảnh hưởng”. Cũng có người ở trong động dễ tham hơn trong tịnh, như có người chạy xe máy tham được, mà ngồi yên tham không được.

Hỏi: Nếu có tâm lo mất thì tâm loạn chứ đâu tịnh phải không?

Đáp: Phải rồi, nếu có tâm lo thì không phải công phu. Ngài Đại Huệ nói: “Có sở trọng là không được”, bất cứ trọng cái gì hay trọng Phật cũng không được. Cho nên bất cứ ở chỗ nào mà có mùi vị thì không được.

Hỏi: Thầy đã giải thích cho mọi người thì kiến thức của thầy đã cản trở hay giúp thầy trên đường tu tập?

Đáp: Cản trở trên đường tu tập, tôi là người đầu tiên hoảng dương Tổ Sư thiền ở Việt Nam, cũng là người đầu tiên đả thiền thất ở Việt Nam. Những người quen về giáo môn và Tịnh Độ, đối với Tổ Sư thiền thì người ta lại khó tin, người ta không biết nên tôi phải biết, như thế họ mới tin tôi, rồi từ từ người tham Tổ Sư thiền ngày càng đông. Nếu hỏi tôi không trả lời được thì có ai chịu lại học Tổ Sư thiền!

Hỏi: Nếu cho mình kiến thức thì khó khăn tu tập, muốn giúp người khác thì mình lại cần có kiến thức phải không?

Đáp: Phải rồi, như khoa học gọi là ác tánh tuần hoàn. Trí Giả Đại sư lúc gần lâm chung nói: “Tôi chỉ chứng được ngũ phẩm, nếu tôi không lãnh chứng thì có thể chứng cao hơn”. Nên lãnh đạo cho người ta tu cũng phải bị chướng ngại sự tu của mình.

Hỏi: Tham thiền không được thì tham sân si thường nổi lên. Vậy Thầy có phương pháp nào để cho chúng con tham thiền dễ dàng?

Đáp: Mình suy nghĩ sanh tử làm sao giải quyết? Như thấy người ta chết thì trong tâm mình phải nóng. Tại sao? Vì sẽ đến phiên mình cũng phải chết. Vậy trước khi chết mình phải giải quyết cho xong, mới có tâm thống thiết sanh tử; bị vọng tưởng là do mình có cái ta.

Nói theo người thế gian là cho thân này chết còn có linh hồn, linh hồn thì không chết. Sự thật, Phật pháp không nhìn nhận linh hồn, nhưng bây giờ tạm mượn linh hồn để cho người ta dễ hiểu. Linh hồn là cái ta có bắt đầu không? không có lý nào bắt đầu được. Vì bắt đầu ở không gian từ chỗ nào? Bắt đầu ở thời gian từ lúc nào?

Nếu chỗ bắt đầu ở không gian thì phải có bắt đầu nữa! Còn chỗ thời gian cũng vậy, chỗ thời gian đó có chỗ bắt đầu nữa không? Nếu thời gian không thể bắt đầu thì linh hồn mình làm sao bắt đầu? Cho là bắt đầu được đi, vậy có thì thì có chung; có sanh phải có diệt, tức là không phải bắt sanh bắt diệt.

Cái bắt sanh bắt diệt đã là không có bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh, nên chúng quả là ngộ pháp vô sanh hay chứng vô sanh pháp nhãn. Vậy không có lý do thành lập cái ta này, tại sao mình lại thương tiếc chấp chặt vào nó?

Hỏi: Làm thế nào cho tham, sân, si giảm bớt?

Đáp: Tham, sân, si có là do có cái ta. Muốn thành lập cái ta còn không được thì tham, sân, si làm sao thành lập? Vì không có thân này tức là không có lục căn, làm sao có tham, sân, si? Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức”.

- Nói thì nói như vậy, nhưng đời còn biết ăn mà?

- Phải rồi, vì tâm chấp có cái ta này, nhưng từ căn bản không thành lập cái ta; rất khó không thành lập cái ta. Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh dùng 17 chữ “vô” để quét sạch, còn thêm 2 chữ “viễn ly” quét sạch tất cả dấu tích. Các chùa ít nhất mỗi ngày cũng tụng mấy lần, có tụng nhưng không chịu thực hành.

Hỏi: Mơ miện nói đến tâm thì có cái ta rồi phải không?

Đáp: Phải rồi, như người làm nghe điện thoại, nói trong điện thoại thì chữ “tôi” là nhiều nhất. Muốn phá cái tôi thì có một cách làm hạnh Bồ Tát là: Vì chúng sanh nên tôi ăn cơm, vì chúng sanh nên tôi uống nước, vì chúng sanh nên tôi mặc áo,... tập cho ý thức của mình ngày đêm đều vì chúng sanh, không vì cái ta.

Bây giờ, mình không phải vậy! Mỗi người có hoàn cảnh riêng, như gia đình con cái đều phải lo cũng là mình. Đem cái vì mình thay cho chúng sanh, vì có thân mình nên mới phục vụ cho chúng sanh, mình vừa phục vụ mà suy nghĩ không có vì mình, tất cả vì cho chúng sanh thì lâu ngày sẽ quên mình, lâu ngày cũng thành thói quen.

Sau đó thì ngã thô hết nhưng ngã vi tế vẫn còn, nên cái này bắt đắ dĩ vì muốn nói phương tiện của Giáo môn, chứ Thiền môn là không được. Thiền môn là chỉ giữ cái nghi tình.

Hỏi: Nếu cái nghiệp tham nổi lên thì mình quán tất cả đều là vô thường có được không?

Đáp: Đó là quán tưởng nhưng quán không được, mình phải tin tự tâm đầy đủ, cái gì cũng đã sẵn, tức là khỏi cần cái gì ở ngoài nữa. Cho nên, phải vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Vì muốn đắc thì cũng muốn đắc ở ngoài, có muốn cầu thì cũng cầu ở ngoài.

Tâm mình đã cùng khắp hư không thì đâu cần đắc cần cầu nữa! Không đắc không cầu thì không có sợ.

- Khi cơn giận nổi lên đừng dùng làm sao cho nó xuống được?

- Tập khí rất khó sửa, nên phải sửa dần dần; sau khi ngộ rồi còn phải dứt tập khí, như Lục Tổ đã ngộ triệt để rồi còn phải bảo nhậm dứt tập khí 15 năm.

Hỏi: - Lúc mình chưa nóng thì phải tập tâm đừng nóng, như nghĩ nóng là xấu. Nếu mình tin cái nóng là nhân cách hay giá trị của mình thì không thể bỏ nóng được.

- Ngồi nghĩ lại những lúc mình nổi nóng là lý do gì mình lại nổi nóng? Cứ nghĩ như vậy nhiều lần thì thế nào cũng tìm ra khuyết điểm nổi nóng. Mình tìm phương tiện nhỏ của Giáo môn để giúp cho mình tu, nếu nổi nóng hoài thì không tu được pháp môn nào cả.

Qua sự hiểu của con, xin Thầy khai thị?

Đáp: Phật pháp gồm có 4 thừa: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa.

Tiểu thừa nói những thứ đó là do lục căn, nên cuối cùng họ dứt lục căn.

Trung thừa cho là dứt lục căn chưa được, cũng còn nhất niệm vô minh, nên phải dứt nhất niệm vô minh. Vì lục căn thì đối với cảnh, gọi là duy vật. Nhất niệm thuộc về tâm gọi là duy tâm.

Đại thừa thì tâm và vật hợp một là không dứt lục căn và không dứt nhất niệm vô minh, mà lại lợi dụng lục căn và nhất niệm vô minh để phá vô thỉ vô minh.

Ngài Hư Vân nói: “Nước trong mà bỏ đất cát vào thì thành nước đục, nước không lay động thì thành nước trong; phương tiện trên là nước trong nhưng chưa triệt để, vì lay động thì trở thành nước đục. Muốn nước trong triệt để thì lấy đất cát bỏ ra, dù có lay động cách mấy cũng là nước trong”.

Như dùng thiền quán, dùng niệm Phật hay dùng niệm chú,... để cho vọng tưởng lắng xuống, nhưng chưa chấm dứt triệt để.

Hỏi: Có phải ngày xưa mình làm người ta chướng ngại, nên bây giờ người ta làm cho mình chướng ngại phải không?

Đáp: Phải rồi, tại mình làm cho người ta chướng ngại, nên bây giờ người ta làm cho mình chướng ngại.

- Mình đến bàn thờ Phật để lạy thì tánh nóng của mình cũng có thể hạ xuống, vậy có được không?

- Đó cũng là một phương tiện ở trong tất cả phương tiện, tức là mỗi người đều có phương tiện riêng cho mình. Như có người lấy khổ hạnh làm phương tiện.

Hỏi: Có phương pháp nào áp dụng cho cuộc sống hằng ngày được thoải mái hơn?

Đáp: Phương pháp triệt để nhất là nghi tình, nếu nghi tình luôn luôn miên mật thì mọi cảnh không thể xâm nhập được. Như thiền giới là khi giữ được nghi tình thì không thể nào phạm giới.

Hỏi: Ngài Nam Tuyền chém mèo có coi là lậu tận giới không?

Đáp: Người ta cứ dùng tập khí bộ óc lâu đời để suy nghĩ như vậy. Như Phật nói trong kinh Kim Cang: “Chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”, chúng sanh là giả danh, như Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lão tử diệt vô lão tử tận”, nếu không có sanh tử làm sao có việc chém chết?

Thiền Sư đưa cây phát trần lên hỏi: Cây phát trần với việc Nam Tuyên chém mèo có khác hay không khác? Rồi tự mình làm bài kệ, câu thứ 4 là: “Phát trần với chém mèo đâu có khác!”. Vì mình đuổi theo cảnh hay lời nói thì bị cảnh lời kéo.

- Có người nói: Lục Tổ ăn rau bên cạnh thịt thì tôi cũng ăn thịt được, vậy đâu cần phải ăn chay?

- Người ngộ đạo ở trong thế lưu bố tưởng nhưng không sanh ra trước tướng thì không có nhân quả, vì tâm không tạo. Người ngộ đã nhảy ra ngoài chiêm bao, không dính lúu chiêm bao. Tổ nói: “Tình sanh trí cách”, có người chưa kiến tánh nói “tôi không có nổi tình cảm gì hết, không có dính dáng đến tình cảm”, nhưng rồi cũng bị người kiến tánh chê.

“Không dính dáng đến tình cảm” thì vẫn còn ở trong nghĩa 3 câu của Bá Trượng nói, tức là còn có tri giải. Các vị tin pháp môn Tổ Sư thiền và tin tự tâm được 100%, tức là Phật tánh của mình và Phật tánh của Phật Thích Ca không có khác biệt chút nào cả. Như vậy thực hành rất dễ, rất đơn giản là giữ nghi tình thì tất cả tự động sẽ giải quyết xong.

Nhưng bây giờ các nhà sách bán nhiều sách thiền, cũng nói Tổ Sư thiền và giải thích nghĩa lý Tổ Sư thiền, giải thích công án thì lọt vào ý thức phân biệt, nên không bao giờ ngộ. Mục đích Tổ Sư thiền là muốn chấm dứt ý thức phân biệt, nên sát na lia ý thức liền kiến tánh. Còn bây giờ không lia ý thức, mà lại dùng ý thức để giải thích phân biệt để tìm hiểu đáp án. Cho nên, giải công án là sai lầm và nghịch với Tổ Sư thiền, vì vậy chư Tổ nói là phi báng Tổ, cũng là phi báng pháp.

Hỏi: Theo con thấy người Mỹ tu rất chính chắn hơn chúng con, qua thời gian họ làm ra tiền, họ không có trói buộc như người Việt Nam, nhưng không biết họ có phải tu theo Tổ Sư thiền không?

Đáp: Họ tu theo cách tìm hiểu, tức là dùng bộ óc đi tìm hiểu chân lý. Họ dám hy sinh để tu, nhưng họ kiến lập năng biết thì phải có sở biết. Như 4 bài kệ của Ngài Vĩnh Gia nói: “Biết tịch lặng còn không được và không có sở biết mà chỉ có năng biết cũng còn chưa phải”, còn cái biết của chân như không có kiến lập năng sở, vì nó vốn là vậy. Nếu có kiến lập thì không phải cái biết chân như.

Hỏi: Có người tham gia khóa thiền ở Tây Tạng, tu chỉ quán ở đó được 2 ngày rất gặt gao, người đó thấy điều gì đó rồi ở thêm suốt tuần tu rất khắc khổ chặt chẽ. Như vậy không biết họ tu như thế nào?

Đáp: Những người đó tu có thể phát thần thông, nhưng cuối cùng họ thành ngoại đạo. Vì Phật pháp không có kiến lập chân lý, còn những người đó thì muốn tìm hiểu chân lý để kiến lập, lầy chân lý để làm đối tượng.

Phật là giác ngộ, vì do có mê nên có ngộ; nếu đã ngộ rồi thì không có mê, không có mê thì không ngộ, như kinh Kim Cang nói: “Chiếc bè là để chở mình qua sông, đến bờ thì chiếc bè vô dụng”.

Hỏi: Những người tu vì thần thông thì họ thành ngoại đạo phải không?

Đáp: Phải rồi, vì họ tu không đúng theo đạo Phật; ngoài đạo Phật gọi là ngoại đạo, như người ngoại quốc không phải người trong nước. Họ tu được có thần thông và có tuổi thọ sống lâu có thể được mấy ngàn năm, nhưng không có thể giải thoát khổ sanh tử luân hồi. Vì họ dùng bộ óc để quán tưởng, mà không phá ngã chấp.

Tổ Sư thiền là ngưng hoạt động của bộ óc (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết), tất cả 3 cái biết đều dứt sạch rồi, cũng còn cái không biết (nghi tình), nghi tình cũng là

nhất niệm vô minh. Đến giờ phút cuối cùng nghi tình tan rã thì những sản phẩm của bộ óc đều sạch, cho nên Phật tánh tự hiện lên khắp không gian khắp thời gian, lúc đó là cái biết Phật tánh, không phải cái biết bộ óc. Còn họ tu là được cái biết bộ óc.

Hỏi: Vì ban đầu dùng câu thoại đầu như dùng cây gậy đi đường phải không?

Đáp: Phải rồi, vì nghi tình cũng là nhất niệm vô minh, rồi đến thoại đầu là vô thi vô minh, cũng là đầu sào trăm thước, còn gọi là nguồn gốc của ý thức, sát na lia nguồn gốc ý thức thì được kiến tánh. Những pháp môn khác pháp Tham Tổ Sư thiền là cao nhất chỉ đến vô thi vô minh, chứ không thể lia ý thức được. Vì không có ý để lia ý thức, mà cho vô thi vô minh là Niết Bàn.

Hỏi: Tại sao pháp Tham Tổ Sư thiền dễ tu mà người ta không chịu tu?

Đáp: Vì người ta khó tin, lại cứu lý tìm hiểu; Tổ Sư thiền là không cho cứu lý, không cho tìm hiểu. Nếu tin được thì dễ hơn các pháp môn khác. Nhưng nghịch với tư tưởng người ta, tức là không tin được tự tâm. Họ tưởng là biết nhiều chừng nào tốt chừng nấy, nhưng sự thật hiểu biết đó là chướng ngại, Phật pháp gọi là sở tri chướng.

Dẫu cho, hiểu biết của thế gian đã sạch, còn hiểu biết của xuất thế gian cũng là cực vi tế sở tri chướng. Bộ óc không hiểu gọi là phiền não chướng, hiểu rồi gọi là sở tri chướng. Cho nên, người ta khó lãnh hội được chỗ này. Vì cuộc sống hàng ngày đều phải dùng đến bộ óc, bây giờ bỏ hoạt động của bộ óc thì người ta không chịu.

Hỏi: Xã hội ngày nay khoa học tiến bộ, con người không được rảnh rang như người xưa, nên không dễ ý sự tu, nhất là tu Tổ Sư thiền rất khó, vậy có phải không?

Đáp: Vì hiểu theo người thế gian, như nhà triết học, nhà khoa học,... thì sự tu của họ lại khó. Vì cuộc sống hàng ngày đều phải dùng bộ óc để nghiên cứu triết học hay nghiên cứu khoa học, bất cứ nghiên cứu cái gì đều cũng nhờ bộ óc. Nếu bây giờ chấm dứt hoạt động của bộ óc thì người ta phản đối, họ cho “đồ khủng”. Phải rồi, vì theo tư tưởng thế gian là vậy.

Cho nên, thiền giải đáp công án ở Nhật Bản dễ truyền khắp thế giới. Hiện nay người Trung Quốc cũng đi học thiền giải công án, rồi về dạy cho người Hoa. Chùa Cao Môn là Tổ đình của Thiền Tông nhưng cũng lọt vào kiến giải. Ngày xưa Ngài Lai Quả không cho người ta giảng công án, khi tôi ở đó thấy đêm nào có vị Trưởng lão đều giảng công án.

Hỏi: Những pháp thiền của các tôn giáo khác là để ngưng hoạt động của bộ óc hay để im lặng, vậy có khác với cách tu của Tổ Sư thiền không?

Đáp: Các thiền của tôn giáo khác là mục đích bỏ nhiễm duyên lấy cái tịnh duyên cho là ngộ. Tịnh duyên đối với nhiễm duyên thì tốt, còn đối với bản thể Phật tánh là chướng ngại. Bởi vì đối với nhiễm nên mới nói tịnh thì còn nằm trong tương đối, tức là những thứ ấy có thể dùng bộ óc để giải thích được.

Tổ Sư thiền không thể giải thích, tại bộ óc không thể tiếp xúc được, phải ngộ mới biết. Ngộ biết không phải cái biết của bộ óc là cái biết của Phật tánh, gọi là Bát Nhã. Ngộ là Phật tánh hiện lên, chứ không phải có năng ngộ sở ngộ. Nếu có năng ngộ sở ngộ thì không được, vì còn có 4 tướng (ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng).

Hỏi: Thế nào là tứ cú và có từ đâu?

Đáp: Tứ cú ở trong kinh Lăng Già. Nếu bộ óc hiểu biết đều nằm trong tương đối, tương đối thì có tứ cú. Nguồn gốc của tứ cú là hữu và vô. Hữu (có) là cú thứ nhất, vô (không) là cú thứ nhì, chẳng có chẳng không là cú thứ ba, cũng có cũng không là cú thứ tư. Khi nói ra đều là tứ cú, nín cũng lọt vào tứ cú. Tại sao? Nói là cú thứ nhất, nín là cú thứ nhì, chẳng nói chẳng nín là cú thứ ba, cũng nói cũng nín là cú thứ tư.

Thoại đầu không lọt vào tứ cú. Tại sao? Vì Thoại đầu không có năng sở là do không biết, lọt vào tứ cú là do cái biết; biết có thì trụ nơi có, biết không thì trụ nơi không. Tổ Sư thiền là giữ nghi tình (không biết), không biết có làm sao trụ nơi có? Không biết không làm sao trụ nơi không? Cho nên, không lọt vào tứ cú, không có năng sở.

Dùng cái biết tu là Như Lai thiền dễ bị ngoại cảnh lôi kéo là do cái biết. Thấy cảnh tốt đẹp thì ham, thấy cảnh xấu thì chê. Tổ Sư thiền dùng cái không biết, nên tốt không biết tốt làm sao để ham thích? Xấu cũng không biết xấu làm sao chê? Thì mới lia được tứ cú, nhưng không có ý lia, nếu có ý lia thì có tương đối. Nhưng vẫn có phương tiện là còn một niệm không biết.

Cho nên, giờ phút cuối cùng một niệm không biết tan rã thì kiến tánh. Nếu cứ giữ một niệm không biết không bao giờ kiến tánh, tại đó cũng là nhất niệm vô minh. Phải đến vô thi vô minh rồi đập tan vô thi vô minh rồi mới được kiến tánh.

Mục đích muốn đến thoại đầu nên nói là tham thoại đầu hay khán thoại đầu, nhưng sự thật thì chưa đến. Có người tham thiền suốt đời cũng chưa đến thoại đầu, tới chừng đến thoại đầu là hy vọng kiến tánh, vừa đến là kiến tánh, có khi đến rồi cả tháng sau mới kiến tánh. Đến thoại đầu mới được kiến tánh, còn không đến thoại đầu thì không bao giờ được kiến tánh. Cho nên, từ đầu sào 100 thước bước thêm một bước, tức là lia khỏi ý thức được kiến tánh.

Hỏi: Có nhiều câu thoại đầu, vậy ý có khác nhau không?

Đáp: Tuy nhiều câu thoại đầu nhưng mục đích chỉ là kích thích một niệm không hiểu không biết của bộ óc, khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là cái gì? Vì chỗ không biết mà bộ óc tiếp xúc không được. Cho nên, dùng phương tiện hỏi và khán để giữ nghi tình chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết, 3 cái biết này hết thì đến thoại đầu. Đến thoại đầu mới hy vọng kiến tánh, có người vừa đến thoại đầu thì kiến tánh liền.

Ngày xưa, nhiều người bị đánh bạt tai kiến tánh, bị vấp té cũng kiến tánh, thấy con khỉ leo cây cũng kiến tánh, nghe người ta hát cũng kiến tánh. Vì cơ xảo của chư Tổ làm cho người tham học thành linh cắt ngang đường suối ý thức, sát na lia được ý thức thì kiến tánh. Nếu lia không được ý thức thì phát nghi, giữ cái nghi đó sau này sẽ được kiến tánh.

Hỏi: Sau khi kiến tánh, bộ óc còn hoạt động không?

Đáp: Sau khi kiến tánh, bộ óc vẫn hoạt động bình thường. Chưa kiến tánh thì bộ óc làm chủ hay làm bậy, kiến tánh là Phật tánh làm chủ, mà bộ óc làm nô lệ cho Phật tánh để làm việc và nó không còn làm bậy nữa.

Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn. Trong kinh Lăng Nghiêm mà Phật dùng chuyện trước mắt chứng tỏ những thứ ấy không mất, chứ không phải người chết rồi mất. Tại sao? Vì nó không có hình tướng số lượng nên không lay động. Cái nào có lay động thì biến đổi nên phải mất. Cái nào không lay động thì không biến đổi nên tồn tại vĩnh viễn.

Hỏi: Có phải mình thấy được là nhờ bộ óc không?

Đáp: Thấy được là nhờ bộ óc, Duy Thức gọi là đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao. Như con mắt thấy được, nhưng thấy được hiện tượng, không phân biệt được là hiện tượng gì? Phải có ý thức đồng thời nổi lên mới phân biệt.

Nhĩ thức nghe được âm thanh biết có tiếng, nhưng không biết tiếng gì? Tiếng chim, tiếng chó,... đều không biết, phải có ý thức đồng thời nổi lên mới biết tiếng này là tiếng chim, tiếng chó,... phân biệt rõ ràng. Nếu có ý thức mà không có nhĩ thức thì không nghe được tiếng, nên không lấy gì để phân biệt. Cho nên, phải 2 thức đồng thời gọi đồng thời ý thức biến hiện.

Ban đêm ngủ mê thấy chiêm bao là chỉ có một ý thức, gọi là độc đầu ý thức biến hiện nhắm mắt chiêm bao. Vì lúc ngủ mê thì nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức đều ngưng hoạt động. Ý thức không bao giờ ngưng hoạt động, người chết cũng không ngưng hoạt động.

Cho nên, ban đêm ý thức hoạt động biến hiện ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày ý thức hoạt động biến hiện ra mở mắt chiêm bao.

Hỏi: Nếu bộ óc chết rồi không nghe tiếng thì như thế nào?

Đáp: Bộ óc chết rồi thân này không nghe, nếu thân này chưa đi đầu thai phải có thân trung âm nghe, như có người chết đã ra khỏi xác, nhưng thấy cái xác của mình.

Hỏi: Thầy nói những thức nào khi thân chết vẫn còn vĩnh viễn?

Đáp: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức đều tồn tại vĩnh viễn, không phải các căn, tức là tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn không mất, cùng khắp không gian và thời gian, nên không có đi và ở. Nếu có đi đâu thì không phải cùng khắp, vì cùng khắp không gian nên gọi là Như Lai, tức không có khứ lai là đúng như bản lai. Phật ở trong kinh Lăng Nghiêm chứng tỏ và giải thích rõ.

- Thần thức đi đầu thai là sao?

- Thần thức đi đầu thai là chưa nhảy ra ngoài chiêm bao, từ chiêm bao này qua chiêm bao khác chưa thức tỉnh, phải kiến tánh rồi mới thức tỉnh. Còn chưa kiến tánh, tức thức thứ 7 cứ ôm cái A lại da thức cho là ta thì có chỗ ta rồi làm sao cùng khắp được? Nhưng bản thể cùng khắp, nên năng lượng của Phật tánh cùng khắp. Bây giờ máy vi tính có thể chứng tỏ cùng khắp, nhưng nhà khoa học không chịu tin. Tất cả chúng từ thiện, ác, vô ký đều ở trong A lại da thức mang theo.

Hỏi: Người tu ban đầu cũng phải giữ oai nghi từ cấp mà lên, rồi mới được tham thoại đầu, vậy có phải không?

Đáp: Tu từng cấp mà tiến lên là tiệm giáo, còn tham thoại đầu là đốn giáo. Ngài Nguyệt Khê nói: “Tiệm giáo như thang lầu từng bước mà lên, đốn giáo như đi thang máy”.

- Có phải đi thang máy nguy hiểm không?

- Sao có nguy hiểm! Nếu người đi thang lầu cũng có thể trật chân mà té rồi chết vậy. Còn đi thang máy nếu thành linh điện cúp thì cũng đâu có sao! Hay là hư thì tuột xuống cũng không làm chết người.

Hỏi: Chứng quả Đẳng Giác có khi nào trở lại làm chúng sanh không?

Đáp: Chứng Đẳng Giác không còn trở lại làm chúng sanh nữa. Chứng Sơ Địa cũng còn hơn quả A La Hán, quả A La Hán cũng không trở lại làm chúng sanh. Nếu đến chỗ vô thi vô minh mà không được cảnh giới này thì có thể kích thích nổi lên nhất niệm vô minh, rồi tuột xuống những cấp dưới.

Hỏi: Dù có tu theo tiệm giáo đều phải phá ngã chấp đúng không?

Đáp: Bất cứ tu pháp môn nào của chánh pháp Phật giáo đều phải phá ngã chấp, không phá ngã chấp thì không ra khỏi sanh tử luân hồi. Vì có tâm chấp nên có sanh tử, tức là ở trong thế lưu bố tướng sanh trước tướng gọi là điên đảo tướng. Bậc Thánh chỉ có thế lưu bố tướng, chẳng có trước tướng, nên không có điên đảo tướng thì không có phiền não. Như phàm phu nói con trâu, bậc Thánh cũng gọi là con trâu, mà không có trước tướng (chấp thật).

Nghĩa 3 câu của kinh Kim Cang: Câu thứ nhất là chúng sanh thì chấp chúng sanh có thật, câu thứ nhì phá câu thứ nhất là phi chúng sanh, câu thứ 3 là thị danh (giả danh), tức là câu thứ nhất là giả danh, câu thứ nhì là phi chúng sanh cũng giả danh, câu thứ 3 là thị danh cũng giả danh, 3 câu đều phá.

Giống như lia tứ cú và “sắc bất dị không, không bất dị sắc” của Tâm Kinh đều là một nghĩa. Tôi lần đầu tiên là ngộ nghĩa này. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều có ý nghĩa không khác.

Hỏi: Nói lia tứ cú hay lia 3 câu, như vậy là có ý niệm lia rồi phải không?

Đáp: Nói lia là không chấp thật thì mới lia, nếu chỉ nói lia thì lia không được. Vì chấp thật có cái để lia, còn không chấp thật thì không có cái gì để lia! Cũng như trống rỗng làm sao lia? Không có cái để lia, tại chấp có vô minh mới lia vô minh. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Không có vô minh, cũng không có hết vô minh” và nói lia sanh tử, nhưng vốn không có sanh tử, vì chấp thật nên mới có.

Tôi bây giờ cũng già, rồi sau này cũng chết. Phật đã nói: “Không có già chết”, vì mình chấp thật nên thấy có già chết. Vậy tất cả đều do bệnh chấp của mình mới có mà thôi. Còn nói là: “Tôi không chấp” thì đã chấp rồi, do có chấp nên nói không chấp. Nếu không chấp làm sao có không chấp!

Hỏi: Có không chấp là do có cái chấp, như vậy làm sao hết cái chấp?

Đáp: Tham thiền là giữ nghi tình sẽ đến thoại đầu, chấp và không chấp là tương đối lọt vào tứ cú đều bị quét sạch. Thoại đầu là không khởi một ý niệm nào, nếu chấp và không chấp thì khởi ý niệm, đều nghịch với tham thiền.

Hỏi: Cuộc sống này đều có hai mặt phải và trái có đúng không?

Đáp: Cuộc sống này đều có hai mặt phải và trái. Ngài Nguyệt Khê nói: “Tất cả đều có tương đối, đến chừng nhập vào tuyệt đối thì tất cả biến thành tuyệt đối”.

Hỏi: Thế nào là ăn ngũ tịnh nhục?

Đáp: Phật nói “tịnh nhục” là không thấy, không nghe, tức là không có nổi ý. Nhưng sự thật họ đã nổi ý muốn ăn, với hoàn cảnh ở Tây Tạng có nhiều sa mạc không trồng trọt được, tất cả dân lấy lương thực ăn hàng ngày là thịt bò và dê để sống. Tu sĩ phải nhờ cư sĩ cúng dường thì cũng cúng thịt đầu có thứ nào khác. Còn mình ở trong hoàn cảnh này có nhiều rau cải, gạo thóc thiếu gì! Làm sao cho là ăn tịnh nhục được?

Hỏi: Người Phật tử tại gia giữ 5 giới có quyền nuôi mèo không?

Đáp: Năm giới của Thanh Văn không cấm nuôi mèo, Bồ Tát tại gia thì cấm nuôi mèo. Nếu có nuôi mèo nên tập nó ăn chay, không bắt chuột.

- Nếu thọ giới Bồ Tát không ăn chay sẽ ra sao?

- Theo nhân quả ăn một cục thịt phải trả một cục thịt, giết một mạng phải đền một mạng. Ví dụ bệnh si đa mà ai cũng sợ, nhưng nếu chết chỉ chết một lần. Nếu mình một bữa cơm ăn vài chục con cá nhỏ, theo nhân quả mình phải đầu thai vài chục kiếp

cá để cho người ta ăn lại. Người bệnh si đa chết, chỉ chết một lần thì nhẹ hơn người ăn vài chục con cá, phải đầu thai nhiều lần.

Hỏi: *Những cảm giác vui, buồn, giận, ghét,... nguyên nhân từ đâu mà ra?*

Đáp: Tất cả nhân duyên đều từ cái ngã, cũng là do sanh tử. Cho nên, cũng nói sanh tử là việc lớn. Tại sao nói sanh tử là việc lớn? Vì bất cứ việc gì đều do sanh tử mới có việc đó, nếu không có sanh tử thì tất cả việc đều không có. Vậy Phật pháp là liễu thoát sanh tử, tức là ra khỏi sanh tử luân hồi mới là triệt để.

Để đối trị tham, sân, si, nên Ngài Lai Quả nói: “Giữ được nghi tình thì đối trị được tham, sân, si rồi”. Giữ được nghi tình thì giới, định, huệ đầy đủ, vì có huệ nên si không còn. Tại sao? Vì giữ được nghi tình thì không phạm giới, gọi là thiền giới. Giữ được nghi tình thì tâm không tán loạn nên được định. Giữ nghi tình được kéo dài thì trí Bát Nhã thay thế bộ óc làm việc.

Giới, định huệ là để đối trị tham, sân, si; thật ra không phải chỉ là giới, định, huệ thôi, mà tất cả đều bao gồm hết. Cho nên, giữ được nghi tình là giải quyết được tất cả.

Hỏi: *Thọ ngũ giới rồi còn đi bắt cá có phạm giới không?*

Đáp: Thì tự nhiên là phạm giới rồi, tại sao nói không phạm? Như gia đình cá đang bơi lội chơi vui vẻ, thỉnh linh bắt hết giết chết làm thịt ăn; việc đó rất tàn nhẫn sao nói là giữ giới? Không có thể nói là không phạm giới!

Theo giới Bồ Tát khi nổi niệm đi bắt là đã phạm giới rồi. Giết người là tội ba la di (cực ác), còn giết loài súc sanh thì bị tội cấp thứ tư, đều thuộc về tánh giới. Nếu không thọ giới mà phạm giới thì cũng bị tội nhân quả, còn thọ giới mà phạm giới thì phạm phá giới và tội nhân quả.

Hỏi: *Ăn thịt mà không nghe không thấy con vật bị giết có tội không?*

Đáp: Nếu họ ăn thịt mà không biết con vật bị giết, họ có thọ giới cũng bị tội nhân quả. Bởi vì, 4 thứ tánh giới đều có nhân quả, còn giá giới có tội phạm giới, không có tội nhân quả. Người có thọ giới mà phạm tánh giới phải bị 2 thứ tội phá giới và tội nhân quả, người không thọ giới thì phạm tội nhân quả.

Giới sát chúng sanh của cư sĩ đứng đầu trong 5 giới (sát, đạo, dâm, vọng, tửu). Tu sĩ là giới dâm đứng đầu, vì giới dâm khó giữ hơn giới sát.

Trang 5

Hỏi: *Trong giới luật từ Sa Di để thọ Tỳ Kheo, có quy định thời gian chặt chẽ không?*

Đáp: Trong giới luật không có quy định thời gian để thọ giới Tỳ Kheo, lúc tôi thọ giới ở nước Mã Lai gặp Trúc Ma làm Giới Thọ Sư cho một người vừa mới xuống tóc xuất gia thọ giới Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát. Nhưng những vị này phải học giới luật trong thời gian 53 ngày.

Sa Di Ni rồi thọ Thức Xoa Ma Na, Giới luật quy định giới này trải qua 2 năm (12 tháng một ngày là được), thời gian này sẽ biết người đó có thai hay không, nếu không có thai cho thọ giới Tỳ Kheo Ni. Vì họ có chồng xin đi xuất gia, nhưng không biết đã có thai, có con bị người ta phê bình, nên Phật chế thêm một cấp nữa.

Theo giới luật thì Tỳ Kheo được xuất gia 7 lần, còn Tỳ Kheo Ni chỉ được 1 lần xuất gia. Tỳ Kheo có 250 giới, có 4 giới cực ác; Tỳ Kheo Ni có 348 giới, có 8 giới cực ác.

Hỏi: Khi người Tỳ Kheo hoàn tục, nếu xuất gia lại thì làm Tỳ Kheo liền hay phải làm lại từ đầu?

Đáp: Khi Tỳ Kheo hoàn tục, nếu xuất gia lại thì phải làm lại từ đầu là trước thọ giới Sa Di rồi thọ Tỳ Kheo. Giới Thanh Văn gọi là tiệp giới, tức là từ cấp từ cấp lên. Bát Quan Trai và giới Bồ Tát gọi là đốn giới, chưa có quy y cũng có thể thọ giới Bồ Tát. Vì trước khi truyền giới phải quy y.

Những người thọ giới Tỳ Kheo mà hoàn tục, rồi xuất gia lại làm Tỳ Kheo liền thì những người này gọi là “tặc trụ”, nếu có Tăng đoàn sẽ đuổi ra không cho làm Tăng. Bởi vì họ phạm tặc trụ, tức là ăn cắp Tỳ Kheo.

Hỏi: Người phạm giới luật thì người nào để chỉnh đốn việc này?

Đáp: Ngày xưa có Tăng đoàn thì mỗi nửa tháng có kiểm thảo. Một người đại diện cho Tăng đoàn ra hỏi: “Nửa tháng nay trong chúng Tăng có ai phạm giới không? Có thì ra tự bạch với chúng rồi sám hối”. Nếu phạm giới mà tự mình giấu không ra bạch trước chúng Tăng, mà người khác biết không cử tội người đó, sau này có người phát giác thì 2 người trước cùng một tội.

Giáo hội bây giờ không phải Tăng đoàn ngày xưa. Tất cả chúng Tăng ở trong Tăng đoàn đều phải y theo giới luật là khai, giá, trì, phạm thì phải thông suốt mới phán đoán mọi người đúng sai. Như có người trong chúng Tăng ra bạch với chúng Tăng rằng: Bây giờ, có ai thấy tôi phạm giới không? Có ai nghe tôi phạm giới? Có ai nghi tôi phạm giới không?

Nếu cư sĩ thấy Tu Sĩ phạm giới thì được ra trước chúng Tăng để chứng tỏ. Đáng lẽ cư sĩ không được nói tội của Tu Sĩ, nhưng khi cư sĩ ra trước chúng Tăng để chứng tỏ thì không bị tội. Vì làm như vậy là giúp cho Tỳ Kheo ấy giữ giới có ích, chứ không có hại. Giới luật của Phật rất chặt chẽ, nhưng vì người đời sau không y theo giới luật thực hành.

Hỏi: Có phải tâm là bộ não không?

Đáp: Phải rồi, bộ não là ý thức (thức thứ 6), bây giờ nói tâm đều là bộ não. Tâm này thì sanh diệt, khi chết đem đốt biến thành tro, đem chôn biến thành đất. Người ta chỉ có tin tâm sanh diệt, vì thường ngày họ sống với nó. Chơn tâm là vô thị vô chung, khắp không gian không có khứ lai nên gọi là Như Lai, khắp thời gian không sanh diệt nên gọi là Niết Bàn.

- Có phải Chơn tâm là không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng không phải ở giữa không?

- Phải rồi, vì Chơn tâm khắp không gian thì sao ở trong bộ não được! Nếu ở trong bộ não là ở trong rồi, như vậy thì không cùng khắp.

Hỏi: Trong thời gian đã thiển thất, Ngài Lai Quả nói: “Ai phạm quy cũ thì bị đánh chết bỏ xuống dưới quăng đờn”. Như vậy việc đó có không?

Đáp: Trong thời kỳ đã thiển thất không có ai phải bị đánh chết, nhưng có bị đánh hương bãng. Quy định ngày thường người tham thiền muốn ra ngoài thiền đường để đi tiểu tiện bị đánh 6 cây hương bãng rồi cho ra cửa. Còn giờ đã thiển thất, người tham thiền xin ra ngoài để tiểu tiện hay có bệnh cũng không cho ra. Việc này để khích lệ người tham thiền tinh tấn dụng công phu.

Hỏi: Thế nào là nghi tình?

Đáp: Hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, mục đích mình muốn đến thoại đầu nên mới nói tham thoại đầu, nhưng sự thật cách thoại đầu còn rất xa. Hỏi cảm thấy không biết thì cái không biết đó cũng chưa phải là nghi tình. Phải nhìn chỗ không biết, tuy nói chỗ không biết nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi muốn biết mà biết không nổi.

Những người muốn có mục tiêu để nhìn, mặc dầu tìm có mục tiêu thì sai. Giữ chỗ muốn biết mà biết không nổi, nhưng chỗ đó không có gì. Cho nên, Ngài Long Thọ nói là: “Tâm như hư không vô sở hữu”, vì vô sở hữu là trống rỗng, nếu mình nhìn thấy có cái gì là có sở hữu rồi, chứ không phải vô sở hữu. Thật tế, vô sở hữu hiển bày cái dụng, tức là tất cả cái gì cũng đều ở trong cái vô sở hữu này. Nếu kiến lập sở hữu thì cái dụng bị chướng ngại.

Tâm pháp là biết, chính cái biết là chướng ngại, nên 4 bài kệ của Ngài Vĩnh gia dùng cái tay thí dụ cái biết chướng ngại. Như dùng cái tri để biết tịch lặng (tịch lặng là người có thiền định cao mới có sở tri tịch lặng), nhưng lấy tịch lặng làm sở tri thì không phải cái tri của Bát Nhã không có đối đãi, tức là không phải vô duyên tri.

Ví dụ cái tay cho tâm của mình, nếu tay cầm cây như ý không bằng tay không cầm cây như ý. Tay không cầm cây như ý là hoạt bát vạn năng muốn lấy cái gì cũng được, còn cái tay cầm cây như ý là có sở trụ thì bị mắc kẹt nên không lấy được cái gì. Tham thiền dùng nghi tình là cây chổi automatic quét cái biết của bộ não mới khôi phục cái hoạt bát vạn năng của bản tâm.

Không trụ sở biết ở ngoài, mà tự mình biết mình có cái biết (năng biết), không có sở biết để đối đãi, nhưng chẳng phải là vô duyên tri. Như tay không cầm đồ vật, lại tự làm nắm tay thì chẳng bằng tay không làm nắm tay. Đã kiến lập cái biết thì cái biết này làm chướng ngại, nên dụng hoạt bát vạn năng tự tánh không hiện ra.

Không biết tịch lặng và không tự có cái biết, chẳng phải không biết, vì cái biết của tự tánh rõ ràng khắp không gian khắp thời gian, Giáo môn gọi là chánh biến tri, nên không giống như gỗ đá chẳng biết gì.

Như tay không cầm như ý và không tự làm nắm tay, chẳng phải không có tay, vì tay vẫn bình yên đầu mắt! Chỉ là tay không trụ vật ở ngoài và không tự trụ. Vậy đâu đồng như sừng hổ, vì sừng hổ chỉ có tên, mà hổ không có sừng. Cái tay có hình tướng mà người ta dễ hiểu, nên ngài Vĩnh Gia dùng cái tay để thí dụ cái biết thức thứ 6 (tâm).

Hỏi: Phương pháp để giác ngộ?

Đáp: Tất cả kiến lập thì không đúng, muốn giác ngộ phải hiểu cái này. Cái nghi tình là tâm pháp, không có cái gì cho mình làm mục tiêu để hiểu. Ngài Vĩnh Gia dùng phương tiện cái tay để làm mục tiêu thí dụ, tức là dùng cái hình tướng để thí dụ cái không hình tướng cho người ta dễ hiểu. Cho nên, không kiến lập cái tri.

- Hỏi câu thoại rồi trả lời là như thế nào?

- Hỏi câu thoại là khởi lên niệm không biết, rồi nhìn chỗ không biết, nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, không có mục tiêu để nhìn, cho nên nhìn mãi vẫn còn không biết thì vẫn còn không biết gọi là nghi tình, chứ hỏi không biết chẳng phải nghi tình.

- Chỗ không biết là do cái tri của mình không biết chứ?

- Chỗ này là đường đi của ý thức (thức thứ 6), mặt biết là lối tu của Như Lai thiền, mặt không biết là lối tu của Tổ Sư thiền. Mặt biết và không biết đều là nhất niệm vô minh, tất cả ở trong tương đối. Cho nên, cuối cùng phải lìa mặt không biết mới được kiến tánh.

Dùng mặt không biết để quét sạch mặt biết (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết), sau cùng còn nghi tình thắc mắc liên tục sẽ đến thoái đầu. Thoại đầu là còn dính lú ý thức, tuy cảnh giới này thanh thanh tịnh tịnh không có gì. Từ thoái đầu tiến thêm một bước thì lìa ý thức, sát na lìa ý thức gọi là kiến tánh.

Nếu chưa lìa ý thức mà giữ nghi tình cũng gọi là nhất niệm vô minh. Đến thoái đầu cũng gọi là hang ổ vô thi vô minh. Muốn dùng phương tiện thì chỉ giải thích được đến đây, mình phải có công phu kinh nghiệm mới được.

Hỏi: Dùng nghi tình để cho tâm vắng lặng, theo con nghĩ không phải Tổ Sư thiền đâu? Có rất nhiều phương pháp để làm tâm vắng lặng, chứ không phải dùng nghi tình để làm cho tâm vắng lặng. Như vậy có đúng không?

Đáp: Nghi tình là tự động làm tâm vắng lặng, nhưng mục đích không phải vậy!

Hỏi: Phương pháp của Tào Sơn như thế nào?

Đáp: Tào Sơn là đệ tử của Động Sơn, hai người hợp lại thành tông Tào Động. Cơ xảo của tông Tào Động mà người ta nói như người nông phu ôn hòa, tông Lâm Tế như tướng quân đánh hét. Có người hỏi vị kiến tánh (không phải tông phái Tào Động): Thế nào gia phong tông phái Tào Động?

Vị kiến tánh trả lời: Thì phải hỏi con cháu Tào Động.

Hỏi: Đạo Nguyên nói với Thầy là Nghĩa Tịnh: “Con nay buông xả được thân tâm”, hai thầy trò đối đáp nhau, cuối cùng Nghĩa Tịnh ấn chứng cho Đạo Nguyên được kiến tánh. Vậy như thế nào?

Đáp: Đại Huệ làm cho những người đó được kiến tánh triệt để, nhưng trước chưa gặp Đại Huệ, chính những người đó tự cho mình đã kiến tánh, rồi ra hồng pháp cũng được nhiều người ấn chứng. Ban đầu những người đó không phục Đại Huệ, sau này mới phục nên được kiến tánh.

Đại Huệ ngộ đến mấy lần, cách ngộ rất khó khăn. Viên Ngộ ấn chứng cho Đại Huệ và nói: “Ông ngộ đến mức này cũng hiếm có, nhưng chưa rốt ráo”. Ngài phải qua mấy lần rồi mới ngộ triệt để. Khi chưa qua những giai đoạn đó, cũng có nhiều Thiền sư ấn chứng Ngài đã kiến tánh, nhưng Ngài cũng còn có cái nghi.

Ngài nghĩ: “Nếu gặp Thiền sư Viên Ngộ ấn chứng mình kiến tánh giống như các Thiền sư kia thì sẽ về viết bài: “Vô Thiền Luận”.

Viên Ngộ nói với Đại Huệ rằng: Ông nói cũng được, làm bài tụng cũng được, nhưng ông còn thiếu một tiếng ồ!

Lúc ấy, Đại Huệ mới theo Viên Ngộ, như ban đầu nghe: “Gió mát từ phương nam” cho là ngộ, rồi gặp Viên Ngộ ấn chứng Ngài được ngộ, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo.

Ngài phải qua mấy lần ngộ cực khổ, Viên Ngộ nói: Khi vô phòng của tôi thì được, nhưng ra thì không được; lúc ông ngồi giải đáp cho người ta được, nhưng đứng dậy thì không được.

Tại sao? Vì Ngài ngộ chưa triệt để. Lúc Ngài ngộ triệt để rồi, Ngài nói: Nếu có thật ngộ cũng không được lấy sở ngộ của mình để dạy người. Ngộ rồi phải rõ đại pháp mới có sức đại cơ đại dụng để khiến cho người khác ngộ, còn lấy sở ngộ của mình để dạy người là thiên âm nước chết.

Hỏi: Lấy cảnh giới làm sở chứng cho Tổ Sư thiền có phải không?

Đáp: Thấy cảnh giới là vọng, không phải Tổ Sư thiền. Vì cuối cùng là vô tu vô chứng, nếu có sở đắc là không phải. Chứng ngộ là bản tâm của mình hiện lên, không

có sự bắt đầu, nên gọi là vô thủy cũng là nghĩa vô sanh. Nếu có bắt đầu thì phải có cuối cùng, có sanh thì phải có diệt.

Dùng sự hiểu biết của mình để nghiên cứu lý sanh khởi bất cứ cái gì đều không được. Cho nên, Phật nói trắng ra là: “Không có sự bắt đầu”, nếu có bắt đầu thì có kiến lập. Nhà khoa học biết vật chất và năng lượng bất diệt (không hết) thì tự nhiên không sanh, không có bắt đầu.

Nhưng nhà khoa học tìm sự bắt đầu vũ trụ và sanh mạng. tự nghịch lại sự hiểu biết của mình. Vì vậy, họ ra sức tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng thì không bao giờ được. Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh hay là chứng vô sanh pháp nhân.

Hỏi: Bây giờ, khoa học phối thai vô tính làm ra con người hay con vật, việc này như thế nào?

Đáp: Nhân đầu tiên cơ nhân là vô thủy, họ không thể sáng tạo được, mà dựa theo cơ nhân sửa đổi. Họ chỉ sửa được cái hiện tượng, hiện tượng thì không phải bản thể. Bản thể là vô thủy vô sanh thì không có ai tạo ra được cả! Hiện tượng là sanh diệt, còn bản thể thì không sanh diệt.

Nếu hỏi Phật Thích Ca: Bản thể là cái gì? Phật Thích Ca cũng không thể trả lời được. Khi kiến tánh thì tất cả kiến thức của thế gian đều dẹp hết, cái biết Phật tánh hiện lên, không phải là cái biết của bộ óc. Nếu dùng cái biết bộ óc để nghiên cứu tìm hiểu là sản phẩm của bộ óc thì cũng nằm trong tương đối.

Hỏi: Khi ngộ rồi, những tập khí làm sao sạch được hết?

Đáp: Những người ngộ rồi bảo nhậm dần dần dứt trừ tập khí, như Lục Tổ đã ngộ triệt để, nhưng phải trải qua 15 năm để dứt trừ tập khí, rồi mới có tư cách hoằng pháp, chứ đâu phải ngộ rồi là xong! Nếu chưa ngộ phải dùng nghi tình để chấm dứt tập khí. Tập khí là mình ham thích cái này cái kia, nghi tình là không biết nên sự ham thích tốt xấu cũng không biết. Vì vậy không nổi lên niệm ham muốn. Dùng nghi tình để chấm dứt tập khí dần dần, đó chỉ là tạm dẹp; nếu bị kích thích thì cũng khởi niệm lên nữa. Cho nên, đến thoại đầu tiến lên lìa khỏi ý thức thì được ngộ.

Hỏi: Ở trong gia đình, con thấy tu rất khó. Sư Phụ có cách nào để dễ tu không?

Đáp: Khó dễ là do tâm mình, nếu mình quyết tử giữ được nghi tình, tức là không có sức mạnh nào mà chặn ngang nghi tình của mình. Ví như tảng đá lớn từ trên núi cao lăn xuống không cái gì mà ngăn cản nó được. Có vị Thiền Sư nói: “Tham thiền có sức lực như thế! Nếu 7 ngày không ngộ thì tôi sẽ bị địa ngục cắt lưỡi”.

Có vị Phật Đăng Thuần quyết tử là 49 ngày sẽ kiến tánh, ông không đứng không ngồi không nằm, mà cứ đi hoài trong nhà, đi tới lúc 2 chân sưng, mệt quá mới dựa vách tường ngủ hồi nào không hay, đến chùng thức dậy tự trách mình và đánh mình, đem tất cả đồ ra ngoài nhà và đi không gần vách tường, cuối cùng 49 ngày kiến tánh.

Bây giờ, không có ai làm được như vậy! Nếu có thông thiết sanh tử mới làm được, còn không làm được rồi cho là khó thì tự nhiên phải khó.

Hỏi: Thấy những cảnh giới cho là đã chứng ngộ phải không?

Đáp: Những cảnh giới trong kinh Lăng Nghiêm nói còn cao hơn những cảnh giới của các vị đã nói, những cảnh giới ấy là tà ma ngoại đạo. Nếu tu Tổ Sư thiền thấy những cảnh giới đều là vọng, còn người tu Tịnh Độ thấy những cảnh giới lành cho là tốt.

Hỏi: Thế nào thực hành tham Tổ Sư thiền?

Đáp: Tham Tổ Sư thiền là tham công án hay tham thoại đầu. Tham là hỏi câu thoại, vì mục đích muốn đến thoại đầu, sự thật thì chưa đến. Thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói, tức là chưa khởi niệm muốn nói lời nói này, mới gọi là thoại đầu. Nếu khởi niệm muốn nói, tuy chưa nói ra miệng cũng gọi là thoại vi (đuôi).

Nhưng mình muốn nói hay muốn hỏi thì đã khởi niệm rồi, cho nên không phải thoại đầu, nhưng mục đích muốn đến thoại đầu, mới gọi là tham thoại đầu hay khán thoại đầu. Đến thoại đầu thì 24/24 giờ ngày đêm không khởi niệm nào. Giáo môn gọi thoại đầu là vô thi vô minh, căn bản vô minh, chỗ đó không có gì hết vô tri vô giác. Nếu mình dùng ý thức đi đến chỗ đó là đường đi cuối cùng.

Đường đi ý thức có 2 mặt, dùng mặt biết để tu gọi là Như Lai thiền hay là Giáo môn, dùng mặt không biết (nghi tình) để tu gọi là Tổ Sư thiền hay là Tông môn. Giáo môn thì có giáo lý tu từ cấp lên, còn Thiền tông không cần học giáo lý, không có cấp bậc, từ địa vị phàm phu có thể ngộ đến Đẳng Giác.

Dùng cái biết để tu dễ bị ngoại cảnh lôi kéo, thấy cái nào vừa ý thì thích, thấy cái nào không vừa ý thì chê. Dùng nghi tình thì cảnh tốt cũng không biết, xấu cũng không biết, tốt không biết thì không thích, xấu không biết thì không chê. Cho nên, gọi là pháp thiền trực tiếp, mà lại đơn giản, không học giáo lý. Tuy không học giáo lý nhưng không trái giáo lý.

Cách thực hành tham Tổ Sư thiền là hỏi và nhìn, hỏi là hỏi câu thoại đầu, nhìn là khán thoại đầu. Như hỏi câu thoại: “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Hỏi câu thoại là kích thích niệm không hiểu không biết, rồi nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là cái gì? Nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, nên không có mục tiêu để nhìn, nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết, cái vẫn còn không biết đó Thiền tông gọi là nghi tình.

Mặc dầu, nhìn không thấy gì nhưng vẫn nhìn, hỏi và nhìn đi song song không có cái nào trước sau thì lâu ngày sẽ đưa mình đến thoại đầu.

Nhưng chỗ thoại đầu là nguồn gốc của ý thức, chưa lia được ý thức, Thiền tông gọi là đầu sào 100 thước, từ đầu sào 100 thước tiến lên một bước là lia khỏi ý thức, sát na lia ý thức thì kiến tánh. Trước kia những việc chưa giải quyết, kiến tánh triệt để giải quyết hết tất cả.

Bây giờ là ở trong chiêm bao, ban đêm ngủ là nhắm mắt chiêm bao, mình đang nói chuyện với nhau là mở mắt chiêm bao. Đến chừng lia ý thức là ra khỏi chiêm bao. Ở trong chiêm bao làm thiện làm ác đều có nhân quả, lúc kiến tánh triệt để là ra khỏi chiêm bao, mà không trở lại chiêm bao, nên những nghiệp nhân nghiệp quả trong chiêm bao đều sạch hết.

Kiến tánh có 3 loại (phá Sơ Quan, phá Trùng Quan, phá Mạt Hậu Lao Quan), nhưng những người có căn cơ cao khỏi cần phải qua Sơ Quan, Trùng Quan mà thẳng tới Mạt Hậu Lao Quan. Còn người căn cơ kém thì phá từng Quan. Có người phá Sơ Quan rồi sau phá Trùng Quan và phá luôn Mạt Hậu Lao Quan. Có người phá Sơ Quan, Trùng Quan rồi sau mới phá Mạt Hậu Lao Quan.

Cho nên, Sơ Quan, Trùng Quan, Mạt Hậu Lao Quan không phải là giai cấp. Nếu là giai cấp thì phải từ cấp mà tiến lên như giáo môn là 52 cấp (Thập Tín là 10 cấp, Thập trụ là 10 cấp, Thập Hạnh là 10 cấp, Thập Hồi Hương là 10 cấp, Thập Địa là 10 cấp và Đẳng giác, Diệu Giác, tổng cộng là 52 cấp). Người tham Tổ Sư thiền nếu ngộ là Đẳng Giác. Tất cả pháp môn tu cuối cùng gặp nhau ở Đẳng Giác, từ Đẳng Giác tiến lên Diệu Giác là quả Phật.

Tham Tổ Sư thiên rất giản dị, chỉ cần hỏi và nhìn; nhưng không phải hỏi trước nhìn sau, hỏi và nhìn đi song song, hai cái không gián đoạn. Có người nói “tôi nhìn không được, vì nhìn không thấy gì”, nhìn không được tức đã nhìn được rồi, tại nhìn được mới không thấy gì, nếu có thấy gì thì không đúng; vì chỗ không biết nên không thấy gì, gọi là vô thị vô minh. Chỉ lia khỏi ý thức là ngộ, cái biết đó không phải cái biết của bộ óc, là cái biết của Phật tánh.

Giáo môn gọi cái biết Phật tánh là chánh biến tri. Chánh là đúng với thật tế, còn cái biết của bộ óc không đúng với thật tế; biến là phổ biến khắp không gian, khắp thời gian; tri là biết, tức là cái biết Phật tánh khắp không gian khắp thời gian, nghĩa là không có chỗ nào không biết và không có lúc nào không biết.

Như cái biết của bộ óc nếu về thời gian, ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết, tức là có lúc không biết. Còn cái biết của Phật tánh thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc vẫn biết, chết rồi vẫn biết, tức là lúc nào cũng biết. Cái biết của bộ óc có lúc biết, có lúc không biết, có chỗ biết, có chỗ không biết. Còn cái biết Phật tánh thì chỗ nào cũng biết, lúc nào cũng biết.

Hỏi: *Thế nào là chữ KHÔNG của nhà Phật?*

Đáp: Không là trống rỗng, trống rỗng là không có gì hết; Tổ 14 Thiên Tông là Long Thọ Bồ Tát làm bộ Đại Trí Độ Luận nói: “Tâm như hư không vô sở hữu”, vì tánh con người thì muốn có sở hữu, như tiền, nhà cửa, tài sản,... đều muốn sở hữu của tôi. Luôn hư không cũng kiến lập hư không, cho nên có người hỏi Ngài Long Thọ: Tại sao Ngài nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật? Sao không nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật?

Ngài Long Thọ nói: Hư không vô sở hữu là không có hư không thì lấy cái gì quảng đại vô biên? Nói quảng đại vô biên là kiến lập hư không rồi! Nhưng thật tế hư không trống rỗng mới dung nạp tất cả, như mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa, núi sông, bất cứ cái gì đều ở trong này. Tất cả dùng đều phải nhờ hư không vô sở hữu mới dùng được, như tôi đang nói và các vị đang nghe, nếu không có hư không vô sở hữu thì quý vị làm sao nghe được? Chúng ta nhìn nhau được cũng phải nhờ hư không vô sở hữu. Nếu không có hư không vô sở hữu thì tôi làm sao nhìn được?

Cuộc sống hàng ngày của mình, như ăn cơm, mặc áo, nói năng, tiếp khách,... đều phải nhờ hư không vô sở hữu mới làm được. Mình ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết! Lại đi đoán mò nói không là cái gì... là Chơn không diệu hữu,... đó là dùng ý thức để đoán mò, tức là muốn kiến lập cái sở hữu. Nhưng sự thật nó là vô sở hữu, cái vô sở hữu là cái tâm mình.

Ngài Long Thọ lấy hư không vô sở hữu để dụ cho tâm mình. Cho nên kinh thường nói là tâm như hư không dung nạp tất cả. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả duy tâm tạo” hay nói vạn pháp duy tâm. Nhà khoa học cũng chứng tỏ năng lượng của tâm, nhưng không tin cái tâm, họ lại nói là từ trường. Kỳ thật, từ trường cũng là tâm tạo, vì cũng ở trong tâm.

Không là trống rỗng là tâm của mọi người, kinh Lăng Nghiêm nói “thân này và vật khác, chỉ là một vật ở trong tâm”. Nhưng ý thức có ngã chấp, chấp cái thân này cứ lo thân này. Ngài Lai Quả làm bài Cứu Tâm rằng: “Vì lo thân mà tạo nhiều tội lỗi, khi thân chết thì Diêm La Vương buộc tội tâm, chứ không buộc tội thân, nhưng làm tội thì thân làm”. Nên mình phải biết, đừng có làm oan cho tâm!

Hỏi: *Nếu tin tâm mình thì không có nhân quả phải không?*

Đáp: Chơn tâm không có tương đối, nhưng bây giờ mình dùng vọng tâm, tức là dùng thức phân biệt thì có tương đối, nên có nhân quả. Nhưng nhân quả đó đều ở trong chiêm bao. Nếu mình không chịu ra ngoài chiêm bao thì phải chịu nhân quả. Như tạo nghiệp heo thì phải đầu thai heo, tạo nghiệp bò thì phải đầu thai bò. Khi nào mình ra ngoài chiêm bao thì không nhân quả. Vì lúc đó hoàn toàn là Phật tánh không có tương đối, còn nhân quả thì có tương đối.

Nếu dùng bộ óc làm sao không có nhân quả? Đã nói chiêm bao thì cần làm cái gì nữa? Nhưng phải cần, vì mình còn ở nhà chiêm bao, ăn cơm chiêm bao, mặc áo chiêm bao phải chịu nhân quả chiêm bao. Phá Sơ Quan, phá Trùng Quan cũng còn ở trong chiêm bao, phá được Mạt Hậu Lao Quan thì không còn chiêm bao.

Hỏi: Từ trước đến giờ, trừ Phật Thích Ca ra, có ai ra khỏi chiêm bao chưa?

Đáp: Có rất nhiều.

- Như Thầy nói người kiến tánh không cần ăn uống phải không?

- Người kiến tánh đâu phải không cần ăn uống! Vì còn thân này cũng phải ở nhà chiêm bao, mặc áo chiêm bao. Khi nào bỏ thân mới khỏi ăn uống. Thân này gọi là xác thân, chứ không phải pháp thân, pháp thân thì khỏi ăn uống. Khi đã kiến tánh tuy xác thân có sanh tử, nhưng sanh tử tự do là muốn đi thì đi, muốn ở thì ở. Có câu chuyện sanh tử tự do:

Có Thiền Sư một mình ở trên núi, tiếng tăm truyền tới kinh thành, vua nghe sanh lòng hâm mộ, sai một đại thần lên núi, mời Thiền Sư đến kinh thành hỏi đạo thì Ngài từ chối không đi. Lần thứ nhì Ngài cũng từ chối, lần thứ ba vua giận sai vị đại thần đi mời và nói: “Nếu kỳ này mời Thiền Sư không đi thì lấy cái đầu đem về cho ta, còn không thì cái đầu của ông thay thế”.

Đại thần nói với Thiền Sư: Tôi không dám lấy đầu của Ngài, nếu tôi không mời được Ngài, có về kinh thành thì cái đầu của tôi cũng mất, vậy xin Ngài thương tôi mà đi kinh thành một chuyến, vì vua mộ đạo mới mời mà!

Thiền Sư nói: Đi thì đi, bây giờ ông đi trước còn tôi sau.

Đại thần nói: Cùng đi một lượt, dọc đường tôi săn sóc.

Thiền Sư nói: Được.

Nói xong, Thiền Sư mới hỏi tất cả môn đồ: Bây giờ tôi muốn đi, các vị có ai theo tôi đi không?

Có một Tăng ra nói: Con muốn theo thầy đi.

Thiền Sư hỏi: Một ngày đi bao nhiêu dặm?

Tăng nói: 50 dặm.

Thiền Sư nói: Không được.

Tăng khác nói: Con muốn theo thầy đi.

Thiền Sư hỏi: Một ngày đi bao nhiêu dặm?

Tăng nói: 70 dặm.

Thiền Sư nói: Không được.

Tăng khác nói: Con muốn theo thầy đi.

Thiền Sư hỏi: Một ngày đi bao nhiêu dặm?

Tăng nói: 90 dặm.

Thiền Sư nói: Không được.

Người này hỏi không được, người kia hỏi cũng không được. Cuối cùng thị giả hỏi: Con muốn theo thầy đi.

Thiền Sư hỏi: Một ngày đi bao nhiêu dặm?

Thị giả đáp: Không biết, Thầy đến đâu thì con đến đó.

Thiền Sư nói: Được.

Lúc đó Thiền Sư ngồi trên ghế thị tịch và thị giả đứng bên cạnh cũng thị tịch (chết), ông đại thần thấy vậy kính phục, nói “oai quyền của vua dùng cho thường dân thì được, còn đối với Thiền Sư thì không”. Vì Thiền Sư kiến tánh được sanh tử tự do.

- Có vị Thiền Sư khác nói các đệ tử rằng: Tôi vô hòm, các vị đập nắp lại rồi đem đi thiêu.

Các đệ tử thấy vậy không dám nghe theo, cái hòm để đó hai ba ngày, các đệ tử giờ nắp ra coi thì Thiền Sư ngồi dậy nói: Các vị theo tôi lâu năm mà không tin tôi! Rồi Ngài làm tiệc gọi là “tiệc trai ngu si”. Khi ăn xong, Ngài nói: “Tôi vào hòm đập nắp lại, cứ đem đi thiêu, nếu ai mở nắp hòm ra không phải đệ tử của tôi”.

- Lục Tổ nói với đồ chúng: “Tôi sẽ ra đi” thì các đệ tử khóc ra nước mắt, chỉ có Thân Hội còn nhỏ không khóc. Lục Tổ quở các đệ tử khóc: “Các vị còn lo cho tôi gì nữa! Nếu tôi không biết chỗ đi, làm sao tôi biết để báo cho các vị biết? Các vị khóc là không phải đệ tử của tôi”.

Tất cả các vị kiến tánh triệt để được sanh tử tự do, kinh Lăng Nghiêm nói thân này là một vật trong tâm và các vật khác cũng vậy. Vì trọng thân thì cái gì cũng lo cho thân; kiến tánh là tâm hiện lên, chứ không do thân. Thân và vật khác đều sanh diệt thì đâu có tồn tại! Vì chấp thân này nên Phật pháp mới phá ngã chấp.

Như Bát Nhã Tâm Kinh phá ngũ uẩn, phá lục căn, phá lục trần, phá lục thức. Tất cả Phật pháp là trị bệnh chấp của chúng sanh, chứ không có pháp gì gọi là Phật pháp. Nếu giảng theo ý của Phật thì người ta khó tin. Có bức thư của Thiền Sư người Mỹ gửi cho tôi, trong đó nói: “Tôi hoảng dương Tổ Sư thiền cho người Mỹ, nhưng họ không lãnh hội được, lại cho Tôi là người khùng”.

Hỏi: Khi tham thiền làm sao mình biết tiến bộ đến đâu?

Đáp: Tham thiền có nghi tình ngày đêm 24/24 giờ thì đến thoại đầu, đến thoại đầu là sắp kiến tánh. Bây giờ bắt đầu tham Tổ Sư thiền, công phu đầu tiên của mình trong một ngày đêm chỉ có 1 phút nghi tình, nếu mỗi ngày mình tiến thêm 1 phút nghi tình thì một tháng tiến được 30 phút nghi tình, một năm tiến được 6 giờ nghi tình, 4 năm được đến thoại đầu rồi sẽ kiến tánh.

Nếu tham thiền có nghi tình một ngày tiến được ½ phút nghi tình thì 8 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh. Nếu tham thiền có nghi tình một ngày tiến được ¼ phút nghi tình thì 16 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh. Nghi tình tiến càng ít thì thời gian đến thoại đầu càng lâu, nghi tình liên tiếp thì không biết và biết hoàn toàn quét sạch.

Hỏi: Trong lúc ngồi thiền thấy một cảnh giới, thời gian sau thấy cảnh giới hiện tại như cảnh giới lúc ngồi thiền. Vậy hiện tượng đó là như thế nào?

Đáp: Hiện tượng đó trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Không phải tà ma thì cũng phải ngoại đạo”. Nếu chấp hiện tượng đó thì lọt vào tà ma, nếu không chấp hiện tượng đó là cảnh giới tốt.

Hỏi: Thế nào là chơn tâm và vọng tâm?

Đáp: Vọng tâm là ý thức của bộ óc, chơn tâm là bản thể Phật tánh, cũng gọi là chơn như. Chơn tâm thì không có hình thể số lượng, kiến tánh thì chơn tâm hiện lên, bây giờ thì bị vọng tâm che khuất.

Thí dụ vọng tâm là tướng bệnh của thân xanh, vàng, ốm, yếu. Chơn tâm là tướng mạnh của thân hồng hào. Lúc hiện tướng bệnh xanh, vàng, ốm, yếu thì tướng mạnh hồng hào không hiện ra. Vì tướng bệnh xanh, vàng, ốm, yếu che khuất. Nhưng cũng là thân này, không phải thân khác. Khi trị khỏi bệnh thì xanh, vàng, ốm, yếu cũng hết, nên tướng mạnh hồng hào thân này hiện lên, không phải thân khác.

Hỏi: “Suy nghĩ đến chỗ không thể suy nghĩ được, để tâm lắng vào một chỗ, tất cả tư tưởng hay tiếng động đi qua không đuổi theo nó”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Không có một chỗ nào cả! Nếu có một chỗ thì có sở trụ, tức là có năng chiếu có sở chiếu. Tổ Sư thiền không có năng sở, không có chỗ, không có mục tiêu để nhìn, vì những người ấy không có thực hành.

- Tại sao họ tu đều thấy cảnh giới?

- Vì họ tu là có sở trụ nên họ hay thấy cảnh giới. Lục Tổ lấy vô trụ làm gốc. Kinh Duy Ma Cật nói: “Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Bây giờ có sở trụ cho là thiền của Tào Động thì phi báng Tổ, phi báng pháp. Nên Ngài Đại Huệ nói: “Ngàn Phật ra đời không cho sám hối”, vì dạy như thế là hại nhiều người.

Hỏi: Mặc chiếu là nhìn lại tâm của mình, chứ không có chỗ để chiếu. Vậy như thế nào?

Đáp: Câu thoại mà tôi đề ra là: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?” Nếu chấp có cái tâm là trụ nơi tâm. Lục Tổ nói: “Trụ tâm khán tịnh là không phải thiền”, vì họ còn chấp thật. Tất cả đều không có tự tánh, kinh Lăng Nghiêm nói: “Phàm có lời nói đều chẳng nghĩa thật”. Nếu có pháp thật để thuyết thì sao kinh Kim Cang nói: “Không có pháp để thuyết mới thật là thuyết pháp”? Luôn cả Vô Thượng Bồ Đề cũng quết.

Bài kệ chữ “tri” của Ngài Vĩnh Gia, lấy tịch lặng làm sở tri, chỗ này theo người ta tu cho là cao còn không được. Biết mình có năng tri mà không có sở tri vẫn không được. Chơn tâm không hình tướng số lượng làm sao để cho người ta hiểu, nên lấy cái tay để ví dụ. Như tay cầm như ý thì mất hết tác dụng của tay, cái tay tự làm nắm tay cũng mất hết tác dụng của tay.

Nếu không biết tịch lặng và không biết mình có cái biết, không phải không biết, vì cái biết rõ ràng, không đồng như gỗ đá. Như tay không cầm đồ vật ở ngoài, cũng không tự làm nắm tay, không phải là không tay, vì tay vẫn an nhiên, không giống như sừng thỏ.

Hỏi: Có cái sở để nhìn lại cái biết, vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: “Tự biết mình có cái biết” là không có tương đối còn không được, huống là có cái sở để biết! Đã có tương đối rõ ràng rồi. Như tay tự làm nắm tay thì mất tác dụng của tay. Họ chưa đến “Tự biết mình có cái biết”, còn phải nhờ phản chiếu mới biết cái tri (biết). Tự tri không nhờ phản chiếu, đã cao hơn nhiều, nhưng lại bị che.

Hỏi: Tánh là gì?

Đáp: Tánh là tâm mình, ai cũng biết là tâm nhưng mọi người đều không biết tâm là cái gì? Tất cả Phật pháp là nói cái tâm, Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa đều hiển bày cái tâm. Bây giờ biết nói tâm, nhưng tâm là cái gì thật không biết. Đến khi ngộ triệt để là bản tâm hiện lên khắp không gian, khắp thời gian. Chữ “Phật” là nghĩa giác ngộ, không phải có một vị thần linh.

Mỗi người đều có tiền ngũ thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức). Nhãn thức biết về sắc tướng, nhĩ thức biết về âm thanh, tỷ thức biết về thom thúi, thiệt thức biết về mùi vị ngọt đắng, thân thức biết về nóng lạnh. Năm thức này cuộc sống hằng ngày mình đang dùng. Ý thức là suy nghĩ biết buồn, vui, yêu, ghét,... tham thiền cũng phải nhờ ý thức.

Tại sao gọi là nhắm mắt chiêm bao? Duy Thức gọi là độc đầu ý thức biến hiện, như ban đêm mình ngủ mê trên giường thì 5 thức trước ngưng hoạt động, chỉ có một mình ý thức hoạt động biến hiện thân chiêm bao, rồi biến hiện thế giới chiêm bao; thân chiêm bao tiếp xúc cái tách có thật cái tách, tiếp xúc cái bàn có thật chất cái bàn, tiếp xúc nóng biết nóng, tiếp xúc lạnh biết lạnh, thân chiêm bao cũng biết buồn, biết vui, bị người ta đánh cũng biết đau.

Giả sử, trong chiêm bao có thiện tri thức thuyết pháp rất hay, nói với người chiêm bao rằng cái này không thật, luôn cả cái thân ông cũng không thật, thân chiêm bao không tin nổi. Ông nói thân tôi không thật mà tại sao tôi biết buồn biết vui? Làm sao mà tin được! Vì lúc đó đang chiêm bao thấy cái gì cũng thật, nhưng lúc thức tỉnh mới chứng tỏ những việc trong chiêm bao không có.

Tại sao gọi là mở mắt chiêm bao? Như bây giờ tôi đang nói và các vị đang nghe là mở mắt chiêm bao. Duy thức gọi mở mắt chiêm bao là đồng thời ý thức biến hiện, đồng thời là 2 cái thức đồng thời biến hiện, nhắm mắt chiêm bao chỉ có một thức biến hiện.

Như nhãn thức phân biệt sắc tướng, thấy được vật nhưng phải có ý thức đồng thời nổi lên; nhĩ thức nghe tiếng cũng phải có ý thức đồng thời nổi lên. Nếu có nhĩ thức chỉ nghe được âm thanh, nhưng không biết tiếng gì, phải có ý thức nổi lên mới biết tiếng già tiếng trẻ,... mới phân biệt rõ ràng. Nếu chỉ có ý thức mà không có nhĩ thức thì không nghe được tiếng, làm sao phân biệt? Cho nên, phải 2 thức đồng thời nổi lên mới phân biệt rõ ràng.

Mỗi người chỉ có một cái tâm, nhưng có 8 thức không phải 8 người. Một cái thức cũng là tâm tạo, hai cái thức cùng biến hiện cũng là tâm tạo. Cho nên, Phật nói: “Nhất thiết duy tâm tạo”, tức là tất cả đều do tâm biến hiện ra. Nếu do tâm tạo thì không phải thật, sự thật thì tâm không thể tạo được, bỗng lai là vậy.

Phật dạy tham thiền là hiện bỗng lai, chứ không phải dùng cái tâm tạo, cuộc sống hàng ngày đều do tâm tạo, là do ý thức phân biệt sai lầm mình cho là thật, nhưng sự thật không phải vậy. Cái thật là bỗng lai như vậy, tức là không có ai tạo. Tâm tạo thì không phải thật nên gọi là chiêm bao. Tham thiền là muốn mở mắt chiêm bao thức tỉnh, gọi là kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Tại sao tham thiền hay chán không muốn tham?

Đáp: Những người tham thiền thấy chán là căn cơ người ấy thấp kém, họ không phải vì giải quyết sanh tử, họ chỉ vì hứng thú mà tham thiền. Nếu vì giải quyết sanh tử, sanh tử chưa giải quyết thì phải tiếp tục tham. Những người chán là không có ý giải quyết sanh tử. Cho nên, họ chán thì phải ngưng nghỉ tham thiền.

Hỏi: Bộ não đã quen tìm hiểu, tham thiền không cho tìm hiểu, chỉ cho thức mắc, như vậy không tập trung tham được có đúng không?

Đáp: Tham thiền không cần tập trung, khỏi cần cố gắng, chỉ là miên mật kéo dài nghỉ tình ngày đêm 24/24 giờ là đến thoại đầu. Nếu giữ nghỉ tình tăng thêm mỗi ngày 1 phút thì 4 năm được kiến tánh. Đây chỉ mượn không biết đề tu là tham Tổ Sư thiền.

Tham thiền khởi nghỉ tình là đường đi của ý thức đến thoại đầu, đến thoại đầu là cùng đường đi ý thức, nhưng còn dính líu với ý thức, chỗ này còn gọi là đầu sào 100 thước, tiến thêm một bước thì sát na lia ý thức được kiến tánh.

Nghỉ tình chấm dứt tìm hiểu biết, chấm dứt suy nghĩ biết, chấm dứt ghi nhớ biết thì đến thoại đầu sẽ được kiến tánh, tức là bản tâm hiện lên. Nếu hiểu biết là sản phẩm của bộ óc, hằng ngày mình theo thói quen dùng bộ não tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ.

Như thân mạnh khỏe thì hồng hào, thân đau bệnh thì xanh vàng ốm yếu. Nếu thân bệnh xanh vàng ốm yếu thì tìm tướng mạnh hồng hào không ra, khi trị khỏi thân bệnh xanh vàng ốm yếu thì tướng mạnh hồng hào hiện ra. Tại sao? Vì 2 tướng ấy cùng chung một thân. Ví dụ tướng bệnh là cái biết và không biết của bộ não, tướng mạnh là bản tâm hay Phật tánh.

Hỏi: Con ngồi thiền thì vọng tưởng hết, nhưng khi đứng dậy thì vọng tưởng trở lại. Vậy phải làm sao công phu được đúng?

Đáp: Cách tu đó không phải Tổ Sư thiền, Tham thiền không cho suy nghĩ, không được cái gì cả! Cách tu của cô là lúc ngồi thiền mới có công phu, hết ngồi thiền thì cũng theo đó mà hết công phu. Tham thiền đến lúc ngộ thì vĩnh viễn không bao giờ trở lại cái khổ sanh tử.

Tại sao? Nếu muôn ngàn kiếp sau mà khổ còn trở lại thì ngộ chẳng có giá trị gì! Tham thiền không cần phải nhất định phải ngồi, đi đứng nằm ngồi đều tham thiền được. Như Lục Tổ dạy: “Đạo do tâm ngộ, chẳng phải do ngồi” và Ngài nói tiếp: “Ngồi lâu trói thân, có ích lợi gì!”.

Hỏi: Ngồi hay đi thì vọng tưởng làm sao bỏ?

Đáp: Không được có ý bỏ, nếu giữ nghỉ tình thì vọng tưởng tự động hết. Khởi tâm niệm muốn bỏ là tâm vọng, tức là 2 lớp vọng. Dùng nghỉ tình (không biết) thì không biết vọng. Tại biết nên mới biết đó là vọng, không biết làm sao vọng được?

Dùng cái biết đề tu thì bị ngoại cảnh lôi kéo là do cái biết, vì biết cái đó tốt thì ham thích, biết cái đó xấu thì chê ghét. Còn dùng cái không biết thì tốt cũng không biết, xấu cũng không biết; không biết tốt thì không ham thích, không biết xấu thì không chê ghét. Cho nên tâm mới yên tịnh.

Hỏi: Bát Nhã Tâm Kinh có đoạn: “Vô trí diệt vô đắc dĩ vô sở đắc” và “tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa, cổ đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề”. Vậy 2 đoạn đó như thế nào?

Đáp: “Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu kính Niết Bàn” của Bát Nhã Tâm Kinh. Theo tôi giảng cứu kính Niết Bàn cũng phải xa lia, nếu chấp cứu kính Niết Bàn thì điên đảo mộng tưởng. Luôn cứu kính Niết Bàn đã xa lia mới có tư cách đắc vô thượng Bồ Đề.

Vô sở đắc gọi là đắc, vì có đắc thì đối với thất (mất), không có đắc thì không có thất. Tại không có tương đối, nhưng muốn thuyết cho phàm phu hiểu, nên phải dùng thế lưu bố tưởng để nói. Nếu không nói thì sao phàm phu hiểu được? Cho nên phải nói đắc, đắc nơi vô đắc.

Hỏi: Tại sao nổi lên một niệm lại đầy lên núi Thiết vi?

Đáp: Đó là thí dụ nổi lên một niệm thì bị đầy lên núi thiết vi, còn không nổi một niệm nào là thoải đầu. Bậc Thánh nổi niệm lên chỉ thể lưu bố tượng, chứ không có trước tượng. Tham thiền là không dùng 2 chữ “cho là” hay “cho rằng”, có cho là, cho rằng là cái biết của bộ óc, tức là đã có cái lý cho là vậy mới đúng hay không đúng. Đó là tương đối thì lọt vào biên kiến, là một trong năm thứ ác kiến.

Pháp Sư thuyết pháp lọt vào biên kiến không biết, họ nghĩ là giải theo kinh. Nếu giải theo kinh thì làm oan 3 đời chư Phật, tức ý của Phật không phải vậy mà tự mình cho là vậy, nghĩa là đem ý mình thay thế ý Phật. Ý của Phật không có ý gì hết! gọi là vô trụ, nên Lục Tổ nói “vô trụ làm gốc”, kinh Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”, lập tất cả pháp là dụng của tâm; vô trụ mới có cái dụng, còn có sở trụ thì không có cái dụng.

Bây giờ, ở ngoài dạy đủ thứ thiền, ngoại đạo thiền, tà ma thiền; trong kinh Lăng Nghiêm nói 50 thứ ma ngũ âm đều là thiền, mà hiện thân thông rất là quái lạ. Những người tu có thân thông chút đỉnh, nếu so với tà ma thì còn thua kém rất nhiều, họ không đủ tư cách làm tà ma, nhưng họ lại ham thân thông.

Hỏi: Con trâu qua song cửa sổ, đầu mình và bốn chân qua được, tại sao cái đuôi qua không được?

Đáp: Đây là công án để tham, tự mình hỏi: “con trâu qua song cửa, đầu mình và bốn chân qua được, tại sao cái đuôi qua không được?” thì không hiểu nên phải phát nghi, giữ nghi này kéo dài sau này được ngộ. Nghi là nhân, ngộ là quả, không nghi thì không ngộ, tiểu nghi thì tiểu ngộ, đại nghi thì đại ngộ. Cái tại sao là để cho mình phát nghi, vừa hỏi vừa nhìn chỗ không biết tại sao, tức hỏi và nhìn song song. Khi nào ngộ mới biết tại sao, bây giờ thì không biết được.

Hỏi: Có 84.000 pháp môn, nhưng sao Thầy chỉ có dạy 2 pháp môn là Như Lai thiền và Tổ Sư thiền?

Đáp: Như Lai thiền gồm có Tiểu thừa thiền, Trung thừa thiền, Đại thừa thiền. Đại thừa thiền của Trung Quốc có 4 phái: Tông Thiên Thai có Chỉ Quán thiền, tông Hiền Thủ có Pháp Giới Quán thiền, tông Duy Thức có Duy Thức Quán thiền, tông Tam Luận có Tánh Không Quán thiền. Mỗi tông phái đều có thiền riêng biệt của tông phái đó, nhưng không gọi là Thiền tông, chỉ có Tổ Sư thiền mới gọi là Thiền tông.

Vì mấy thiền kia còn có giáo lý để học, theo hiểu biết giáo lý để tu từ cấp mà tiến lên. Tổ Sư thiền chỉ chuyên thực hành, không có giáo lý, không có giai cấp, từ địa vị phàm phu ngộ tới Đẳng Giác. Ngoài Tổ Sư thiền và Như Lai thiền ra, còn có các thiền khác rất nhiều. Cho nên gọi là 84.000 pháp môn.

Tỳ Kheo Bàn Đạc Ca không có trí nhớ, Phật hỏi Bàn Đạc Ca: Bình thường ông làm gì?

Bàn Đạc Ca đáp: Quét nhà.

Phật hỏi: biết cây chổi không?

Bàn Đạc Ca đáp: Biết.

Phật bảo: Vậy cứ niệm cây chổi đi!

Rồi ông niệm cây chổi cũng được chứng quả, nên gọi ông là Tỳ Kheo cây chổi.

Trong Yếu Chỉ Pháp Hoa tôi quy nạp 84.000 pháp môn lại có 4 loại: Tham thiền là Tổ Sư thiền, niệm Phật là Tịnh Độ, trì chú là Mật tông, Giáo môn là Như Lai thiền.

Hỏi: Pháp thiên rất nhiều, biết thế nào là tà thiên và chánh thiên?

Đáp: Phá chấp thật là chánh, chấp thật là tà; chấp ngã là tà, phá chấp ngã là chánh. Tiểu thừa phá ngã chấp mới chúng quả được và Đại thừa cũng vậy.

Các vị có danh tiếng, nhưng có ngã chấp, họ thuyết pháp chấp thật thì lọt vào tà, vì không hiểu được kinh Đại thừa liễu nghĩa. Kinh Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật, nên rất dễ phân biệt. Ngoại đạo không phá ngã chấp, họ tu đến mức cao cũng bị luân hồi sanh tử.

Hỏi: Giả sử mình bệnh, nếu tâm mình không chấp thật, tức là cho các bệnh là giả không chữa bệnh thì có được không?

Đáp: Nếu mình cho là giả thì cũng chấp thật giả. Càn Thơ ở Việt Nam chỉ có một ông phát minh vẽ cảnh in trên vải, vì vậy làm giàu rất dễ. Thời gian sau ông bị bệnh lao, thân người ốm không còn trí nhớ. Chính không còn trí nhớ, ông hết bệnh lao và thân hình mập.

Kháng thể của thân mình có thể tự trị bệnh, nhưng y học truyền thống phá hư sức đề kháng, làm cho sức đề kháng tiêu mòn không đủ sức đề kháng nên bệnh mới xâm nhập. Người ta gọi bệnh này là bệnh văn minh. Tham thiền dùng nghi tinh chấm dứt tất cả biết thì bệnh thân tâm sẽ hết.

Hỏi: Quy y Phật, Pháp, Tăng là như thế nào?

Đáp: Quy y Phật là quy y tự tánh Tam bảo, tức là trong tâm sẵn có. Cho nên, kinh nói tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng, chứ không phải quy y Phật ngoài, Pháp ngoài. Pháp Bảo Đàn có giải thích, cái nào cũng thật tề không có đoán mò.

Quy y Phật mà còn quy y tà ma ngoại đạo thì phá quy y Phật, tức là không giữ giới quy y Phật. Quy y Pháp mà còn xem kinh điển ngoại đạo có những tư tưởng ngoại đạo thì phá quy y Pháp, quy y Tăng cũng vậy, Tăng là hòa hợp chúng. Cho nên, kinh nói là tự quy y, chứ không phải quy y bên ngoài.

Hỏi: Nếu quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới mà không giữ được thì sao?

Đáp: Nếu quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới mà giữ không được thì phạm giới, nên phải xả giới. Người cư sĩ thọ ngũ giới muốn xả giới chỉ nói với một người ngũ giới là: “Bây giờ tôi không giữ được ngũ giới, chứng minh cho tôi để xả giới”, nói như vậy là được. Sám hối cũng nói với người đồng giới hay cao hơn rằng: “Tôi đã phạm giới, nay chứng minh cho tôi được sám hối”. Đó là sám diệt tội phá giới, qua sự sám hối thì tội phá giới hết.

Hỏi: Có người truyền tam quy ngũ giới cho người, rồi cho người đó thuộc đệ tử của mình, vậy có đúng không?

Đáp: Việc đó là tăng cường ngã chấp, người thầy đó là đại diện cho Tam Bảo để truyền tam quy ngũ giới cho người ấy, chứ đâu phải là đệ tử riêng của ai! Bây giờ quy y là quy y thường trụ Tam Bảo, vì thường trụ Tam Bảo thấy được, tức là dùng tượng Phật để tiêu biểu cho Phật bảo, dùng kinh Phật để thay thế cho Pháp bảo, hiện tiền Tăng Ni đại diện cho Tăng bảo.

Tại sao muốn quy y Tam Bảo? Là muốn đạt đến giác ngộ giải thoát tất cả khổ, thì nhờ Phật bảo, vì chữ “Phật” là giác ngộ. Đến chỗ giác ngộ phải có phương pháp, phương pháp đó gọi là Pháp bảo, cũng như tu Tổ Sư thiên là một Pháp bảo do Phật dạy. Tăng Ni thay mặt cho Phật bảo dùng Pháp bảo dạy chúng sanh để ngộ tự tánh Tam Bảo.

Hỏi: Chúng con tham thiền, nếu có người đồng tham lâm chung thì chúng con phải làm sao?

Đáp: Nếu vậy thì tự lại tham thiền, tùy duyên đừng làm chướng ngại sự tu là được.

Hỏi: Nếu những vùng không có Ni để xuống tóc cho người nữ muốn xuất gia, mà chỉ có Tăng thì việc ấy làm thế nào?

Đáp: Tánh giới không được vi phạm, giá giới là tùy theo phong tục địa phương có thể sửa đổi, chứ không phải giới luật chết. Như Tu Sĩ ở Ấn Độ làm ruộng thì phạm giới, Tu Sĩ ở Trung Quốc làm ruộng là giữ giới. Ở Ấn Độ, Tu Sĩ quen đi khát thực, nếu làm ruộng thì Phật tử không chịu, Tu Sĩ ở Trung Quốc đi khát thực, Phật tử chê là con sâu ăn gạo.

Tánh giới cũng có giới khai giá trì phạm, cũng tùy theo trường hợp, không phải như những giới điều chết của các tôn giáo khác, còn giới của nhà Phật thì có linh động. Nếu giữ y giới luật gọi là chấp thì không nên mặc áo ăn cơm.

Hỏi: Ai là người đầu tiên khởi xướng Tổ Sư thiền?

Đáp: Hiện kiếp là do Phật Thích Ca khởi xướng, nhưng vô lượng Phật đã khởi xướng trước. Nói khởi xướng thì cũng không phải. Tại sao? Vì là vô thi, nên không có cái nào khởi xướng được. Không những Tổ Sư thiền không có khởi xướng, mà tất cả vũ trụ vạn vật đều không có khởi xướng, chúng sanh không thể khởi xướng, thế giới không thể khởi xướng, không có cái gì khởi xướng. Cho nên, mới gọi là vô thi, vô sanh.

- Pháp thoại đầu có Tổ Sư nào sáng lập ra phải không?

- Thoại đầu còn gọi là vô thi vô minh, vô thi là không có bắt đầu sao còn nói bắt đầu được? Cho nên, Phật nói trắng ra là vô thi, vô sanh. Người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Tất cả đều ở chính giữa, mà không có bắt đầu và không có cuối cùng.

Pháp thoại đầu cũng có thể bắt đầu từ Lục Tổ, Lục Tổ hỏi Hoài Nhượng: Vật gì đến như thế?

Hoài Nhượng sau 8 năm mới ngộ và trả lời với Lục Tổ rằng: Nói là một vật thì chẳng đúng.

Thời gian 8 năm Hoài Nhượng đã tham “vật gì đến như thế?” Mặc dầu, cơ xảo cũng là thoại đầu, công án của Phật Thích Ca cũng là thoại đầu.

Hỏi: Có phải tham thiền khi đi dễ hơn ngồi, nếu vậy chỉ có lúc đi mới tham được thì lúc ngồi làm thế nào?

Đáp: Ngài Lai Quả nói “Động thì không động đến công phu, tịnh cũng không tịnh tới công phu”, tức là không bị động tịnh chi phối làm ảnh hưởng đến công phu. Bất cứ động tịnh đều phải có công phu, cũng có nhiều người lúc tịnh tham không được, lúc chạy xe máy lại tham được, nhưng phần nhiều thích tịnh hơn động. Thích tịnh, thích động đều không được.

Nếu buồn ngủ thì mở mắt to, mở mắt mà còn buồn ngủ thì đi rửa mặt hay đi kinh hành, tìm việc làm.

- Theo con thấy tham thiền là sự hoạt động chứ không phải tịnh phải không?

- Phải rồi, Lục Tổ nói: “Tất cả chẳng có tịnh”, bây giờ cơ thể mình đang động, cái bàn cũng đang động, trái bôm này cũng đang động, không có vật nào mà tịnh cả! Mà động thì phải biến đổi, nên mặt mũi mình biến đổi lúc nào mình cũng chẳng biết; tướng là

nó như vậy, nhưng sự thật nó biến đổi từng sát na. Chỉ có Phật tánh không động không biến, nên mới tồn tại vĩnh viễn.

Hỏi: Con không giữ được nghi tình nên đổi câu thoại khác được không?

Đáp: Không được, không giữ được nghi tình thì tạm niệm câu thoại cũng được. Bởi vì, cái không biết của câu thoại là nghi tình, chứ không phải ngoài không biết có nghi tình. Nghi tình là không biết, tức là không biết của ý thức. Tại thói quen hàng ngày của mình dùng cái biết để đối phó, như chư Tổ nói cái biết của ý thức như con khi nhảy qua nhảy lại trên cây, nên phải dùng nghi tình buộc nó.

Hỏi: Trước khi khởi nghi tình thì mình có cái tịnh phải không?

Đáp: Không phải, Lục Tổ đã nói không có tịnh. Mặc kệ cho đầu óc tán loạn, cứ giữ nghi tình. Lúc đang giữ nghi tình thì đầu óc cũng hoạt động vậy! Tức là có một niệm không biết. Nếu dùng một niệm biết thì dễ bị ngoại cảnh lôi kéo. Như thấy đẹp thì thích, thấy xấu lại chê. Còn dùng niệm không biết, thấy đẹp không biết làm sao thích? Dùng niệm không biết, thấy xấu không biết làm sao chê? Cho nên, gọi là pháp thiền trực tiếp, dễ tu hơn các pháp thiền khác, nhưng lại khó tin.

Hỏi: Tập tu có nghi tình thì khó, nhưng nghi tình được rồi làm sao bỏ?

Đáp: Cần giữ nghi tình, không thể bỏ được, khỏi cần bỏ, đến lúc kiến tánh là nghi tình vỡ, tức là chỉ phá một cái thì tất cả đều phá, tất cả vũ trụ vạn vật cái nào cũng đều biết rõ. Nếu có một chút không biết là còn nghi. Nghi tình vỡ gọi là đốn đoạn nghi căn, nghĩa là gốc nghi được chấm dứt.

Bây giờ bộ óc nhận biết được đều không đúng thật tế, nên Phật Thích Ca dạy chấm dứt tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ của bộ óc để cho Phật tánh hiện lên. Nhưng thói quen của mình lâu đời khó chấm dứt được, vì thế phải có phương tiện đó, gọi là tham thoại đầu hay tham công án.

Phật nói: “Tất cả đều do tâm tạo”, mà khoa học hiện nay chứng tỏ được. Như có cuốn phim dùng để chụp hình toàn diện, chụp rồi không thấy hình gì hết, cũng như chụp bình hoa nhưng không thấy bình hoa, khi qua quang tuyến thì hiện lên bình hoa, cái ấy không kỳ lạ. Tấm phim này cắt thành 2 tấm có 2 bình hoa, cắt thành 4 tấm có 4 bình hoa, cắt làm 8 tấm có 8 bình hoa, tức là mỗi miếng đều có bình hoa.

Vì khắp không gian nên không có vị trí, bản thể tâm khắp không gian thì tất cả do tâm tạo cũng khắp không gian. Máy computer sử dụng mau lẹ trên khắp thế giới là do bản tâm mình đã vậy. Cho nên, chứng tỏ vạn pháp duy tâm rõ ràng.

Hỏi: Khi tập tham thiền mà đầu óc tán loạn thì nghi tình nổi lên, không biết mình thật sự có nghi tình không?

Đáp: Mới tập thì vọng tưởng và nghi tình xen lộn với nhau, vọng tưởng mạnh hơn nghi tình, thì không thấy nghi tình mà thấy vọng tưởng; đến một lúc sau vọng tưởng bớt, hôn trầm nổi lên; qua khỏi giai đoạn hôn trầm mới thấy nghi tình, có nghi tình là không biết nhưng tự động làm việc được.

Hỏi: Có phải tham thiền giống như niệm Phật rõ ràng?

Đáp: Tham thiền khác hơn niệm Phật rõ ràng, cái này là không biết, mà Thiền tông hình dung như thùng sơn đen, đen tối không cần rõ ràng, chỉ cần miên mật, tức là nghi tình được kéo dài. Rõ ràng tức là biết, cái này không biết, thành ra không có rõ ràng. Nếu câu hỏi nhanh thì cái nhìn cũng nhanh, nhìn với hỏi phải đi song song không có

trước sau. Những hiện tượng cảm thấy nhanh không cần biết tới, chỉ cần giữ nghi
tình, một thời gian quen thì những cảm giác lặn xuống.

Hỏi: *Có thể đổi câu thoại đầu được không?*

Đáp: Có thể đổi câu thoại đầu được, nhưng cứ đổi luôn làm cho câu thoại đầu không
được quen thuộc, nên không thể tự động khởi lên, quen rồi mới tự động. Như tập xe
máy, ban đầu 2 tay vịn cũng ngã, tập một thời gian thì 2 tay vịn không ngã, tập một
thời gian nữa thì buông tay không ngã, tập một thời gian nữa thì quẹo không cần tay.
Nếu người ta tập thêm nữa, một bánh cũng chạy được.

Hỏi: *Câu thoại đầu quen thuộc, còn hỏi câu thoại đầu nữa không?*

Đáp: Lúc câu thoại đầu quen thuộc mà không hỏi câu thoại thì không được, hỏi câu
thoại chừng nào đến thoại đầu thì câu thoại tự mất. Bây giờ chưa đến thoại đầu nên cứ
hỏi và nhìn liên tục. Khi đến thoại đầu, có muốn nổi vọng tưởng lên cũng không nổi
lên được, tức là sắp kiến tánh. Chưa đến thoại đầu thì câu thoại không được bỏ.

Trang 6

**Hỏi: *Hỏi câu thoại cần phải chú ý mới có nghi tình, hỏi câu thoại không chú ý
không có nghi tình. Vậy phải không?***

Đáp: Tham thiền không cần tập trung tinh thần và không cần cố gắng. Bây giờ tôi hỏi
cô: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là gì? Biết không?

– Không biết.

“Không biết” là đúng rồi, làm sao không có nghi tình? Không biết là có nghi tình thì
cứ thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư đều không biết. Nếu biết cứ thứ nhất thì biết cứ
thứ nhì, cứ thứ ba, cứ thứ tư với biết tất cả. Nếu có cái sợ cũng là biết, nên phải vô sở
đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, cứ giữ nghi tình miên mật thì tất cả cái gì đều không biết.

Hỏi: *Khi hỏi câu thoại mà trả lời không biết thì có đúng không?*

Đáp: Trả lời “không biết” là tôi dạy như vậy để cho các vị biết, chứ đâu cần phải trả
lời! Vừa hỏi vừa nhìn, tức là ý thức có thắc mắc không biết làm cho mình khó
chịu. Nếu có biết là nghịch với nghi tình, nghi tình không thể hình dung được.

Dạy cho biết nghi tình thì tôi mới nói là không biết. Tôi không nói làm sao người ta
hiểu nghi tình là gì? Nhưng cái không biết này khác hơn không biết của người ngủ
mê, không biết của người chết giấc, không biết của người bệnh tâm thần.

Có thắc mắc không biết khó chịu là đúng, mà muốn tìm thì không được, vì có nghi
tình là chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Nếu có đi tìm là ý thức hoạt
động muốn biết, tuy ý thức hoạt động nhưng chỉ hoạt động mặt không biết. Mặt biết là
tu Như Lai thiên, mặt không biết là tu Tổ Sư thiên.

Hỏi: *Mặt không biết này có phải xác định là không biết chăng?*

Đáp: Biết xác định hay biết không xác định thì không có cái nào xác định được! Bây
giờ mình cứ dùng thói quen từ lâu đời để nghiên cứu tìm hiểu là sai lầm. Tham thiền
là giữ không hiểu không biết, không phải để nghiên cứu tìm hiểu như là khoa học hay
triết học.

Hỏi: *Thế nào là Tổ Sư thiên?*

Đáp: Tổ Sư thiên là do Phật Thích Ca truyền Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, rồi từ Tổ từ Tổ
truyền xuống, truyền đến ngày nay, gọi là Tổ Sư thiên. Mặc dầu, Phật Thích Ca
truyền nhưng không phải đầu tiên, Phật tự nói là “vô thi”, và còn nói: “Pháp của tôi

thuyết là pháp bản trụ”. Tuy lời nói của chư Tổ có khác, nhưng ý của các Ngài không khác, vì pháp bản trụ vốn bản lai như vậy. Cho nên, gọi là Như Lai đúng như bản lai.

Hỏi: Lo lắng có phải là chấp ngã không?

Đáp: Đó là chấp ngã, không tin nhân quả, nếu tin nhân quả thì khỏi lo. Chủ yếu không tin tự tâm hoặc tin tự tâm chưa đầy đủ. Bác sĩ của các nước Âu Mỹ nghiên cứu các thức ăn có ảnh hưởng đến tánh tình con người. Nếu sửa lại thức ăn thì tâm cũng được an ổn tự chủ, nên không bị hoàn cảnh lôi kéo thì ít lo lắng.

Thức ăn có quan hệ đến bệnh hay tánh tình, chỉ cần đổi thức ăn thì những bệnh ung thư, tiểu đường cũng có thể hết. Nhưng không phải lâu hết bệnh, mà chỉ vài tuần hay một hai tháng bệnh hết. Những bệnh đó mà các bác sĩ đã chạy, chỉ cần đổi thức ăn là trị hết bệnh.

Hỏi: Nếu làm vườn có giết những côn trùng như con giun con dế, nhưng lúc đó tâm tham thiền không có nghĩ giết hay không giết thì nhân quả như thế nào?

Đáp: Tham thiền có nghi tình ngày đêm 24/24 giờ thì mới không chế tâm, còn biết thì phải có nhân quả. Những người theo tôi học thiền đã lâu năm, nghe tôi nói nặng một câu cũng còn không chịu nổi, làm sao không chế tâm được? Nếu không chế tâm không được thì không khỏi bị cảnh lôi kéo.

Sức tâm của con người nói theo khoa học là từ trường, tức là năng lượng của tâm thì hơn năng lượng thực vật. Tâm mình chuyển xuôi, nó theo xuôi, muốn ngược thì nó theo ngược. Vì sức thực vật yếu hơn tâm mình, nó phải theo tâm mình. Người chứng sơ quả thì sâu bọ tự tránh xa, cuốc đất không bị sát sanh. Nhưng người tham thiền hiện nay chưa làm được đến mức đó.

Hỏi: Nghi tình chưa đầy đủ thì tâm chấp thật vẫn còn, kính xin Sư Phụ khai thị thêm?

Đáp: Thí dụ: Bắt đầu 1 phút nghi tình, mà mỗi ngày tăng thêm 1 phút nghi tình thì 1 tháng tăng được ½ giờ nghi tình, 1 năm tăng được 6 giờ nghi tình, 4 năm tăng 24 giờ trong ngày đêm là đến thoại đầu, đến thoại đầu là sắp kiến tánh. Nếu mỗi ngày tăng ½ phút nghi tình thì 8 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh. Nếu mỗi ngày tăng ¼ phút nghi tình thì 16 năm đến thoại đầu sẽ kiến tánh.

Các thiền khác tập trung tinh thần cố gắng, còn Tham Tổ Sư thiền khỏi cần tập trung tinh thần cố gắng, chỉ tiếp tục kéo dài nghi tình không cho gián đoạn.

Tham thiền hay gián đoạn nghi tình, vì ban đầu mình mới tập tham là do tập khí lâu đời nổi lên thì vọng tưởng và nghi tình xen lộn lẫn nhau, chỉ thấy vọng tưởng mà không thấy nghi tình, dần dần vọng tưởng bớt mới thấy nghi tình. Lúc thấy có nghi tình hay buồn ngủ, trải qua giai đoạn buồn ngủ có thể vài tháng hoặc một năm được tiến lên. Vì quá trình tham thiền đều phải qua con đường này.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ ví dụ trong động có tịnh?

Đáp: Cái bàn này có 2 thứ động:

- Quả đất xoay xung quanh mặt trời mỗi giờ là 180.000 km.

- Mỗi hạt nguyên tử ở giữa có một trung tử, chu vi có nhiều điện tử đang xoay, tốc độ rất nhanh, nhà khoa học tính ra tốc độ nó xoay 1/3 cho đến ½ tốc độ ánh sáng. Tốc độ ánh sáng mỗi giây đi 300.000 km. Nhưng thấy cái bàn đang tịnh, mà lại cũng đang động, nó đang động nhưng cũng đang tịnh. Bây giờ không thể nói nó đang tịnh hay động đều cũng không được, vì động tịnh là tương đối.

Bản lai của pháp bản trụ vốn như thế, chứ không phải có ai sai khiến làm như vậy. Nhà khoa học nói thiên nhiên, tự nhiên; thiên nhiên, tự nhiên đó là chế tạo, chứ không phải là thiên nhiên thật, tự nhiên thật, chỉ có Phật giáo hay Phật Thích Ca mới biết thiên nhiên thật, tự nhiên thật.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên”, tự nhiên của bản lai là pháp bản trụ, không có bắt đầu và không có cuối cùng, nên không có sanh khởi. Cho nên, người chứng quả ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhẫn.

Nhưng nhà khoa học lại muốn tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng! Còn Phật biết các pháp không có thể bắt đầu và cuối cùng. Vì lý do bắt đầu không thể thành lập là do không có nhân đầu tiên. Nhà khoa học tìm nhân đầu tiên không ra rồi cho là tự nhiên.

Nhưng sự thật chúng tỏ tự nhiên không được, nếu tự nhiên thì không cần nhân duyên. Như con gà không cần trứng nở ra, trứng gà khỏi cần con gà sanh ra. Sự thật trứng gà là do con gà sanh ra, con gà thì trứng gà nở ra. Tất cả đã chứng tỏ không phải tự nhiên.

Hỏi: Khi nghi tình khởi lên là mình biết có nghi tình, vậy có được không?

Đáp: Không được, đang tập tham thiền thì được; nhưng sự thật cái biết là không phải nghi tình, nghi tình là không biết.

- Khi khởi câu thoại lên thì biết rồi phải không?

- Phải rồi, bây giờ đang tập thì biết khởi lên câu thoại, đến chừng miên mật thì quên cái biết.

- Nếu quên cái biết làm sao biết nghi tình?

- Đâu cần biết nó! Như cô Hằng Thiên không cần biết nghi tình, lại cắt xong cái áo. Nhưng ban đầu, người ta đến may, cô phải biết đo thước tấc rồi ghi vô sổ. Khi đang cắt vải thì nổi lên nghi tình cô không biết, mà làm xong công việc dùng óc.

- Trong sở con tham thiền và làm việc từ sáng đến chiều, đến chừng nhớ thì công việc vẫn xong. Vậy có nghi tình phải không?

- Phải rồi, làm như vậy là có nghi tình, đến chừng nhớ lại mới biết, lúc đang tham thiền thì không biết, không biết mới làm xong công việc.

- Ngồi thiền biết mình ngồi thiền phải không?

- Phải rồi, ban đầu mình phải biết, như cô Hằng Thiên ban đầu cũng phải biết đo thước tấc rồi ghi vào sổ, đến khi cắt nửa chừng nổi lên nghi tình cũng không biết, vì cô đã tập tham lâu năm, nên nghi tình đã tự động thì làm việc không qua bộ óc.

- Như mỗi ngày con đến đây ngồi thiền, con biết con đang ngồi khởi nghi tình lên, cần làm như vậy hay để tự nhiên?

- Mình để tự nhiên không cần biết gì hết, vọng tưởng nổi lên cũng không biết, nghi tình có hay không cũng không biết, cứ hỏi và nhìn đi song song là được thì nó sẽ tự nhiên. Nếu dùng tâm để ý để biết là nghịch với tham thiền.

- Nhiều khi con làm không biết đúng hay sai?

- Nếu biết đúng biết sai cũng là biết, vì đúng với sai là tương đối. Pháp thì vô thi vô sanh, làm sao có đúng sai!

Hỏi: Phật pháp là một đạo đi ngược dòng phải không?

Đáp: Phật pháp không có đi ngược dòng hay xuôi dòng gì cả! Vì Phật pháp là pháp bản trụ, vốn là vậy. Tất cả do tâm tạo, vì tâm tạo nên có khác. Nếu tâm mình không tạo thì bản trụ không có khác, cho nên gọi là bất nhị.

Bây giờ mới phát minh cách chụp hình, như cái tách này, khi lấy ra xem thì không có cái tách, nó chỉ có những lần ngang. Qua ánh sáng phản xạ của khoa học thì mới hiện ra cái tách, rồi đem cái phim này cắt thành hai thì hai bên đều có cái tách này, rồi cắt thành bốn thì bốn miếng đều có cái tách,... chứng tỏ nó không có vị trí nhất định.

Cho nên, bản thể của tâm khắp không gian khắp thời gian, không có chỗ để chỉ. Nếu có vị trí nhất định, đem phim của cái tách cắt thành hai thì mỗi bên chỉ có nửa cái tách hay đem cái phim cắt làm bốn thì mỗi miếng phim chỉ có $\frac{1}{4}$ cái tách. Chứng tỏ là không có vị trí nhất định.

Hỏi: Khi tu Tổ Sư thiền có bị gió nghiệp thổi không?

Đáp: Thiền sư Phật Ấn và Tô Đông Pha là bạn với nhau, Tô Đông Pha giải ngộ làm bài thơ “Tám ngọn gió thổi không lay động”, nghĩa là 8 thứ (lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc) không làm lay động tâm. Hai người ở cách nhau sông Dương Tử, khi Tô Đông Pha làm bài thơ ấy xong gửi cho Thiền sư Phật Ấn xem. Thiền sư Phật Ấn xem xong rồi viết trong thư đó: “địt địt” gửi lại cho Tô Đông Pha.

Tô Đông Pha đọc thư trong lòng thấy rất giận, muốn qua Thiền sư Phật Ấn hỏi tại sao có ý khi dễ? Khi qua đến cửa phòng của Thiền sư Phật Ấn thấy hai hàng chữ dán trên vách:

Tám ngọn gió thổi chẳng lay động,
Chỉ hai chữ địt bay qua sông.

Tô Đông Pha thấy vậy mắc cỡ âm thầm ra về.

Cho nên, thật tế thì khác, khi nói được nhưng không làm được.

Lời khai thị:

Tất cả kinh của Phật để hiển bày cái tâm, nhưng tâm là danh từ không thể nói được và tâm là cái gì không ai biết, không những phàm phu đã không biết, luôn cả Phật Thích Ca cũng không biết. Tại sao Phật đã chứng chơn tâm rồi còn không biết? Vì chơn tâm là bất nhị, không có đối đãi, tức là không có năng biết và sở biết.

Biết là chơn tâm tự biết, không có người khác biết nó. Nếu Phật Thích Ca biết thì nó thành sở biết, có sở biết thì không phải chơn tâm. Phật Thích Ca tức là chơn tâm, chơn tâm tức là Phật Thích Ca. Cho nên, không kiến lập cái biết, vì cái biết đó sẵn sàng.

Hệ thống thần kinh (bộ não) gồm có 2 mặt: Dùng mặt biết để tu gọi là Như Lai thiền, dùng mặt không biết để tu gọi là Tổ Sư thiền. Hiện nay tôi hoằng dương Tổ Sư thiền, ví dụ như trên đầu cây viết là thoại đầu, ở dưới cùng cây viết là thoại vi. Khi bắt đầu tham thiền là từ thoại vi đi đến thoại đầu, tức là đã rời thoại vi, đang đi ở giữa đường.

Tham thiền là không biết của bộ não để chấm dứt cái biết của bộ não (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết), 3 cái biết này chấm dứt hết thì đến thoại đầu. Đến thoại đầu thì sắp kiến tánh, có thể một phút sau kiến tánh, cũng có thể ở trong một tháng kiến tánh, chứ không có lâu kiến tánh.

Có người hỏi: Tham Tổ Sư thiền là dùng cái không biết để tu, khi đến thoại đầu thì sắp kiến tánh, sắp biết phải không?

Tôi nói: Không phải, không được nói là sắp biết.

Người ấy nói: Nếu không được sắp biết, vậy thì giống như gỗ đá sao?

Tôi nói: Không phải, vì cái biết chơn tâm không có sanh diệt, không bao giờ ngưng. Nếu ngưng rồi biết lại mới gọi là sắp biết. Nó không ngưng làm sao nói sắp biết?

Nhưng người hỏi không hiểu, nên tôi đổi câu khác. Trời gần sáng, mặt trời sắp chiếu được không? Không được. Mặt trời không thể nói sắp chiếu! Tại sao? Tại mặt trời đâu có ngưng chiếu, mà nói mặt trời sắp chiếu? Như đêm hôm không thấy mặt trời thì đâu có thể nói mặt trời ngưng chiếu! Vì nó bị che khuất bởi trái đất. Mặt trời luôn luôn lúc nào cũng chiếu.

Cái biết chơn tâm của mình cũng vậy, nó không bao giờ ngưng biết, không thể nói là sắp biết! Không dùng được cái biết chơn tâm vì nó bị che khuất. Vậy chơn tâm bị cái gì che khuất? Nó bị cái biết và cái không biết của bộ não che khuất. Cho nên, Phật Thích Ca dạy tham thiền là để dẹp những cái che khuất của bộ não.

Đến thoại đầu thì vẫn còn cái không biết của bộ não, đến lúc kiến tánh thì cái không biết này cũng chấm dứt luôn, gọi là phá vô thi vô minh (không biết của bộ não), lúc đó toàn diện chơn tâm hiện ra, diệu dụng khắp không gian khắp thời gian, tức là khắp không gian thì không có chỗ, khắp thời gian thì không có lúc. Nếu có chỗ để chỉ thì không cùng khắp không gian, có lúc để chỉ thì không cùng khắp thời gian.

Kinh Lăng Nghiêm giải thích “chơn tâm tồn tại vĩnh viễn”:

Vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: Xưa kia ngoại đạo hỏi Phật “con người khi sau chết tất cả đều mất không còn cái gì phải không”?

Phật nói: Không phải. Cái nào có lay động phải biến đổi, có biến đổi thì chết mất không còn; còn cái nào không lay động thì không biến đổi, không biến đổi làm sao chết mất? Nên nó tồn tại vĩnh viễn. Vậy vua biết có cái không chết mất không?

Vua nói: Không biết.

Phật nói: Để tôi nói cho vua biết.

Phật dùng tay để đối đáp với A Nan, tay Phật nắm buông rồi hỏi A Nan: Ngươi có thấy tay ta nắm buông không?

A Nan đáp: Thấy tay Phật nắm buông.

Phật hỏi: Thấy tay ta nắm buông hay tánh thấy của ngươi nắm buông?

A Nan nói: Tay của Phật nắm buông, còn tánh thấy của con đâu có lay động mà nói nắm buông!

Tay của Phật nắm buông, sau khi chết thiêu thành tro, chôn thành đất. Tánh thấy không lay động làm sao chết mất được? Vì không lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất. Tại vì con mắt lay động thì chết mất. Tánh thấy không lay động thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Như vậy, Phật còn chưa thỏa mãn, cái lay động là thân của Phật, còn tánh thấy không lay động là thân của A Nan, hai thân khác nhau. Phật muốn trong một thân có cái lay động và có cái không lay động. Phật mới phóng hào quang bên vai mặt của A Nan, A Nan ngó qua vai mặt. Phật phóng hào quang vai trái của A Nan, A Nan ngó qua vai trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu ngươi ngó qua ngó lại làm cho đầu ngươi lay động vậy?

A Nan đáp: Đầu của con lay động, tánh thấy của con tịnh còn không có làm sao có động?

Cho nên, cái đầu lay động thì sau này sẽ chết mất, thiêu thành tro, chôn thành đất. Tánh thấy không lay động, không biến đổi thì làm sao chết mất được? Không những tánh thấy không chết mất, mà tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn, không chết mất.

Bây giờ, nhiều Phật tử đều biết mình có Phật tánh, nhưng lại không tin. Như tôi hỏi: Ông tin ông có Phật tánh không?

Ông ấy đáp: Tin có Phật tánh.

Tôi hỏi: Phật tánh có thể giảm bớt được không?

Ông ấy đáp: Không, Phật tánh không thể giảm bớt.

Tôi hỏi: Phật tánh có thể gián đoạn được không?

Ông ấy đáp: Phật tánh không thể gián đoạn.

Tôi nói: Như vậy, ông đã tin tự tâm đầy đủ rồi. Tại sao? Vì Phật tánh không thể giảm bớt, nên Phật tánh của ông và Phật tánh của Phật Thích Ca bằng nhau; vậy thần thông của ông và thần thông của Phật Thích Ca cũng bằng nhau, nếu có kém hơn Phật Thích Ca một chút thì có giảm bớt.

Ông đã biết không thể giảm bớt thì trí huệ, năng lực của ông bằng Phật Thích Ca. Phật tánh không thể gián đoạn thì ông hiện nay là Phật. Tại sao ông không chịu nhìn nhận? Mặc dầu, biết nhưng không chịu nhìn nhận, thành ra cũng như không biết vậy.

Có một vị Tổ Sư làm ra phương tiện, nửa đêm la lên: Ăn trộm! Ăn trộm!

Tăng chúng thức dậy hỏi: Ở đâu? Ở đâu?

Tổ Sư nói: Đây, bắt được rồi.

Tăng nói: Không phải, con đây.

Tổ Sư nói: Phải thì phải, vì không nhìn nhận! Thôi đi đi!
(Nếu nhìn nhận thì đã kiến tánh rồi!)

Trong Từ Điển Thực Dụng Phật Học, Trí Giả đại sư là Tổ thứ 3 của tông Thiên Thai đề ra 3 thứ ngoại đạo:

- 1- Chánh thức ngoại đạo là thuyết pháp theo ngoại đạo và hành theo ngoại đạo, nếu tu thành tựu thì thành tiên, sanh lên cõi trời, họ không có tội địa ngục.
- 2- Lấy bản hiệu Phật giáo mà hành theo ngoại đạo, nên họ có tội địa ngục, vì làm cho người ta hiểu lầm tưởng là Phật pháp, nhưng sự thật không phải.
- 3- Học Phật pháp thành ngoại đạo, những người này không biết mình là ngoại đạo, họ giảng kinh thuyết pháp giống như kinh Phật, y văn giải nghĩa, họ cũng hiểu, nhưng họ chấp lời Phật mà nghịch ý Phật.

Bây giờ, có người theo tôi học Tổ Sư thiền cũng thành ngoại đạo, Phật đã thọ ký sau này Phật pháp tiêu diệt là do những người này. Tại sao? Phật thí dụ con trùn trong thớt sư tử (sư tử là vua của bách thú, cọp, beo... đều sợ nó, khi con sư tử chết mà các con thú không dám gần để ăn thớt nó, vì tưởng nó ngủ; khi con sư tử chết thối rữa thớt của nó biến thành những con trùn mà ăn thớt nó). Tức là Phật tử tự phá Phật pháp, chứ không phải thiên ma nào phá nổi!

Vì những người này thuyết pháp cũng giống như lời Phật, nhưng không hiểu ý Phật, dẫn người ta đi lẫn quẩn làm hại, tại những cái ấy là che khuất của bộ não, kinh Lăng Nghiêm nói: “Kiến lập tri kiến là căn bản vô minh”. Họ cho lời nói của Phật là Phật pháp của mình để dạy người, nên họ phải có tội địa ngục, nhưng họ không biết. Cứ nói “tôi y theo lời của Phật dạy!” nên Trí Giả đại sư gọi những người này là ngoại đạo thứ 3.

Hiện nay ở trong chúng mình cũng có hạng người này, tôi không cách nào để làm cho họ quay về đúng chánh pháp! Cho nên, tôi cũng đành phải chịu thôi. Họ không phá ngã chấp nên tham thiền nhiều chừng nào thì ngã chấp lớn chừng nấy, họ cứ tin theo bộ não, tưởng mình hiểu biết nhiều cho là hay, nhưng Phật Thích Ca dạy mình dẹp những hiểu biết đó, tại những cái đó như mây đen che khuất ánh sáng mặt trời.

Nhưng họ không chịu tin, tại nói như vậy không ai nghe. Nói theo ý mình thì người ta cho mình hay, họ thỏa mãn được cái ngã, vì người ta nghe hiểu liền. Rồi cho mình hay hơn thầy “thầy nói không có ai hiểu, tôi nói người ta hiểu liền”. Phật thọ ký cho những người ấy sau này tiêu diệt Phật giáo.

Hỏi: Hòa thượng nói “khi chuyển thức thành trí thì năng lượng là vật chất”. Nhưng bỗng lại vô nhất vật thì cái gì để lia cái gì?

Đáp: Ông coi lại kinh Lăng Già đi! Ông chưa có hiểu, còn chấp lời nói, không biết những lời nói của Phật là phương tiện, không được chấp, nên Phật nói rồi phủ nhận liền “tôi 49 năm thuyết pháp mà chưa từng nói một chữ, ai nói Phật có thuyết pháp thì người ấy phi báng Phật”. Vì chấp lời nói của Phật cho là “Phật học của tôi, tôi biết được để dạy người ta”.

Hỏi: Làm sao biết được người ta dạy pháp đúng hay sai?

Đáp: Người chấp ngã là tà, người không chấp ngã là chánh, chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh. Kinh Viên Giác nói: “Cho mình có thuyết pháp thì đã có ngã chấp, biết mình có sở chứng thì cũng đã có ngã”. Lục Tổ tự phủ nhận “tôi chưa chứng đắc”, những người đã chứng ngộ rồi, tự mình đâu nói mình chứng ngộ!

Bây giờ ai cũng có cái ngã, nên theo chánh pháp của Phật đều phá ngã chấp, như Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa đều phá ngã chấp; phá ngã chấp xong rồi phải phá pháp chấp. Vừa rồi ông đó ngã chấp chưa phá mà lại chấp pháp, cho pháp của mình là thật. Tất cả lời nói của tôi là đàm giải của chư Phật chư Tổ, đâu có cái nào thật mà lại để chấp! Ấy là phương tiện tạm thời.

Hỏi: Người tu hành sau khi chết thiêu có xá lợi và không có xá lợi. Vậy Hòa thượng giải thích thế nào?

Đáp: Nếu giác ngộ thấy không có sanh tử, biết không có sanh tử thì đã liễu thoát sanh tử. Vì có sanh tử mới thấy xá lợi của cái xương, sanh tử đã không có làm sao có xá lợi? Thành ra cái đó cũng là dư thừa. Tâm kinh nói: “Vô lão tử” tức là không có sanh tử, “vô vô minh” tức là không có vô minh. Tại người chấp có vô minh có sanh tử.

Nếu có xá lợi thì chẳng có ích lợi gì! Vì đó chấp có sanh tử mới có. Những người không có chấp sanh tử thì có xá lợi hay không cũng không có liên quan, có xá lợi hay không đều cũng được. Tất cả hiện tượng mình thấy đều là vọng tưởng của vọng tâm tạo ra.

Hỏi: Chư Tổ kiến tánh và chư Thánh chứng quả, có phải sau khi chết để lại nhục thân không?

Đáp: Không phải, có khi người chưa chứng quả cũng có thể để lại nhục thân. Năm 1974, tôi đi Thái Lan thấy có 10 nhục thân của người Thái Lan. Cho nên, để lại nhục thân không thể chứng minh là người đó đã ngộ. Vì người ta chấp mới có, nếu không chấp thì không có liên quan gì.

Hỏi: Phật Thích Ca nhập diệt thiêu có nhiều xá lợi, phân chia bốn hướng tám phương, việc ấy như thế nào?

Đáp: Phật nói “Tất cả đều là vọng tưởng”, bây giờ mình thấy người này thấy người kia, thấy có Phật thấy không có Phật, thấy nhà cửa, cây cối, vũ trụ, vạn vật đều do vọng tưởng nên mình mới thấy và cộng nghiệp tất cả chúng sanh đều cùng thấy như vậy. Nhưng ở trong cộng nghiệp lại có có biệt nghiệp, ở trong biệt nghiệp cũng có cộng nghiệp. Biệt nghiệp là nghiệp của cá nhân, cộng nghiệp là chúng ta bây giờ cùng thấy nhà cửa.

Nhưng sự thật không phải như vậy, nên kinh Đại Niết Bàn nói: “Nếu ở trong thế lưu bố tướng mà không sanh ra trước tướng là pháp xuất thế gian, cũng gọi là Phật pháp. Nếu ở pháp thế gian sanh ra trước tướng là pháp thế gian”. Như mình nói năng, tiếp khách, làm việc mà không sanh ra trước tướng thì tất cả đều là Phật pháp.

Yếu Chỉ Trung Quán Luận có phá tất cả, hễ bộ não nhận biết thì phải phá. Nên văn tự lời nói để diễn tả được đều phải phá. Vì muốn nói phải có tương đối mới nói được, văn tự thay cho lời nói cũng vậy. Kinh Lăng Già nói: “Chánh pháp phải lìa văn tự”, tại văn tự không thể diễn tả, lời nói cũng chẳng thể nói được. Nên Phật Thích Ca nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ; ai nói Như Lai có thuyết pháp, người ấy phỉ báng Phật”.

Nhưng người ta tưởng là có thể nói, có thể diễn tả, cho là đúng cho là sai. Vì đúng với sai là tương đối, nên nói lời thuyết pháp là đúng thì cũng không đúng, nói lời thuyết pháp của Phật không đúng cũng là không đúng. Tại sao? Tại lời thuyết pháp của Phật muốn lìa đúng và không đúng, tức là lìa tương đối.

Nếu đem lời thuyết pháp của Phật cho là đúng và không đúng thì nghịch với ý Phật. Đúng và không đúng là biên kiến thuộc 1 trong 5 thứ ác kiến của đạo Phật, lọt vào biên kiến mà tự mình không biết. Đây là nói về Phật pháp chứ không có ám chỉ ai!

Hỏi: Phật tử tại gia phải tu như thế nào?

Đáp: Lục Tổ nói có 4 thứ:

- Thân tại gia mà tâm xuất gia.
- Thân xuất gia mà tâm tại gia.
- Thân, tâm đều xuất gia.
- Thân, tâm đều tại gia.

Nếu thân tại gia mà tâm xuất gia thì hơn người có thân xuất gia mà tâm tại gia. Mặc dầu, thân tại gia làm cư sĩ nhưng tâm của họ xuất gia hành đúng với chánh pháp; còn người thân xuất gia có hình tướng tu sĩ, nhưng mà tâm tại gia, cái chấp của người đó nhiều hơn người tại gia hay bằng người tại gia thì người tại gia cũng tốt hơn người xuất gia đó. Thân và tâm đều xuất gia là tốt nhất, còn thân tâm tại gia thì khỏi nói.

Hỏi: Hành theo chánh pháp là như thế nào?

Đáp: Hành theo chánh pháp là không chấp thật, lại phá chấp thật là chánh, không chấp ngã, lại phá chấp ngã là chánh; tức là chấp ngã là tà, phá chấp ngã là chánh, chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh. Bất cứ chấp thật cái nào cũng là tà, nếu chấp vào lời nói

của Phật cũng là tà, tức là chấp vào một bên thuộc 1 trong 5 thứ ác kiến của nhà Phật. Cho lời của Phật có đúng sai là ở trong tương đối, chứ không lia tương đối.

Hỏi: Đạo Phật dạy phá ngã chấp, ngã chấp của mình không biết ở đâu? Nhờ Hòa thượng chỉ rõ, vì nó thuộc về từ vô minh vô trí. Như con nói nhẹ con của con mà nó cứ lại liền, thấy cái ngã nó lớn quá?

Đáp: Con của ông có ngã, nhưng ông cũng có ngã; nếu ông không có ngã, làm sao ông cho là mấy đứa con là con của ông? Vì có ông nên mới có con! Đó cũng là tương đối mà trong kinh Lăng Già nói “tại có tên con nên mới có tên cha”, nếu không có con thì sao ông gọi là cha? Vì có con nên ông mới được gọi là cha.

Hỏi: Có cách nào để phá ngã chấp?

Đáp: Ngã chấp khởi cần phá, ông chỉ cần hỏi và nhìn; hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là giữ niệm không biết. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì khởi lên niệm không biết, rồi khán là nhìn chỗ không biết, nhìn chỗ không biết là kéo dài niệm không biết, tức là không có nổi ý phá.

Nếu có nổi ý phá thì có năng phá và sở phá là nhị rồi, nên không phải Phật pháp. Cứ hỏi và nhìn thì không phá nó tự phá. Chỉ có vậy thôi, ngài Lai Quả gọi là “thuốc thoại đầu trị bá bệnh”.

Hỏi: Có phải mình tu rồi thời gian tập khí bớt dần thì chơn tâm hiện ra?

Đáp: Phải rồi, dẹp hết che khuất rồi chơn tâm hiện ra. Những che khuất đó là tìm hiểu biết, suy nghĩ biết và ghi nhớ biết. 3 cái biết này dẹp hết thì đến thoại đầu. Tìm hiểu, suy nghĩ đều là hiểu biết của bộ não. Nếu lấy cái đó để tranh luận là sai lầm lớn, vì tranh luận dù có đúng lý cũng là sai, hướng là không đúng lý! Tại đúng với sai là tương đối, bởi vì những người ngu mới tranh luận, do không hiểu Phật pháp, tức là chấp lời nghịch ý, không hiểu ý quên lời.

Hỏi: Tại sao tất cả kinh điển đều bắt đầu chữ “như thị”?

Đáp: Chữ “như thị” nghĩa là “đúng vậy”. Đó là phương tiện của mỗi cuốn kinh. Lúc Phật thuyết pháp không có ai ghi, rồi Phật nhập diệt thì đệ tử của Phật mới tập hợp lại, mời A Nan đọc lại lời thuyết pháp của Phật (A Nan là thị giả của Phật, mỗi lần Phật thuyết pháp đều có A Nan nghe nhớ lâu). Cho nên, mỗi cuốn kinh có câu đầu tiên là: “Như thị ngã văn” nghĩa là tôi nghe đúng như vậy. Tất cả 500 A La Hán cho là đúng thì được thành tựu.

Hỏi: Hồi nhỏ con theo bà nội con đi chùa, rồi bà bảo con lạy Phật và chào thầy, bà nói: “Tội bất hiếu không thờ cha kính mẹ và không trọng Pháp kính Tăng, nên mày phải xuống địa ngục”. Vậy cái nào xuống địa ngục trước, cái nào nặng, cái nào nhẹ? Đến bây giờ không biết bà nội con nói đúng không?

Đáp: Lời của bà nội ông là phân nửa đúng và phân nửa không đúng. Tại sao? Vì không phải bao gồm tất cả, không phải là chân lý; vì lời của Phật không phải là chân lý, hướng là lời của bà nội ông! Nhưng dạy con cháu như vậy là đúng, tại theo sự hiểu biết của bà nội ông. Còn nói theo Phật pháp thì không đúng.

- Vậy tội nào nặng nhất phải đọa địa ngục A tỳ?

- Phi báng Phật pháp là tội nặng nhất, vì hại người ta. Phi báng Phật pháp không phải chỉ nói thôi, như Phật tử tự phá Phật pháp, đó mới là tội nặng.

Hỏi: Vạn pháp đều tương đối là huyền, mà mỗi chúng sanh nhìn có khác nhau. Như vậy ở trong Phật pháp có cái gì tuyệt đối không?

Đáp: Nếu không có cái gì tương đối thì mới là tuyệt đối, còn tương đối chưa phải là tuyệt đối. Trong Phật pháp không có tương đối và không có tuyệt đối, vì tương đối với tuyệt đối cũng là tương đối. Cho nên, tất cả tương đối và tuyệt đối không còn nữa.

- Như vậy mình tu để đạt cái gì?

- Không có tu, không có chứng. Khi ngộ rồi mới biết “không phải tu mới thành, không phải chứng mới đắc”. Tại nó đã thành sẵn rồi. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”. Phật dùng quặng vàng để thí dụ: Trong quặng vàng tuy chưa thấy vàng thật, nhưng vàng thật đã thành sẵn, vì vàng thật lộn với đất cát tạp chất nên không thấy vàng thật.

Vậy cần phải luyện đất cát tạp chất thì vàng thật mới hiện ra được. Nhưng không phải luyện ra vàng, luyện thí dụ là tu, không phải tu mà thành Phật, vì Phật đã thành sẵn. Nếu trong quặng vàng không có vàng thành sẵn thì luyện cách mấy cũng không ra vàng được. Chúng sanh cũng vậy, Phật tánh của chúng sanh đã thành sẵn. Khi thành vàng thật thì không bao giờ thành quặng nữa! Cũng như chúng sanh thành Phật rồi, không còn trở lại làm chúng sanh.

Hỏi: Tu pháp môn nào để cho con làm vua làm giàu?

Đáp: Phật dạy là để ngộ bản tâm, chứ không phải muốn mình làm vua hay muốn làm những sự nghiệp thành công!

- Có phải buông bỏ hết không?

- Không phải, không có cái gì để buông bỏ, tại mình chấp nên mới có cái để bỏ. Nếu không chấp thì không có gì để bỏ. Chỉ ngộ được tâm như hư không vô sở hữu (trống rỗng), nhưng trống rỗng là cái thể cũng là cái dụng. Hư không trống rỗng dung nạp và ứng dụng, nhưng thể thì không thể thấy, mà dụng thấy rõ ràng, như đang nhờ cái trống rỗng này để dùng.

Như mình đang nói chuyện, phải nhờ không gian trống rỗng này, mình mới nói chuyện với nhau được. Mình nhờ thấy nhau cũng phải nhờ không gian trống rỗng này, mình mới nhìn thấy nhau được. Không gian trống rỗng chính là tâm của mọi người, cũng là thể và dụng của tâm mình, chứ không phải người khác. Tại mình không chịu nhìn nhận. Khi nào mình ngộ mới biết tất cả là vậy.

Hỏi: Vạn pháp do tâm tạo thì tất cả vạn pháp là tương đối. Như vậy cái tâm đó có tương đối không?

Đáp: Tâm đó là sanh diệt của bộ não, nên Phật dạy mình dẹp cái đó, tại cái đó che khuất chơn tâm.

- Tâm của mỗi người thì ở trong bộ óc của mỗi người, bao gồm hết không gian vũ trụ này. Vậy làm sao dẹp được?

- Tại ông muốn dùng bộ óc để dẹp bộ óc thì đâu được! Dùng cái biết bộ óc để dẹp cái biết bộ óc thì cái biết bộ óc lại kéo dài, làm sao dẹp được? Ông phải dùng cái không biết của bộ óc mới dẹp được cái biết của bộ óc. Cho nên, Phật dạy tham Tổ Sư thiền là dùng cái không biết. Nếu ông không biết thì những lời nói này làm sao có! Tại ông dùng cái biết nên mới có.

- Như vậy tâm có trước chư Phật hay chư Phật có trước tâm?

- Nói như vậy, mà ông vẫn còn tiếp tục dùng cái biết của bộ não để hỏi! Nếu ông dùng không biết thì đâu có gì để hỏi. Vì dùng cái biết thì cái biết kéo dài, đã không dẹp mà lại kéo dài nữa. Cái biết là căn bản của vô minh, cũng là sở tri chương, cũng là

nuôi dưỡng luân hồi. Nếu giữ được không biết thì khỏi cần buông mà nó tự buông. Như có ý muốn buông thì chấp rồi.

Hỏi: *Cái biết của mình thì không nên giữ, còn cái biết của chư Phật thì như thế nào?*

Đáp: Cái biết của ông là cái biết của bộ não thì phải chấm dứt. Lời nói của Phật là chỉ dùng để phá chấp, khi nào mình hiểu thì Phật lại tự phủ nhận tôi không nói cái đó, vì sợ mình chấp cái đó phải bị mắc kẹt. Cho nên, Phật nói: “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ, ai nói Phật có thuyết pháp thì phỉ báng Phật”, như vậy đã biết Phật nói xong rồi phủ nhận liền.

Hỏi: *Đức Phật nói thuyết luân hồi, con người cứ lần quần đầu thai từ chỗ này qua chỗ kia, như côn trùng con đế,... còn có đạo khác nói là “con vật để dưỡng nhân”. Vậy việc luân hồi như thế nào? Như con người nếu chết hết đầu thai thành con thú, làm sao có con người?*

Đáp: Việc ấy là vọng tưởng của ông, không có chuyện đó. Đến khi ông kiến tánh thì mới biết là ở trong chiêm bao mới thấy. Bây giờ ông hỏi đều là những chuyện trong chiêm bao, tại ông hiện nay vẫn còn trong mờ mắt chiêm bao, ông coi lại bài nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao. Khi ông kiến tánh thì những cái này tự tiêu mất.

Toán là công cụ để nghiên cứu khoa học, nên những người khoa học phải giỏi toán thì khoa học mới tiến bộ được. Có người nước Anh, khoa học giỏi nhất trên thế giới, ông đang dạy toán ở hai đại học Luân Đôn danh tiếng nhất thế giới, ông đó bị bệnh các cơ rút lại, nên bây giờ phải ngồi xe lăn, nói chuyện phải qua cái máy mới ra tiếng.

Chính ông dạy toán mà lại nghịch với định lý toán. Tại sao? Vì định lý toán là không có số cực nhỏ, tức là không có bắt đầu, Phật nói là vô thi, cũng là vô sanh (không có sự sanh khởi). Tại có sự sanh khởi thì phải có sự bắt đầu, nên người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, gọi là chứng vô sanh pháp nhẫn.

Chính định lý của toán chứng tỏ là không có sự sanh khởi, vì không có bắt đầu, nên con số chia mãi vẫn còn con số, chứ không có con số nhỏ nhất. Không có con số cực lớn là cuối cùng. Đó là định lý của toán. Ông ấy còn đề ra 2 câu hỏi: Vũ trụ có bắt đầu chăng? (Muốn tìm bắt đầu của vũ trụ), con gà có trước hay trứng gà có trước? (Muốn tìm bắt đầu của sanh mạng).

Như vậy nghịch với định lý toán, tại toán không thể bắt đầu. Vì ông đã tin quen bộ não đã từ lâu đời, lại quên định lý của toán là không có sự bắt đầu. Trái lại, tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng, theo lập trường của Phật gọi là ngu si. Nhưng các nhà khoa học trên thế giới đều tôn sùng ông là nhà khoa học hạng nhất trên thế giới này.

Hỏi: *Bây giờ người ta đang chờ ngày hội Long Hoa. Vậy Hòa thượng nghĩ thế nào là ngày hội Long Hoa?*

Đáp: Việc đó tại biết mới có, đã như hư không vô sở hữu, làm sao có hội Long Hoa có trước có sau? Kinh Viên Giác nói: “Có trước, có sau, có trụ, có tán,... đều là việc luân hồi”. Bây giờ mình chưa ra khỏi luân hồi, dùng tri kiến luân hồi để tìm Viên Giác thì Viên Giác thành luân hồi, mà Viên Giác là bản giác không có luân hồi. Thức tỉnh rồi, mới biết vừa rồi mình ở trong chiêm bao; còn người trong chiêm bao, làm sao biết được việc thức tỉnh?

Hỏi: *Chúng con đã trải qua bao nhiêu kiếp luân hồi, làm sao dùng cái không biết của bộ não để chấm dứt cái biết của bộ não?*

Đáp: Phật pháp là muốn mình ngộ biết mình, cái biết chơn tâm đã sẵn sàng không cái nào mà chẳng biết! Biết và không biết là của bộ não, chứ không phải là cái biết của chơn tâm, cái biết chơn tâm gọi là bất nhị, không có tương đối; không có tương đối thì không có biết và không biết. Phật Thích Ca dạy mình để hiện cái biết của chơn tâm, nhưng muốn hiện chơn tâm thì phải dẹp cái che khuất biết và không biết của bộ não.

Tham thiền là tham thoại đầu và khán thoại đầu. Thí dụ: Trên đầu cây viết là thoại đầu, ở dưới đuôi cây viết là thoại vi. Khoảng giữa từ thoại vi đến thoại đầu là hệ thống thần kinh biết và không biết của bộ não. Theo cái biết của bộ não để tu gọi là Như Lai thiền, dùng cái không biết của bộ não để tu là Tổ Sư thiền, mục đích đều đến thoại đầu.

Sao gọi là thoại đầu? Là đầu tiên lời nói tức chưa có ý niệm muốn nói, không có niệm nào hết gọi là thoại đầu; nếu mình đã khởi niệm muốn nói mà chưa nói ra miệng thì gọi là thoại vi. Tham thiền là dùng ý niệm không biết thì đã có khái niệm không biết rồi, chứ không phải là thoại đầu.

Nhưng mục đích muốn đến thoại đầu, cho nên mới gọi là tham thoại đầu khán thoại đầu. Tham là hỏi câu thoại để kích thích niệm không biết, khán là kéo dài niệm không biết, Thiền tông gọi là nghi tình. Hỏi và nhìn, 2 cái một lượt đi song song để giữ cái niệm không biết (nghi tình), nghi tình này sẽ đưa hành giả đến thoại đầu.

Tại sao? Tại nhờ không biết của bộ não để dẹp cái biết của bộ não (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết), 3 cái biết này dẹp hết thì sẽ đến thoại đầu. Nhưng vẫn còn cái không biết che khuất, nên giờ phút cuối cùng là đầu sào 100 thước (thoại đầu) tiến lên một bước thì cái không biết cũng tan rã, tức là nghi tình bùng vỡ, biết và không biết của bộ não được sạch, cái biết chơn tâm hiện ra khắp không gian và khắp thời gian không chỗ nào không biết, không có lúc nào không biết.

Vậy, người ta đã hỏi tôi: “Mình dùng cái không biết để tu đến thoại đầu thì sắp kiến tánh (đến thoại đầu có thể 1 phút sau kiến tánh hay 1 tháng sau cũng kiến tánh), sắp kiến tánh thì phải sắp biết phải không?”

Tôi nói: Không thể nói là sắp biết.

Người ấy nói: Không thể sắp biết thì không biết như gỗ đá sao?

Tôi nói: Không phải như vậy, tại cái biết chơn tâm không bao giờ ngưng, nếu có ngưng mới nói sắp biết.

Nhưng người hỏi chưa hiểu, nên tôi phải đổi câu hỏi: “Trời gần sáng, mặt trời sắp chiếu được không?” Không được, mặt trời không thể nói sắp chiếu. Tại sao? Vì mặt trời đâu có ngưng chiếu mà nói sắp chiếu! Mặt trời đâu phải sáng bắt đầu chiếu, mà nói sắp chiếu! Ban đêm mặt trời cũng chiếu, không thấy được mặt trời là bị trái đất che khuất. Tâm mình cũng vậy, đâu phải có ngưng biết mà nói sắp biết!

Nhưng ai cũng biết mặt trời bị mây đen hay trái đất che khuất. Vậy cái biết của chơn tâm bị cái gì che khuất? Là bị cái biết và không biết của bộ não che khuất. Cho nên, Phật Thích Ca dạy tham thiền, dùng cái không biết làm công cụ để dẹp 3 cái biết của bộ não, 3 cái biết này dẹp hết thì sẽ đến thoại đầu, cuối cùng cái không biết của bộ não cũng dẹp luôn, gọi là kiến tánh thành Phật.

Kiến tánh là chơn tâm hiện, nhưng chơn tâm là danh từ ai cũng nói được, tâm là cái gì mà không có ai biết? Mà luôn cả Phật Thích Ca cũng không biết nữa! Tại sao? Nếu chơn tâm bị Phật Thích Ca biết được thì chơn tâm thành sở biết. Có sở biết thì có năng biết là nhị, tức là tương đối thì không phải chơn tâm.

Tại sao Phật Thích Ca đã chứng quả mà không biết? Vì chơn tâm tức là Phật Thích Ca, Phật Thích Ca tức là chơn tâm, chứ không phải là hai. Mình kiến tánh thành Phật cũng vậy, mình tức là chơn tâm, chơn tâm là mình. Đâu phải có năng biết để biết chơn tâm!

Hỏi: Chơn Tâm hiện ra rồi, có phải đổi thành Đại Viên Cảnh Trí không?

Đáp: Thí dụ Đại Viên Cảnh Trí là Chơn Tâm, theo Duy Thức là thức thứ 8 (A lại da thức). Trong cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, tôi theo kinh Lăng Già giải thích, từ căn từ thức khác nhau. Nhà khoa học chỉ biết có 1 cái thức là hệ thống thần kinh (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn). Họ không biết mỗi căn mỗi thức khác nhau.

Tại sao mỗi căn mỗi thức khác nhau? Như nhãn căn chỉ chiếu soi (giống như cây đèn) thấy được cảnh vật, như thấy trái xoài, trái nho,... rồi nhãn thức phân biệt đây là trái nho trái xoài. Nếu không có nhãn căn chiếu soi thì không thể thấy được. Vậy làm sao phân biệt? Như trời tối đốt đèn lên mới thấy được, tác dụng của cây đèn chỉ là chiếu soi.

Nhĩ căn chiếu soi âm thanh, nhưng không biết âm thanh gì? Nên phải nhờ nhĩ thức phân biệt được âm thanh này là tiếng người già, tiếng người trẻ, tiếng đàn ông, tiếng đàn bà hay là tiếng chim, tiếng chó,...

Ý căn khó phân biệt, ý căn đảm nhiệm suy nghĩ, qua ý thức mới phân biệt được biết đúng hay sai, thiện hay ác, tốt hay là xấu. Mỗi căn mỗi thức đảm nhiệm đều khác nhau, nhưng Phật giáo Tiểu thừa chỉ biết lục căn lục thức, còn thức thứ 7 và thức thứ 8 mà Tiểu thừa không biết.

Thức thứ 7 (Mạt na thức) có 2 nhiệm vụ:

- Chấp thức thứ 8 (bản thể sanh mạng, bản thể vũ trụ) là ta.
- Đem thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước, làm thiện thì có hạt giống thiện, làm ác thì có hạt giống ác, làm việc gì không thiện không ác thì có hạt giống vô ký, rồi đưa vô trong kho (thức thứ 8); đến khi chúng tử chín mùi đưa ra giao cho thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước đi làm. Đưa ra đưa vô gọi là truyền tổng thức.

Thức thứ 8 chỉ có nhiệm vụ là kho tàng, nên gọi là tạng thức. Chúng tử thiện ác do thức thứ 7 đưa vô đều chứa, khi chúng tử thiện ác chín mùi thì thức thứ 7 truyền ra, nó không có tác dụng gì hết.

Mỗi thức của 8 thức có nhiệm vụ đặc biệt của nó. Tuy chia nhiệm vụ có 8 thức, nhưng thức thứ 6, thức thứ 7 và 5 thức trước đều bao gồm trong thức thứ 8, chứ không phải 8 thức là 8 thức. Vì bản thể là thức thứ 8. Phật ở trong kinh Lăng Già giải thích rất kỹ, tôi căn cứ kinh Lăng già mới làm ra cuốn Vũ trụ Quan Thế Kỷ 21.

Yếu Chỉ Trung Quán Luận, Yếu Chỉ Phật Pháp, Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, bất cứ ai đề ra câu hỏi nào thì trong 3 cuốn này đều có giải đáp, tức là tất cả Phật pháp đều bao gồm trong đó. Vũ trụ vạn vật đều trong thức thứ 8, bất cứ cái gì đều ở trong thức thứ 8, không có cái gì ở ngoài. Vì thức thứ 8 trống rỗng, không có bản thể nhưng hiển bày cái dụng. Trống rỗng nên Phật pháp gọi là tánh không, tại 'không' mới dùng được.

Như bây giờ mình thấy hư không trống rỗng, vũ trụ vạn vật, bất cứ cái gì đều phải nhờ cái không trống rỗng này. Quý vị ngồi cũng phải nhờ cái không trống rỗng mới có chỗ ngồi được, cũng như mình nói chuyện với nhau cũng phải nhờ cái không trống rỗng mới nói chuyện với nhau được. Cuộc sống hàng ngày ở chân trời góc biển đều cũng nhờ cái không trống rỗng này.

Hỏi: Có phải Đại Viên Cảnh Trí khắp cùng hết không?

Đáp: Đại Viên Cảnh Trí là tâm của mình (trống rỗng), tôi vừa nói là không có đặc biệt, mà 7 thức kia đều ở trong đó, bây giờ mình nói chuyện với nhau hay ông đi đến chân trời góc biển đều cũng ở trong đó, không ở ngoài được. Vì nó không có biên giới, không có cái ngoài hư không. Nhưng hư không này là tâm mình.

Tâm có nhiều danh từ gọi như: Vì trống rỗng không có chỗ để trói buộc nên gọi là giải thoát, chứ không phải bị trói rồi mở trói gọi là giải thoát! Vì trống rỗng không có khứ lai nên gọi là Như Lai. Vì khắp không gian tự nhiên khắp thời gian không có gián đoạn nên gọi là Niết Bàn (không sanh không diệt), có gián đoạn thì phải sanh diệt.

Có nhiều danh từ đủ thứ ở trong Phật pháp đều là cái trống rỗng này, như: Đại Viên Cảnh Trí, Chơn Tâm, Diệu Giác, Tánh Không, Như Lai, Niết Bàn,... Tuy có nhiều tên khác nhau nhưng vẫn là nó, nên gọi là bất nhị.

Hỏi: Tại sao trong Phật học lại có nhiều cái ‘không’?

Đáp: Đó là tùy theo chấp của chúng sanh, Phật muốn phá nên Phật mới lập ra nhiều cái không. Chúng sanh chấp cái nào thì Phật phải phá cái ấy, như chúng sanh chấp Phật thì Phật cũng phá Phật, cho nên gặp Phật chém Phật là chém cái tâm chấp.

Không có cái gì gọi là Phật pháp, vì tất cả thế gian pháp đều là Phật pháp. Nếu chấp thì pháp thế gian, không chấp là pháp xuất thế gian. Bậc Thánh chỉ có thể lưu bố tưởng, không có trước tưởng là pháp xuất thế gian; phàm phu ở nơi thế lưu bố tưởng sanh ra trước tưởng gọi là pháp thế gian.

Nếu không sanh trước tưởng thì ăn cơm, mặc áo, nói năng, tiếp khách,... đều là pháp xuất thế gian, chứ không phải đặc biệt có pháp xuất thế gian mà khác pháp thế gian!

Tại sao ăn cơm là pháp xuất thế gian? Có trước tưởng là cơm này ngon hay không ngon thì thành pháp thế gian, còn ăn cơm thì ăn cơm là pháp xuất thế gian; mặc áo cũng vậy, cho áo này đẹp cho áo kia xấu là pháp thế gian, mặc áo thì cứ mặc áo là pháp xuất thế gian, vì không có phân biệt. Cho nên nói: “Phân biệt là thức, không phân biệt là trí”.

Hỏi: Ý tưởng này có phải ở trong ngũ uẩn không?

Đáp: - Sắc là vật chất; thọ, tưởng, hành, thức là thể tinh thần không có vật chất.

- Thọ là lãnh thọ tức là lục căn cảm nhận được, như nhãn căn và nhãn thức cảm nhận đẹp, xấu,... nhĩ căn và nhĩ thức cảm nhận khen, chê,... gọi là thọ ấm.

- Tưởng chỉ có ý căn và ý thức.

- Hành là biến hóa hành vi, mình không thấy nhưng nó đang biến hóa, như tóc, móng tay mình đang dài; tế bào, lục phủ ngũ tạng đều cũng vậy, nó đang thay đổi không bao giờ ngưng, như cha mẹ sanh ra con nít, rồi thành người lớn, thành người già, không bao giờ ngưng biến hóa gọi là hành ấm.

- Thức thì phân biệt là thể tinh thần không phải vật chất.

Hỏi: Sắc tức là không, không tức là sắc, nghĩa như thế nào?

Đáp: Nếu không chấp sắc là thật thì sắc tức là không, không chấp cái không là thật thì không tức là sắc. Vì nó vốn không có tương đối, tại có sanh ra trước tướng nên có tương đối, tất cả đều do tâm thức mình biến hiện. Mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao có giải thích cái đó.

Vì chưa tin tự tâm nên phải đọc ngữ lục và kinh Đại thừa để tăng cường lòng tin tự tâm rồi tham thiền, khi tham thiền được thì dẹp những che khuất (tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết).

Không có cái gì để cao thấp! Vì nó trống rỗng, nếu nói dễ thì thật dễ, còn nói khó thì nó thật khó (khó tin). Do mình tin theo bộ não nên mới thấy khó dễ, nếu hiểu được nguồn gốc như hư không vô sở hữu thì không có nghĩa lý gì, làm sao có khó dễ!

Hỏi: Có phải đọc sách của thầy xong rồi, khỏi cần đọc các sách khác phải không?

Đáp: Không phải, phải lòng tin 100%, nếu có 99% tin tự tâm thì cũng phải đọc ngữ lục để tăng cường, tức là ông không còn cái gì để hỏi thì khỏi đọc. Vì ông có nhiều vấn đề thắc mắc cần để hỏi thì đọc để hiểu sau này khỏi hỏi.

“Không” là hư không vô sở hữu chẳng có gì hạn chế, rồi bộ não đem hạn chế lại mới sanh ra nghĩa lý, như hạn chế cái không thành cái tách; giả sử cái tách này bít hết thì không đựng nước được, vì có cái không (trống rỗng) nên mới đựng được. Cái nhà, cái bàn, cái tủ, cái tách, cái bình,... đều cũng vậy.

Nhưng “không” bị hạn chế thì mới sanh ra nghĩa lý muôn ngàn thứ khác biệt, nên cái không của cái tách khác với cái không của cái bình, khác với cái không của cái tủ,... Sự thật cái không thì không có khác, tại các thứ đó cùng chung một cái không.

Nếu không có cái không sẵn sàng thì không thể dựng nhà lên được! Không có cái không sẵn sàng làm sao có cái không của cái tách? Kỳ thật, ở trong tách ở ngoài tách, ở trong nhà ở ngoài nhà đều cùng một cái không. Tại do bộ não con người bày đặt nên mới có khác, có nghĩa lý mới sanh ra tranh cãi. Cái không sẵn sàng không có nghĩa lý thì lấy gì để tranh cãi?

Hỏi: Các hành tinh nương theo cái không mà hoạt động. Vậy cái không nương vào đâu?

Đáp: Cái không chẳng có nương ở đâu, vì nó vốn không có. Tất cả nương ở bộ não, tại bộ não cho là có mới thành chướng ngại. vậy cái không chẳng thể kiến lập, nên Phật nói là vô thi (không có bắt đầu), không có bắt đầu thì nương vào đâu được? Vô thi cũng là nghĩa vô sanh (không có sanh khởi), tại có sanh khởi thì phải có sự bắt đầu. Cho nên, người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh hay chứng vô sanh pháp nhãn.

Toán học là công cụ của khoa học, định lý của toán chứng minh có sự sanh khởi. Tại sao? Vì không có con số cực nhỏ, như cứ chia mãi thì con số chỉ nhỏ, chứ không có cực nhỏ được! Tức là cái nghĩa vô thi. Không có số cực lớn gọi là vô chung. Vậy toán học đã chứng minh được.

Hỏi: Ngoại đạo tin có một ông trời sắp đặt tất cả. Vậy đó như thế nào?

Đáp: Đó là bày đặt bày bạ, vì nó không có gì sanh khởi! Như cha mẹ sanh ra cho là bắt đầu, chết rồi nói là cuối cùng, nhưng Trung Quán Luận phá sanh tử: “Nếu nói sanh bắt đầu thì khỏi cần chết có sanh, không cần chết mà có sanh thì cái sanh phải lia chết”, tức là không còn chết.

Sự thật, chứng tỏ không được! Hễ có sanh thì phải chết, không có cái sanh nào mà không chết? Sanh không thể độc lập. Tại sanh không thể lia chết. Còn nói chết bắt đầu thì ai cũng hiểu, vì không có sanh làm sao có chết? Nhưng người ta cứ cho sanh là bắt đầu!

Hỏi: Tại sao còn phá luôn Niết Bàn?

Đáp: Vì không có sanh thì không có Niết Bàn.

- Sao nói Niết Bàn là không sanh không tử?

- Cái không sanh không tử của ông nói là của ngoại đạo. Sanh tử đã không có thì lấy cái gì để không sanh không tử! Tại có sanh rồi mới nói không sanh không tử.

- Như vậy, phá Niết Bàn tức là phá luôn Phật phải không?

- Không phải phá, vì bộ óc chấp mới cần phá; nếu không chấp thì lấy cái gì để phá? Tại nó trống rỗng, ông còn nhiều thắc mắc nên cần phải coi kinh. Nếu ông không có gì để hỏi thì đã tin tụt tâm 100% nên không cần coi kinh nữa.

Hỏi: Sao nói là chơn không diệu hữu?

Đáp: Nếu không có tương đối thì sao có chơn không diệu hữu? Vì không có chơn không thì phải có giả không. Không thể kiến lập tức là vô thì cũng là vô sanh, đã không có sanh khởi làm sao sanh khởi diệu hữu chơn không? Phật không thể kiến lập có biên hay không biên, phạm có tương đối là không đúng với thực tế, tại thực tế không có tương đối.

Hỏi: Phật thuyết pháp cho chúng sanh nghe, như nắm lá trong rừng cây. Vậy như thế nào?

Đáp: Chơn tâm bao gồm tất cả, mà Phật cũng không thể biết được. Nếu Phật biết được chơn tâm thì chơn tâm thành sở biết, chơn tâm chỉ là trống rỗng; đã trống rỗng thì lấy cái gì để biết? Không có gì để biết tức là biết tất cả.

Hỏi: “Có nhiều xá lợi, không bằng trả lời được câu chuyển ngữ của tôi”. Câu trên nghĩa như thế nào?

Đáp: Có một Thiền Sư kiến tánh ở núi bên nay, có một vị ngoại đạo có thần thông ở núi bên kia. Đệ tử của Thiền Sư thấy vị ngoại đạo biến hóa, rồi kể lại cho Thiền sư nghe. Thiền Sư nói: “Ngoại đạo biến hóa không bằng tôi không thấy không nghe”, vì không thấy không nghe là thấy nghe không mất, còn khi họ chết rồi biến hóa cũng sẽ hết.

Ngoại đạo chết đem thiêu có nhiều xá lợi. Đệ tử của Thiền Sư kể lại cho Thiền Sư nghe. Thiền Sư nói: “Có nhiều xá lợi, không bằng trả lời được câu chuyển ngữ của tôi”. Trả lời được tức là kiến tánh (ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh). Có biến hóa giỏi vẫn còn ở trong sanh tử luân hồi tự làm chủ không được. Vậy có nhiều xá lợi đâu có liên quan gì!

Xá lợi của Phật, nếu mình không chấp thì có giá trị, còn chấp thì không có giá trị. Xá lợi không có cố định, tùy theo người thấy lớn nhỏ nhiều ít, mà tôi đã chứng tỏ.

Năm 1974 tôi và thầy tôi đi Thái Lan gặp vị sư người Singapo ở trong hang không nói chỉ dùng viết thay cho lời nói. Vị sư này trước kia chưa xuất gia từ một người nghèo, đến khi ông được 50 tuổi là một nhà tư bản giàu có, sau đó ông cưới vợ nhỏ hơn ông 25 tuổi, nhưng được khoảng thời gian một năm, giao tài sản cho vợ rồi phát tâm xuất gia và phát nguyện đi bộ đến cây bồ đề của Phật thành đạo, đi đến chân ra máu mà ông vẫn cố gắng đi, khi đến cây bồ đề thì ông ngày đêm lạy được 49 ngày hiện ra có xá lợi.

Thầy ông khuyên ông nên xa gia đình đệ tu, ông nghe lời rồi sang Thái Lan vào ở trong một cái hang. Chúng tôi ở đó một đêm, vị sư này cho tôi 5 hạt xá lợi và cho thầy tôi cũng 5 hạt xá lợi. Tôi thấy 5 hạt xá lợi rõ ràng, mà sao tôi đem về Việt Nam thấy có 7 hạt? Sau này tôi cho người ta hết, vậy chứng tỏ xá lợi có thể thêm bớt.

Hỏi: Trí huệ và từ bi, vậy cái nào quan trọng hơn?

Đáp: Tôi hỏi ông: Từ bi và bác ái có khác hay là giống?

- Giống nhau.

- Sự thật hai thứ này khác nhau, không có một chút nào giống. Vì bác ái có ngã chấp, còn từ bi là phá hết ngã chấp. Trí huệ của bộ não là vọng tưởng si mê, còn trí huệ của chơn tâm không gọi là trí huệ mà gọi là Bát Nhã.

Từ bi và Bát Nhã không có cái nào quan trọng! Bát Nhã là hiển bày cái dụng của chơn tâm automatic ngày đêm không ngưng. Từ bi là không có ta thì lấy cái gì để nói! Tức là không có từ bi mới gọi là từ bi.

Hỏi: Bây giờ mình chưa thực hiện được từ bi, vì còn có ngã chấp; trong sinh hoạt hàng ngày người ta cần có sự giúp đỡ, nếu học theo Thiền tông cứ lo tu. Như vậy mình nên an tâm để tu hay là để thời gian giúp người ta?

Đáp: Không có nên hay không nên, tại Thiền tông là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Tu là bất biến, còn cảnh đến là tùy duyên; duyên đến mình làm không có sắp đặt trước, cũng như thành linh gặp người ta bị chết đuối, nếu mình biết bơi thì nhảy xuống cứu. Vậy đâu nói là nên hay không nên! Duyên đến thì làm, chứ không nghĩ là nên hay không nên, cũng không phải bỏ việc tu.

Hỏi: Mình là đứa con trong nhà, nếu mình có gia đình là người vợ người mẹ; mức độ mình lo gia đình phải là căn bản hay là mức chu đáo. Nếu lo gia đình mức chu đáo thì phải bận rộn, còn lo căn bản thì mình có nhiều thời giờ rảnh thì bị người ta chê hay chồng con nói không lo chu đáo. Vậy phải làm cách nào?

Đáp: Vì cái đó là có ngã chấp, nếu mình theo Phật pháp thì phải tin nhân quả. Như cha mẹ không thể ăn no giùm con cái, mặc dầu thương cách mấy. Con cái có hiếu với cha mẹ cũng không ăn giùm cho cha mẹ được, ai ăn nấy no.

Nếu mình tin nhân quả thì khỏi cần ăn no giùm cho cha mẹ, để cha mẹ tự ăn, mình khỏi lo; cha mẹ tạo nhân gì thì chịu quả nấy, mình muốn sửa đổi cũng không được. Như Mục Kiền Liên đã chứng quả A La Hán muốn cứu mẹ cũng không được. Mỗi người làm nhân gì thì phải chịu quả đó. Trong Phật pháp chuyên tu gọi là đại hiếu, còn những người ở nhà phụng sự nuôi dưỡng cha mẹ là hiếu nhỏ, vì có nuôi cha mẹ đến chết cũng không giải thoát được, rồi đi đầu thai phải chịu khổ.

Đại hiếu là cảm hóa được cha mẹ tu giải thoát thì vĩnh viễn không bị khổ nữa. Vậy đại hiếu mà hiếu thảo của người thế gian không bằng được. Như Phật Thích Ca trước kia đi xuất gia phải bỏ gia đình, sau ngày thành đạo trở về độ hết cả gia đình. Phật Thích Ca thị hiện như vậy cho mình biết.

Hỏi: Như vậy có phải mình kiến tánh rồi mới độ gia đình không?

Đáp: Không phải, mình tùy duyên không phải tính làm, không thể nói nên hay không nên. Duyên đến thì làm, không có duyên đừng cố ý muốn làm. Tức là việc đã qua không ghi nhớ, vị lai không sắp đặt, hiện tại chảnh trụ.

Hỏi: Phật Thích Ca bỏ hoàng cung đi tu, vì hoàng cung của Phật đầy đủ vàng bạc; còn những người nghèo bỏ đi tu thì con cái ra sao?

Đáp: Đứa con cũng có nghiệp riêng của nó, rồi cũng lớn lên. Bây giờ thấy có nhiều người như vậy, mình lo là ngã chấp.

Hỏi: Khi mình tu giải thoát thì bỏ gia đình phải không?

Đáp: Không phải bỏ và cũng không phải lấy, nếu mình biết nguồn gốc là tâm như hư không vô sở hữu thì không có cái gì để bỏ và không có cái gì để lấy. Các kinh Đại thừa liễu nghĩa nói: “Bây giờ mình thấy có Phật có chúng sanh, có cái này cái kia là do con mắt bệnh mới thấy vậy”.

Mình đã tin bộ não nên khó sửa, Phật có giải thích rất kỹ nhưng người ta khó tin, những Pháp Sư giảng kinh cũng không tin. Như Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Không có vô minh, không có già chết”, vậy đâu có ai tin! Nếu không có già chết thì không có sanh tử, không có sanh tử làm sao có chuyện để cho mình nói? Không có sanh tử làm sao có cha mẹ anh em? Có cái nào để mình lo và có hiểu hay bất hiểu?

Tất cả đều do sanh tử mới có, nên nói: “Sanh tử là việc lớn”. Tu là ngộ vốn không có sanh tử thì tất cả đều giải quyết xong. Mình còn chấp có sanh tử thì có đủ thứ chuyện, như hiểu, bất hiểu, thị phi, tốt xấu, thiện ác,... tất cả đều giải quyết xong gọi là liễu thoát sanh tử.

Tức là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì ra khỏi chiêm bao. Bây giờ mình đang nói chuyện là đang ở trong chiêm bao, mình cho chiêm bao đó là thật, đến chừng mình thức dậy thì mới biết những chuyện đó là chiêm bao, sanh tử cũng là chuyện chiêm bao.

Hỏi: Có hy vọng mọi người trên thế giới được giác ngộ hết chăng?

Đáp: Mình phải hiểu tất cả đều như không có, như hư không trống rỗng. Nếu vậy mình còn lo cái gì nữa! Có người hỏi: Nếu tất cả mọi người đi xuất gia thì ai sanh con để truyền nhân loại? Nhưng rồi nhân loại lại tăng thêm, lương thực không đủ dùng, luôn cả nước sanh hoạt cũng không đủ.

Ở Trung Quốc chỉ cho hai vợ chồng sanh một đứa con, nếu sanh hai đứa là bị phạt, ở Việt Nam chỉ cho sanh hai đứa. Nếu hai người chỉ sanh một đứa con, rồi như vậy cứ bớt dần, bớt đến cuối cùng thì hết. Nhưng không phải vậy, con người lại còn thêm chứ không có bớt!

Hỏi: Muốn xuất gia phải có điều kiện gì?

Đáp: Phải có chánh nhân xuất gia là giải quyết vấn đề sanh tử, nếu trong gia đình cãi lộn hay sự nghiệp thất bại hoặc thất tình đi xuất gia thì có hại cho Phật giáo. Cho nên, giải quyết vấn đề sanh tử thì tất cả đều được giải quyết, vì tất cả đều do sanh tử mới có.

Hỏi: Những người tu pháp môn khác, họ muốn phục vụ chúng sanh nhiều hơn giải thoát sanh tử. Như vậy là như thế nào?

Đáp: Vì không hiểu là vốn không có chúng sanh để độ. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Không có vô minh, không có già chết”, không có già chết, làm sao có chúng sanh để độ? Nên kinh Kim Cang nói: “Độ hết tất cả chúng sanh, nhưng không thấy một chúng sanh được độ”.

Vì những người đó có ngã cho ta để độ chúng sanh, có chúng sanh để cho ta độ. Kinh Lăng Già nói: “Cho ta thuyết pháp, cho ta chúng quả đều là cái ngã, dầu cho chúng đến Niết Bàn cũng là cái ngã”. Ngã chia làm 4 giai cấp: Ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng.

Hỏi: Sư Phụ ngài đây thuyết pháp cho mọi người nghe tức là đã độ chúng rồi phải không?

Đáp: Đó là phương tiện.

- *Người ta cũng dùng phương tiện để độ chúng sanh, tại sao không được?*

- Vì người đó dùng phương tiện mà chấp phương tiện, chấp có chúng sanh để cho ta độ thì không phải là phương tiện. Đây mình biết là không có chúng sanh để cho mình độ, không có mình để độ chúng sanh, nên mới gọi là từ bi. Tức là không có người từ bi và không có người để nhận từ bi, không thấy có vật để cho mình làm từ bi gọi là “tam luân thể không”.

Trang 7

Hỏi: Kính xin Sư Phụ giảng lại tứ tướng?

Đáp: - Bạch Thế Tôn! Nếu giác tâm này bản tánh trong sạch, vì sao bị ô nhiễm, khiến những chúng sanh mê muội chẳng thể ngộ nhập? Xin Như Lai vì chúng con khai thị pháp tánh, để làm đạo nhân cho tương lai, khiến cho đại chúng trong hội này và chúng sanh đời mạt pháp dễ được ngộ nhập.

Ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát nói xong, 5 vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh 3 lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh thời mạt pháp, hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà thuyết.

Khi ấy Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, vọng chấp thật có 4 tướng: Ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, nhận làm 4 tướng điên đảo là thật thể của mình, do đó liền sanh 2 cảnh yêu ghét, vậy nơi thể hư vọng lại chấp thêm một lớp hư vọng nữa. 2 thứ vọng nương nhau sanh ra vọng nghiệp, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có luân hồi.

Kẻ nhàm chán luân hồi lại liền thấy có Niết Bàn, do sự chấp thật ngã tướng này nên chẳng thể ngộ nhập được bản giác trong sạch. Chẳng phải bản giác chống cự với những kẻ năng nhập, vì có kẻ năng nhập (ngã tướng) thì chẳng phải bản giác vậy.

Cho nên, động niệm và dứt niệm đều là mê muội. Tại sao? Vì có bản khởi vô minh đã làm chủ cho mình từ vô thủy rất khó đoạn trừ, phải có huệ nhãn mới trừ được. Vì tất cả chúng sanh, sanh ra chẳng có huệ nhãn, hiện tiền các tánh thân tâm đều là vô minh, vô minh chẳng thể tự dứt vô minh, cũng như người có sinh mạng, sinh mạng chẳng thể tự dứt sinh mạng vậy.

Vậy người nên biết, có người yêu ta tùy thuận với ta thì tâm sanh hoan hỷ, người chẳng tùy thuận thì liền sanh oán ghét. Có tâm yêu ghét để nuôi dưỡng vô minh, làm cho vô minh tương tục mãi, nên cầu đạo chẳng thể thành tựu.

Thiện nam tử! Thế nào là ngã tướng? Những chúng sanh tu hành, tâm biết có sở chứng đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Ví như có người cơ thể điều hòa thư thái, tay chân thư giãn, bỗng quên mất thân ta, vì ăn uống thất thường sanh bệnh hoạn, nhờ thầy thuốc châm cứu thấy đau mới biết có ta còn đây, cho nên người chấp có sở chứng mới hiện ra ngã tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm liễu tri rốt ráo biết có sở chứng, dù chứng đến thanh tịnh Niết Bàn của Như Lai đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là nhơn tướng? Như những chúng sanh tâm có sở chứng, cho kẻ năng chứng là ta, nay tiến thêm một bậc, ngộ biết chúng chẳng phải là ta, ngộ này siêu việt tất cả chúng, nhưng còn giữ tâm ngộ tức là nhơn tướng.

Thiện nam tử! Những tâm biết có năng sở đều thuộc về ngã, tâm dù chỉ còn chút năng ngộ để chứng lý cùng tột của Niết Bàn đều gọi là nhơn tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là chúng sanh tướng? Chỗ này là những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều chẳng thể biết.

Thiện nam tử! Ví như có người nói rằng: “Ta là chúng sanh”, thì biết kẻ nói chúng sanh kia chẳng phải ta cũng chẳng phải người. Sao nói chẳng phải ta? Vì “ta là chúng sanh” thì chẳng phải ta, sao nói chẳng phải người? Vì nói “ta là chúng sanh” thì chẳng phải người cũng chẳng phải ta vậy.

Lược giải:

Nói “ta là chúng sanh” vì chúng sanh là nhiều người nhiều loài. Nay nói “ta” chỉ có một mình ta, như thế thì chúng sanh chẳng phải “ta”; nói người cũng vậy, nghĩa là chỉ có một mình người chẳng phải nhiều chúng sanh, nên nói “ta là chúng sanh” thì chẳng phải “người” cũng chẳng phải “ta” vậy. (lược giải hết).

Thiện nam tử! Nếu những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều là Ngã tướng, Nhơn tướng. Nay tiến thêm một bậc, liễu tri chỗ này là Ngã tướng, Nhơn tướng chẳng thể đến, nhưng còn có sở liễu tri, biết có năng chứng năng ngộ để lìa, nên gọi là Chúng sanh tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là Thọ mạng tướng? Những chúng sanh tiến thêm một bậc nữa, tâm quán chiếu sáng tỏ chiếu soi tâm liễu tri cũng bất khả đắc, chỉ còn một giác thể trong sạch; giác thể này tất cả nghiệp trí trong luân hồi đều chẳng thể tự thấy được, cũng như con mắt chẳng tự thấy mắt, tất cả tịch diệt. Vì trụ nơi tịch diệt thì mạng căn chưa dứt, nên gọi là Thọ mạng tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm chiếu soi thấy tất cả người giác tri và cấu bản của trần lao. Có năng giác sở giác là chẳng lìa được trần lao. Ví như nước canh làm băng tan, nước canh là năng tan, băng là sở tan; khi băng đã tan thì nước canh và băng đều thành nước, năng tan (nước canh) sở tan (băng) đều diệt, nếu còn có kẻ biết băng tan thì còn cái năng biết, cái biết đó là ngã. Nói “còn Thọ mạng tướng” thì nghĩa cũng như vậy.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp chẳng rõ 4 tướng không thật, dù trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ hạnh tu hành, chỉ gọi là pháp hữu vi, rốt cuộc chẳng thể thành tựu tất cả Thánh quả (pháp vô vi), cho nên gọi là “chánh pháp trong đời mạt pháp”. Tại sao? Vì lầm nhận tất cả ngã tướng cho là tướng Niết Bàn; cho có chúng có ngộ mới gọi là thành tựu.

Cũng như có người nhận giác làm con thì tài sản nhà họ chẳng thể thành tựu. Tại sao? Như có người luyện ái ngã, cũng luyện ái Niết Bàn, đè nén gốc luyện ái ngã trở thành tướng Niết Bàn; có người chán ngã, cũng chán sanh tử, chẳng biết gốc luyện ái ấy mới thật là chơn sanh tử vậy. Nay có tâm nhằm chán sanh tử, nên gọi là chẳng giải thoát.

Tại sao biết được pháp ấy chẳng giải thoát?

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp tu tập Bồ Đề, cho sự chứng của mình tự trong sạch, chứng được chút ít cho là đủ, chưa dứt sạch cội gốc của ngã tướng nên chẳng giải thoát. Nếu có người tán thán pháp mình thì liền sanh tâm hoan hỷ, muốn

cứ độ họ; nếu phi báng pháp sở đắc của mình thì liền sanh tâm sân hận. Vậy thì biết cái tâm chấp ngã tướng rất kiên cố, tiềm ẩn trong tạng thức, gặp ngoại cảnh kích thích thì phát khởi hiện hành nơi các căn, mãi chẳng gián đoạn.

Thiện nam tử! Người tu hành vì chẳng dứt sạch ngã tướng nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Nếu biết ngã tướng vốn không, chẳng có bản ngã để cho họ tán thán và phi báng; nay thấy “có ta thuyết pháp” thì ngã tướng chưa dứt, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ mạng tướng đều cũng như thế.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp vì chưa dứt ngã tướng, cho sự thuyết pháp là “do ta thuyết”, nên pháp của họ thuyết là cái bệnh của ngã tướng, chẳng phải thuyết cái pháp của Niết Bàn vậy, cho nên gọi là kẻ đáng thương xót! Dù siêng năng tinh tấn, chỉ tăng thêm các pháp bệnh, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp vì chẳng thấu rõ 4 tướng kể trên, chấp chỗ hành và kiến giải của Như Lai cho là kiến giải của mình, vì chẳng phải do tự mình tu chứng, nên rốt cuộc chẳng thể thành tựu. Hoặc có chúng sanh chưa đắc nói đắc, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn ta thì sanh ganh tỵ, ấy là do chúng sanh chưa dứt ngã kiến, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Chúng sanh đòi mạt pháp muốn tu thành đạo, chớ nên sanh tâm cầu ngộ; người sanh tâm cầu ngộ thì muốn học rộng nghe nhiều để hiểu thêm giáo lý, vậy chỉ thêm đa văn tăng trưởng ngã kiến, chẳng phải người chơn tu.

Người chơn tu chỉ nên tinh tấn hàng phục phiền não, khởi tâm đại dũng mãnh: Niết Bàn chưa đắc khiến cho đắc, phiền não chưa dứt khiến cho dứt. Những tâm tham, sân, si, mạn, siểm khúc, ganh tỵ đối cảnh chẳng sanh, ân ái giữa mình và người tất cả đều tịch diệt, Phật nói người ấy sẽ dần dần thành tựu Thánh quả. Nương theo nhân địa này tu hành để cầu thiện trí thức thì chẳng đọa tà kiến, nếu có sở cầu khác với nhân địa phát tâm kể trên, lại sanh lòng yêu ghét thì chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tịnh Nghiệp Chương nên biết,
Tất cả những chúng sanh,
Đều do chấp ngã tướng,
Luân hồi từ vô thủy.
Chưa dứt sạch bốn tướng,
Chẳng được thành Bồ Đề.
Yêu ghét sanh nơi tâm,
Siểm khúc giữ trong niệm.
Cho nên bị mê muội,
Chẳng thể vào giác thành.
Nếu muốn về cõi Phật,
Phải bỏ tham sân si,
Tâm chẳng luyến ái pháp
(pháp Niết Bàn),
Dần dần được thành tựu.
Thân ta vốn chẳng có,
Yêu ghét do đâu sanh?
Cầu thầy bạn chánh tu,
Thì chẳng đọa tà kiến.

Nếu tâm cầu pháp khác,
Rốt cuộc chẳng thành tựu.

“Ta đã chứng Niết Bàn” thì Thiên tông gọi là mạng căn chưa dứt, cũng còn ngã tướng. Trong kinh Viên Giác diễn tả: “Ngã, Nhân, chúng sanh, thọ mạng”, còn kinh Kim Cang nói: “Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả”. Vì nhận lầm 4 tướng này, nên tu hành không dứt được ngã kiến.

Hỏi: *Bạn bè biết con tu rồi đến hỏi con. Vậy con phải nói làm sao?*

Đáp: Người ta hỏi cái gì, mình thật biết thì nói biết, còn không biết thì nói không biết.

- ***Nhưng cái biết của mình sai thì sao?***

- Nếu mình sợ sai thì mình nói là không biết.

- ***Nhưng nhiều khi tưởng mình đúng thì sao?***

- Nếu có tướng là không phải rồi, tại không có đúng sai. Tương đối có đúng có sai là nhị. Nếu cho lời Phật thuyết đúng hay không đúng đều sai. Tại sao? Vì lời thuyết pháp của Phật muốn lia tương đối, là lia đúng với sai. Ai nói Phật thuyết pháp là người ấy phi báng Phật.

Hỏi: *Bây giờ mình khởi niệm đều là tương đối có phải không?*

Đáp: Không phải, nếu mình không có trước tướng thì không lọt vào tương đối, tức là chỉ có thể lưu bố tướng mà không có trước tướng. Như bậc Thánh nói có hay nói không có cũng được, vì không chấp có là thật có, không chấp không là thật không, chỉ là tùy theo thể gian gọi là thể lưu bố tướng.

Cho nên, chúng sanh nói con trâu thì bậc Thánh cũng nói con trâu, chúng sanh nói con ngựa thì bậc Thánh cũng nói con ngựa (kinh Đại Niết bàn).

- ***Con vẫn hiểu điều đó, nhưng thực hành sao không được?***

- Tại còn có ngã chấp nên mới khó, chưa dứt sạch cội nguồn của ngã. Nếu chưa ra khỏi luân hồi, còn dùng tri kiến luân hồi muốn tìm Viên Giác thì tánh Viên Giác cũng bị luân hồi.

Hỏi: *Có người giải thích “sắc bất dị không, không bất dị sắc”, rằng: Sắc chẳng phải từ không mà có, phải từ duyên mà ra gọi là “sắc bất dị không”; khi sắc hết duyên thì trở lại cái không gọi là “không bất dị sắc”. Giải thích như vậy thì như thế nào?*

Đáp: Họ giải thích như vậy là cho nhân duyên thật. Bài kệ của ngài Long Thọ nói:

Các pháp chẳng tự sanh,
Cũng chẳng từ tha sanh.
Chẳng cộng chẳng vô nhân,
Cho nên nói vô sanh.

Vì nó không phải tự sanh, cũng không phải tha sanh, tại tha cũng là tự, cũng không phải tha và tự cộng sanh, cũng không phải không có nhân sanh (vô nhân sanh). Như cây đào sanh ra cây đào, cây lý sanh ra cây lý, chứ không phải vô nhân mà sanh được! Dù thứ nghĩa sanh đều không được, nên gọi là vô sanh.

Tại sao nói là các pháp chẳng tự sanh? Vì phải có duyên mới có sanh khởi. Còn nói chẳng từ tha sanh là mỗi cái duyên chẳng có tự tánh. Chẳng cộng sanh thì tự với tha còn không có thì lấy gì để mà cộng? Chẳng vô nhân là như muốn giác ngộ thì phải tu mới giác ngộ, chứ đâu phải không tu mà được giác ngộ!

Từ ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), lục nhập (là lục căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), thập nhị xứ là lục căn đối lục trần (lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), thập bát giới là lục căn đối với lục trần sanh ra lục thức (lục thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức), cho đến thất đại (địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức) đều muốn giảng rõ ý này.

Nếu ngộ biết không có cái gì sanh khởi, gọi là vô sanh, người chứng quả gọi là chứng vô sanh pháp nhãn thì giống như con mắt sáng tỏ không thấy hư không có hoa đốm. Nếu con mắt bị bệnh thì thấy hư không có hoa đốm, như bây giờ mình thấy cái này cái kia giống như mắt thấy hoa đốm trong hư không.

Chân thật hư không đâu có hoa đốm, tại con mắt bệnh rồi mới thấy có hoa đốm, tức là bỏ cái thật mà lại thấy cái vọng nên mới thấy hoa đốm. Tuy thấy có hoa đốm nhưng không có bản thể của hoa đốm, chỉ là cái ảo tượng, nó không phải từ chỗ nào đến! Vì con mắt bệnh mới thấy. Nếu con mắt hết bệnh thì không thấy hoa đốm trong hư không. Con mắt hết bệnh thì hoa đốm tự mất, đâu cần phải bỏ hoa đốm!

- Như vậy hoa đốm này có phải là cái duyên không?

- Cái duyên là con mắt bệnh mới thấy hoa đốm, nếu con mắt không bệnh thì không thấy có hoa đốm. Nếu truy cứu hoa đốm từ nhân duyên sanh thì không đúng! Vì nó vốn không có, chuyện không có làm sao là nhân duyên sanh được? Nếu nói là tự sanh cũng không được, tại do con mắt bệnh chứ đâu phải tự nhiên sanh.

Bởi vậy, không phải từ hư không ra và cũng không phải từ con mắt ra. Đã rõ ràng không phải là nhân duyên sanh. Nhưng giảng nhân duyên sanh là sai lầm. Nếu quả tự nhiên có, lúc thấy hoa đốm thì con mắt không có bệnh mới phải! Nhưng tại do con mắt bệnh mới thấy hoa đốm, con mắt không bệnh thấy hư không sáng tỏ không có hoa đốm, nên không phải tự sanh.

Hoa đốm không phải từ hư không ra và cũng không phải từ con mắt ra thì không phải là nhân duyên, không phải tự sanh thì không phải tự nhiên, nên Phật phủ nhận là không phải nhân duyên và không phải tự nhiên, là sự thật chứng tỏ như vậy. Nếu hoa đốm như vậy thì ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới đều như thế.

Hỏi: Sao nói là nhận giặc làm con?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Không phải con mắt thấy, chỉ là tác dụng như cây đèn để chiếu soi, sự thấy là tánh thấy còn gọi là kiến tinh”. Nhưng bây giờ ai cũng cho sự thấy là con mắt, thành ra họ hiểu lầm mà tin theo con mắt.

Phật muốn chứng tỏ sự thấy không phải là con mắt: Trong kinh Lăng Nghiêm có A Nan là đại diện đương cơ trong đại chúng để hỏi Phật, Phật nói với A Nan tức là nói với đại chúng.

Phật dùng cái tay để thí dụ: Ta có cánh tay mới làm nên nắm tay, A Nan có con mắt mới thấy được Như Lai, hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không giống. Tại sao? Ta có cánh tay mới làm ra nắm tay được. Nếu không có cánh tay thì nắm tay làm sao có? Người không có con mắt vẫn còn thấy được.

A Nan nói: Người không có con mắt làm sao thấy?

Phật bảo: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Người ấy sẽ trả lời: Trước mắt sẽ thấy đen tối.

A Nan nói: Thấy trước mắt đen tối, sao gọi là thấy?

Phật muốn giải thích “thấy đen tối vẫn là thấy” thì phải thí dụ thêm. Một người không có con mắt ở trong phòng đen tối không có ánh sáng gì cả, có phải thấy trước mắt đen tối phải không?

A Nan đáp: Phải, thấy đen tối.

Phật nói: Vậy người có con mắt thấy trước mắt đen tối và người không có con mắt thấy trước mắt đen tối, hai thứ đen tối này có khác nhau không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi tiếp: Vậy người không có con mắt, thỉnh linh được con mắt sáng thấy đồ vật sắc tướng trước mắt, phải là con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải, con mắt thấy.

Phật hỏi tiếp: Người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh đốt đèn lên thấy rõ đồ vật sắc tướng trước mắt, có phải đèn thấy không?

A nan trả lời không được. Cây đèn là hiển hiện sắc tướng để chiếu soi như lục căn vậy. Năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) chỉ tác dụng như cây đèn, chứ không phải kẻ thấy, kẻ thấy là tánh thấy. Thấy là nhãn thức mà không phải nhãn căn, nhãn căn chỉ là chiếu soi như cây đèn.

Sáng với tối là hai pháp sanh diệt, lúc sáng thì không thấy tối, lúc tối thì không thấy sáng. Nếu thấy tối là không thấy thì thấy sáng cũng là không thấy. Vì lúc sáng thì không thấy tối cho là không thấy, lúc tối thì không thấy sáng cũng cho là không thấy. Nói thấy thì hai cái đều thấy, thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy. Tại sao thấy tối mà nói là không thấy? Còn thấy sáng cho là thấy! Đó là mâu thuẫn.

Như người có mắt mà không nhờ cây đèn để chiếu soi thì không thấy. Như muốn thấy trái dưa phải nhờ nhãn căn chiếu soi, rồi mới hiện ra hình tướng của trái dưa thì tánh thấy mới thấy được. Nếu không chiếu soi thì chỉ thấy đen tối, như người có con mắt ở trong phòng tối không có đèn chiếu soi thì chỉ thấy đen tối, đâu phải không thấy!

Nhĩ căn là chiếu soi âm thanh, rồi nhĩ thức mới phân biệt là âm thanh gì, như nhĩ căn nghe âm thanh không biết tiếng gì? Chỉ biết có tiếng, còn nhĩ thức phân biệt rõ ràng biết là tiếng già, tiếng trẻ, tiếng đàn ông, tiếng đàn bà,... lục căn đều vậy.

Ý căn chỉ là suy nghĩ không phân biệt có tác dụng chiếu soi pháp trần, còn ngũ căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thì chiếu soi tiền trần (sắc, thính, hương, vị, xúc), còn ý thức là qua sự tư duy mới phân biệt được cái này chánh, cái kia tà, cái này hợp lý, cái kia không hợp lý,...

Cho nên, căn với thức khác nhau. Mình không biết tin theo lục căn thì sai lầm, cho sự thấy là con mắt, cho sự nghe là lỗ tai, cho sự hiểu biết là ý căn, nhưng sự thật là không phải. Do đó mới nói “nhận giặc làm con” là vậy.

Bây giờ khoa học chỉ biết hệ thống thần kinh, tại hệ thống thần kinh là vật chất đều có thể dùng kính hiển vi thấy được. Thức là thể tinh thần không phải vật chất thì không thể thấy được, Phật pháp gọi là tâm pháp, còn vật chất gọi là sắc pháp.

Nên nhà khoa học nhờ cảm giác của lục căn để phán đoán hiện tượng của vũ trụ, những cảm giác được thì họ nhìn nhận là có, còn những cái họ cảm giác không được thì phủ nhận là không có, nhưng thật tế thì không phải vậy.

Hỏi: Chúng con không đủ lòng tin tự tâm. Như vậy có thể dùng định huệ song tu được không?

Đáp: Định huệ song tu là thiên quán chiếu của Đại thừa. Như tông Thiên Thai có Chi Quán thiên: Chi là định, quán là huệ; trong định có huệ, trong huệ có định, định huệ không phải hai. Tông Thiên Thai vì muốn giải thích nên mới nói là chi với quán gồm có tam chi tam quán.

Quán cũng giúp cho chi, chi cũng giúp cho quán, tam quán của tông Thiên Thai là không, giả, trung. Như ban đầu quán tất cả hiện tượng là giả, vì nó biến đổi hoài không cố định. Nhưng quán mãi thấy giả là thật giả thì không thể sanh lại nữa, cho nên thấy giả cũng không phải thật giả.

Rồi lại quán không, quán mãi thì không cũng không phải thật không, vì không với giả là tương đối, nếu thật không thì không sanh ra hiện tượng giả, có hiện tượng giả thì không phải thật không.

Vậy giả cũng không phải thật, không cũng không phải thật thì quán ở chính giữa gọi là quán trung. Nhưng không với giả là hai đầu, không có hai đầu làm sao có chính giữa (trung), thành ra phát ra nghi vấn tức là khởi lên nghi tình giống như Thiên tông.

Thể chơn chi là cao nhất của tam chi, thể là thể cứu cũng như tham cứu, chơn là chơn tâm, chơn như Phật tánh. Ban đầu của tam chi là hệ duyên chi, hệ là dây buột, thường thường người ta quán buột ở dưới rún (đơn điền), có người buột ở tâm,... tốt nhất buột ở rún.

Rồi đến tùy duyên chi, đến thể chơn chi. Nhưng qua các thứ quán đều không phải thì tự nhiên phát nghi là thể chơn chi, tức là không phải không, không phải giả, không phải trung. Vậy là cái gì? Thì giống như tham Tô Sư thiên.

Chi là định, quán là huệ thì đồng thời. Chữ “Thiên” dịch là tịnh lự, tịnh tức là định, lự tức quán cũng là huệ. Cho nên định và huệ hợp lại gọi là thiên (có người giải thích như vậy).

Hỏi: Có phải định và huệ ví như ánh sáng với bóng tối, ánh sáng đến đâu thì bóng tối tan rã đến đó, chúng nó không thể là hai?

Đáp: Cái đó là quán, như bộ óc mình ham tìm hiểu, giống như con khỉ nhảy qua nhảy lại, không bao giờ ngưng, nên ban đầu cần buột nó lại một chỗ gọi là chi (định), nhưng biết không có chỗ để cho mình tham luyến thì nó mới ngưng được nên cần phải quán, quán đến chỗ thực tế là không có cái gì để cho mình nắm bắt.

Có người tâm hoạt động thì không được tịnh, nếu tịnh thì tâm không hoạt động. Nhưng cái này thì tịnh và lự một lượt, nên mới gọi là thiên, rồi người ta gọi là định huệ song tu.

Hỏi: Có phải quán là đã khởi niệm?

Đáp: Quán là khởi niệm, nhưng quán thì giúp cho tịnh, như chỉ quán thiên của tông Thiên Thai, tịnh cũng giúp cho quán, hai cái giúp đỡ nhau nhưng hai cái đồng thời, không phải có trước sau, nên gọi là thiên giáo môn.

Hỏi: Kinh nghiệm mình hiểu và mình tìm hiểu có khác nhau không?

Đáp: Tìm hiểu là tìm hoài, càng tìm càng xa. Công án Pháp Nhãn: Thiên tông có 5 phái (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng). Tổ đầu tiên của tông Pháp Nhãn là Văn Ích Thiên Sư được ngộ đạo cao nhất trong các huynh đệ, nên ông dẫn đầu đi tham học.

Ngày xưa người kiến tánh rồi vẫn còn đi tham học mới đủ cái dụng. Ông đi ngang Thiên Sư Quế Thanh, gặp tuyết rơi nhiều, nên ghé lại nơi này để tránh tuyết. Khi vào

thiền hội cùng đàm chuyện với Thiền sư Quế Thanh, nói đến “trời đất với ta cùng một nguồn gốc” của Triệu Luận.

- Quế Thanh hỏi: Trời đất với Thượng tọa đồng hay khác?

- Văn Ích đáp: Đồng.

- Quế Thanh không nói mà chỉ đưa 2 ngón tay (nhị).

- Các người đi cùng Văn Ích trả lời: Khác.

- Quế Thanh cũng không nói mà chỉ đưa 2 ngón tay.

Bây giờ người ta tưởng đồng là một, phải hai cái trở lên mới gọi là đồng, như trái này đồng với trái kia, nên đồng cũng là nhị, khác cũng là nhị.

Quế Thanh biết những người này chưa kiến tánh, nhưng cũng có công phu nhiều, như trái cây gần chín mùi.

Khi tuyết hết rơi, Văn Ích và những người đi cùng từ giả đi tiếp, đi ra ngoài cửa gặp một tảng đá.

- Quế Thanh hỏi: Bình thường Thượng tọa cho là vạn pháp duy tâm. Vậy tảng đá này ở trong tâm hay ở ngoài tâm?

- Văn Ích đáp: Ở trong tâm.

- Quế Thanh cười và nói: Sao Thượng tọa đi hành cước lại để tảng đá trong tâm vậy?

- Văn Ích mắc cỡ không đi hành cước, trở vô xin ở lại. Mỗi ngày trình kiến giải đều bị Quế Thanh lắc đầu. Trải qua một tháng, Văn Ích nói: Không còn lý gì để trình (lúc đó công phu đã chín mùi).

- Quế Thanh nói: Nếu nói Phật pháp thì sẵn sàng.

- Văn Ích liền ngộ triệt để, rồi nói pháp của Quế Thanh thành tông sư của một tông Pháp Nhãn.

Hỏi: *Bây giờ, người ta tu rồi được cái gì?*

Đáp: Bây giờ, người ta tu là để tìm hiểu, nên càng tìm càng xa, lại giải thích từng chữ danh từ; giải thích chừng nào thì nghĩa kinh càng xa, họ xem Phật pháp như văn học.

- *Căn cơ người tu học còn thấp thì sao khỏi giải thích?*

- Không phải, họ giải thích ý chứ không phải chữ! Kinh Lăng Già nói: “Pháp lìa văn tự”, kinh Lăng Nghiêm nói: “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Cho nên, phải phù hợp với ý của Phật, nếu y văn giải nghĩa tam thế Phật oan, vì ý của Phật thì không phải vậy.

Như Phật nói có thì ý của Phật không phải có, tại có là công cụ để phá chấp không; lúc Phật nói không thì ý của Phật không nói không là dùng công cụ không để phá chấp có.

Những người y văn giải nghĩa nghe Phật nói có cho là chân lý, nghe Phật nói không cho không là chân lý thì nghịch ý Phật. Như giải thích thế nào là chơn không? Thế nào là diệu hữu? Tự cho là lý giải cao, nhưng giải thích rõ chừng nào thì xa với ý Phật chừng này.

Hỏi: *Lục Tổ khi ngộ đạo rồi ẩn trong đám thợ săn 15 năm để dứt trừ tập khí, sao không thấy Lục Tổ tu pháp môn nào?*

Đáp: Ngài Lai Quả nói trong Tham Thiên Phổ Thuyết: “Dứt trừ tập khí (bảo nhậm) là tự động lia tập khí, chứ không phải cần dùng công phu”.

Tập khí là do cảm giác của bộ não, tôi nói vấn đề “cho là” thì tập khí con người khi gặp cảnh tự nhiên “cho là”, như cho là cái này tốt, cho là cái kia xấu,... mà lấy ý mình để xen vào, tức là ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng.

Người dứt tập khí thì đối cảnh không khởi ý cho là phải hay không phải, như thị phi, tốt xấu,... đều không khởi ý niệm. Ban đầu có muốn khởi, nhưng không cần đề nên, chỉ cần bảo nhậm được cái ngộ là hư không trống rỗng thì gặp cái nào cũng tan rã.

Trong kinh Viên giác nói: “Băng gặp nước nóng thì băng sẽ tan”, nước nóng là năng tan, băng là sở tan; nếu băng tan rồi tất cả đều thành nước, đó không phải băng và nước nóng, tức là năng sở đều mất. Còn biết nước nóng là năng, băng là sở thì cũng bị dính mắc.

Vậy, kiến lập tri kiến đúng sai là căn bản của vô minh, mặc dầu có tri kiến nhưng không thấy có tri kiến; thấy giống mù, nghe như điếc nên không bị dính mắc, gọi là bảo nhậm thì tập khí tự động dứt.

Có người hỏi Thiền Sư: Thế nào con mắt ứng dụng mà không thiếu gì?

Thiền Sư trả lời: Giống như một người mù.

Thấy của người mù cũng như không thấy thì sự thấy được cùng khắp. Nếu nổi lên một niệm bị niệm đó làm chướng ngại, nên cái biết không cùng khắp, không có niệm ngại thì cái biết mới cùng khắp.

Hỏi: Ngoài pháp môn Tổ Sư thiền còn có pháp môn nào để giúp người ta bỏ cái ngã không?

Đáp: Nếu có bỏ thì đã chấp thật có rồi, chỉ cần ngộ là hư không trống rỗng, không có cái gì để bỏ và không có cái gì để lấy, không có người lấy cũng không có người bỏ.

- Có phải thực tế đều do cái ngã không?

- Phải rồi, tất cả đều do cái ngã, thành ra chấp ngã nặng chùng nào thì chướng ngại nhiều chùng nấy, nên Phật pháp chỉ là phá cái chấp thôi.

Hỏi: Vì tập khí nhiều nên họ không tin tự tâm, không thể tham Tổ Sư thiền đúng, có cách nào giúp cho họ bỏ được cái ngã?

Đáp: Nếu như vậy thì không được, đã không tin tự tâm làm sao tập khí dứt được? Có người cho là chuyển thức thành trí, mà thức thì dùng năng lượng vật chất, còn trí là dùng năng lượng phi vật chất. Đó là phương tiện.

Nếu thật chuyển thức thành trí tức là ngộ triệt để rồi, đã ngộ rồi thì ai chuyển ai? Có cái gì để chuyển? Hư không vô sở hữu làm sao có chuyển? Vì có cái ta nên mới có sự chuyển. Cái chuyển chỉ là danh ngôn, nếu không bị chuyển dính mắc mới gọi là đại định.

Hỏi: Vừa rồi thầy có nói “vô kiến”, vậy có đồng với “vô niệm” hay đồng “Bát Nhã tam muội” của Lục Tổ không?

Đáp: Vô Tướng Tụng của Lục Tổ nói: “Vô niệm niệm là chánh, hữu niệm niệm là tà”, nhưng chánh với tà còn tương đối, nên tiếp theo: “Hữu vô đều quét sạch” thì phá được tương đối, vì có tương đối thì còn nhị.

Vừa rồi tôi giảng, Pháp Nhân Thiên Sư lúc chưa kiến tánh, ông tưởng mình đã kiến tánh, nên có nói ra là nhị, như muốn trình kiến giải. Cũng có người muốn trình kiến giải cho tôi, tôi cũng tận sức giúp đỡ người đó, vì cứu người đó cũng là cứu Phật giáo.

Nếu người đó có bị phát điên ói máu thì người ta nói “vì người đó học Tổ Sư thiên nên mới bị như vậy” thì Tổ Sư thiên đâu còn gì nữa? Tôi nói với người đó “hãy xem 50 thứ ma ngũ âm, mỗi ngày phải xem 20 lần, nếu không, ông tu đến bậc cao, nó sẽ phát điên ói máu”. Vì người đó cũng có khổ công thích tu. Nếu người không có khổ công thích tu thì không thể phát điên ói máu.

Hỏi: Trường hợp như người đó thì chứng ngại cái gì?

Đáp: Chứng ngại của người đó là cái ta, vì có cái ta thuyết pháp mới nói “tôi thuyết pháp thì người ta dễ hiểu, còn người khác thuyết pháp mà người ta không hiểu”. Người đó gửi thư cho tôi nói: “Khổ công tu 8 năm, lúc ngồi tu được quên thân”.

Khi ấy tôi chưa gặp mặt, tôi gửi thư trả lời: “Dặn y hãy coi 50 thứ ma ngũ âm trong kinh Lăng nghiêm”, sau này gặp y, tôi cũng bảo y coi cái đó. Lần sau nữa, tôi khuyên y coi 50 thứ ma ngũ âm phải 100 lần chứ 99 lần cũng chưa được, rồi không biết y có coi hay không! Nhưng cứ chấp cái ngã lớn quá mới có tham sân si.

Hỏi: Tác dụng đọc 50 thứ ma ngũ âm để làm gì?

Đáp: Đọc 50 thứ ma ngũ âm là để ý mình có lọt vào những cảnh giới đó không? Nếu thấy mình có chứng có đắc thì rất nguy hiểm. Phật dạy A Nan luôn nhắc nhở người đời sau: “Tu hành không được để lọt vào 50 thứ ma ngũ âm”.

Hỏi: Thế nào là niệm Phật mới đúng theo bản ý của Lục Tổ Huệ Năng?

Đáp: Phật Thích Ca dạy 84.000 pháp môn mà pháp môn nào đều cũng có thiền để tu. Không có thiền thì không có tu, nên 3 cấp tu của Tịnh Độ là thiền. Nhưng người tu theo Tịnh Độ không biết, nếu có biết cũng không chịu nhìn nhận.

* Ba cách tu của Tịnh Độ:

1- Thật tướng niệm Phật gần giống như Tổ Sư thiên, tức là khỏi cần vãng sanh, nghĩa là Tâm tịnh thì Phật độ tịnh.

2- Quán Vô Lượng Thọ: Có 16 pháp thiền quán là thiền của Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ không theo kinh Tịnh Độ và cũng không theo Tổ Tịnh Độ dạy, cứ tự mình bày đặt bậy bạ!

3- Trì danh niệm Phật: Mục đích đến nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là thiền định.

Ba cách tu đều là thiền, nhưng lại họ không nhìn nhận là thiền, rồi lại bài xích thiền. Pháp môn của mình tu là thiền, trong kinh của Tịnh Độ cũng có dạy. Kinh Đại A Di Đà nói: “Khi vãng sanh cực lạc rồi Phật A Di Đà dạy tham thiền” giống như Tổ Sư thiên là từ nghi đến ngộ. Không có nghi thì không có ngộ, nghi là nhân, ngộ là quả. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều như vậy.

Tổ Ấn Quang là Tổ thứ 13 của tông Tịnh Độ giải thích “tín, nguyện, hạnh” của tông chỉ Tịnh Độ rất kỹ, có đường lối thực hành rõ ràng. Có số người tự cho mình tu Tịnh Độ mà không biết tông chỉ Tịnh Độ, thế nào là tín, nguyện, hạnh? Họ cứ nói bậy bạ!

Họ không theo lời Tổ dạy mà bày đặt tụng kinh gõ mõ cho là tu Tịnh Độ. Họ niệm Phật đâu phải suốt ngày niệm, lúc nhiều Phật thì họ mới niệm! Dẫu cho suốt ngày niệm Phật chưa phải là Tịnh Độ, vì chưa thực hành tín, nguyện, hạnh.

Hỏi: Thế nào là Tịnh Độ?

Đáp: Tịnh là trong sạch, Quốc Độ trong sạch gọi là Tịnh Độ, còn gọi là cực lạc nghĩa là vui không có khổ, nếu người sanh cõi Tịnh Độ thì có vui mà không có khổ. Như tiểu kinh A Di Đà nói: “Ồ trên Tịnh Độ có gió thổi chim kêu giống như âm nhạc làm cho mình thích tu”, như ở cõi Ta Bà mình ham tiền vậy, cuối cùng rồi cũng thành Phật.

Hỏi: Nếu định nghĩa như vậy, có phải còn chấp thật không?

Đáp: Tịnh Độ còn chấp thật, nên mới độ người hạ căn, rồi qua Tịnh Độ nhờ Phật A Di Đà dạy phá chấp thật, chứ bây giờ họ không tin được.

Hỏi: Cái gì khiến cho không có lòng tin?

Đáp: Không có lòng tin là phát xuất từ có cái ngã. Cho có chứng đắc mới thành tựu, tức là có sở đắc đều là cái ngã. Nếu cho ta thuyết pháp là thuyết cái ngã, không phải thuyết pháp Niết Bàn. Cho nên, có siêng năng tu tập chẳng có ích lợi gì! Nếu không phá cái ngã thì tu thành tà ma ngoại đạo.

Hỏi: Ngũ gia tông phái còn truyền thừa không?

Đáp: Lâm Tế, Tào Động ở Trung Quốc vẫn còn, Pháp Nhãn ở Đại Hàn cũng còn. Pháp Nhãn, Vân Môn, Quy Nguỡng ở Trung Quốc đều tuyệt truyền. Lâm Tế, Tào Động ở Nhật là giải công án, không phải tham công án, tức là họ không bao giờ ngộ được. Giải thích công án là đóng bít cửa ngộ, vì không còn nghi nữa.

Họ dùng bộ não đi tìm hiểu đáp án của công án để giải thích, họ không biết tác dụng công án là để cho người ta ngộ, chứ không phải để cho người ta hiểu! Tại họ làm cho người trí thức được thỏa mãn sự tìm hiểu, người trí thức tưởng là mình không giải thích được, còn Thiền Sư giải thích thì hay hơn mình.

Hỏi: Tham Tổ Sư thiền mà không khởi được cái nghi thì làm sao?

Đáp: Họ phải giữ cái “không biết”, vì họ ngược lại. Theo Tổ Sư thiền là dùng cái không biết của bộ não để chấm dứt các biết của bộ não (tìm hiểu biết, suy nghĩ, ghi nhớ biết), 3 cái biết này chấm dứt thì đến thoại đầu. Họ không những không chịu chấm dứt, lại tìm hiểu nghi tình, cho có nghi tình đắc được, nghi tình lớn, nghi tình nhỏ,... đó là dùng cái biết, chứ không phải dùng cái không biết để chấm dứt, tức là che khuất thêm, đâu có dẹp che khuất!

Mục đích của câu thoại đầu là kích thích lên niệm không biết, chứ không phải để cho người tham thiền tìm hiểu đáp án của câu thoại đầu. Bây giờ nhiều người muốn tìm hiểu đáp án của câu thoại đầu, thành ra giống như thiền của Nhật Bản, thiền của Đại Hàn là tìm đáp án của công án.

Muôn ngàn câu thoại và công án là chỉ có mục đích kích thích lên niệm không biết, khán là nhìn chỗ không hiểu không biết; chỗ không hiểu không biết thì không có chỗ, không có mục tiêu để nhìn, nên nhìn mãi không thấy gì vẫn không biết, hỏi và nhìn song song để giữ cái không biết, gọi là nghi tình. Biết nghi tức là không có nghi, không biết mới là nghi tình.

Hỏi: Cư sĩ phạm giới tà dâm, tức là tự động phạm những giới còn lại có phải vậy không?

Đáp: Cư sĩ thì khác với người xuất gia, Sa Di và Tỳ Kheo cũng khác, như Tỳ Kheo phạm giới dâm thì bị tứ hình (ba la di), Sa Di thì bị độn kiết la (tội cấp thứ 5), nhưng tội cấp thứ 5 cũng bị hai, ba trăm ngàn năm địa ngục, còn phạm ba la di phải bị 9 triệu

năm địa ngục, kiếp này bị tử hình, tức là bị mất Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, muốn được Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni thì phải kiếp sau.

Tội ba la di cũng có thể sám hối diệt tội, nhưng tội chết không thể sám hối được, chỉ là giữ được Sa Di, tức là Tỳ Kheo không còn. Sau khi phạm nửa tiếng liền báo với Tăng đoàn xin sám hối. Rồi Tăng đoàn mới cử 20 vị để làm pháp yết ma sám hối, người xin sám hối phải sẵn sóc 20 vị này nửa tháng, như giặt đồ, quét nhà, nấu cơm,... qua nửa tháng thì 20 vị đồng ý cho sám hối mới được sám hối. Nếu một người trong 20 vị không đồng ý cho sám hối thì yết ma không được thành tựu, vì yết ma của nhà Phật thì phải có sự đồng ý 100%.

- Cư sĩ phạm giới tà dâm, rồi 4 giới kia phạm luôn là không đúng, vì cư sĩ thì khác. Cư sĩ phạm giới tà dâm cũng không bị tội địa ngục. Cư sĩ phạm ngũ giới thì sám hối với người có thọ ngũ giới, tự nói là: “Tôi phạm như vậy... xin ông (bà) chứng minh cho, sau này tôi không dám phạm nữa” thì diệt được tội phá giới.

Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni cũng khác, Tỳ Kheo có 4 tội ba la di phải bị tử hình, còn Tỳ Kheo Ni có 8 tội ba la di phải bị tử hình, Tỳ Kheo có 250 giới, Tỳ Kheo Ni có 348 giới.

Hỏi: Người cư sĩ phạm giới tà dâm thì phải làm sao?

Đáp: Phải sám hối mới diệt được tội phá giới.

- Sám hối với Phật phải không?

- Sám hối trước bàn thờ Phật không có kết quả. Tại sao? Vì đâu có ai thấy để chứng minh! Đối với nhà Phật thì phải sám hối với người, có người đó chứng minh, sau đó không dám phạm nữa, tại sợ người đó biết.

Như Sa Di phạm giới phải sám hối với người có thọ giới Sa Di, những tội nhẹ của Tỳ Kheo cũng vậy, nhưng các tội khác của Tỳ Kheo muốn sám hối lại khó hơn. Tội của người xuất gia muốn sám hối phải qua sự yết ma, yết ma lớn nhất là 20 người, thấp là 10 người, 4 người, tùy theo trường hợp. Yết ma sám hối của nhà Phật có khoảng 2 trăm thứ.

Hỏi: Các vị Tu Sĩ tông Tịnh Độ gặp nhau chào là: “A Di Đà Phật” thì các vị Thiên tông gặp nhau làm sao?

Đáp: Đó không phải vậy! Gặp nhau vắn tín (xá) tức là chào nhau, như người tại gia muốn đánh lễ người xuất gia, nhưng người xuất gia đang ăn cơm hay đang làm việc gì thì không đánh lễ được, nên phải vắn tín.

Hỏi: Vắn tín có phải tùy theo mỗi địa phương của mỗi nước khác nhau không?

Đáp: Thuộc về giá giới mới khác được, tánh giới (sát, đạo, dâm, vọng) thì không thể khác. Như phong tục tập quán ở Ấn Độ, Tu Sĩ không được làm ruộng, mà đi khát thực; còn phong tục tập quán ở Trung Quốc, Tu Sĩ đi khát thực thì người ta coi như con sâu ăn gạo, không có ích lợi cho xã hội, nên Tu Sĩ phải trồng trọt để ăn thì người ta mới khen. Cho nên, Tu Sĩ ở Trung Quốc trồng trọt là giữ giới, ở Ấn Độ trồng trọt là phạm giới. Đó là tùy theo phong tục tập quán của mỗi địa phương.

Tại sao Phật lại chế ra như vậy? Phật muốn bất cứ nước nào, địa phương nào đều hoan nghinh Tu Sĩ Phật giáo, như vậy mới hoằng pháp khắp thế giới được, nên những giá giới tùy theo truyền thống phong tục địa phương mà thay đổi.

Hỏi: Thế nào là khai, giá, trì, phạm?

Đáp: Khai là những giới mình làm có phạm, nhưng vì trị bệnh hay có hoàn cảnh khác, mình công khai trước mọi người làm việc đó thì không phạm.

Giá là che, tức là che miệng của thế gian đừng phê bình công kích Tu Sĩ Phật giáo. Nếu người thế gian công kích phê bình Tu Sĩ Phật giáo, làm sao Tu Sĩ hoằng pháp? Cho nên, Phật mới chế giá giới tùy theo tập quán phong tục của mỗi địa phương. Trì là giữ giới, phạm là phạm giới.

Hỏi: Như vậy có phải mỗi giới riêng biệt nhau không?

Đáp: Tánh giới (sát, đạo, dâm, vọng) thì Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni bằng nhau. Đại vọng ngữ khác với tiểu vọng ngữ, đại vọng ngữ là chưa chứng mà nói đã chứng, chưa đắc quả mà nói đã đắc quả, đó là tội ba la di. Tiểu vọng ngữ là như nói dối, nói thêu dệt, nói lừa hai chiều, nói lời hung ác.

Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm tánh giới là tử hình (mất Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni) tức là bằng tử hình của người thế gian, muốn có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thì phải kiếp sau thọ lại, chứ kiếp này không được.

Hỏi: Sư Phụ nói đại vọng ngữ là chưa chứng mà nói đã chứng, có hai loại: Loại thứ nhất là họ gạt người ta, tự mình biết chưa chứng mà nói đã chứng; còn loại thứ hai là họ tu chưa chứng mà tưởng mình đã chứng. Như vậy loại thứ hai có coi là đại vọng ngữ không?

Đáp: Trong giới luật nhà Phật phạm đại vọng cũng là vọng ngữ. Những người nhập ma phát điên vì họ có ý đó mới phát điên nói ra vậy, nếu họ không có ý đó thì không thể nói ra vậy. Cho nên theo giới luật nhà Phật những việc đó đều là tội ba la di.

- Có phải tu sai là phát điên không?

- Phải, nếu không phá ngã chấp mà tu đến mức cao rồi sẽ phát điên. Nên Phật thường nhắc nhở trong 50 thứ ma ngũ âm và cũng dặn A Nan nên nhắc nhở chúng sanh đời sau.

Vi không phá ngã chấp nên tu sẽ thành tà ma ngoại đạo. Vì vậy chánh pháp là phải phá ngã chấp. Kinh Viên Giác nói: “Cho mình có thuyết pháp, có chứng có ngộ đều là cái ngã”.

Hỏi: Vọng tưởng hết có phải vào định chưa?

Đáp: Đó là tà định, không phải chánh định; chánh định còn gọi là tam muội, không có tương đối.

- Làm sao để cho người ta hiểu?

- Phật đã nói rất kỹ, nhưng người đó không hiểu là do người đó, chứ không phải do Phật!

Hỏi: Thế nào là chánh định?

Đáp: Lục Tổ nói: “Hữu niệm niệm là tà, vô niệm niệm là chánh”, nhưng chánh tà còn tương đối, nên câu tiếp theo: “Chánh tà đều quét sạch, mới trong sạch đến cùng tột”, tức là chánh và tà không còn.

- Có phải kiến tánh rồi mới được chánh định không?

- Mục đích là đến chỗ đó.

- Trước đó còn tịnh là còn trong tương đối phải không?

- Phải rồi, tức là còn cái ngã.

Hỏi: Sư Phụ dạy “Hỏi và nhìn, 2 cái song song tiến hành”, nhưng Sư Phụ không nói cách ngồi; như các trường phái thiền khác dạy “Nếu ngồi đúng thì giúp cho mình tịnh”. Như vậy như thế nào?

Đáp: Lục Tổ nói trong Pháp Bảo Đàn “Tọa là tâm tọa, chứ không phải thân tọa”, vì người ta chấp cái thân. Lục Tổ nói “Ngồi lâu trói thân có ích lợi gì!” Và nói:

Lúc sống ngồi chẳng nằm,
Khi chết nằm chẳng ngồi.
Vốn là đồng xương thú,
Đâu thể lập công phu?

Vì thân sau này biến thành tro biến thành đất, còn tu là tu cái tâm tồn tại vĩnh viễn không có liên quan với cái thân ngồi, cho nên ngồi là cái tâm, chứ không phải là cái thân.

Hỏi: Những người sơ cơ mới tu thì thân tâm của họ còn xao động, nếu ngồi có thể giúp cho họ được tịnh bước đầu. Có nên tập như vậy không?

Đáp: Như vậy không nên. Tại sao? Vì tánh con người lúc tịnh dễ nhập, động khó nhập. Như tịnh thì 3 tháng vô cửa, còn động 3 năm mới vô cửa; như vậy động nhập được phải khó hơn tịnh 10 lần. Nhưng tịnh 3 tháng vô cửa mà 300 năm không thể kiến tánh, còn động 3 năm vô cửa thì 4 năm có thể kiến tánh, như thế lại nhanh hơn.

Tại sao? Vì chấp tịnh lúc ngồi mới có, khi đứng dậy thì hết. Đâu có thể mình không ăn cơm và không làm việc sao? Ngài Lai Quả nói: “Động cũng không động đến tôi, tịnh cũng không tịnh đến tôi”, do tâm định nên động tịnh không bị ảnh hưởng, nên mau kiến tánh. Cho nên, tịnh dễ nhập nhưng lâu kiến tánh, còn động khó nhập nhưng mau kiến tánh là vậy.

Hỏi: Hỏi và nhìn, con thấy không có chỗ nào để tập trung. Như vậy có đúng không?

Đáp: Không có chỗ để tập trung mới đúng. Vì tâm như hư không vô sở hữu thì không có chỗ, nếu có chỗ thì không cùng khắp không gian, là không phải trống rỗng. Nên gọi là tánh không, vì không có chỗ để trói buộc thì sẵn giải thoát, chứ không bị trói rồi mở trói mới giải thoát.

Hỏi: Pháp môn khác càng tập thì đầu óc càng tập trung, tham Tổ Sư thiền càng tham thì đầu óc không thấy tập trung phải không?

Đáp: Phải rồi, vì ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy, Tổ Sư thiền là như vậy, không cho tập trung, không cho cố gắng.

- Có phải trong khi như vậy có một khoảng trống?

- Cái trống rỗng không thấy gì, không hiểu gì là đúng. Vì trống rỗng nên gọi là vô sở trụ, nếu có sở trụ làm mất hoạt bát vạn năng tự tánh.

- Như vậy lâu ngày mình có mất hết khả năng tập trung không?

- Tập trung làm gì? Tập trung là chướng ngại sự tham thiền.

- Như mình làm việc gì hay học hỏi cần phải tập trung thì sao?

- Cái tập trung đó là thói quen của bộ não, khi mình đến mức độ đó rồi khỏi cần tập trung, mình cũng làm việc được vậy! Mà làm việc còn nhanh hơn gấp bội. Như cô thợ may, lúc chưa tham thiền phải tập trung, một ngày may được một bộ, sau này đang tham thiền không có tập trung mà may được hai bộ, đường chỉ ngay thẳng hơn. Nhưng không biết tại sao?

Có cuốn sách viết, họ cũng biết có lực trường khắp không gian và có nhà chuyên môn để thí nghiệm. Như hư không vô sở hữu thì không có, nhưng cái dụng rõ ràng. Bất cứ cái gì, mặt trời, mặt trăng, đất đai, nhà cửa,... đều nhờ vô sở hữu dung nạp và ứng dụng. Mình đang nói chuyện và nhìn thấy nhau đều nhờ không gian vô sở hữu mới nói chuyện và thấy nhau được.

Vậy cái dụng rõ ràng là do vô sở hữu nên mới dùng và dung nạp. Vô sở hữu thì không có cái gì để cho mình thấy nghe được. Bản thể tìm không ra, nhưng cái dụng thì trước mắt. Nên người Tây phương theo cái dụng đó, dần dần sẽ phát hiện được những phát minh mới. Trong Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21, tôi gọi là từ trường, người ta gọi là lực trường. Lực là cái sức cũng gọi là năng lượng.

Có nhiều người chưa tham Tổ Sư thiền, tại kiếp trước họ cũng có năng lượng đó, lúc bộ não ngưng hoạt động thì họ làm việc sáng suốt hơn. Các nhà khoa học tạo ra những cái máy tân tiến cũng có thể làm cho người ta tin cái năng lực đó.

Hỏi: Trước khi làm lễ xuất gia thầy có giảng “xuất gia là giải thoát sanh tử, chứ không phải làm những công việc của thế gian”. Lễ xuất gia ở chỗ khác, họ có làm như vậy không?

Đáp: Năm giới người cư sĩ, 4 giới (sát, đạo, dâm, vọng) là căn bản. Nếu họ giữ được hoàn toàn thì liễu thoát sanh tử. 5 giới của cư sĩ, 10 giới của Sa Di, Sa Di Ni, 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni đều 4 giới này làm căn bản.

Nhưng người cư sĩ phải ứng phó cuộc sống thì có chướng ngại nhiều, nên Phật lập phương tiện làm hạnh xuất gia một ngày một đêm tu Bát Quan Trai, Bát Quan Trai chỉ có 9 giới trong 10 giới của Sa Di (trừ giới không cầm tiền bạc). Những người thọ giới Bồ Tát, Phật còn bắt buộc phải một tháng có 6 ngày đêm Bát Quan Trai để tập dần dần cho quen.

Hỏi: Người Bồ Tát tại gia có bao nhiêu giới?

Đáp: Người cư sĩ thọ Bồ Tát tại gia gồm có 6 giới trọng và 28 giới khinh. Bồ Tát xuất gia có 10 giới trọng và 48 giới khinh. Bao nhiêu tuổi đều cũng được thọ Bồ Tát giới.

Hỏi: Xuất gia là trên cầu Phật đạo, dưới là độ thoát chúng sanh. Vậy như thế nào?

Đáp: Như vậy là lẽ tự nhiên, vì liễu thoát sanh tử thì đâu có sanh tử để liễu thoát? Là ngộ vốn không có sanh tử, tức là ngộ pháp vô sanh. Thành Phật thì tự nhiên sẽ độ chúng sanh, nhưng không có năng độ và sở độ (không còn có ta). Bây giờ, ở nơi nhân địa thì còn chấp sanh tử, nên vì có sanh tử để liễu thoát; khi đã ngộ thì biết không có sanh tử, nên gọi là liễu thoát sanh tử. Cho nên Tịnh Độ cũng nói: “Hoa khai kiến Phật, ngộ vô sanh”.

Hỏi: Chân lý của vũ trụ này là chỉ có một, nhưng tâm hiểu chân lý và tâm ngộ chân lý. Vậy hai cái khác nhau như thế nào?

Đáp: Phật giáo không kiến lập chân lý, Phật giáo khác hơn các tôn giáo khác, vì tất cả tôn giáo khác đều có kiến lập chân lý. Tại sao? Không phải Phật giáo không có chân lý, tại chân lý đã sẵn có tức là chân tâm. Nếu kiến lập chân lý thì giống như trên đầu mọc thêm đầu. Nhưng cái đầu này đủ dùng, nếu thêm một cái đầu nữa thì làm chướng ngại cái đầu có sẵn, phải mời bác sĩ cắt bỏ mới được.

Tâm hiểu biết là hoạt động của bộ não che khuất cái biết của chơn tâm; cái biết của bộ não là cái biết tương đối, cái biết chơn tâm là bất nhị không có tương đối. Có người

hỏi: Tham Tổ Sư thiên là dùng cái không biết để tu, tu đến thạo đầu thì sắp kiến tánh, sắp kiến tánh thì sắp biết phải không?

Tôi nói: Không phải, không được nói là sắp biết.

Người ấy hỏi: Không được sắp biết thì giống như gỗ đá không biết gì sao?

Tôi nói: Không phải vậy, cái biết chơn tâm không bao giờ ngưng, nếu ngưng rồi biết lại thì nói là sắp biết được. Nhưng người ấy cũng chưa hiểu, tôi thay đổi câu hỏi là: “Trời gần sáng rồi, mặt trời sắp chiếu, vậy có được không?” Không được. Mặt trời không thể nói là sắp chiếu. Tại sao? Mặt trời đâu có ngưng chiếu! Mặt trời ngưng chiếu thì nói sắp chiếu được, mặt trời không phải đến sáng rồi mới chiếu.

Chơn tâm của mình cũng vậy, nó đâu có ngưng biết hồi nào? Mà nói sắp biết! Bây giờ cái biết chơn tâm không hiện ra là bị che khuất, cũng như không thấy mặt trời là bị mây đen che khuất. Cho nên, Phật dạy thiên là để dẹp các thứ che khuất (biết và không biết của bộ não), nhưng những thiên ấy dẹp các che khuất có sâu cạn khác nhau.

Như thiên của Tiểu thừa là Ngũ Đình Tâm quán (5 thứ thiên quán) đình chỉ hoạt động của tâm (bộ não). Bây giờ phần nhiều người ta tu Sở Túc quán và Bất Tịnh quán, còn 3 thứ quán kia (Nhân Duyên quán, Từ Bi quán, Lục Thức quán) không thấy ai tu. Năm thứ thiên này là muốn tiêu diệt lục căn, vì lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra phiền não.

Nhưng lục căn đối với lục trần là vật chất, ngài Nguyệt Khê nói theo triết học là Duy Vật luận; tiến thêm 1 bước là Trung thừa biết đoạn dứt lục căn không được, vì lục căn hoạt động là do nhất niệm vô minh, niệm đây cứ khởi hoài từ niệm này qua niệm kia, chứ không phải có quan hệ với lục trần, nên nói là Duy Tâm luận. Tức là Trung thừa phải đoạn dứt niệm vô minh.

Đến Đại thừa biết hai thừa trên chưa đúng hoàn toàn, tức là Tiểu thừa là phá ngã chấp, Trung thừa là phá pháp chấp, Đại thừa là phá ngã chấp pháp chấp thì chấp vào không gọi là không chấp, cho tất cả đều không, nên Đại thừa thì tâm với vật hợp một.

Tổ Sư thiên còn gọi là Tối Thượng thừa không phải tâm với một hợp một, mà là phi tâm phi vật.

- Vô thừa là sao?

- Vô thừa là không có thừa nào khác, không phải Trung thừa, Đại thừa, cho nên Tối thượng thừa cũng gọi là Phi thừa. Vì thừa này không có thuộc về tam thừa.

Hỏi: Sư Phụ thường dạy không được cầu ở nơi Phật Thánh, còn các chỗ khác thì dạy hãy cầu nơi Phật Thánh. Tu Tổ Sư thiên thì không có cầu, mà chỉ hỏi và nhìn. Như vậy như thế nào?

Đáp: Cầu cho nhanh ngộ cũng không được, tu là muốn giác ngộ đúng như nghĩa chữ “Phật”. Tu mục đích muốn ngộ, tại sao không được cầu ngộ? Người tu liễu thoát sanh tử thì đâu có thể nào đi cầu cho Bồ Tát phù hộ? Đó là cái ngã vì cá nhân. Nếu có cầu ngộ để độ chúng sanh cũng không được.

Hỏi: Khi tham thiên gặp cảnh ngoài còn thấy sợ, muốn cầu Quán Thế Âm phù hộ. Vậy có được không?

Đáp: Như vậy tin tự tâm chưa đầy đủ, nên mới có sự cầu. Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên có điều thứ nhất là: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Có

cầu mà tu đến cao nên ma của 50 thứ ma ngũ âm mới nhập được. Như mình muốn cầu Bồ Tát và Phật thì ma hiện ra Bồ Tát và Phật.

Hỏi: Khi mình gặp chuyện gì nhưng không cầu mà ở trước bàn thờ Phật lễ Phật, tụng kinh để cho tâm nghĩ đến Phật và biết mình có chơn tâm bằng Phật làm cho mình đầy đủ niềm tin thêm. Vậy có được không?

Đáp: Không phải là phải lễ Phật hay bắt buộc lễ Phật, trong Thiên tông có công án: Một Sa Di gặp Hoàng Bá (kiến tánh triệt để) lễ Phật, Sa Di nói: Đó là tượng đất tượng gỗ mà lạy làm chi?

Hoàng Bá muốn phá chấp Sa Di, nói: Vì tôi kính Phật nên phải lễ.

Sa Di nói: Tượng Phật tượng gỗ mà!

Hoàng Bá liền bạt tai Sa Di và nói: Tôi phải lạy như vậy mới phải.

Sa Di đó sau này làm vua, ông không vì bạt tai mà trả thù, lại còn phong Hoàng Bá là “Đoạn Tế Thiền Sư”.

-Đệ tử của Hoàng Bá là Lâm tế, Viên chủ hỏi: Lễ Phật trước hay lễ Tổ trước?

Lâm Tế biết Viên chủ chấp nên nói: Phật và Tổ cũng không lễ.

Nhưng thực tế không phải là lễ hay không lễ, tức là tùy bệnh cho thuốc. Cho nên, lời của chư Phật chư Tổ là để phá chấp của chúng sanh, vì phá chấp mới ngộ đạo được, đến khi ngộ cũng không được chấp cái ngộ.

Hỏi: Nếu tham Tổ Sư thiền mà chấp vào chỗ không cầu thì sao?

Đáp: Nếu không cầu thì cũng còn chấp vì lọt vào một bên, chấp cầu và không cầu là tương đối.

Hoàng Bá và Lâm Tế là hai thầy trò, bây giờ tất cả con cháu của Tổ Sư thiền phần nhiều do Lâm Tế truyền xuống. Nhưng một người thì lễ Phật, còn một người thì không lễ Phật, đâu phải là nghịch nhau! Hai vị đều cùng một mục đích.

Nếu tham thiền đúng thì không có dính líu đến với vô sở cầu, khi tâm mình có sở cầu thì đó là cái ngã. Cho nên kinh Viên Giác là phá sạch cái ngã đó. Nhiều người đã đọc kinh Viên Giác, nhưng họ không để ý, cứ theo thói quen thành kiến đã sẵn.

Hỏi: Tin tự tâm chỉ có công phu mới có, chứ đâu khao khát mới có được phải không?

Đáp: Tôi hỏi Cư sĩ: Ông có tin ông có Phật tánh không?

Cư Sĩ đáp: Tin.

Tôi hỏi: Phật tánh có giảm bớt được không?

Cư Sĩ đáp: Không.

Tôi hỏi: Phật tánh có gián đoạn được không?

Cư Sĩ đáp: Không.

Tôi nói Phật tánh của ông không có giảm bớt thì Phật tánh của ông và Phật tánh của Phật Thích Ca bằng nhau, Phật Thích Ca có thần thông, trí huệ bao nhiêu thì ông cũng có bấy nhiêu, không có kém hơn của Phật Thích Ca một chút nào cả. Nếu kém hơn Phật Thích Ca một chút thì có thể giảm bớt. Cư sĩ đó cũng biết rồi, nhưng lại không tin tự tâm.

Phật tánh không thể gián đoạn thì ông cũng là Phật, nếu không phải tức là gián đoạn. Nhiều người biết mình có Phật tánh nhưng không tin, nếu tin theo cái biết của mình thì đã đầy đủ.

- Làm sao mình từ cái biết không tin đi đến cái tin?

- Tại tin theo bộ não thành thói quen, cha mẹ sanh ra mình đã dạy tin theo bộ não, vô trường thầy cô giáo cho đến xã hội và nhà khoa học, triết học đều dạy như vậy.

Nhà khoa học ở Luân Đôn danh tiếng khắp thế giới, hiện nay là giáo sư dạy toán mà lại nghịch lý với toán; định lý của toán là không có con số cực nhỏ tức là không có con số bắt đầu, mà ông còn lại tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sanh mạng, rõ ràng là nghịch với định lý của toán! Vì tin bộ não quá rồi quên định lý toán. Cho nên, Phật nói là tập khí đã từ lâu đời, bây giờ gọi là cơ nhân.

Ông người Mỹ hỏi: Mình dạy bắt đầu từ nhỏ có được không?

Tôi nói: Được, nhưng cũng chưa chắc được. Tại sao? Vì cái cơ nhân truyền từ cha mẹ, cái cơ nhân đó đã sẵn có. Nên Lục Tổ đã kiến tánh triệt để mà còn trải qua 15 năm để dứt tập khí. Vậy tập khí không dễ gì mà dứt.

Trang 8

Hỏi: Có phải Sư Phụ nói kiến tánh rồi tập khí dễ dứt hơn không?

Đáp: Phải, kiến tánh rồi dứt tập khí gọi là bảo nhậm, bảo nhậm là chỉ bớt tập khí, chứ không có thêm tập khí.

Hỏi: Người giải ngộ có dễ dứt được tập khí không?

Đáp: Không, họ có thể tăng thêm tập khí, tại chấp cái giải ngộ. Người giải ngộ tinh tấn tham thiền miên mật thì mau kiến tánh, còn không tham thiền thì sẽ mắc kẹt tri giải. Người chứng quả khỏi cần qua sự giải ngộ cũng được. Giải ngộ là cái ngộ của bộ não tức là nhận biết của bộ não, còn chứng ngộ là dẹp hết cái biết của bộ não.

Hỏi: Nếu bộ não chỉ biết những gì tương đối thì còn ở trong tương đối, sao gọi là giải ngộ?

Đáp: Giải ngộ là hiểu biết hơn người thường, cũng như đọc kinh không hiểu, rồi thành linh hiểu gọi là giải ngộ. Nhưng hiểu này là hiểu của bộ não, còn chứng ngộ thì không có hiểu, do chơn tâm hiện lên không phải hiểu và cũng không phải không hiểu.

Hỏi: Trên vũ trụ này có loài người trước hay có thực vật và các động vật khác trước?

Đáp: Không có cái nào trước, vừa rồi tôi có nói định lý của toán học đã chứng minh là không có trước, Phật đã nói là không có bắt đầu; nếu có trước tức là có bắt đầu, nên bây giờ muốn chỉ cái nào bắt đầu cũng không được. Như nhà khoa học hỏi con gà có trước hay trứng gà có trước? Nhưng ông cũng không giải đáp được, đó là muốn tìm bắt đầu của sanh mạng.

Nếu cho con gà có trước được không? Không được. Vì không có trứng gà làm sao ấp ra con gà? Rồi nói trứng gà có trước được không? Không được, không có con gà làm sao sanh ra trứng gà? Hai cái đều không thể có trước, nên nói là không có bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh, nếu có sanh khởi thì phải có bắt đầu. Vậy người ngộ đạo là ngộ pháp vô sanh, ngộ pháp vô sanh là liễu thoát sanh tử, tại không có sanh thì không có sanh tử để liễu thoát.

Ngài Long Thọ phá chấp sanh tử trong Trung Quán Luận: Ai cũng cho sanh có trước, chết là sau. Thí dụ sanh có trước, khỏi cần tử mà có sanh thì sanh mới có trước được;

nếu khỏi cần tử mà có sanh thì cái sanh đó phải lia tử độc lập, sanh đó lia tử độc lập thì cái sanh đó không có tử.

Nhưng sự thật chúng tỏ không được, tất cả hiện tượng mình biết được đều có sanh phải có tử. Động vật, thực vật đều có sanh cũng phải có tử, chứ không có sanh mà có tử được. Thực tế đã chứng tỏ, nên nói sanh có trước là sai lầm. Sanh không thể có trước, vì sanh với tử không có lia nhau được, đó là tương đối mới có.

Hỏi: Trong tháng vừa rồi có 3 trận động đất. Có phải là nhân quả của loài người không?

Đáp: Phải, theo kinh nói là cộng nghiệp với biệt nghiệp, như động đất thì bị cộng nghiệp; động đất có người chết và có người không chết, nên mỗi người có nghiệp khác nhau. Như 50 người cùng đi trên một chiếc xe, khi xảy tai nạn thì 49 người chết còn lại một người không chết, người không chết là biệt nghiệp. Cho nên, Phật nói: “Trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, trong biệt nghiệp cũng có cộng nghiệp”.

Hỏi: Mình đã tin nhân quả, nếu có chuyện gì xảy ra cho mình trong cuộc đời như bị động đất, tai nạn xe hay bị ăn cướp,... mình không oán trách ai được. Như vậy có phải không?

Đáp: Phải rồi, không oán trách ai. Nói đúng là do cái nghiệp mình làm ra, mình gieo nhân thì phải chịu quả, nếu mình không gieo nhân làm sao có quả? Vừa rồi nói 49 người kia chết vì có gieo nhân chết, còn một người kia không chết là không gieo nhân chết.

Hỏi: Có Tu Sĩ ở Việt Nam nói: “Hội Long Hoa sắp tới, trời gạn người chết 7 còn 3, chết 2 còn 1”. Vậy như thế nào?

Đáp: Đó là nói bậy, Tu Sĩ dạy người ta như vậy thì phải bị tội địa ngục, vì không biết mà tự mình đoán bậy bạ.

- Còn có chỗ khác nói là tận thế thì sao?

- Như mình đang ở Cali, người ta đồn sẽ sụp đất, có người dời đi tiểu bang khác để tị nạn, tôi coi trong cuốn sách có người nói: “Chỗ nào sụp thì đến chỗ đó ở”, nhưng thật sự không có sụp. Nếu tin nhân quả thì khỏi cần lo những việc đó. Mình không có gieo nhân thì quả không thể đến được. Khi đã gieo nhân rồi, có muốn tránh cũng không thể tránh được.

Trong Đại tạng kinh có một công án dạy người ta tin nhân quả: Bà Thái hậu ở trong cung mất một hạt châu, hạt châu này có tiền không mua được. Vua bắt mọi người trong cung khám xét để coi ai lấy.

Thái hậu nói: Khỏi khám xét, mấy chục kiếp trước đến nay tôi không lấy đồ của người khác thì đồ của tôi không thể mất được, nó sẽ trở về.

Vài ngày sau Tôn giả A Nan lượm được biết của Thái hậu nên đưa cho vua, vua đưa lại cho Thái hậu.

Thái hậu nói với vua: Phải không! Tôi nói nó sẽ trở về mà!

Vua cười và nói: Tôn giả A Nan lượm thì nó trở về lại được, nếu người khác lượm làm sao nó lại trở về?

Thái hậu nói: Vua không tin sao? Vua đem đi liệng bất cứ ở chỗ nào rồi nó sẽ trở về.

Vua lấy hạt châu bỏ chỗ ngã tư đường mọi người thường qua lại, rồi sai người ngày đêm coi chừng, qua nhiều ngày có người thấy mà không lượm. Vua tự mình đem hạt châu liệng xuống biển, nhưng vài ngày sau, nhà bếp của hoàng cung làm thịt một con

cá thấy hạt châu của Thái hậu trong bụng con cá, rồi rửa sạch đem cho vua, vua đem cho Thái hậu.

Thái hậu nói: Phải không! Nó phải trở về mà!

Phật Thích Ca không có kiến lập chân lý. Tại sao? Vì chơn lý thì không có cái nào hơn cái lý này nữa mới là chơn lý. Vì không dùng cái nào để so sánh cao thấp hay dài ngắn hoặc lớn nhỏ, nếu so sánh được thì phải có số lượng.

Có số nào cao nhất không? Toán học không có số lớn nhất, thí dụ một người nói con số của tôi là tỷ tỷ, nhưng có thể lớn hơn con số đó 10 lần, vì sau cùng số đó chỉ thêm con số 0. Cứ thêm số 0 hoài từ một vòng địa cầu, hai vòng địa cầu, đến trăm ngàn triệu vòng địa cầu mà không có cuối cùng, nên không có cái nào lớn nhất được.

Chúng ta không có cái nào lớn, cao hơn hết. Vì không có con số nào lớn nhất, vì tất cả muốn so sánh thì phải có con số, nhưng không có con số lớn nhất làm sao tìm chơn lý cao hơn hết không ai bằng! Cho nên, tất cả tôn giáo kiến lập chơn lý đều bị người ta lật đổ.

Hỏi: Trước kia con chưa biết tu có đối xử tệ với một người, sau này con biết tu thì con thấy điều đó là quá. Vậy làm sao hết cái nhân quả đó?

Đáp: Nhân quả là ở trong chiêm bao, nếu ở trong chiêm bao thức tỉnh thì nhân quả đó hết, còn không thức tỉnh thì phải đi đầu thai mãi, tức là từ chiêm bao này qua chiêm bao khác không bao giờ hết.

Đang mở mắt chiêm bao không thể phán đoán được, nhắm mắt chiêm bao thì ai cũng có kinh nghiệm. Hai người tranh cãi trong chiêm bao, người này cho mình nói đúng, người kia cũng cho mình nói đúng; ở trong đó thì một người nói đúng một người nói sai, dẫu cho tranh cãi thắng được, nhưng khi thức tỉnh thì đầu còn đúng sai.

Hỏi: Chúng con bây giờ chưa ra khỏi chiêm bao, phải làm cách nào để không còn tranh cãi nữa?

Đáp: Phật Thích Ca dạy tham thiền là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì hết tranh cãi, vì bây giờ mình không chịu thực hành để mau thức tỉnh. Tham thiền là dẹp hết những che khuất để cho mau được thức tỉnh, che khuất là tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ.

Cho nên, phải dẹp cái không biết để dẹp cái đầu tiên là tìm hiểu, nhưng nhiều người tham thiền không chịu chấm dứt, còn muốn tìm hiểu thêm, nhất là tìm hiểu nghi tình, tưởng là đúng, tìm hiểu nghi tình được đại nghi hay tiểu nghi! Như thế là tìm hiểu rồi, chứ đâu phải chấm dứt tìm hiểu? Vì vậy mới nghịch tham thiền của Phật Thích Ca truyền dạy.

Trong xã hội, người nào hiểu biết nhiều cho là bậc trí thức. Ở trong Phật pháp người hiểu biết nhiều thì sở tri chướng nhiều. Vậy làm sao chấm dứt được tìm hiểu? Nếu không chấm dứt thì không thể ngộ, tức là không thức tỉnh ở trong mở mắt chiêm bao. Nên cứ chiêm bao này qua chiêm bao khác không chấm dứt. Như bây giờ mình chiêm bao con người, sau này có thể chiêm bao con chó, con mèo, con chuột,...

Hỏi: Như kiếp này tham thiền không ra khỏi chiêm bao có thể đầu thai chó hay heo. Nếu còn nhớ tham thoại đầu thì sao?

Đáp: Nếu còn nhớ tham thoại đầu thì giữ được thân người, chứ không đầu thai heo hay chó. Tại không nhớ tham thoại đầu (thoại đầu là chưa ý niệm khởi lên) thì ý niệm

khởi lên hoài, làm sao đến thoại đầu? Không có ý niệm nổi lên mới gọi là tham thoại đầu.

Nếu không có ý niệm nổi lên thì thành linh ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, gọi là kiến tánh thành Phật. Vậy làm sao bị mất thân người được! Người giữ được 5 giới (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu) cũng duy trì được thân người.

Hỏi: Chúng con gặp Tổ Sư thiền để tham thì cũng có duyên lành nhiều kiếp, nhưng hiện tiền 30 năm mà chưa biết đạo thì đã sống bao nhiêu thứ điên đảo, vậy phải tham bao lâu mới được?

Đáp: Gặp Tổ Sư thiền để tham tức là đã gieo trồng hạt giống Thiền tông đã nhiều kiếp rồi. Chỉ cần giây phút chấm dứt cái biết và không biết của bộ não thì sẽ được ngộ. Vì mình muốn tìm hiểu lo cho mình, lo cho con, cháu, chắt, ... cứ lo hoài làm sao chấm dứt được? Vậy làm sao đến thoại đầu? Nói là không lo nữa, nhưng điện thoại gọi đến không lo cũng không được! Có lo là có ý niệm nổi lên rồi, sao không khởi niệm được?

Hỏi: Giữ một niệm không sanh khởi suốt ngày đã miên mật rồi có phải không?

Đáp: Phải rồi.

- Chúng con sao khó giữ quá?

- Vì phải lo cho con cháu, điện thoại đến cũng phải lo. Nếu giữ được không biết thì không biết lo, tại giữ không biết không được thì phải lo. Phật dạy giữ cái không biết là để kéo dài cái không biết đó. Nếu mình kéo dài không biết một chút xíu, như tôi nói mỗi ngày mình kéo dài không biết được nửa phút thì hai ngày được một phút, một tháng được 15 phút, bốn tháng được 1 giờ, một năm được 3 giờ, ...

Cha mẹ lo cho con thì nhiều, còn con lo cho cha mẹ thì ít. Lúc trước tôi làm thầy thuốc ở Cà Mau, mấy ông già bà già mời tôi lại coi chừng nào chết? Vì bệnh lâu nên quá ngán.

Có ông chủ Quảng Hưng Long bình thường cầm chìa khóa tủ sắt tức là tiền cầm trên tay, khi bảo con cháu, người nào cũng đều tuân lời. Đến lúc ông bệnh nặng thì con giật chìa khóa lại, không cho nó cũng giật. Ông thừa cảnh sát.

Cảnh sát nói: Con ruột của ông mà sao lại thừa? Không giao chìa khóa cho con, vậy giao cho ai?

Ông ấy không có cách nào nói được, vì con không còn nghe lời nữa.

- Có đứa con đánh cha nó, nhưng vẫn còn thương con; rồi nó đi xa gửi thư về, trong thư nó đề là: “Phụ thân đại nhân”. Người cha nói với mọi người rằng: “Con của tôi có hiếu, vì coi tôi là phụ thân đại nhân”.

Hỏi: Hành khởi giải tuyệt là sao?

Đáp: Hành là thực hành, khởi là bắt đầu, tuyệt là chấm dứt, giải là hiểu, tức là khi bắt đầu thực hành tham thiền không tìm hiểu nữa.

Hỏi: Các sinh viên học ở trường, tìm hiểu và ghi nhớ. Vậy họ sống như thế có trái với cách sống tu Tổ Sư thiền không?

Đáp: Không có, không những không trái, mà tham thiền còn giúp cho việc học. Tôi dạy người ta cần phải tin tự tâm, nếu tin tự tâm đầy đủ thì năng lượng của tâm làm cái gì cũng được, không phải cần học hay cần ghi nhớ, vì năng lượng này đã có sẵn.

Có học sinh học lớp 11 trong lúc sắp thi lên lớp 12, theo ngày xưa thi không đậu thì phải đi lính. Mẹ của y bảo y phải ở nhà học, lúc đó chùa Từ Ân đã thiên thất, cha y dự thiên thất, cứ theo cha dự thiên thất, sau ngày giải thất là ngày thi.

Rồi đến ngày thi thì y cũng đi thi gặp bài toán cả lớp đều làm không được, những người kia phải suy nghĩ để làm, còn y không có suy nghĩ mà lại tham thiên, sau 10 phút y làm được đem trình lên là người đầu tiên, cuối cùng y không có học mà vẫn lên lớp.

Người ta hỏi sao lại được vậy? Y cũng không biết tại sao mình lại làm được. Vì lúc làm là do bộ óc không biết nên mới làm được. Bây giờ tôi gặp nhiều người cũng có năng lực này là bộ óc ngưng hoạt động thì vẫn tiếp tục làm công việc của bộ óc. Cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 nói: “Lúc bộ óc ngưng hoạt động càng lâu thì độ thiên càng sâu, nên hiện ra công năng càng lớn”.

-Có người nói: Mỗi ngày tôi phải đi làm việc thì làm sao tham thiên được?

Tôi nói: Một ngày ông làm việc 8 giờ phải không? Như vậy 8 giờ này đừng có tham thiên, còn lại 16 giờ tập tham thiên. Khi 16 giờ tập tham thiên đến lúc quen thì 8 giờ kia đang làm việc cũng tự động tham thiên.

Như có cô may đồ, lúc chưa tham thiên một ngày may được một bộ, khi tham thiên được tự động thì một ngày may được hai bộ, mà đường chỉ lại tốt hơn, nhưng cô ấy cũng không biết tại sao?

Ở Việt Nam mới giải phóng không có viết nguyên tử nhập khẩu, người ta lấy ruột mực hết đi bơm lại. Có thanh niên lúc chưa tham thiên một ngày bơm 40 cây viết, khi tham thiên được tự động thì bơm một ngày được 80 cây viết. Không những số lượng nhiều hơn, lại chất lượng cũng tốt hơn.

Cho nên, lúc đã thiên thất ở Từ Ân có người nói: **Tôi rất thích tham thiên, nhưng trong lu của tôi hết gạo, làm sao tôi tham thiên được?**

Tôi nói: Tôi dạy ông tham thiên, đâu phải không cho ông đi kiếm gạo? Vậy ông làm cái nghề nào cứ đi làm. Tham thiên không có chướng ngại ông kiếm gạo, lại còn giúp ông kiếm gạo. Vì sản xuất ra nhiều gấp bội thì gạo phải nhiều hơn gấp bội.

- Trên thực tế các học sinh không học thì không hiểu. Vậy như thế nào?

- Trên thực tế tham thiên đến mức độ đó thì làm được, không đến mức đó sao làm được? Đâu phải người nào cũng làm được! Khi dẹp bớt những che khuất mới làm được.

Như tôi đã thí dụ tham thiên là gió, cái biết của bộ não là mây đen che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trời dụ cho chơn tâm. Khi nào mình thổi tan mây đen được lỗ nhỏ, ánh sáng mặt trời từ lỗ nhỏ xuyên ra dùng được nên khỏi học mà làm được. Nếu thổi được lỗ lớn có công năng nhiều hơn, còn không chịu thổi thì mây đen che lại nên làm không được.

Cho nên, phải tiếp tục thổi mãi, như Phật Thích Ca giác ngộ là thổi hết mây đen không còn cái gì che khuất, mới có thần thông trí huệ vô lượng vô biên không có gì hạn chế. Còn mình không chịu thổi tan mây đen lại che thêm, làm sao ánh sáng mặt trời hiện ra được?

Hỏi: Pháp môn Tổ Sư thiên này cao nên đối với căn cơ thấp không thể tu được phải không?

Đáp: Không có cao, tôi đã nói con nít 6, 7 tuổi cho đến người già 60, 70 tuổi đều tham thiên được, làm sao nói là cao? Còn các pháp môn khác thì 6, 7 tuổi đâu làm được? Vì

muốn dùng cái biết nên mới khó, còn cái này cần cái không biết, nên con nít cũng làm được. Như người mù chữ cũng tu được, mà lại cần cái không biết.

Hỏi: *Tìm hiểu biết là tập khí của con người đã tích lũy nhiều kiếp, bây giờ mình dùng cái không biết phá nó, con nghĩ là pháp này cao. Như vậy thế nào?*

Đáp: Có khó là do nghịch với thói quen, nên phải tập tham thiền dần dần. Người trí thức còn khó hơn, tại họ chấp chỗ biết nhiều của họ. Vì vậy Phật pháp gọi là sở tri chướng.

Hỏi: *Bây giờ sự phát triển của mạng lưới internet, điện não những tài liệu dồn vào đầu óc người ta mà càng ngày càng nhiều, nhưng ai cũng cần phải biết thêm để ứng phó với cuộc sống, vì xã hội đang đi đến chiều hướng biết thêm. Nếu mình tham thiền cảm thấy không muốn biết, mà cái biết ở ngoài lại chen vô. Vậy làm thế nào?*

Đáp: Không muốn biết thì không được, vì có không muốn. Muốn và không muốn đều không có mới được, nếu chấp vào biên kiến “không muốn” là không được, vì đã lọt vào một bên. Mình tin tự tâm có đầy đủ năng lực đó thì dần dần mình dùng được năng lực đó. Nên duyên đến thì làm, chứ đừng nhất định phải làm hay không làm.

Hỏi: *Lúc chưa tham thiền còn tìm hiểu, khi tham thiền con không muốn tìm hiểu, hiện tượng này như thế nào?*

Đáp: Nếu không tìm hiểu thì tham thiền có tiến bộ sẽ đến mức tự động hóa, nên khỏi cần qua bộ óc mà làm việc tốt hơn bộ óc. Bây giờ chưa đến mức đó thì phải dùng bộ óc, như vừa rồi nói học sinh cứ học, chứ nghỉ học để tham thiền thì không được.

Dù nghi tình chưa tự động khởi thì mình làm nghề nào cứ làm, như trong Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 nói: “làm chức nghiệp nào thì mình làm theo chức nghiệp đó”. Không phải nhất định làm hay không làm! Vậy ăn cơm cứ ăn cơm, mặc áo cứ mặc áo, nói năng tiếp khách thì nói năng tiếp khách. Đâu phải bảo mình tất cả đều phải ngưng! Tức là tất cả đều vẫn bình thường không có đặc biệt.

- Bình thường của mọi người khác thì sao?

- Đó là thói quen, mà thói quen thì khó sửa. Người tâm lý học nước Nga dùng con chó thí nghiệm cái quen tự nhiên có làn sóng tin tức, như tất cả hiện nay là thời đại làn sóng tin tức. Người ấy muốn cho chó ăn thì gõ 3 cái mõ cho chó ăn, qua 3 ngày ông ấy gõ 3 cái thì bao tử con chó tự nhiên tiết ra axit để tiêu hóa đồ ăn, rồi cho ăn.

Khi chó thành thói quen, mà muốn sửa lại thói quen đó cũng gõ 3 cái nhưng không cho ăn, bao tử chó cũng tiết ra axit để tiêu hóa đồ ăn; 3 ngày sau cũng gõ 3 cái thì thói quen của chó mới hết. Như vậy thói quen không phải thành linh hết được, nên phải sửa từ từ mới hết. Như Lục Tổ kiến tánh triệt để muốn sửa thói quen cũng phải qua 15 năm.

Hỏi: *Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên là sao?*

Đáp: Quyết tâm tham thiền là bất biến, rồi tiếp khách là tùy duyên. Có người phản đối tham thiền, hoan nghênh, chửi mắng không mản tới. Lục Tổ dạy: “Những người không đồng ý kiến và không đồng hành thì chấp tay hoan hỷ”. Như Tô Đông Pha nói: “3 tiếng tốt là tạo nhân hoan hỷ”, nếu người ta có phản đối thì mình nói: “Tốt tốt tốt” cũng được, ấy là tùy duyên.

Có người cư sĩ được nhiều Tu Sĩ có trí thức kính trọng lễ bái, tôn vị đó làm thầy. Đáng lẽ Tu Sĩ làm thầy cư sĩ mới phải! Tôi không biết tại sao? Sau này, tôi biết là ông

đó nắm được tâm lý của con người. Vì ai cũng muốn phát biểu ý kiến của mình, ông là nhà bác học nên cái gì đều biết.

Như nghe người ta nói 3 câu không có ý nghĩa, tôi bảo họ ngưng; còn ông không phải vậy, người nào gặp ông nói chuyện thì cho là tri kỷ. Tại sao? Vì người ta nói thì ông chăm chú nghe hết, còn lại gật đầu. Cho nên, bất cứ người nào gặp ông thì bị thu phục, nhận làm tri kỷ. Nên ông làm được sự nghiệp lớn, thâu đường cao tốc ở Trung Quốc 6 tỷ Mỹ kim.

- Sư Phụ kể câu chuyện đó là để giải thích cái gì?

- Kể câu chuyện đó là nói về tùy duyên, khỏi cần chấp cái lý là tùy duyên thì có ích cho mình mà không có hại cho người.

Hỏi: Sinh viên cần học cứ học hay kỹ sư cần làm cứ làm, nhưng tham thiền chưa được automatic mà làm công chuyện thì phải cần suy nghĩ, ghi nhớ. Như vậy có đem tập khí vô thêm không, trong khi cái này chưa loại trừ ra?

Đáp: Vừa tham thiền và cần ghi nhớ để làm việc là công phu tiến bộ chậm, nên tập tham thiền lâu ngày cũng thành thói quen thì tự động tham trong khi làm việc. Như vừa rồi kể chuyện người Nga và con chó, khi tập lâu ngày trở thành thói quen.

- Tập cái không suy nghĩ còn khó hơn tập cái suy nghĩ phải không?

- Phải rồi! Ngồi yên một chỗ tĩnh tọa tham thiền vào cửa nhanh hơn, còn nói năng tiếp khách mà tham thiền vào cửa sẽ chậm hơn; tĩnh thì 2 tháng được vào cửa, còn ở trong động thì 3 năm mới được vào cửa, tức là khó hơn 10 lần. Nhưng 3 tháng được vào cửa thì 300 năm không được kiến tánh, còn 3 năm vào cửa thì 4 năm sẽ kiến tánh.

Tại sao? Vì 3 tháng vào cửa là lúc ngồi mới có thiền, khi đứng dậy là hết; còn ở trong động vào cửa thì ngồi cũng có thiền chút ít, đi cũng có thiền chút ít, nó không hết. Người ngồi có thiền làm sao ngày đêm ngồi được? Vì họ cũng phải có cuộc sống vậy. Người tham thiền trong động là theo cuộc sống.

Hỏi: Có phải mình chấp giữ giới để có định rồi mới có huệ?

Đáp: Nếu công phu tham chưa tự động thì phải chấp (nhớ giới điều để giữ). Có 3 cấp trì giới:

1. Giới bình thường thì nửa tháng bỏ tất tưng giới để cho mình nhớ thực hành.
2. Thiền giới tức là giữ được cái không biết thì mình không có phạm giới, nhưng công phu tham thiền chưa đến tự động 24/24 giờ ngày đêm thì vẫn còn phạm giới.
3. Người đã chứng quả thì không bao giờ phạm giới, gọi là đạo cộng giới tức là ngộ đạo.

Hỏi: Thiền là 5 phái, vậy 5 phái có phải Tổ Sư thiền không?

Đáp: Năm phái đều là Tổ Sư thiền, 5 phái là Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng; rồi sau này ở Trung Quốc chỉ còn Lâm Tế, Tào Động, còn 3 phái kia đều bị tuyệt truyền. Nhưng phái Pháp Nhãn ở Đại Hàn còn.

- Phái Pháp Nhãn ở Đại Hàn có phải chánh tông không?

- Phái Pháp Nhãn ở Đại Hàn là chánh tông, vì lúc đó vua Đại Hàn cho Tăng Sĩ qua học thiền của ngài Vĩnh Minh được 36 người ngộ đạo, rồi trở về nước truyền pháp đến ngày nay. Vua Đại Hàn cũng là đệ tử của ngài Vĩnh Minh. Nhưng sau này tông Pháp Nhãn biến thái là giải công án, vì do Nhật Bản cai trị nên bị ảnh hưởng, với trí thức ham tìm hiểu, để thỏa mãn bậc trí thức thành ra giải công án.

- Công án làm sao giải được?

- Thiền Sư giải công án được là hiểu theo bộ não nên người trí thức ưa thích, vì người trí thức giải thích không được. Giải công án là thấu công án, tức là đệ tử thấu một công án là trình cho thầy, thầy gật đầu rồi cho công án khác thấu thêm nữa, thấu cho đến 200 công án được làm Thiền Sư.

Lý Chính là người Mỹ đi Nhật Bản 3 năm để học thấu công án, sau này biết thấu cái đó không nhằm gì! Nên Thiền Lâm Tế, Tào Động của Nhật Bản và Đại Hàn phân nhiều đều thấu công án.

Hỏi: Cuốn sách diễn tả như thế này: Khi một người đệ tử được một công án, vào trình những hiểu biết với thầy, thầy bảo chưa được, đệ tử này đi ra lần sau vào trình, thầy nói cũng không đúng rồi đi ra, nhưng qua lần thứ 3 đệ tử vô, thầy cũng lắc đầu không cho nói, lần thứ 4 đệ tử mới vào cửa thì thầy cũng lắc đầu. Cho nên, người đệ tử suy nghĩ thắc mắc: “Mình tìm câu trả lời trình bao nhiêu lần mà thầy vẫn không bằng lòng đui ra”. Vậy, con nghĩ họ cũng có nghi tình?

Đáp: Nếu như vậy ngộ một công án là đủ rồi! Tại sao cần phải ngộ 200 công án được làm Thiền Sư? Tức là họ giải ngộ chứ không phải chứng ngộ, họ giải ngộ từng công án này qua công án khác. Nếu chứng ngộ là chỉ cần thấu một công án thì các công án khác cũng đều thấu.

Giải ngộ là hiểu biết của bộ não, còn chứng ngộ là lia bộ não; tức là dẹp hết biết và không biết của bộ não rồi được chứng ngộ. Không nhất định phải dùng công án mới được ngộ!

Hỏi: Như thế nào là Tổ Sư thiên của Lâm Tế?

Đáp: Người ta thường gọi: “Lâm Tế hét” là người tham học mới vào cửa thì Lâm Tế liền hét. Bất cứ người tham học có nổi ý gì thì Lâm Tế dùng cơ xảo chặn ngay, tức là khiến cho người tham học thành linh chấm dứt tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Ba cái biết này chấm dứt là đến thoại đầu rồi sẽ ngộ.

Người ta hình dung cơ xảo của Lâm Tế như sấm sét làm cho người giật mình, cơ xảo của Tào Động như Long Vương (ôn hòa), những cơ xảo chỉ chur Tổ kiến tánh mới biết, còn mình dùng bộ não để nhận biết là sai lầm. Tất cả những cơ xảo đều phải lia cái biết và không biết của bộ não thì được ngộ.

Hỏi: Thế nào là Tổ Sư thiên?

Đáp: Tổ Sư thiên là từ Tổ Từ Tổ ở trên truyền xuống, Phật Thích Ca truyền cho Ma Ha Ca Diếp là Tổ Sư đầu tiên, Ma Ha Ca Diếp truyền cho A Nan, từ Tổ từ Tổ truyền xuống nên gọi là Tổ Sư thiên.

Chữ “thiên” là tổng danh, bất cứ tu pháp môn nào đều cũng có thiên, tà ma ngoại đạo đều cũng có thiên. Nhưng Tổ Sư thiên khác hơn tất cả thiên, vì tất cả thiên khác là dùng thiên quán tưởng.

Thiên quán tưởng thì có năng quán sở quán tức là có mục tiêu để quán. Dùng bộ não là năng quán, rồi có mục tiêu làm sở quán. Tập trung tinh thần chỗ sở quán.

Như tông Thiên Thai có chỉ quán thiên là không, giả, trung. Ban đầu quán tất cả hiện tượng vũ trụ là giả, nhưng quán mãi không phải thật giả, rồi quán không nhưng không phải thật không, vậy không phải giả không phải không thì quán giữa không và giả là trung. Không, giả là hai đầu mà hai đầu không có thì làm sao có trung? Tức là đến thể chơn chỉ là cao nhất giống như với Tổ Sư thiên (khởi nghi tình).

Chỉ có 3 thứ:

1. Hệ duyên chỉ là buột cái phan duyên, chỉ là ngưng hoạt động của bộ não, dùng thiền quán buột tâm niệm ở ngay chỗ đơn điền; như con khi ở trên cây nhảy qua nhảy lại từ nhánh này sang nhánh kia, rồi cột nó lại một chỗ.
2. Tiến thêm là Tùy duyên chỉ tức là gặp cái này không trụ cái này, gặp cái kia không chấp cái kia.
3. Sau cùng cao nhất là Thở chơn chỉ, tức là thở cứu chơn như, giống như tham Tổ Sư thiền.

Người tham thiền là bước đầu tiên hỏi câu thoại là khởi nghi tình, còn cái kia chỉ quán đến cuối cùng rồi phát nghi tình, các thiền khác cũng vậy. Cho đến người tu Tịnh Độ vãng sanh Tây phương, Phật A Di Đà mới dạy ‘từ nghi đến ngộ’.

Kỳ thật, muốn tu thì phải có thiền, như Thật Tướng Niệm Phật của pháp môn Tịnh Độ bằng Tổ Sư thiền không cần vãng sanh, tức là tâm tịnh Phật độ tịnh.

Quán Tướng Niệm Phật là Pháp môn Tịnh Độ có 16 pháp thiền quán, như quán Phật A Di Đà cũng trong một pháp thiền của Tịnh Độ, cuốn kinh đó gọi là Quán Vô Lượng Thọ.

Trì Danh Niệm Phật là niệm đến nhất tâm bất loạn cũng là thiền.

Nhưng số người tu Tịnh Độ không nhìn nhận mình là thiền, mà lại bài xích thiền. Thái Hư đại sư nói: “Cốt tủy của đạo Phật là thiền”.

Hỏi: Tại sao Thiền quán tướng không ngộ?

Đáp: Vì Thiền quán tướng không có nghi, thiền quán tướng là tập trung chú ý một chỗ. Như người ta học thổi miên cũng vậy, nếu mình nhìn vào chỗ chấm đen nhỏ, nhìn lâu nó lớn bằng bánh xe thì sức tâm mạnh mới thổi miên người ta được.

Như Tịnh Độ quán Phật A Di Đà thì tập trung quán mãi, quán đến thành thì có Phật A Di Đà trước mắt, khỏi quán cũng có Phật A Di Đà. Nếu quán mất trời đã thành thì nửa đêm khởi quán được sáng như ban ngày.

Hỏi: Làm sao mình chuyên nghiệp được?

Đáp: Chuyên nghiệp là sức của tâm mình mạnh mới chuyên được nghiệp, chứ không phải tụng kinh bái sám mà chuyên nghiệp được. Như ở Việt Nam mới giải phóng, những người có tiền đi vượt biên, có tiền là do họ có tạo nhân lành, nhưng cũng có nhân xấu phải chịu khổ báo, cái khổ đó là ngày xưa họ làm cho người ta chết đói, nên họ phải chịu khổ chết đói, vì vượt biên ở trên biển ăn hết lương thực nên phải chết đói.

Thí dụ người không tu thì tâm lực là 1 độ, tu đến thành Phật là 1 triệu độ. Mình tạo cái nhân là 1 độ nhưng kiếp này không tu, mình chỉ hưởng phước kiếp trước được phát tài có tiền đi vượt biên, nhưng phải chịu khổ bị chết đói.

Tham thiền là tâm lực từ 1 độ lên đến 10 độ thì quả mạnh đến trước tuy là nhân mới tạo. Nếu đến 10 độ mà ngưng tham thiền thì quả 10 độ hết còn 9 độ, 9 độ hết còn 8 độ, từ từ xuống 1 độ rồi cũng phải chịu quả chết đói.

Nếu mình không ngưng tham thiền thì từ 10 độ tiến đến 1 triệu độ thành Phật. Cái nhân làm cho người ta chết đói vẫn còn, nhưng thành Phật phải độ chúng sanh thì những người bị chết đói được ưu tiên độ trước, nên cái nghiệp mới hết nên gọi là chuyên nghiệp.

Hỏi: Niệm Phật và tham thiền có sức tâm như thế nào?

Đáp: Niệm Phật sức tâm giống như tham thiền, nhưng lại yếu hơn tham thiền, vì còn bị che khuất là do còn dùng cái biết. Tổ Sư thiền là dùng cái không biết dẹp cái che khuất nên nó mạnh hơn. Nếu niệm Phật không phá ngã chấp mà họ tu cao thì bị tẩu hỏa nhập ma, tại họ đè nén tham sân si.

Tổ Sư thiền có một điều phá ngã chấp là: “Vô Sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Họ tập trung niệm Phật không phá ngã chấp thì quên tham sân si, nên tham, sân, si không phát lên. Như theo vật lý nếu mình đè mạnh chùng nào thì phản lực mạnh chùng nấy. Đến lúc tu mức cao bị ngoại cảnh tác động, không kiềm chế được thường bị trong 3 thứ là phát điên, ói máu, phá giới.

Nếu tâm mình xê xích một chút thì sức tâm hạ liền. Trong Thiền tông có công án:

- Sơ Tổ Luật tông là Đạo Tuyên trì giới rất nghiêm khắc, có tâm cảm ứng thiên thần trên trời xuống cúng dường mỗi ngày, ông chỉ dùng cơm ngô. Một Thiền Sư muốn thấy mặt mũi của thiên thần như thế nào? Nên đến chỗ Đạo Tuyên đợi qua giờ ngô không thấy thiên thần rồi trở về.

Thiên thần mới bắt đầu đến, Đạo Tuyên nói: Hôm nay ông mang thức ăn trẻ ngô sao tôi ăn được?

Thiên thần nói: Không phải tôi đến trẻ mà đến sớm, tại tòa nhà của ông có ánh sáng bao phủ nên tôi vô không được, bây giờ ánh sáng tan rồi tôi mới vô được.

Đạo Tuyên mới biết Thiền Sư vừa rồi có hào quang che khắp tòa nhà nên thiên thần vô không được.

- Một trụ trì kiến tánh, thần già lam muốn đánh lễ nhưng không thấy mặt được. Trì sự trong chùa thấy chiêm bao là thần già lam mách bảo: Tôi muốn thấy trụ trì để đánh lễ không biết làm sao để thấy được?

Trì sự nói: Ngày mai khi lúc ăn cơm trưa, ông đem thùng cơm lật úp lại.

Thần già lam làm y như vậy thì cơm đổ ra tứ tung, vị trụ trì nhìn thấy lớn tiếng rằng: “Cơm của Thích chủ sao làm đổ ra như vậy”? Thì hào quang của trụ trì sụp xuống nên thần già lam liền đánh lễ, sau đó hào quang phục hồi lại liền.

Hỏi: Tại sao Tu Sĩ phải ăn cơm ngô?

Đáp: Người cư sĩ lo làm ăn chỉ cúng dường buổi sáng, nếu chiều cư sĩ cúng dường, vậy cư sĩ không làm ăn sao? Khi ăn no thì ngồi thiền khó được, bụng đói ngồi thiền dễ hơn và tránh bớt sự tham ăn khỏi nuôi dưỡng vô minh. Nhiều lý do nên Phật mới chế ăn ngô.

Hỏi: “Phàm có lời nói thì không có nghĩa thật” và “49 năm ta chưa từng nói lời nào?” Vậy ý nghĩa hai câu ấy như thế nào?

Đáp: Văn tự lời nói là tương đối, còn chân tâm bất nhị không có tương đối, nên diễn tả không được. Muốn dùng phương tiện nên mới dùng lời nói, vì thế mới có tục đế và chân đế.

Hỏi: Thế nào là Đệ Nhất Nghĩa Đế?

Đáp: Đệ Nhất Nghĩa Đế là chân đế thì không thể nói được, vì không có tương đối, còn nói được là tục đế.

Đọc phần Bá Trượng ngữ lục:

- Thiện tri thức ham dạy người học tìm cầu tri giải, đó là thiện tri thức ma, vì chấp tri

giải; nếu phát tứ hoằng thệ nguyện, “nguyện độ hết tất cả chúng sanh rồi sau ta mới thành Phật”, đó là Bồ Tát phát trí ma, vì thệ nguyện không buông bỏ.

Nếu ham gieo trồng thiện căn như trì trai giữ giới, tu thiền học huệ cho đến ngồi đạo tràng thị hiện thành Chánh Đẳng Chánh Giác độ chúng sanh nhiều như số các sông Hằng thầy đều chứng quả Bích Chi Phật, đó là thiện căn ma, vì khởi tâm tham đắm.

Nếu đối với các pháp đều không tham nhiễm, diệu lý độc tồn, trụ trong thiền định thâm sâu không còn tiến lên nữa, đó là tam muội ma, vì đam mê cái vui thiền định; nếu chấp Niết Bàn chí thượng, ly dục tịch tịnh là nghiệp ma vì có sự tạo tác.

Nếu trí huệ thoát những lưới ma kể trên chưa triệt để thì dẫn cho hiểu được trăm ngàn kinh Phật thầy đều cận bã địa ngục, ví như muốn tìm “Phật tương tự” thì không có chỗ đúng. Như nay nghe nói chẳng chấp trước vào tất cả các pháp thiện, ác, có, không,... liền cho đó là rơi vào không, mà chẳng biết rằng bỏ gốc theo ngọn mới chính là rơi vào không.

Thế nào là bỏ gốc theo ngọn?

Cầu Phật, cầu Bồ Đề và tất cả pháp có, không,... là bỏ gốc theo ngọn. Hiện tại chỉ cần ăn đạm bạc tạm sống, mặc áo vá đỡ lạnh, khát thì bưng lấy nước uống, ngoài ra đối với tất cả pháp có, không, đều không có mây may nghĩ tưởng, người này dần dần sẽ có chút phần nhẹ nhàng sáng suốt.

Thiện tri thức chẳng chấp có, chẳng chấp không, thoát được mười câu ma ngữ (1) thì nói ra không trói buộc người, có nói lời nào ra cũng chẳng tự xưng là Thầy nói, cũng như tiếng dội trong hang, tiếng nói trùm khắp thiên hạ cũng không khẩu quá (lỗi khẩu nghiệp), đủ sức làm y chỉ cho người. Nếu nói ta biết thuyết, biết giải, nói ta là Hòa Thượng, người là đệ tử, lỗi đó đồng như ma thuyết.

Vô có nói rằng: Mắt thấy đạo còn là Phật hay chẳng là Phật, là Bồ Đề hay chẳng là Bồ Đề, là Niết Bàn hay chẳng là Niết Bàn, là giải thoát hay chẳng là giải thoát,... hoặc vô có nói ra một tri, một giải, hoặc giơ một cánh tay, dựng một ngón tay bảo là thiền, là đạo, những lời nói cử chỉ này trói buộc người không biết đến khi nào mới thôi, ấy là chồng thêm dây trói buộc Tỳ Kheo. Dẫn cho không nói cũng có lỗi. Thà làm thầy cho tâm, chẳng cho tâm làm thầy.

Giáo bất liễu nghĩa mới có Thiên Nhân Sư, có Đạo Sư. Trong giáo liễu nghĩa thì chẳng có Thiên Nhân Sư, chẳng cho pháp làm thầy. Nếu chưa thể y được sự chiếu soi nhiệm mầu của tự tánh, tạm y được giáo liễu nghĩa còn có phần thân cận, nếu là giáo pháp bất liễu nghĩa thì chỉ thích hợp để nói trước bọn người tục tai điếc.

Nay chỉ cần chẳng y trụ tất cả pháp có, không, chẳng trụ nơi chẳng y trụ, cũng không khởi cái tri giải về chẳng y trụ, đây gọi là đại thiện tri thức, cũng nói: “Chỉ có một mình Phật là đại thiện tri thức, không có người thứ hai, ngoài ra đều là ngoại đạo, cũng gọi là ma thuyết”.

Nay chỉ cần phá câu nói hai đầu (tương đối), chớ tham nhiễm việc mở trói và tất cả cảnh pháp có, không, ngoài ra không có ngữ cú nào khác để dạy người. Nếu nói có ngữ cú khác để dạy người, có pháp khác để cho người, đó gọi là ngoại đạo, cũng gọi là ma thuyết.

Cần phải biết lời giáo liễu nghĩa, lời giáo bất liễu nghĩa, cần phải biết lời tùy tục, lời nghịch tục, cần phải biết lời nói sống, lời nói chết, cần phải biết lời thuốc, lời bệnh, cần phải biết lời ví dụ thuận, lời ví dụ nghịch, cần phải biết lời nói chung, lời nói riêng.

Nói do tu hành được thành Phật, có tu, có chứng, là tâm là Phật, tức tâm, tức Phật, ... dù là do Phật thuyết nhưng đều thuộc về lời giáo bất liễu nghĩa, là lời tùy tục, là lời nói chung, là lời nhẹ như mang một lon một chén, là lời nói bên pháp uế, là lời ví dụ thuận, là lời nói chết, là lời nói trước kẻ phạm phu.

Chẳng cho do tu hành mà được thành Phật, không tu không chứng, phi tâm phi Phật, ... cũng là lời do Phật thuyết, nhưng thuộc về giáo liễu nghĩa, là lời nghịch tục, là lời nói riêng, là lời nặng như mang trăm tạ, là lời nói ngoài giáo tam thừa, là lời ví dụ nghịch, là lời nói về bên pháp tịnh, là lời nói sống, là lời nói trước người có quả vị.

Từ Tu Đà Hoàn trở lên cho đến Thập Địa, hề có lời nói đều thuộc về pháp trần cấu, hề có lời nói thuộc về bên phiền não, hề có lời nói thuộc về giáo bất liễu nghĩa. Giáo liễu nghĩa là trì, giáo bất liễu nghĩa là phạm, Phật địa không có trì phạm nên giáo liễu nghĩa và giáo bất liễu nghĩa đều chẳng cho.

Do mạ biết đất (tốt xấu), do trọc (đục) biết thanh (trong). Như nay cái giác chiếu soi nếu theo bên thanh mà xét thì có giác chiếu soi cũng chẳng phải thanh, không có giác chiếu cũng chẳng phải thanh, thanh cũng chẳng phải, không thanh cũng chẳng phải, tại vì thấy nước đục (trọc) mới nói lỗi của nước đục, nếu nước trong (thanh) thì đâu có gì để nói nữa, nói ra là làm nước đục rồi!

Nếu có cái hỏi của không hỏi thì cũng có cái nói của không nói, bởi Phật chẳng vì Phật mà nói pháp. Pháp giới bình đẳng chân như, không có Phật nào mà không độ chúng sanh, Phật chẳng trụ Phật gọi là chân phước điền.

Cần phải phân biệt lời chủ khách, nếu tham nhiễm tất cả cảnh pháp “có, không”, sẽ bị tất cả cảnh pháp có, không làm mê hoặc thì tự tâm là ma vương, chiếu dụng thuộc ma dân. Như nay cái giác chiếu soi chỉ cần chẳng y trụ vào tất cả các pháp có không, các pháp thế gian và xuất thế gian, cũng không trụ nơi chẳng y trụ, cũng không có tri giải về “không trụ nơi chẳng y trụ”.

Tự tâm là Phật, Phật là bất nhị, nếu chiếu dụng thuộc Bồ Tát. Cho tâm là chúa tể thì chiếu dụng là khách trần. Như nước nổi sóng thì chẳng chiếu soi vạn tượng, nếu nước trong lặng tịch chiếu, không lập năng sở, tự nhiên thấu suốt cổ kim, như nói: “Thần vô chiếu công, chí công thường tồn” (2), bậc người như thế được làm Đạo Sư ở khắp mọi nơi.

Tánh thức của chúng sanh là tánh keo sơn, luôn luôn dính mắc các pháp có không, vì chưa từng bước lên thêm bậc Phật; nên thỉnh linh cho uống thuốc huyền chỉ chẳng được, bỗng nghe lời nói xuất cách họ tin chẳng nổi. Cho nên đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề 49 ngày lặng lẽ tư duy, vì Phật tánh không có hình tướng số lượng, chẳng thể thí dụ, thực là khó nói.

Nếu nói chúng sanh cũng là phi báng Phật, Pháp, Tăng, nói chúng sanh không có Phật tánh cũng là phi báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói có Phật tánh là chấp trước báng. Nếu nói không Phật tánh là hư vọng báng.

Như nói về tứ cú kệ: Nói Phật tánh có là tăng ích báng (nói thêm), nói Phật tánh không là tổn giảm báng (nói bớt), nói Phật tánh cũng có cũng không là tương vi báng (trái ngược nhau), nói Phật tánh chẳng có chẳng không là hý luận báng (nói bông đùa).

Ban sơ nếu không nói thì không có hy vọng giải thoát, còn ban sơ nếu muốn nói lại sợ chúng sanh đuổi theo lời nói sanh ra kiến giải, lợi ít mà hại nhiều. Nên Phật nói: “Ta thà chẳng thuyết pháp, hãy mau nhập Niết Bàn”.

Nhưng sau đó tìm về chư Phật quá khứ, thấy các Ngài đều nói pháp tam thừa, nên Phật mới giả lập kệ pháp, giả lập danh tự, vốn chẳng phải Phật, nói với họ là Phật; vốn chẳng phải Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát, nói với họ là Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát,...

Biết họ gánh trăm tạ chẳng nổi tạm cho họ gánh một lon một chén, biết họ khó tin giáo liễu nghĩa tạm thời nói với họ bất liễu nghĩa, tạm được pháp lành còn hơn là pháp ác.

Vì thiện quả mãn rồi thì ác quả đến, được Phật thì chúng sanh đến, được Niết Bàn thì sanh tử đến, được sáng thì tối đến, tất cả chỉ là nhân quả hữu lậu đối đãi nhau, nếu muốn vượt qua sự đối đãi chỉ cần cắt đứt câu hai đầu (trương đối) thì chẳng bị số lượng hạn chế.

Phật tánh bất nhị, không Phật, không chúng sanh, không thân, không sợ, không cao, không thấp, không bình, không đẳng, không đi, không đến, chỉ cần chẳng chấp trước văn tự, cắt đứt hai đầu thì sự tương đối trói buộc chẳng được, khỏi bị khổ vui lôi kéo, khỏi bị sáng tối không chế.

Nói về lý thì chân thật cũng chẳng chân thật, hư vọng cũng chẳng hư vọng, vì không phải là vật có số lượng nên dụ như hư không, chẳng thể tu sửa. Nếu tâm có một chút tri giải liền bị số lượng dính mắc cũng như keo sơn, năm chỗ (ngũ uẩn) đều dính mắc thì bị ma vương nắm bắt được, chẳng được tự do về nhà.

Luận về giáo ngữ đều có 3 câu liền nhau là sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Sơ là bảo hộ phát thiện tâm, trung là chẳng chấp thiện tâm, hậu là chẳng trụ chỗ chẳng chấp. “Bồ Tát tức phi Bồ Tát thị danh Bồ tát”, “Pháp, phi pháp, phi phi pháp”, cũng như tất cả 3 câu trong kinh Kim Cang nghĩa đều như thế.

Nếu chỉ nói nghĩa một câu hoặc hai câu làm cho chúng sanh vào địa ngục là tội của Pháp Sư, nếu đồng thời nói cả nghĩa 3 câu mà họ hiểu lầm tự vào địa ngục thì việc ấy không liên can gì đến Pháp Sư.

Như nay nói cái giác chiếu soi là Phật của mình là sơ thiện, không chấp lấy cái giác chiếu soi này là trung thiện, cũng không có cái tri giải về sự không chấp lấy là hậu thiện. Những lời trên còn thuộc về Phật sau đức Nhiên Đăng, chỉ là không phạm cũng không thánh, chớ sai lầm nói Phật chẳng phải phạm chẳng phải thánh.

Sơ Tổ Trung Hoa nói: “Vô năng vô thánh là Phật thánh”. Nếu nói có thần thông biến hóa là Phật thánh thì chín phẩm tinh linh rồng, súc sanh,... cho đến các cõi trời cõi trên cũng có thần thông biến hóa, cũng biết được xưa nay trăm kiếp nhưng đâu được gọi là Phật!

Như A Tu La Vương thân gấp đôi núi Tu Di vô cùng to lớn, lúc cùng với trời Đế Thích giao chiến, tự biết sức không bằng bèn dất trăm muôn binh sĩ ẩn núp, thần thông biện tài cũng không ít nhưng cũng chẳng phải là Phật.

Giáo ngữ có cấp bậc ẩn hiển, cao thấp, lên xuống bất đồng. Lúc chưa ngộ chưa giải thoát, gọi là tham sân,... ngộ rồi gọi là Phật huệ, nên nói: “Không khác người thuở trước, mà chỉ khác hành vi thuở trước”.

Ghi chú:

(1) Mười câu ma ngữ: Là trước tâm, tham tâm, ái tâm, nhiễm tâm, sân tâm, chấp tâm, trụ tâm, y tâm, thủ tâm, luyến tâm.

(2) “Thần vô chiếu công, chí công thường tồn”: Thần dụ cho tự tánh, tự tánh bất nhị không có năng chiếu, sở chiếu nên nói “thần vô chiếu công”, nhưng không phải là

không có chiếu soi. Vì thể dụng của tự tánh cùng khắp không gian, thời gian nên nói “chí công thường tồn”.

Như Pháp Bảo Đàn nói: “Sơ, trung, hậu thiện dương” là sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đều bỏ hết, cuối cùng mới được trong sạch, mà có người giải nói là hoằng dương! Nghĩa 3 câu của kinh Kim Cang của Bá Trượng nói, tôi cũng lấy chỗ này để giải nghĩa 3 câu kinh Kim Cang, chứ không phải tôi bày đặt ra!

Nghĩa 3 câu kinh Kim Cang như: “Chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”, Phật nói: “Thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới”, Phật nói: “Đệ nhất ba la mật, tức phi đệ nhất ba la mật, thị danh đệ nhất ba la mật”. Kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều nghĩa 3 câu.

“Sơ, trung, hậu thiện dương” tức là chấp câu thứ nhất thật có thiện tâm là sơ thiện, rồi không chấp câu thứ nhất là trung thiện, câu thứ 3 thị danh tức là câu thứ nhất là giả danh, câu thứ nhì là giả danh và câu thứ ba giả danh cũng là giả danh (không chấp cái không chấp), nghĩa là chẳng trụ câu thứ nhất, chẳng trụ câu thứ nhì và chẳng trụ câu thứ 3 là cái nghĩa vô sở trụ.

Biết câu thứ nhất, câu thứ nhì sai thì cái biết đó là sản phẩm của bộ não đều cũng phải quét sạch. Nhưng mình đang sống trong mờ mắt chiêm bao thì ăn cơm chiêm bao, ở nhà chiêm bao, mặc quần áo chiêm bao, làm việc chiêm bao, nói chuyện chiêm bao.

Phật muốn mình ở trong mờ mắt chiêm bao thức tỉnh, khi được thức tỉnh là xong. Nếu chưa thức tỉnh mà truy cứu cái này đúng cái kia sai thì không được. Vì cái đúng sai ở trong chiêm bao đều không có nghĩa, thức tỉnh rồi tự nhiên hết.

Hỏi: Có phải Thầy nói: Đệ tử kiến tánh rồi về chùa độ bổn Sư phải không?

Đáp: Thần Tán gặp Bá Trượng được kiến tánh rồi trở về thầy Bổn Sư, thầy Bổn Sư vẫn bảo Thần Tán làm thị giả. Lúc Thầy tắm thì Thần Tán kỳ lưng và nói “tòa Phật đường tốt quá nhưng không có ánh sáng”, có lần Thầy coi kinh gần cửa dán giấy trắng trong, có con ong cứ bay vào tắm giấy tìm chỗ ra.

Thần Tán nói: Cửa mở sẵn không chịu đi ra mà dùi giấy làm chi? Dùi cho đến năm nào mới ra được? (Có ý nói Thầy coi kinh không thể ngộ).

Thầy nói: Ông đi về nói nhiều cái kỳ quá vậy? Ông từ 9 năm nay có gặp ai không?

Thần Tán nói: Gặp được Bá Trượng.

Thầy nói: Sao không nói sớm?

Rồi Thầy mời Thần Tán lên tòa ngồi tôn làm thầy và tự mình làm đệ tử, thỉnh Thần Tán khai thị, sau này ông cũng được kiến tánh.

Hỏi: Ngã và pháp là hai mặt đối lập, tức là cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không. Nếu ngã hết thì pháp làm sao còn? Như vậy các vị A La Hán là Tiểu thừa khi ngã hết thì sao còn chấp pháp?

Đáp: Tiểu thừa còn gọi là thừa Thanh Văn là đối với vật gọi là Chủ Quan Vật Luận, mục đích thừa này là muốn dẹp lục căn, vì lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra phiền não. Tiểu thừa là giai đoạn chấp ngã, Trung thừa là giai đoạn chấp pháp, Đại thừa là tâm và vật hợp một tức là phá được ngã chấp và pháp chấp lại chấp không là lọt vào không chấp.

- Nếu không có ngã làm sao chấp ngã chấp pháp?

- Không có ngã uẩn ngã nhưng có Niết Bàn ngã tức là chưa phá triệt để thì cũng còn ngã vậy. Đến Tối Thượng thừa thì mới hết chấp gọi là thật tướng.

Đại thừa phá ngũ uẩn ngã và pháp ngã, nhưng còn chấp cái không tức là ngũ uẩn ngã không có, pháp ngã cũng không có thì lọt vào cái không (còn ngã vi tế).

Tôi Thượng thừa là phi tâm phi vật tức là tâm cũng phá, vật cũng phá. Đại thừa còn có tâm với vật tương đối, tâm và vật dung thông chỉ là hợp một thôi.

Hỏi: Hàng nhị thừa sau này sẽ phá ngã chấp và pháp chấp để tiến lên Phật phải không?

Đáp: Định tánh Thanh Văn hay định tánh Bích Chi Phật không thể tiến lên Phật thừa được, vì họ còn ôm Niết Bàn cho là cuối cùng thì đâu có tiến lên gì nữa? Nên họ lọt vào trong 50 thứ ma ngũ âm. Nhưng sau này các vị định tánh Thanh Văn và Bích Chi Phật không phải vĩnh viễn như vậy, họ có thể ở một thời gian nào thì thay đổi định tánh của họ mới tiến lên Phật thừa.
